

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại.

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành VI	61	593	7.368	232	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm.

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành VI	1.657	1 (0,1%)	236 (14,2%)	1.065 (64,3%)	95,6%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

I. Ngành Y khoa hệ chính quy tích hợp dựa trên năng lực (từ khóa TS 2018 trở đi)

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học	Giới thiệu cho sinh viên biết rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và quy định hành nghề Bác sĩ đa khoa, chuẩn năng lực tối thiểu của Bộ Y tế, chuẩn năng lực đầu ra và lộ trình tích lũy, cấu trúc tổng quát chương trình đào tạo, phương pháp dạy/học và định hướng phát triển kỹ năng học tích cực.		HK1	Thi

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Sтт	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
2	Phát triển thể chất và Năng lực ngoại ngữ cơ bản	Giúp sinh viên đạt chuẩn bậc 3/6 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ (tương đương với cấp độ B1, Khung Năng lực Ngoại ngữ Châu Âu).		HK1,2,3	Thi
3	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành	Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và tổng quan về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về thế giới quan và phương pháp luận, các nguyên lý của học thuyết kinh tế về chủ nghĩa Tư bản, các nguyên lý của học thuyết khoa học về Chủ nghĩa xã hội. Có nền tảng ngoại ngữ vững chắc về tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan trong cơ thể như hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, và hệ xương đồng thời có kiến thức ngoại ngữ một số bài chuyên ngành về một số bệnh phổ biến trong các chuyên ngành Nội, Ngoại, Sản, Nhi như các bệnh tim mạch, một số bệnh lý về sản phụ khoa, nhi khoa.	14	HK1,2,3,4	Thi
4	Khoa học cơ bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản ứng dụng trong lĩnh vực y học	10	HK1	Thi
5	Từ phân tử đến tế bào	Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về sinh học phân tử, di truyền học, hóa sinh cơ sở và hoá sinh lâm sàng về cấu trúc và chức năng trong cơ thể người trong tình trạng bình thường và liên quan đến bệnh tật.	7	HK2	Thi
6	Từ tế bào đến mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tế bào, về cấu trúc và chức năng các mô trong cơ thể người trong tình trạng bình thường và liên quan đến bệnh tật.	5	HK2	Thi
7	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ miễn dịch và huyết học.	6	HK3	Thi
8	Hệ Hô hấp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ hô hấp. Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.	3	HK3	Thi

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
9	Hệ Tim mạch	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ tim mạch.	4	HK4	Thi
10	Hệ Cơ xương khớp	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ vận động.	3	HK4	Thi
11	Hệ Tiêu hóa	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ tiêu hóa.	4	HK5	Thi
12	Hệ Thận, Tiết niệu	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ thận tiết niệu.	3	HK5	Thi
13	Hệ Thần kinh, Nội tiết	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, hội chứng, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ tâm-thần kinh.	5	HK5	Thi
14	Hệ Sinh sản	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản hệ sản phụ khoa - SKSS.	3	HK6	Thi
15	Thực hành Y khoa	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực hành Y khoa	10	HK3,4	Thi
16	Y học gia đình	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên ngành Y học gia đình, các nguyên lý Y học gia đình, chức năng nhiệm vụ của bác sĩ gia đình. Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về tính chuyên nghiệp của bác sĩ và các nguyên lý trong thăm khám, tham vấn, chẩn đoán và điều trị tại tuyến chăm sóc ban đầu và y tế cơ sở.	2	HK7	Thi
17	Nội khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp ở VN, dược lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	18	HK6,7,8, 9,10	Thi
18	Ngoại khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý ngoại khoa thường gặp ở VN, dược lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	14	HK6,7,8, 9,10	Thi

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
19	Sản Phụ khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý sản khoa thường gặp ở VN, được lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	9	HK8,9,10	Thi
20	Nhi khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về triệu chứng học các bệnh lý nội khoa thường gặp ở VN, được lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	9	HK8,9,10	Thi
21	Y học cộng đồng 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cơ sở tâm lý y học và hành vi sức khỏe; tâm lý bệnh nhân, sức khỏe tâm lý và dự phòng. Các kiến thức cơ bản về GDSK-Dân số, kiến thức tổng quan về chuyên ngành Dinh dưỡng-VSATTP-SKMT-SKNN. Các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng.	9	HK6	Thi
22	Y học cộng đồng 2	Trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về các mô hình tổ chức hệ thống y tế trên thế giới, khu vực và Việt Nam; các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế và về kinh tế y tế, bảo hiểm y tế, các chương trình y tế quốc gia. Các kiến thức và tiếp cận mới về chăm sóc và quản lý y học thảm họa, chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp NCKH.	8	HK7,8,9,10	Thi
23	Huyết học và Ung bướu	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về bệnh học, lý luận chẩn đoán và điều trị bệnh lý hệ tâm-thần kinh, nội tiết, miễn dịch, huyết học. Trang bị những kiến thức cơ bản về bệnh học ung thư, bao gồm kiến thức về đại cương ung thư, dịch tễ, nguyên nhân và dự ung thư, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và dự phòng các loại ung thư thường gặp và điều trị một số triệu chứng của ung thư.	3	HK9,10	Thi
24	Cấp cứu đa khoa, GMHS	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cấp cứu đa khoa, GMHS.	4	HK9,10	Thi
25	Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về các cơ sở lý luận cơ bản YHCT, bệnh học, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh theo YHCT, các	5	HK9,10	Thi

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
		phương pháp điều trị bệnh không dùng thuốc. Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng đại cương về VLTL và PHCN bao gồm các phương pháp kỹ thuật cơ bản trong PHCN (VLTL, vận động trị liệu, dụng cụ...), phương pháp thăm khám lượng giá chức năng vận động và PHCN cho các dạng bệnh lý, khiếm khuyết thường gặp.			
26	Truyền nhiễm, Lao, Da liễu	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản về: Truyền nhiễm, Da liễu, Lao.	7	HK9,10	Thi
27	Tâm thần, Thần kinh	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản về: Tâm thần, thần kinh.	4	HK9,10	Thi
28	Mắt, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng	Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về cấu trúc và chức năng bình thường và bệnh lý, triệu chứng học, chẩn đoán và một số nguyên lý điều trị cơ bản về: Mắt, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng.	6	HK9,10	Thi
29	Thực hành Bệnh lý và điều trị Nội khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điều trị học các bệnh lý nội khoa thường gặp ở VN, được lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	3	HK11,12	Thi
30	Thực hành Bệnh lý và điều trị Ngoại khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản điều trị học các bệnh lý ngoại khoa thường gặp ở VN và các phương pháp điều trị mới.	3	HK11,12	Thi
31	Thực hành Bệnh lý và điều trị Sản Phụ khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điều trị học các bệnh sản phụ khoa thường gặp ở VN và các phương pháp điều trị mới.	3	HK11,12	Thi
32	Thực hành Bệnh lý và điều trị Nhi khoa	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về điều trị học các bệnh nhi khoa thường gặp ở VN, được lý học lâm sàng và các phương pháp điều trị mới.	3	HK11,12	Thi
33	Đề án học thuật Tốt nghiệp	Thực hiện theo QĐ 17/VBHN-BGDĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”	10	HK12	Thi

II. Ngành Răng-Hàm-Mặt hệ chính quy tích hợp dựa trên năng lực (từ khóa TS 2018 trở đi)

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
1	Giới thiệu ngành nghề, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập trong giáo dục Y học	Giới thiệu cho sinh viên biết rõ chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và quy định hành nghề Bác sĩ đa khoa, chuẩn năng lực tối thiểu của Bộ Y tế, chuẩn năng lực đầu ra và lộ trình tích lũy, cấu trúc tổng quát chương trình đào tạo, phương pháp dạy/học và định hướng phát triển kỹ năng học tích cực.		HK1	Thi
2	Phát triển thể chất và ngoại ngữ cơ bản	Giúp sinh viên đạt chuẩn bậc 3/6 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ (tương đương với cấp độ B1, Khung Năng lực Ngoại ngữ Châu Âu).	25	HK1,2,3	Thi
3	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành	Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và tổng quan về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về thế giới quan và phương pháp luận, các nguyên lý của học thuyết kinh tế về chủ nghĩa Tư bản, các nguyên lý của học thuyết khoa học về Chủ nghĩa xã hội. Có nền tảng ngoại ngữ vững chắc về tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan trong cơ thể như hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, và hệ xương đồng thời có kiến thức ngoại ngữ một số bài chuyên ngành về một số bệnh phổ biến trong các chuyên ngành Nội, Ngoại, Sản, Nhi như các bệnh tim mạch, một số bệnh lý về sản phụ khoa, nhi khoa.	14	HK1,2,3,4	Thi
4	Khoa học cơ bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản ứng dụng trong lĩnh vực y học	10	HK1	Thi
5	Từ phân tử đến tế bào	Có nền tảng khoa học vững chắc về sinh học tế bào, hóa sinh cơ sở và di truyền y học để ứng dụng trong thực hành y học.	8	HK2	Thi
6	Cấu trúc và chức năng cơ thể người	Có được một số kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu, hoạt động chức năng sinh lý của cơ thể người. Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản đó để học tốt các môn học cơ sở ngành, chuyên ngành trong thực hành nghề nghiệp bác sĩ RHM sau này.	8	HK2,3	Thi
7	Từ tế bào đến mô	Trang bị nền tảng khoa học vững chắc về mô phôi y học, giải phẫu bệnh, miễn dịch học, vi sinh y học và ký sinh trùng y học để ứng dụng trong thực hành y học.	14	HK3	Thi
8	Phát triển ngành nghề	Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăm sóc toàn diện, tính chuyên nghiệp và các kỹ năng tư vấn tham vấn của người bác sĩ. Đồng thời sinh viên được trang bị kiến thức về lịch sử phát triển chuyên ngành Răng Hàm Mặt.	3	HK3	Thi

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
9	Nội, Ngoại cơ sở, Điều dưỡng cơ bản	Sau khi học xong module này, sinh viên có kiến thức về một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản thường gặp trên lâm sàng, bao gồm các chỉ định, chống chỉ định, mục đích, nguyên tắc thực hiện, quy trình thực hiện, tai biến và cách phòng ngừa, xử trí các tai biến; có khả năng thực hiện được một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trong phòng thực tập tiền lâm sàng. Hiểu và trình bày được, từ đó vận dụng trong thực hành lâm sàng các kiến thức nội cơ sở cơ bản	6	HK3,4	Thi
10	Cơ sở miệng	Sau khi học xong module này sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc về y học cơ sở và bệnh học RHM để ứng dụng trong thực hành RHM an toàn và hiệu quả.	10	HK4,5	Thi
11	Nội, Ngoại bệnh lý và Chẩn đoán hình ảnh	Sinh viên có được một số kiến thức cơ bản về giải phẫu các cấu trúc cơ quan của cơ thể người. Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức sinh lý để học tốt các môn học cơ sở ngành, môn chuyên ngành... và trong thực hành nghề nghiệp sau này. Sinh viên có khả năng hiểu và ứng dụng được các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán, bao gồm chỉ định và phân tích hình ảnh. Sinh viên có khả năng hiểu và ứng dụng được trong thực tiễn các vấn đề về dược động học và dược lực học của thuốc trên lâm sàng. Chẩn đoán và xử trí được một bệnh lý nội khoa và ngoại khoa thường gặp.	6	HK5,6	Thi
12	Sản, Nhi	Sau khi học xong module này, sinh viên có được kiến thức cơ bản trong lĩnh vực sản phụ khoa: khám thai, chẩn đoán thai nghén, nhận diện một số trường hợp thai nghén nguy cơ cao; khám và chẩn đoán những vấn đề phụ khoa thường gặp	4	HK5,6	Thi
13	Thần kinh và Y học cổ truyền	Sau khi học xong module này sinh viên có kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền làm nền tảng cho y học lâm sàng, có kỹ năng cơ bản về các phương pháp điều trị theo Y học cổ truyền trong một số bệnh lý về răng hàm mặt. Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc và nâng cao sức khỏe về răng hàm mặt bằng Y học cổ truyền.	4	HK5,6	Thi
14	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 1	Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về hành vi sức khỏe vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao	6	HK5,6	Thi

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
		sức khỏe - Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của truyền thông giáo dục sức khỏe trong quá Trình thay đổi hành vi sức khỏe - Kỹ năng: Thực hiện được các Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe để thay đổi hành vi sức khỏe. Sử dụng được các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe.			
15	Bệnh học răng	Sau khi học xong module này, sinh viên có đạt được các mục tiêu sau: 1. Áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học và bệnh học trong nha khoa để thực hành RHM an toàn và hiệu quả 2. Áp dụng những nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chữa răng. 3. Nhận diện được răng và phát hiện các bất thường về giải phẫu của răng để ứng dụng trong điều trị và dự phòng. 4. Giải thích được những chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc và kỹ thuật điều trị tổn thương mô cứng của răng đáp ứng được yêu cầu chức năng và thẩm mỹ cho người bệnh.	9	HK5,6	Thi
16	Bệnh học nha chu	Sau khi học xong module này sinh viên có kiến thức cơ bản về cơ sở và bệnh lý nha chu làm nền tảng cho y học lâm sàng ngành răng hàm mặt, có kỹ năng cơ bản về chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh lý nha chu cơ bản. Ứng dụng được một số quy trình điều trị nha chu không phẫu thuật và phẫu thuật	8	HK5,6	Thi
17	Cơ sở hàm mặt	Sau khi học xong module này sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc về y học cơ sở (Giải phẫu, tia X nha khoa), các phương tiện và phương pháp phẫu thuật HM để ứng dụng trong thực hành RHM một cách an toàn và hiệu quả.	5	HK7,8	Thi
18	Bệnh học miệng	Sau khi học xong module này sinh viên có thể: - Áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở và bệnh học trong nha khoa để thực hành RHM an toàn và hiệu quả. - Giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc và chức năng vùng hàm mặt trong điều kiện bình thường và bệnh lý, cơ chế các triệu chứng, dấu chứng và hội chứng, các yếu tố ảnh hưởng (tại chỗ/toàn thân) lên các bất thường và bệnh lý RHM. - Trình bày được nguyên tắc, chỉ định, kỹ thuật những xét nghiệm lâm sàng và cận lâm sàng	7	HK7,8	Thi

Sтт	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
		thích hợp để áp dụng vào chẩn đoán bệnh lý răng miệng, hàm mặt. - Mô tả được những quy trình điều trị cơ bản (phẫu thuật và không phẫu thuật) để xử trí bệnh lý thông thường vùng hàm mặt. - Thực hiện được việc thăm khám, phát hiện và đánh giá các biểu hiện bình thường và bất thường RHM thường gặp. - Chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị phù hợp dựa vào bằng chứng và nhu cầu của bệnh nhân. - Giải thích được các kết quả của những xét nghiệm lâm sàng và cận lâm sàng sử dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý răng miệng, hàm mặt.			
19	Bệnh học tủy răng	Sau khi học xong module này, sinh viên có đạt được các mục tiêu sau: 1. Áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học và bệnh học trong nha khoa để thực hành RHM an toàn và hiệu quả 2. Giải thích được những chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc và kỹ thuật để điều trị phục hồi trong răng hàm mặt đáp ứng được yêu cầu chức năng và thẩm mỹ cho người bệnh. 3. Chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị phù hợp dựa vào bằng chứng và nhu cầu của bệnh nhân. 4. Tuân thủ những quy định về an toàn lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn. 5. Áp dụng những nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn trong hành nghề RHM. 6. Trình bày được nguyên tắc, chỉ định, kỹ thuật những xét nghiệm lâm sàng và cận lâm sàng thích hợp để áp dụng vào chẩn đoán bệnh lý răng miệng, hàm mặt.	5	HK7,8	Thi
20	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng	Sau khi học xong module này, sinh viên có khả năng trình bày được các loại vật liệu và dụng cụ trong phục hình cố định, hiểu được ảnh hưởng của hợp kim nha khoa của phục hình cố định đến môi trường miệng, nắm được quy trình các bước phục hồi răng mất, nắm được các khái niệm cắn khớp cơ bản trong phục hình, mô tả quy trình thực hiện phục hình cố định, thực hiện được kỹ thuật phục hình cố định trên mẫu.	6	HK7,8	Thi
21	Bệnh học cắn khớp	Sau khi học xong module này sinh viên có được kiến thức tổng quát về cơ sở và các bệnh lý cắn khớp, mối liên quan giữa lệch lạc răng-mặt và các bệnh lý của hệ thống nhai.	8	HK7,8	Thi
22	Bệnh học hàm	Sau khi học xong module này sinh viên có thể	6	HK7,8	Thi

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
	mặt	mô tả được những quy trình điều trị cơ bản gồm phẫu thuật và không phẫu thuật dị tật khe hở môi-vòm miệng. Sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách tiếp cận chẩn đoán và xử trí các bước cấp cứu ban đầu ở bệnh nhân ngừng tuần hoàn hô hấp; về những tính chất cơ bản và cách dùng của các thuốc mê, thuốc tê thường được sử dụng trong gây mê phẫu thuật răng hàm mặt; giải thích được ứng dụng các phương pháp gây mê, gây tê và giảm đau trong thực hành lâm sàng.			
23	Bệnh học răng trẻ em	Sau khi học xong module này, sinh viên có đạt được các mục tiêu sau: 1. Áp dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học và bệnh học trong nha khoa để thực hành RHM an toàn và hiệu quả 2. Giải thích được sự phát triển tâm sinh lý và hệ răng ở trẻ em. 3. Thực hiện được việc thăm khám, phát hiện và đánh giá các biểu hiện bình thường và bất thường răng hàm mặt thường gặp và thói quen có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe răng miệng. 4. Giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc và chức năng vùng hàm mặt trong điều kiện bình thường và bệnh lý, cơ chế các triệu chứng, dấu chứng và hội chứng, các yếu tố ảnh hưởng (tại chỗ/toàn thân) lên các bất thường và bệnh lý răng hàm mặt. 5. Giải thích được những chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc và kỹ thuật để điều trị phục hồi trong răng hàm mặt đáp ứng được yêu cầu chức năng và thẩm mỹ cho người bệnh 6. Giải thích được nguyên tắc điều trị của các thuốc thường sử dụng trong điều trị bệnh răng miệng và hàm mặt. 7. Mô tả được hoạt động dự phòng bệnh răng miệng và cách tổ chức thực hiện chăm sóc sức khỏe răng miệng cho cộng đồng.	4	HK9,10	Thi
24	Bệnh học mất răng	Sau khi học xong module này, sinh viên có khả năng trình bày được các loại vật liệu và dụng cụ trong phục hình tháo lắp, giải thích được sự thay đổi của hệ thống nhai ở bệnh nhân mất răng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện phục hình tháo lắp, mô tả quy trình thực hiện phục hình tháo lắp, thực hiện được kỹ thuật phục hình tháo lắp trên mẫu.	7	HK9,10	Thi
25	Chuyên khoa hệ	Sau khi học xong module này sinh viên có	6	HK9,10	Thi

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.P đánh giá SV
	ngoại và liên quan gần	được một số kiến thức cơ bản về giải phẫu và sinh lý các cơ quan mắt, da liễu, tai mũi họng. Chẩn đoán và trình bày được nguyên tắc điều trị các bệnh lý thông thường của cơ quan tương ứng.			
26	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2	1. Thiết lập các phương pháp đánh giá tình trạng sức khỏe răng miệng cộng đồng 2. Xây dựng kế hoạch và chương trình chăm sóc răng miệng để cải thiện tình trạng sức khỏe răng miệng cộng đồng 3. Trình bày được các phương pháp giám định trong pháp y và pháp nha. 4. Trình bày được vai trò của ngành y pháp và nội dung của công tác y pháp. 5. Trình bày được những dấu hiệu xảy ra sau khi chết và phương pháp xác minh sự chết. 6. Trình bày khái niệm và các bước tiến hành giám định thương tích, cưỡng dâm, ngạt, trúng độc. 7. Trình bày được ý nghĩa, tính chất và nội dung của bản giám định y pháp. 8. Trình bày được định nghĩa, phạm vi hoạt động và nhiệm vụ của pháp nha. 9. Trình bày được phương pháp phân tích vết cắn và nội dung của hồ sơ nha khoa.	8	HK9,10	Thi
27	Thực hành Nha khoa phục hồi tổng quát	Sau khi học xong module này sinh viên kỹ năng chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị phù hợp dựa trên tình trạng bệnh nhân. Đồng thời, quá trình thực hành sẽ giúp sinh viên thực hiện được các kỹ thuật điều trị nha khoa phục hồi tổng quát cơ bản cho bệnh nhân bao gồm: chữa răng nội nha, nha chu, phục hình. Bên cạnh đó, kiến thức cơ bản về bệnh học lão nha cũng được đưa vào nhằm để sinh viên biết cách khám và điều trị trên bệnh nhân lớn tuổi.	7	HK11,12	Thi
28	Thực hành Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật	Sau khi học xong module này sinh viên có được kiến thức tổng quát về cơ sở và các bệnh lý cắn khớp, mối liên quan giữa lệch lạc răng-mặt và các bệnh lý của hệ thống nhai.	6	HK11,12	Thi
29	Thực hành chỉnh hình răng mặt và nha cộng đồng	Sau khi học xong module này sinh viên được thực tập lâm sàng về dự phòng và chăm sóc răng miệng và thực địa cộng đồng cơ sở và điều trị chỉnh hình răng mặt	3	HK11,12	Thi
30	Tốt nghiệp (hoặc khóa luận tốt nghiệp)	Thực hiện theo QĐ 17/VBHN-BGDĐT về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”	10	HK12	Thi

III. Ngành Y khoa hệ chính quy (CT cũ, khóa TS 2017 trở về trước)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Những nguyên lý CB của Chủ Nghĩa Mác Lênin 1	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học, Kinh tế-chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác-Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Những nguyên lý CB của Chủ Nghĩa Mác Lênin 2	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
6	Sinh học	- Sinh học là môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, sinh học tế bào, quá trình phát triển của động vật và mối quan hệ giữa con người với môi trường. - Sinh học là môn học nền tảng đặc biệt trong trường Đại học Y Dược vì nó giúp giải thích một số vấn đề về y học dưới góc nhìn sinh học, từ đó cung cấp kiến thức cơ bản cho các môn chuyên ngành. - Các tiến bộ trong nghiên cứu các lĩnh vực sinh học đã làm nền tảng cho sự nghiên cứu giải phẫu hay quan sát các tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể con người.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
7	Di truyền học	+ Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền tế bào sử dụng trong chẩn đoán bệnh di	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		truyền. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen. + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể. + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các học phần sau (bệnh chuyển hóa, ung thư). + Mô tả được ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền.			
8	Lý sinh	Nắm được các nguyên lý Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học, hệ thống sống.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
9	Hóa học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của lý thuyết hóa học và ứng dụng của chúng trong chuyên ngành y. Từ đó, giúp cho sinh viên học tốt các môn y học cơ sở.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
10	Tin học đại cương và ứng dụng	Phần Tin học đại cương: - Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin. - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet. - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản WORD 2010 để xử lý các văn bản thông dụng. - Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL 2010 và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý số liệu, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị. Phần Tin học ứng dụng: + Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS. + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu. + Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị. + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê.			
11	Xác suất - Thống kê y học	+ Nắm được các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. + Nắm được một số ứng dụng của Xác suất trong chẩn đoán y khoa. + Nắm được các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác định được biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. Ứng dụng các Test thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
12	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về tâm lý y học, đạo đức y học trong hành nghề.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	Phần Truyền thông và GDSK: + Trình bày được những khái niệm cơ bản về hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe Phần Dân số học: + Nêu ra được các khái niệm cơ bản về dân số học và học thuyết dân số học. + Mô tả được cách tính các chỉ số dân số học	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		y tế + Trình bày được nội dung, mục tiêu và các giải pháp của Chiến lược DS SKSS ở Việt nam giai đoạn 2011-2020. + Nêu được các mô hình dự báo dân số và mô tả được mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế.			
14	Giải phẫu 1	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo tứ chi của cơ thể người bình thường và mô tả vị trí, hình thể, mối liên quan của xương, khớp, cơ, mạch máu và thần kinh tứ chi. - Trình bày được cấu tạo các cơ quan nằm ở vùng ngực, vùng bụng của cơ thể người bình thường. - Mô tả vị trí và mối liên quan của các cơ quan với nhau trong lồng ngực và ổ bụng. Trình bày được cấu tạo của da và các cơ quan phụ thuộc. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Giải phẫu 2	- Trình bày được cấu tạo hệ tiết niệu, sinh dục, đầu mặt cổ, các giác quan và thần kinh trung ương của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Mô phôi	Phần Mô học: - Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. - Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . - Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		hệ thống kiến thức Y học. Phần Phôi thai học: - Mô tả được sự phát triển bình thường của cá thể người từ khi phát sinh (từ lúc trứng thụ tinh) đến cuối thời kỳ phôi. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển, cấu tạo và chức năng các bộ phận phụ phôi thai. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển bình thường của các cơ quan về mặt tạo hình và tạo mô. - Biết nguyên tắc phân loại dị dạng bẩm sinh, giải thích được sự hình thành một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.			
17	Sinh lý 1	+ Trình bày được chức năng của tế bào và của máu cũng như chức năng của một số cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể: hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục. + Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Sinh lý 2	+ Trình bày được chức năng của một số cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể: tim, động mạch, thận, một số tuyến nội tiết (vùng dưới đồi, tuyến yên, tuyến giáp, tuyến tụy, tuyến thượng thận) và cơ chế điều hòa hoạt động của các cơ quan đó. + Trình bày được chức năng của noron và hệ thần kinh tự động.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Hóa sinh 1	- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. - Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch...và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Vi sinh	+ Trình bày được đặc điểm vi sinh y học; Mối quan hệ giữa vi sinh - cơ thể - môi trường. + Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi sinh học từng loại vi sinh vật gây bệnh.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Ký sinh trùng	- Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống.			
22	Giải phẫu bệnh	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý. - Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của chẩn đoán giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng. - Vận dụng được kiến thức về lý thuyết và thực hành để phân tích, nhận định và chẩn đoán Giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp ở người.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
23	Sinh lý bệnh – miễn dịch 1	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về các quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Dược lý 1	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của thuốc. - Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Dinh dưỡng-VSATTP-SKMT và SKNN	Phần Dinh dưỡng – VSATTP: - Trình bày được vai trò và nhu cầu của dinh dưỡng và thực phẩm đối với sức khỏe. - Nêu được các yếu tố nguy cơ do dinh dưỡng, thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Xác định được một số vấn đề dinh dưỡng phổ biến tại cộng đồng. - Xác định được việc giám sát đánh giá tình trạng dinh dưỡng và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại cộng đồng. Phần Sức khỏe môi trường và SKNN: - Mô tả những yếu tố nguy cơ từ môi trường tác động đến sức khỏe con người - Trình bày những tác hại từ môi trường lao động ảnh hưởng lên sức khỏe người lao động	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Trình bày những biện pháp nhằm giảm thiểu các tác hại từ môi trường đến sức khỏe cộng đồng. - Phát hiện được các vấn đề sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và nâng cao sức khỏe cộng đồng.			
26	Dịch tễ học	- Kiến thức: Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. - Kỹ năng: Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng + Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch ở CD. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong YTCC.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Điều dưỡng cơ bản	- Trình bày được các kiến thức về sơ cứu nạn nhân điện giật, chết đuối, say nắng, say nóng; vô khuẩn tiết khuẩn; và các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Chẩn đoán hình ảnh	- Kiến thức - Nêu được các lợi ích và hạn chế của những phương pháp hình ảnh - Mô tả được các hình ảnh bình thường và bất thường trên hình ảnh X quang và siêu âm - Kỹ năng - Đọc được kết quả X quang, siêu âm một số bệnh lý thông thường - Thái độ, chuyên cần - Tư vấn cho bệnh nhân, hoặc trực tiếp chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh hiện có - Tham dự đọc hình ảnh 100%	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Thực tập cộng đồng 1	* Kỹ năng: - Tiếp cận được các cộng đồng dân cư - Mô tả được các điều kiện sống tại hộ gia đình - Thu thập được một số chỉ số môi trường, dinh dưỡng và sức khỏe - Đánh giá được các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, lao động nghề nghiệp - Truyền thông được một số vấn đề sức khỏe liên quan đến môi trường, dinh dưỡng. - Viết được bản báo cáo của đợt thực tập *Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và dinh dưỡng đối với sức khỏe.	2	HK6	Sinh viên làm báo cáo cá nhân, báo cáo nhóm
30	Nội cơ sở 1	Kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng và hội chứng cơ bản của nội khoa (toàn thân và các hệ cơ quan).	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
31	Nội cơ sở 2	Kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng và hội chứng cơ bản của nội khoa (toàn thân và các hệ cơ quan).	3	HK5	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
32	Ngoại cơ sở 1	- Kiến thức + Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp - Kỹ năng + Thực hiện được các động tác thăm khám một số các cơ quan đối với một số bệnh lý ngoại khoa + Phát hiện được các triệu chứng thường gặp của một số bệnh lý ngoại khoa - Thái độ + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong thăm khám bệnh nhân	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Ngoại cơ sở 2	- Kiến thức + Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Mô tả các bước thăm khám cơ bản. - Kỹ năng + Thực hiện được các động tác thăm khám một số các cơ quan đối với một số bệnh lý ngoại khoa + Phát hiện được các triệu chứng thường gặp của một số bệnh lý ngoại khoa - Thái độ + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong thăm khám bệnh nhân	2	HK6	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
34	Nội bệnh lý 1	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội khoa	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Nội bệnh lý 2	Chẩn đoán và xử trí các bệnh lý nội khoa thông thường	2	HK6	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
36	Nội bệnh lý 3	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội khoa.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Nội bệnh lý 4	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội khoa.	3	HK7	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
38	Nội bệnh lý 5	Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội khoa	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Ngoại bệnh lý 1	- Kiến thức + Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Kỹ năng + Chỉ định được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết đối với một số bệnh ngoại khoa hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu + Chẩn đoán xác định một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu - Thái độ + Nhận thức được tầm quan trọng của việc chẩn đoán bệnh cũng như thái độ xử trí + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong chẩn đoán và điều trị			
40	Ngoại bệnh lý 2	- Kiến thức + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Tóm tắt được thái độ xử trí một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp - Kỹ năng + Đề xuất được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết đối với một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Chẩn đoán xác định một số bệnh lý ngoại khoa một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp - Thái độ + Nhận thức được tầm quan trọng của việc chẩn đoán cũng như thái độ xử trí một số bệnh thông thường. + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong chẩn đoán và điều trị	3	HK7	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
41	Ngoại bệnh lý 3	- Kiến thức + Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ vận động và thần kinh sọ não + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ vận động và thần kinh sọ não + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên - Kỹ năng + Chỉ định được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết đối với một số bệnh ngoại khoa hệ vận động và thần kinh sọ não + Chẩn đoán xác định một số bệnh lý ngoại khoa về hệ vận động và thần kinh sọ não - Thái độ + Nhận thức được tầm quan trọng của việc chẩn đoán bệnh cũng như thái độ xử trí + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong chẩn đoán và điều trị	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
42	Phụ sản 1	Mục tiêu bao gồm những vấn đề chính Sản phụ khoa cơ sở và một số bệnh lý thường gặp trong sản khoa.	3	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Phụ sản 2	Kiến thức: Mô tả được các bước khám thai, khám phụ khoa, khám vú Kỹ năng: Thực hành thăm khám thai, đỡ đẻ, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh; Thực hiện được các bước chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và sau đẻ. Thái độ: Biết tôn trọng khách hàng	3	HK8	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
44	Phụ sản 3	Kiến thức: - Mô tả các dấu hiệu, triệu chứng của một số trường hợp sản khó và các cấp cứu sản khoa - Trình bày được các nguyên nhân của chảy máu trong sản khoa và chảy máu sau đẻ Kỹ năng: - Khám và phát hiện được các ngôi thai bất thường - Chuyển tuyến thích hợp, Huy động cộng đồng chuyển tuyến cho bà mẹ có yếu tố nguy cơ. Thái độ: - Động viên, chia sẻ, và tôn trọng tính cá biệt trong từng trường hợp thai nghén cấp cứu. - Khẩn trương cấp cứu ban đầu và chuyển tuyến thích hợp.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Nhi khoa 1	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được chiến lược điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.	3	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
46	Nhi khoa 2	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được chiến lược điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.	3	HK8	Thi cuối kỳ: Tự luận (tư duy phân tích tình huống giả định, tìm cách giải quyết vấn đề và đưa ra được chiến lược trong điều trị bệnh).
47	Nhi khoa 3	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học,	2	HK8	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được chiến lược và các bước cụ thể trong quy trình điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.			Trắc nghiệm
48	Truyền nhiễm	- Kiến thức: sinh viên nắm được kiến thức về bệnh học Truyền nhiễm bao gồm: đặc điểm dịch tễ, tác nhân gây bệnh, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp. - Kỹ năng: sinh viên thực hành được các kỹ năng tư vấn, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp. - Thái độ: sinh viên hiểu được mức độ phổ biến và tầm quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng của bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam.	3	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Y học cổ truyền	- Nắm được các học thuyết của YHCT - Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị theo YHCT - Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc và nâng cao sức khỏe bằng YHCT	3	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
50	Lao	- Trình bày được đặc điểm bệnh lao hiện nay - Trình bày được các triệu chứng nghi lao - Nắm được nguyên tắc và phác đồ điều trị lao của chương trình chống lao quốc gia - Nhận thức được tầm quan trọng của bệnh lao trong cộng đồng và tư vấn được các biện pháp phòng ngừa bệnh lao.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Răng - Hàm - Mặt	- Trình bày được cơ bản về bệnh lý, nguyên tắc điều trị và phương pháp dự phòng các bệnh răng miệng thông thường. - Trình bày được nguyên tắc sơ cứu giảm đau và hướng điều trị thực thụ các cấp cứu Răng - Hàm - Mặt thường gặp.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Tai mũi họng	Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh thông thường trong TMH Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức để xử trí các bệnh thông thường trong TMH Thái độ: Hướng dẫn việc phòng các bệnh thông thường TMH trong cộng đồng	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
53	Mắt	1. Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp 2. Chẩn đoán được một số bệnh mắt thông	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		thường 3. Sơ cứu và điều trị được một số bệnh mắt thông thường 4. Hướng dẫn chăm sóc mắt ban đầu tại cộng đồng			
54	Da liễu	- Kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức về các bệnh da liễu thường gặp bao gồm: dịch dễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị cơ bản. - Thái độ: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng. Làm bài tập theo nhóm và thuyết trình - Kỹ năng: Thực hành khám và điều trị các bệnh thông thường	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
55	Phục hồi chức năng	Chương trình nhằm giúp cho các bác sĩ đa khoa có kiến thức cơ bản về chuyên ngành VLTL-PHCN để góp phần vào thăm khám phát hiện, điều trị, phòng ngừa khuyết tật, nhằm giúp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của nhân dân.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
56	Thần kinh	Phát hiện và chẩn đoán được một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
57	Tâm thần	+Trình bày được các triệu chứng và hội chứng của các rối loạn tâm thần thường gặp + Kể ra được một số yếu tố khởi phát, các thể bệnh, diễn tiến lâm sàng và tiên lượng của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Mô tả được các cách phòng ngừa và các dấu hiệu tái phát của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Mô tả và minh họa được các tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp + Trình bày, minh họa và giải thích được cơ chế tác dụng, phân loại, chỉ định và các tác dụng phụ thường gặp của một số loại thuốc hướng thần như thuốc chống loạn thần, thuốc chống trầm cảm, thuốc chỉnh khí sắc, thuốc chống lo âu. + Phân tích được các chỉ định của một số phương pháp điều trị được sử dụng trong thực hành lâm sàng tâm thần học. + Phân tích được một trường hợp lâm sàng: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
58	Ung thư	sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về ung thư bao gồm: đại cương về ung thư đặc điểm dịch tễ và nguyên nhân sinh ung thư, dự phòng ung thư, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và phân giai đoạn bệnh, điều	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		trị và theo dõi các loại ung thư thường gặp.			
59	Tiền lâm sàng 1	Tiền lâm sàng nội: Kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng và hội chứng cơ bản của nội khoa (toàn thân và các hệ cơ quan). Tiền lâm sàng ngoại: - Kiến thức + Trình bày được cách khám một số cơ quan trong cơ thể - Kỹ năng + Chuẩn bị được bệnh nhân chờ khám bệnh + Thực hiện được việc thăm khám các cơ quan chủ yếu nhằm mục đích phát hiện được các triệu chứng - Thái độ + Tôn trọng các quy định về đạo đức và ứng xử trong chẩn đoán bệnh	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
60	Tiền lâm sàng 2	Tiền lâm sàng nhi: Trình bày được nguyên tắc và các bước thăm khám các hệ thống cơ quan trong lĩnh vực nhi khoa. Tiền lâm sàng sản: Mục tiêu bao gồm những vấn đề chính về kỹ năng thăm khám sản phụ khoa và phòng chống nhiễm khuẩn trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
61	Y học gia đình	+ Trình bày được các khái niệm và các nguyên lý của Y học gia đình; chức năng nhiệm vụ của bác sĩ gia đình. + Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình. + Trình bày được các kỹ năng giao tiếp cần thiết của bác sĩ gia đình. + Mô tả các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe và nội dung chăm sóc sức khỏe hộ gia đình. + Trình bày các nội dung quản lý sức khỏe trong Y học gia đình.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
62	Chương trình y tế quốc gia - Tổ chức và quản lý y tế	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CSBVSK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia + Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế + Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý y tế, thực hiện các chương trình y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK nhân dân	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
63	Thực tập cộng đồng 2	1. Mô tả được mô hình tổ chức của 1 Trung tâm y tế (TTYT) huyện và 1 Trạm y tế xã cùng với mạng lưới công tác viên y tế thôn.	2	HK10	Sinh viên làm báo cáo cá nhân, báo

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		2. Mô tả được hoạt động khám chữa bệnh và dự phòng của 1 TTYT huyện và 1 trạm y tế xã. 3. Mô tả được tình hình sức khỏe bệnh tật và tình hình sử dụng dịch vụ y tế của TTYT huyện và trạm y tế xã trong năm qua và xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên; từ đó xây dựng được một bản kế hoạch y tế can thiệp cho năm tới. 4. Mô tả được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và đề xuất các biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp ở cộng đồng. 5. Mô tả và đánh giá được các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) được thực hiện tại Trạm y tế xã. 6. Xác định vấn đề ưu tiên liên quan đến lĩnh vực CSSKSS tại địa phương và thực hiện truyền thông GDSK liên quan đến vấn đề ưu tiên trong CSSKSS tại cộng đồng. 7. Đưa ra những giải pháp khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình CSSKSS tại địa bàn thực tập.			cáo nhóm
64	Phương pháp NCKH	+ Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH). + Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
65	Y học thảm họa	- Trình bày những khái niệm hiện nay về thảm họa và quản lý y học thảm họa. - Nhận ra thực trạng của sức khỏe trong và sau thảm họa, đặc biệt trên đối tượng dễ bị tổn thương và giải pháp cho các vấn đề này. - Trình bày được vấn đề liên quan đến quản lý một số nội dung chăm sóc sức khỏe trong và sau thảm họa ưu tiên như: quản lý các biện pháp vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, hậu quả tâm lý sau thảm họa và điều trị sơ cấp cứu trước bệnh viện...	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
66	Gây mê hồi sức	+ Trình bày được các kỹ thuật gây mê và gây tê. + Nêu được mục đích và cách thăm khám, đánh giá tình trạng bệnh nhân trước khi gây mê, gây tê. + Kể và nêu được các triệu chứng của các biến chứng gây mê và gây tê có thể xảy ra trong và sau phẫu thuật.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Mô tả được các biểu hiện lâm sàng để chẩn đoán và cách xử trí các trường hợp cấp cứu: Ngừng tuần hoàn - hô hấp, sốc phản vệ và dạng phản vệ, các rối loạn nước - điện giải, rối loạn thăng bằng kiềm - toan.			
67	Pháp y	+ Mô tả được vai trò của ngành y pháp trong lĩnh vực y học và pháp luật. + Trình bày được những kiến thức cơ bản của ngành y pháp trong công tác giám định pháp y. + Kể ra được cách ứng xử, trách nhiệm và cách xử lý của người bác sĩ khi có yêu cầu của các cơ quan pháp luật.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
68	Nội bệnh lý 6	Chẩn đoán và xử trí các bệnh lý nội khoa	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
69	Nội bệnh lý 7	Chẩn đoán và xử trí các bệnh lý nội khoa	2	HK11	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
70	Nội bệnh lý 8 (Cấp cứu đa khoa)	+ Đặc điểm sinh lý bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh. + Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng + Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt + Nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu: gồm chẩn đoán và điều trị các bệnh Cấp cứu đa khoa.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
71	Nội bệnh lý 9 (Huyết học truyền máu)	Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về Huyết học tế bào, đông máu, chỉ định và theo dõi, xử trí khi truyền máu.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
72	Ngoại bệnh lý 4	+ Trình bày được nguyên tắc điều trị của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu + Liệt kê được các phương pháp điều trị và chỉ định của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu + Nêu được các tai biến, biến chứng của các phương pháp điều trị một số bệnh lý ngoại khoa về hệ tiêu hóa, tiết niệu và lồng ngực mạch máu	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
73	Ngoại bệnh lý 5	+ Mô tả đặc điểm bệnh lý của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Nêu được các phương pháp điều trị một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp	2	HK11	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
74	Ngoại bệnh lý 6 (Phẫu thuật thực hành)	Nắm vững các nguyên tắc chung và kỹ thuật cơ bản của các chuyên ngành ngoại khoa tiêu hóa, tiết niệu, chấn thương, thần kinh và lồng ngực mạch máu.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
75	Phụ sản 4	- Kể được các nguyên nhân gây các bệnh lý thường gặp trong phụ khoa	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Nắm vững cách phát hiện, phương pháp tầm soát và hướng điều trị - Nêu lên được các phương thức dự phòng cho từng bệnh			
76	Phụ sản 5	- Kể được các vấn đề về sức khỏe sinh sản, các biện pháp truyền thống, tư vấn - Liệt kê các phương pháp kế hoạch hóa gia đình - Nêu lên được các cách để có thể tư vấn cho khách hàng về phương pháp kế hoạch hóa gia đình	2	HK12	Thi lâm sàng bằng vấn đáp
77	Nhi khoa 4	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được chiến lược và các bước cụ thể trong quy trình điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
78	Nhi khoa 5	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em + Trình bày được chiến lược và các bước cụ thể trong quy trình điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.	2	HK12	Thi lâm sàng bằng vấn đáp

IV. Ngành Răng - Hàm - Mặt hệ chính quy (CT cũ, khóa TS 2017 trở về trước)

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Những nguyên lý CB của Chủ Nghĩa Mác Lênin 1	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học, Kinh tế-chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác-Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Những nguyên lý CB của Chủ Nghĩa Mác Lênin 2	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí	- Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá	2	HK3	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	Mình	trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.			Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
6	Sinh học	- Sinh học là môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, sinh học tế bào, quá trình phát triển của động vật và mối quan hệ giữa con người với môi trường. - Sinh học là môn học nền tảng đặc biệt trong trường Đại học Y Dược vì nó giúp giải thích một số vấn đề về y học dưới góc nhìn sinh học, từ đó cung cấp kiến thức cơ bản cho các môn chuyên ngành. - Các tiên bộ trong nghiên cứu các lĩnh vực sinh học đã làm nền tảng cho sự nghiên cứu giải phẫu hay quan sát các tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể con người.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
7	Di truyền học	+ Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền tế bào sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen. + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		nhhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể. + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các học phần sau (bệnh chuyển hóa, ung thư). + Mô tả được ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền.			
8	Lý sinh	Nắm được các nguyên lý Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học, hệ thống sống.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
9	Hóa học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của lý thuyết hóa học và ứng dụng của chúng trong chuyên ngành y. Từ đó, giúp cho sinh viên học tốt các môn y học cơ sở.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
10	Tin học đại cương và ứng dụng	Phần Tin học đại cương: - Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin. - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet. - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản WORD 2010 để xử lý các văn bản thông dụng. - Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL 2010 và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý số liệu, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị. Phần Tin học ứng dụng: + Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS. + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị. + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê.			
11	Xác suất - Thống kê y học	+ Nắm được các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. + Nắm được một số ứng dụng của Xác suất trong chẩn đoán y khoa. + Nắm được các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác định được biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. Ứng dụng các Test thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
12	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về tâm lý y học, đạo đức y học trong hành nghề.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	Phần Truyền thông và GDSK: + Trình bày được những khái niệm cơ bản về hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe Phần Dân số học: + Nêu ra được các khái niệm cơ bản về dân số học và học thuyết dân số học. + Mô tả được cách tính các chỉ số dân số học y tế + Trình bày được nội dung, mục tiêu và các giải pháp của Chiến lược DS SKSS ở Việt nam giai đoạn 2011-2020. + Nêu được các mô hình dự báo dân số và mô tả được mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Giải phẫu 1	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Trình bày được cấu tạo tứ chi của cơ thể người bình thường và mô tả vị trí, hình thể, mối liên quan của xương, khớp, cơ, mạch máu và thần kinh tứ chi. - Trình bày được cấu tạo các cơ quan nằm ở vùng ngực, vùng bụng của cơ thể người bình thường. - Mô tả vị trí và mối liên quan của các cơ quan với nhau trong lồng ngực và ổ bụng. Trình bày được cấu tạo của da và các cơ quan phụ thuộc. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.			
15	Giải phẫu 2	- Trình bày được cấu tạo hệ tiết niệu, sinh dục, đầu mặt cổ, các giác quan và thần kinh trung ương của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Mô phôi	Phần Mô học: - Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. - Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . - Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học. Phần Phôi thai học: - Mô tả được sự phát triển bình thường của cá thể người từ khi phát sinh (từ lúc trứng thụ tinh) đến cuối thời kỳ phôi. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển, cấu tạo và chức năng các bộ phận phụ phôi thai. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển bình thường của các cơ quan về mặt tạo hình và tạo mô. - Biết nguyên tắc phân loại dị dạng bẩm sinh, giải thích được sự hình thành một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
17	Sinh lý	- Trình bày được chức năng của tế bào và của máu cũng như chức năng của một số cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, thận, hệ nội tiết, hệ sinh dục và hệ thần kinh trung ương. - Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Hóa sinh	- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. - Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng vào các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và vào nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Vi sinh	+ Trình bày được đặc điểm vi sinh y học; Mối quan hệ giữa vi sinh-cơ thể-môi trường. + Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi sinh học từng loại vi sinh vật gây bệnh.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Ký sinh trùng	- Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Giải phẫu bệnh	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý - Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của chẩn đoán giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng - Vận dụng được kiến thức về lý thuyết và thực hành để phân tích, nhận định và chẩn đoán Giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp ở người	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	- Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Hiểu được quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể, miễn dịch tế bào và sự điều hoà các đáp	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		ứng miễn dịch trên. Vận dụng được sự hiểu biết này vào thực tế qua công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.			
23	Dược lý	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của thuốc. - Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Dinh dưỡng-VSATTP	2.1. Trình bày được vai trò và nhu cầu của dinh dưỡng và thực phẩm đối với sức khỏe. 2.2. Nêu được các yếu tố nguy cơ do dinh dưỡng, thực phẩm đối với sức khỏe con người. 2.3. Xác định được một số vấn đề dinh dưỡng phổ biến tại cộng đồng. 2.4. Xác định được việc giám sát đánh giá tình trạng dinh dưỡng và kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại cộng đồng.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Điều dưỡng cơ bản	- Trình bày được các kiến thức về sơ cứu nạn nhân điện giật, chết đuối, say nắng, say nóng; vô khuẩn tiết khuẩn;... và các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Nội cơ sở	Nắm được một số kỹ năng khám nội khoa cơ bản	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Ngoại cơ sở	+ Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Bệnh học nội khoa	Chẩn đoán và xử trí được một bệnh lý nội khoa thường gặp.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Bệnh học ngoại khoa	+ Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Nhi khoa	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		gặp ở trẻ em. + Trình bày được chiến lược điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.			
31	Phụ sản	-Mô tả được quy trình khám thai và quản lý thai ghen - Kê ra được các nguyên nhân chảy máu trong sản khoa - Trình bày được chu kỳ kinh nguyệt và sự thay đổi nội tiết trong phụ khoa. - Trình bày được một số bệnh lý hay gặp trong phụ khoa (viêm và các khối u sinh dục)	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
32	Y học cổ truyền	- Nắm được các học thuyết của YHCT - Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị theo YHCT - Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc và nâng cao sức khỏe bằng YHCT	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Tai mũi họng	Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh thông thường trong TMH Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức để xử trí các bệnh thông thường trong TMH Thái độ: Hướng dẫn việc phòng các bệnh thông thường TMH trong cộng đồng	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Mắt	1. Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp 2. Chẩn đoán được một số bệnh mắt thông thường 3. Sơ cứu và điều trị được một số bệnh mắt thông thường 4. Phối hợp với chuyên khoa Mắt xử trí một số cấp cứu vùng mắt	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Da liễu	- Kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức về các bệnh da liễu thường gặp bao gồm: dịch dễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị cơ bản. - Thái độ: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng. Làm bài tập theo nhóm và thuyết trình - Kỹ năng: Thực hành khám và điều trị các bệnh thông thường	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
36	Thần kinh	Phát hiện và chẩn đoán được một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Giải phẫu răng	- Trình bày được đại cương giải phẫu răng miệng và hàm mặt. - Phân tích được đặc điểm hình thái, tuổi mọc răng và chức năng của các bộ răng. - Mô tả được hình thái học từng răng nhìn từ các mặt, bằng các thuật ngữ giải phẫu răng thống nhất.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Nêu được các hình thái bất thường về giải phẫu răng. - Phân tích được đặc điểm nhóm và đặc điểm cung của từng nhóm răng và đặc điểm riêng của từng răng. - Phân biệt răng sữa và răng vĩnh viễn. - Phân loại giải phẫu nội nha theo F.S.Weine và De Deus. - Phân tích được đặc điểm của giải phẫu nội nha theo nhóm răng.			
38	Mô phôi răng miệng	Kiến thức: - Trình bày được các giai đoạn hình thành răng, cấu trúc mô học của các mô răng, nha chu, niêm mạc miệng. Kỹ năng: - Nhận ra được hình ảnh của các thành phần cấu trúc của răng và mô nha chu qua các tiêu bản. Thái độ: - Ứng dụng được các kiến thức về mô phôi răng miệng trong việc giải thích các vấn đề về bệnh học, dự phòng và điều trị.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Sinh học miệng	- Thành phần, cấu tạo hóa học, chức năng và vai trò của nước bọt, dịch nướu đối với mô răng, mô nha chu. - Cơ chế hóa học của sự khoáng hóa và vai trò các thành phần của khuôn trong sự khoáng hóa. - Điều hòa, chuyển hóa Canxi, Phospho trong cơ thể. - Sự thành lập, phát triển của mảng bám răng; diễn tiến của bệnh sâu răng và cơ chế phản ứng viêm tại mô nướu	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
40	Vật liệu – Thiết bị nha khoa	- Trình bày được nguyên tắc sử dụng ghế máy nha khoa. - Trình bày được tính chất, công dụng của các vật liệu và trang thiết bị nha khoa. - Trình bày được chỉ định và phương pháp sử dụng chung của từng loại vật liệu.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
41	Mô phỏng lâm sàng	+ Trình bày được một số kỹ thuật cơ bản trong nha khoa (đặt đế cao su, gây tê, chữa răng, cạo cao nạo túi, nhổ răng). + Trình bày được tư thế bệnh nhân và bác sĩ trong thực hành nha khoa + Mô tả được nguyên tắc và quy trình chữa răng. + Mô tả được nguyên tắc và quy trình điều trị nha chu. + Mô tả được nguyên tắc và quy trình nhổ	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		răng.			
42	Cắn khớp học 1	- Định nghĩa được môn học cắn khớp, phân biệt được cắn khớp và khớp cắn. - Trình bày được các vấn đề cơ sở hình thái học, giải phẫu chức năng của hệ thống nhai, đặc điểm khớp cắn của bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn. - Trình bày được các quan niệm về khớp cắn, vận động và vị trí cơ bản của hàm dưới. - Trình bày được các hoạt động chức năng và cận chức năng của hệ thống nhai. - Trình bày được các quan niệm về khớp cắn trung tâm, tương quan trung tâm, kích thước dọc và tư thế nghỉ	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Cắn khớp học 2	- Trình bày được quy trình khám và chẩn đoán bệnh nhân cắn khớp - Nắm được nguyên tắc, quy trình và các dụng cụ cần dùng trong điều trị cắn khớp - Trình bày được nguyên tắc điều trị ban đầu, những vấn đề chung về điều chỉnh khớp cắn, mài điều chỉnh sơ khởi và điều chỉnh khớp cắn ở các tư thế vận động	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	GP ứng dụng & PTTH miệng – hàm mặt	Nắm vững các nguyên tắc chung và kỹ thuật cơ bản của các chuyên ngành ngoại khoa tiêu hóa, tiết niệu, chấn thương, thần kinh và lồng ngực mạch máu.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Phẫu thuật miệng 1	- Trình bày được cơ chế đau và cách giảm đau trong RHM. - Trình bày được các kỹ thuật gây tê tại chỗ và gây tê vùng. - Trình bày được các chỉ định nhổ răng. - Trình bày được các bước chăm sóc bệnh nhân trước, trong và sau nhổ răng.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
46	Phẫu thuật miệng 2	- Trình bày được kỹ thuật nhổ răng bằng kim, nạy. - Trình bày được các tai biến sau nhổ răng. - Trình bày được các kỹ thuật mổ cơ bản. - Trình bày được phương pháp nhổ răng bằng phẫu thuật, một số tiểu phẫu vùng miệng và kỹ thuật phẫu thuật trước phục hình.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Bệnh học miệng và HM 1	Kiến thức Mô tả được giải phẫu vùng miệng Mô tả được các tổn thương cơ bản vùng miệng Kỹ năng Khám và chẩn đoán được các lý vùng miệng đơn giản Thái độ Thông cảm với tình hình bệnh tật của bệnh	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		nhân			
48	Bệnh học miệng và HM 2	Kiến thức Mô tả được sinh bệnh học nang xương hàm, đau thần kinh V Trình bày được các yếu tố bệnh sinh ung thư hàm mặt Kỹ năng Khám và chẩn đoán được các bệnh lý xương hàm Thái độ Thông cảm với tình hình bệnh tật của bệnh nhân Giải thích được cho bệnh nhân hiểu biết về bệnh tật đang mắc phải	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Phẫu thuật hàm mặt 1	Kiến thức Trình bày được quy trình xử lý cấp cứu các chấn thương vùng hàm mặt Mô tả được quy trình điều trị gãy xương hàm mặt Mô tả được quy trình phẫu thuật U và nang lành tính vùng hàm mặt Trình bày được nguyên tắc điều trị ung thư vùng hàm mặt Kỹ năng Khám, chẩn đoán, xử trí được các chấn thương đơn giản vùng hàm mặt Phụ mổ một số trường hợp đơn giản Thái độ Thông cảm với tình hình bệnh tật của bệnh nhân	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
50	Phẫu thuật hàm mặt 2	Kiến thức Trình bày được các kỹ thuật tạo hình cơ bản và các yêu cầu cơ bản trong phẫu thuật hàm mặt Trình bày được nguyên nhân của các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt Mô tả được nguyên tắc điều trị các dị tật bẩm sinh Mô tả được các phương pháp phẫu thuật khe hở môi, khe hở vòm miệng Kỹ năng Khám, chẩn đoán, được các dị tật vùng hàm mặt Phụ mổ một số trường hợp tạo hình vùng mặt Thái độ Thông cảm với tình hình bệnh tật của bệnh nhân	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	Kiến thức - Trình bày được cấu tạo máy chụp tia X, sự	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		hấp thụ và tạo ảnh trên phim trong nha khoa. - Mô tả được các loại phim trong miệng và kỹ thuật chụp phim gốc răng. - Trình bày được hình ảnh X quang răng và các cấu trúc giải phẫu nhìn thấy trên phim gốc răng. Kỹ năng - Sử dụng được máy chụp tia X và các thiết bị, dụng cụ trong quá trình chụp phim gốc răng. - Thực hiện được kỹ thuật chụp và đọc tất cả các phim gốc răng trong miệng. Thái độ - Tổ chức tốt việc bảo quản các trang thiết bị và dụng cụ chụp phim trong miệng. - Cân nhắc trong việc lựa chọn dụng cụ thích hợp cho từng trường hợp. - Giao tiếp tốt với bệnh nhân cần chụp phim.			
52	Chữa răng – Nội nha 1	- o Trình bày dịch tễ, nguyên nhân, cơ chế hình thành sâu răng - o Mô tả được các triệu chứng của tổn thương tổ chức cứng không do sâu - o Trình bày được nguyên nhân, phân loại và triệu chứng bệnh lý tủy và bệnh lý vùng quanh chóp. - o Trình bày được các nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng và các bất thường của hệ răng	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
53	Chữa răng – Nội nha 2	- o Mô tả được các phương pháp thăm khám và thử nghiệm tủy - o Trình bày được các phương pháp điều trị nội nha - o Phân tích nguyên nhân, cơ chế đổi màu răng, chỉ định và kỹ thuật tẩy trắng răng - o Trình bày được các chỉ định và kỹ thuật của phẫu thuật nội nha	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
54	Răng trẻ em 1	• Trình bày sự phát triển Răng - Hàm - Mặt và tâm lý trẻ em. • Trình bày được các hình thể sâu răng ở trẻ em. • Trình bày được quy trình nhổ răng ở trẻ em. • Trình bày đặc điểm mô nha chu, các dạng bệnh nha chu ở trẻ em.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
55	Răng trẻ em 2	• Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc đối với trẻ em. • Trình bày được các dạng chấn thương răng ở trẻ em: triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và điều trị.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
56	Nha chu I	+ Trình bày được các đặc điểm giải phẫu cấu trúc học mô nha chu. + Trình bày được phân loại bệnh nha chu và	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		các chỉ số dùng trong nha chu. + Trình bày định nghĩa, phân loại, quá trình hình thành mảng bám răng và cao răng; mô tả các kỹ thuật kiểm soát mảng bám răng. + Trình bày các thành phần của nước bọt, dịch nước, vai trò của nước bọt trong bệnh nha chu. + Trình bày được các yếu tố nguy cơ của bệnh nha chu và mối liên quan giữa bệnh nha chu với bệnh lý toàn thân. + Trình bày được vai trò của vi khuẩn và các hình thức đáp ứng miễn dịch trong bệnh nha chu			
57	Nha chu II	+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các hình thể bệnh viêm nướu và viêm nha chu +Trình bày được định nghĩa, triệu chứng và sự thay đổi mô học của sang chấn khớp cắn. + Trình bày nguyên nhân, cơ chế và nhận biết được hình ảnh X. Quang của tiêu xương trong bệnh nha chu. + Phân tích được mối liên hệ qua lại giữa nội nha và nha chu; phục hình và nha chu. + Trình bày được giải phẫu học vùng chẻ, cách phân loại và phương pháp điều trị sang thương vùng chẻ.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
58	Chỉnh hình răng – mặt 1	- Nắm được kiến thức về sự tăng trưởng bình thường của hệ thống sọ mặt. - Nêu được các nguyên nhân đặc thù của các sai hình, sai khớp cắn, ảnh hưởng của các yếu tố di truyền, môi trường và chức năng lên sự phát triển của răng mặt. - Giải thích được các vấn đề về sinh cơ học ứng dụng trong điều trị chỉnh hình răng mặt. - Nêu được ý nghĩa và xác được các điểm mốc của xương và phần mềm trên phim sọ nghiêng.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
59	Chỉnh hình răng – mặt 2	- Trình bày được quy trình khám và chẩn đoán bệnh nhân chỉnh hình răng mặt - Nắm được nguyên tắc, quy trình và các khí cụ trong điều trị chỉnh hình can thiệp các sai hình và sai khớp cắn hạng I. - Trình bày được một các khí cụ chỉnh hình tháo lắp cơ bản ứng dụng trong điều trị chỉnh hình. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản chỉnh hình can thiệp những bất thường về sự phát triển răng	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
60	Phục hình I	- Nhận biết và phân loại được các loại phục	3	HK8	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		hình cố định. - Trình bày được chỉ định, chống chỉ định chung của mào răng - Trình bày được chỉ định và chống chỉ định của răng chốt. - Trình bày được quy trình kỹ thuật sửa soạn cùi răng, sửa soạn mặt chân răng-ống mang chốt; lấy dấu cùi răng; ghi dấu khớp cắn, làm mào tạm; thử, điều chỉnh, gắn mào răng, răng chốt.			Trắc nghiệm
61	Phục hình II	- Trình bày được quy trình khám lâm sàng, cận lâm sàng, chỉ định và lập kế hoạch điều trị phục hình cố định phù hợp với từng trường hợp lâm sàng cụ thể. -Trình bày được quy trình sửa soạn cùi răng cho các loại mào răng (mào kim loại – sứ; mào từng phần) - Trình bày được quy trình kỹ thuật sửa soạn các xoang inlay, onlay. - Trình bày được quy trình tái tạo cùi răng trong phục hình cố định. - Mô tả và phân loại được các kiểu cầu răng, kiểu nhíp cầu. - Trình bày được nguyên tắc tạo sự song song của các trụ cầu trong cầu răng. - Trình bày được quy trình thực hiện ở labo và lâm sàng cầu tạm; cách thử, điều chỉnh khớp cắn và gắn cầu răng trên bệnh nhân.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
62	Phục hình III	Kiến thức -Mô tả đầy đủ các biến đổi lâm sàng do mất răng. - Trình bày được quy trình phục hình răng Kỹ năng - Phân loại mất răng và lập được kế hoạch điều trị cho mỗi trường hợp cụ thể. - Thực hiện được các bước phục hình tiền lâm sàng. Thái độ - Nhận thức đúng vai trò của phục hình tháo lắp nền nhựa trong điều trị phục hồi chức năng và thẩm mỹ cho người mất răng. - Xác định được tính liên hoàn, tương quan nhau của các giai đoạn phục hình	3	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
63	Phục hình IV	- Trình bày được Phân loại mất răng bán phần của Applegate. - Trình bày được quy trình khám bệnh nhân mất răng bán phần - Mô tả và giải thích được ý nghĩa của các thành phần cấu tạo của phục hình khung bộ	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Mô tả và trình bày được tác dụng của các hệ thống móc trong phục hình khung bộ. - Trình bày được quy trình thực hiện phục hình khung bộ ở lâm sàng và labo - Giải thích được cơ chế tác động của hàm giả trên các cấu trúc sinh học.			
64	Nha khoa công cộng	- Phân tích được các đặc điểm dịch tễ học các bệnh răng miệng. - Trình bày được phương pháp dự phòng bệnh răng miệng và công tác chăm sóc răng miệng ban đầu cho cộng đồng. - Trình bày được phương pháp điều tra và cách thiết lập các chỉ số đánh giá cơ bản sức khỏe răng miệng cộng đồng.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
65	Ghi hình trong RHM1	- Kiến thức Nêu được các lợi ích và hạn chế của những phương pháp hình ảnh Mô tả được các hình ảnh bình thường và bất thường trên hình ảnh X quang và siêu âm - Kỹ năng Đọc được kết quả X quang, siêu âm một số bệnh lý thông thường - Thái độ, chuyên cần Tư vấn cho bệnh nhân, hoặc trực tiếp chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh hiện có Tham dự đọc hình ảnh 100%	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
66	Ghi hình trong RHM2	- Trình bày được mục đích của các phim ngoài miệng thường được sử dụng trong Răng - Hàm - Mặt. - Trình bày được tư thế chụp của các phim ngoài miệng thường được sử dụng trong Răng - Hàm - Mặt. - Trình bày được hướng của tia trung tâm khi chụp các phim ngoài miệng thường được sử dụng trong Răng - Hàm - Mặt.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
67	Nha khoa phục hồi tổng quát 1	- Kiến thức -Mô tả đầy đủ các biến đổi lâm sàng do mất răng toàn phần. - Trình bày được các bước phục hình răng toàn hàm. - Kỹ năng - Chỉ định và lập được kế hoạch điều trị cho mỗi trường hợp cụ thể. - Thực hiện được trên tiền lâm sàng các bước phục hình toàn hàm. - Thái độ - Nhận thức đúng vai trò của phục hình tháo lắp toàn hàm nền nhựa trong điều trị phục hồi chức năng và thẩm mỹ cho người mất răng.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Xác định được tính liên hoàn, tương quan nhau của các giai đoạn phục hình toàn hàm.			
68	Nha khoa phục hồi tổng quát 2	+ Trình bày nguyên tắc, chỉ định và điều trị quy trình trám răng theo phương pháp cổ điển và hiện đại. + Trình bày nguyên tắc, chỉ định và điều trị quy trình điều trị bệnh lý tủy và vùng quanh chóp.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
69	Nha khoa phục hồi tổng quát 3	- Trình bày các công đoạn của các loại phục hình cố định thông dụng trên bệnh nhân.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
70	Nha khoa phục hồi tổng quát 4	Kiến thức - Mô tả đầy đủ các biến đổi lâm sàng do mất răng. - Trình bày được các bước phục hình răng tháo lắp nền nhựa ở phòng răng. Kỹ năng - Khám, chẩn đoán và chỉ định đúng phục hình tháo lắp nền nhựa. - Thực hiện được các bước phục hình trên lâm sàng, phối hợp tốt với labô. Thái độ - Nhận thức đúng vai trò của phục hình tháo lắp nền nhựa trong điều trị phục hồi chức năng và thẩm mỹ cho người mất răng. - Xác định được tính liên hoàn, tương quan, thừa kế lẫn nhau của các giai đoạn phục hình tháo lắp nền nhựa.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
71	Nha khoa phục hồi tổng quát 5	+ Trình bày nguyên tắc, chỉ định và điều trị bệnh lý sâu răng theo phương pháp hiện đại. + Phân tích nguyên tắc và điều trị những trường hợp nội nha đặc biệt. + Mô tả nguyên tắc, chỉ định và điều trị đúng quy trình tẩy trắng răng. + Phân tích nguyên tắc, chỉ định và điều trị những trường hợp phẫu thuật nội nha.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
72	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật 1	Kiến thức Mô tả được giải phẫu khớp TD-H, giải phẫu vùng mang tai Trình bày được các bệnh lý liên quan đến khớp TD-H, các tuyến nước bọt Kỹ năng Khám và chẩn đoán được các bệnh lý khớp TD-H, tuyến nước bọt Điều trị được một số bệnh lý đơn giản của khớp TD-H, tuyến nước bọt Thái độ Thông cảm với tình hình bệnh tật của bệnh nhân Giải thích được cho bệnh nhân hiểu biết về	2	HK9	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		bệnh tật đang mắc phải			
73	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật 2	+ Phân tích được vai trò của điều trị không phẫu thuật trong điều trị bệnh nha chu + Nêu được mục tiêu của các loại phẫu thuật nha chu + Nêu được tầm quan trọng của điều trị duy trì trong bệnh nha chu + Trình bày được các chất kháng khuẩn dùng tại chỗ và toàn thân trong điều trị bệnh nha chu. + Trình bày danh mục các vật liệu và dụng cụ sử dụng trong điều trị nha chu + Giải thích được cơ chế lành thương trong điều trị bệnh nha chu + Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh nha chu.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
74	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật 3	Kiến thức - Trình bày được các kỹ thuật mổ cơ bản. - Trình bày được phương pháp nhổ răng bằng phẫu thuật, một số tiểu phẫu vùng miệng và kỹ thuật phẫu thuật trước phục hình. Kỹ năng - Thực hành đúng quy trình nhổ răng bằng phẫu thuật. - Trợ thủ được các phẫu thuật trong miệng một cách thành thạo. - Thực hiện được phẫu thuật nội nha (cắt chóp, nạo nang). Thái độ - Tổ chức tốt việc bảo quản các trang thiết bị và dụng cụ nhổ răng, tiểu phẫu. - Cân nhắc trong việc lựa chọn dụng cụ thích hợp cho từng trường hợp lâm sàng. - Giao tiếp tốt với bệnh nhân cần can thiệp nhổ răng, tiểu phẫu.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
75	Nha khoa dự phòng và phát triển 1	- Trình bày được biện pháp chống nhiễm khuẩn trong thực hành nha khoa. - Nêu được các dung dịch khử khuẩn trong quá trình khử-tiệt khuẩn - Trình bày được các biểu hiện vùng miệng của một số tác nhân gây bệnh thường gặp và biện pháp phòng chống. Kỹ năng - Thực hiện được các biện pháp kiểm soát lây nhiễm trong nha khoa Thái độ - Có ý thức phòng chống lây nhiễm trong thực hành nha khoa	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
76	Nha khoa dự phòng và phát triển 2	+ Nắm vững nguyên tắc, chỉ định và điều trị quy trình trám răng trên răng sữa. +Phân tích nguyên tắc, chỉ định và điều trị quy trình điều trị bệnh lý tủy và vùng quanh chóp trên răng sữa.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
77	Nha khoa cấy ghép	- Trình bày được lịch sử phát triển implant trong nha khoa - Trình bày được các đánh giá sức khỏe toàn thân trước cấy ghép - Trình bày được đặc điểm giải phẫu xương hàm và các phương pháp đánh giá chất lượng xương - Trình bày được chỉ định, chống chỉ định cấy implant -Trình bày được tích hợp trong cấy implant nha khoa	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
78	Nha khoa hiện đại	Trình bày lịch sử phát triển của implant nha khoa Mô tả được cấu tạo đại thể, vi thể của implant nha khoa Biết được các quá trình sinh học của tích hợp xương trong implant Biết được các loại sứ ứng dụng trong nha khoa	2	HK9	Thi cuối kỳ: Tự luận
79	Lịch sử nha khoa	Kiến thức - Mô tả được lịch sử ngành Răng - Hàm - Mặt Việt Nam qua các thời kỳ. -Trình bày được lịch sử phát triển ngành ở nước ta và trên thế giới. - Nêu được nét chủ yếu của lịch sử các chuyên ngành. Thái độ - Xác định vai trò của ngành Răng - Hàm - Mặt nước ta trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân. - Đánh giá cao sự đóng góp của ngành Răng - Hàm - Mặt Việt Nam và thế giới trong lịch sử phát triển ngành y tế.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
80	Nghiên cứu khoa học trong nha khoa	Kiến thức Trình bày được các loại hình nghiên cứu khoa học Răng - Hàm - Mặt chủ yếu. Tham gia thiết kế được nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng. Kỹ năng Thực hiện được đề cương nghiên cứu.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
81	Thực tập cộng đồng 1	- Trình bày được nội dung và đối tượng chăm sóc của chương trình Nha học đường.	2	HK10	.

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Trình bày được nội dung và phương pháp giáo dục nha khoa trong chương trình Nha học đường. - Trình bày được chỉ định, phương pháp trám bít hố rãnh, nhổ răng sữa đến tuổi thay. Phương pháp Đánh giá sinh viên: + Kỹ năng thực hành, phương pháp tổ chức, khả năng hoạt động nhóm. + Điểm học phần = Điểm của bài thu hoạch cuối đợt thực tập + Điểm về kết quả thực hiện các chủ đề tại cộng đồng + Điểm hỏi về kỹ năng thực hiện tại cộng đồng			
82	Thực tập cộng đồng 2	- Trình bày được phương pháp điều tra và cách thiết lập các chỉ số đánh giá cơ bản sức khỏe răng miệng cộng đồng. - Trình bày được nội dung và phương pháp giáo dục nha khoa tại cộng đồng. - Khám, chăm sóc và quản lý bệnh răng miệng cộng đồng Phương pháp Đánh giá sinh viên: + Kỹ năng thực hành, phương pháp tổ chức, khả năng hoạt động nhóm. + Điểm học phần = Điểm của bài thu hoạch cuối đợt thực tập + Điểm về kết quả thực hiện các chủ đề tại cộng đồng + Điểm hỏi về kỹ năng thực hiện tại cộng đồng.	2	HK11	

V. Ngành Y học cổ truyền hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Hiểu được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tướng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lí luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lí luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lí luận. + Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Củng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
8	Sinh học	- Sinh học là môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, sinh học tế bào, quá trình phát triển của động vật và mối quan hệ giữa con người với	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		môi trường. - Sinh học là môn học nền tảng đặc biệt trong trường Đại học Y Dược vì nó giúp giải thích một số vấn đề về y học dưới góc nhìn sinh học, từ đó cung cấp kiến thức cơ bản cho các môn chuyên ngành. - Các tiến bộ trong nghiên cứu các lĩnh vực sinh học đã làm nền tảng cho sự nghiên cứu giải phẫu hay quan sát các tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể con người.			
9	Di truyền học	+ Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền tế bào sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen. + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể. + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các học phần sau (bệnh chuyển hóa, ung thư). + Mô tả được ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
10	Lý sinh	Nắm được các nguyên lý Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học, hệ	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		thống sống.			
11	Hóa học	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, về các qui luật của sự vận động và biến đổi của các chất. Dự đoán khả năng và chiều hướng của các quá trình hóa học. Ứng dụng của chúng trong chuyên ngành Y-Dược. - Hướng dẫn sinh viên thực hiện 1 số thí nghiệm minh họa cho các kiến thức lý thuyết đã học. Làm quen với 1 số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
12	Tin học đại cương và ứng dụng	Phần Tin học đại cương: - Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin. - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet. - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản WORD 2010 để xử lý các văn bản thông dụng. - Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL 2010 và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý số liệu, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị. Phần Tin học ứng dụng: + Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS. + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu. + Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị. + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Xác suất - Thống kê y học	+ Nắm được các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. + Nắm được một số ứng dụng của Xác suất trong chẩn đoán y khoa. + Nắm được các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác định được biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. Ứng dụng các Test thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		đức y học. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về tâm lý y học, đạo đức y học trong hành nghề.			
15	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	Phần Truyền thông và GDSK: + Trình bày được những khái niệm cơ bản về hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe Phần Dân số học: + Nêu ra được các khái niệm cơ bản về dân số học và học thuyết dân số học. + Mô tả được cách tính các chỉ số dân số học y tế + Trình bày được nội dung, mục tiêu và các giải pháp của Chiến lược DS SKSS ở Việt nam giai đoạn 2011-2020. + Nêu được các mô hình dự báo dân số và mô tả được mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Giải phẫu 1	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo tứ chi của cơ thể người bình thường và mô tả vị trí, hình thể, mối liên quan của xương, khớp, cơ, mạch máu và thần kinh tứ chi. - Trình bày được cấu tạo các cơ quan nằm ở vùng ngực, vùng bụng của cơ thể người bình thường. - Mô tả vị trí và mối liên quan của các cơ quan với nhau trong lồng ngực và ổ bụng. Trình bày được cấu tạo của da và các cơ quan phụ thuộc. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
17	Giải phẫu 2	- Trình bày được cấu tạo hệ tiết niệu, sinh dục, đầu mặt cổ, các giác quan và thần kinh trung ương của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Mô phôi	Phần Mô học: - Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . - Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học. Phần Phôi thai học: - Mô tả được sự phát triển bình thường của cá thể người từ khi phát sinh (từ lúc trứng thụ tinh) đến cuối thời kỳ phôi. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển, cấu tạo và chức năng các bộ phận phụ phôi thai. - Mô tả được nguồn gốc, sự phát sinh, phát triển bình thường của các cơ quan về mặt tạo hình và tạo mô. - Biết nguyên tắc phân loại dị dạng bẩm sinh, giải thích được sự hình thành một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.			
19	Sinh lý	- Trình bày được chức năng của tế bào và của máu cũng như chức năng của một số cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, thận, hệ nội tiết, hệ sinh dục và hệ thần kinh trung ương. - Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Hóa sinh	- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. - Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng vào các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và vào nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Vi sinh	+ Trình bày được đặc điểm vi sinh y học; Mối quan hệ giữa vi sinh-cơ thể-môi trường. + Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi sinh học từng loại vi sinh vật gây bệnh.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Ký sinh trùng	- Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		sinh trùng ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống			
23	Giải phẫu bệnh	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý - Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của chẩn đoán giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng - Vận dụng được kiến thức về lý thuyết và thực hành để phân tích, nhận định và chẩn đoán Giải phẫu bệnh một số bệnh thường gặp ở người	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về các quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp - Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Hiểu được quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể, miễn dịch tế bào và sự điều hoà các đáp ứng miễn dịch trên. Vận dụng được sự hiểu biết này vào thực tế qua công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Dược lý	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của thuốc. - Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Thực vật dược	- Nắm được cách phân loại và danh pháp thực vật - Nắm được tên khoa học, đặc điểm cây thuốc,	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		phân bố, thu hái, chế biến các vị thuốc thực vật.			
27	Lý luận cơ bản của YHCT	- Nắm được có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền về các vấn đề triết học Đông phương ứng dụng trong y học. - Vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. - Vận dụng được các lý luận YHCT để chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Dịch tễ học	- Kiến thức: Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. - Kỹ năng: Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng + Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch ở CĐ - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong YTCC	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Điều dưỡng cơ bản	Kiến thức: Trình bày được các kiến thức về sơ cứu nạn nhân điện giật, chết đuối, say nắng, say nóng; vô khuẩn tiết khuẩn;... và các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Kỹ năng: Thực hành thuần thực các các kỹ năng điều dưỡng cơ bản: như các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản về đo dấu hiệu sống, cấp cứu bệnh nhân ngừng hô hấp tuần hoàn, đặt sonde tiêu, sonde dạ dày, tiêm truyền, chọc dò màng bụng, màng phổi, màng tim... Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện đúng, chính xác và thuần thực các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Thể hiện được các yêu cầu về quy tắc ứng xử, giao tiếp trong khi thực hiện các quy trình điều dưỡng.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Chẩn đoán hình ảnh	- Kiến thức - Nêu được các lợi ích và hạn chế của những phương pháp hình ảnh - Mô tả được các hình ảnh bình thường và bất thường trên hình ảnh X quang và siêu âm - Kỹ năng - Đọc được kết quả X quang, siêu âm một số bệnh lý thông thường - Thái độ, chuyên cần - Tư vấn cho bệnh nhân, hoặc trực tiếp chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh hiện có - Tham dự đọc hình ảnh 100%	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Nội cơ sở	Kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa. Nội dung lý thuyết và thực hành gồm triệu chứng học về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu, thần	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		kinh, cơ xương khớp, tiết niệu, nội tiết.			
32	Ngoại cơ sở	Mô tả cách thăm khám các cơ quan trong một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp, cách chuẩn bị về phòng khám, trang thiết bị, chuẩn bị về bệnh nhân cũng như cả thầy thuốc trước khi tiến hành thăm khám bệnh nhân. Đồng thời qua đó nêu được nhưng bệnh lý ngoại khoa thường gặp trong lâm sàng, các nguyên nhân có thể, các triệu chứng đặc trưng cho những bệnh lý thường gặp. Mô tả bệnh lý học của một số bệnh ngoại khoa bao gồm tần suất, sinh lý bệnh, triệu chứng, chẩn đoán, thái độ xử trí ... của một số bệnh ngoại khoa trong lĩnh vực hệ vận động và thần kinh sọ não. Nội dung học phần cũng nêu được chẩn đoán xác định và phân biệt các bệnh lý trên cũng như nêu nên một các khái quát thái độ xử trí.	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Nội bệnh lý (YHHĐ)	Kiến thức chung về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính một số bệnh lý nội khoa. Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu. Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.	4	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Nội bệnh lý 2 (YHCT)	- Nắm được có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền về các vấn đề triết học Đông phương ứng dụng trong y học. - Vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. - Vận dụng được các lý luận YHCT để chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.	4	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Ngoại bệnh lý 1 (YHHĐ)	+ Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp + Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ vận động và thần kinh sọ não + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa về hệ vận động và thần kinh sọ não + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
36	Ngoại bệnh lý 2 (YHCT)	- Nắm được đặc điểm bệnh ngoại khoa YHCT - Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh ngoại khoa y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh ngoại khoa bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		dùng thuốc khác.			
37	Phụ sản 1 (YHHD)	- Mô tả được quy trình khám thai và quản lý thai ghen - Kể ra được các nguyên nhân chảy máu trong sản phụ khoa - Trình bày được một số bệnh lý hay gặp trong phụ khoa (viêm và các khối u sinh dục)	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
38	Phụ sản 2 (YHCT)	- Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh sản phụ khoa y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh sản phụ khoa bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Nhi khoa 1 (YHHD)	+ Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân của các bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được chiến lược điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em.	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
40	Nhi khoa 2 (YHCT)	- Nắm được đặc điểm chung về bệnh nhi khoa y học cổ truyền. - Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh nhi khoa y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh nhi khoa bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
41	Lao	- Trình bày được đặc điểm bệnh lao hiện nay - Trình bày được các triệu chứng nghi lao - Nắm được nguyên tắc và phác đồ điều trị lao của chương trình chống lao quốc gia - Nhận thức được tầm quan trọng của bệnh lao trong cộng đồng và tư vấn được các biện pháp phòng ngừa bệnh lao.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
42	Da liễu 1 (YHHD)	- Kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức về các bệnh da liễu thường gặp bao gồm: dịch dễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị cơ bản. - Thái độ: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng. Làm bài tập theo nhóm và thuyết trình - Kỹ năng: Thực hành khám và điều trị các bệnh thông thường.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
43	Da liễu 2 (YHCT)	- Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh da liễu theo y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh da liễu bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	Phục hồi chức năng	Chương trình nhằm giúp cho các bác sĩ YHCT có kiến thức cơ bản về chuyên ngành VLTL- PHCN để góp phần vào thăm khám phát hiện, điều trị, phòng ngừa khuyết tật, nhằm giúp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của nhân dân	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Thần kinh	Phát hiện và chẩn đoán được một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Tự luận
46	Ung thư	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về ung thư bao gồm: đại cương về ung thư đặc điểm dịch tễ và nguyên nhân sinh ung thư, dự phòng ung thư, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và phân giai đoạn bệnh, điều trị và theo dõi các loại ung thư thường gặp	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Tiền lâm sàng 1	Tiền lâm sàng nội: Kỹ năng khám phát hiện các triệu chứng và hội chứng cơ bản của nội khoa (toàn thân và các hệ cơ quan). Tiền lâm sàng ngoại: Trình bày được cách khám một số cơ quan trong cơ thể Tiền lâm sàng nhi: Trình bày được nguyên tắc và các bước thăm khám các hệ thống cơ quan trong lĩnh vực nhi khoa. Tiền lâm sàng sản: Mục tiêu bao gồm những vấn đề chính về kỹ năng thăm khám sản phụ khoa và phòng chống nhiễm khuẩn trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
48	Tiền lâm sàng 2	- Thực hành kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, kỹ năng khám bệnh của YHCT. - Thực hành các kỹ năng châm cứu, xoa bóp và các phương pháp điều trị không dùng thuốc khác tại phòng thực tập tiền lâm sàng.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Chương trình y tế quốc gia - TC&QLYT	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CS BV SK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia + Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế + Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý y tế, thực hiện các chương trình y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK nhân dân	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
50	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	- Nắm được khái quát nội dung của tác phẩm Y Tông Tâm lĩnh của Hải Thượng Lãn Ông và Nam được thần hiệu của Tuệ Tĩnh - Vận dụng được những kiến thức bệnh lý và kinh nghiệm dùng thuốc của Hải Thượng Lãn Ông và Tuệ Tĩnh vào việc điều trị trên lâm sàng.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Chế biến dược liệu	- Nắm được đại cương về chế biến thuốc y học cổ truyền - Nắm được cách bào chế các dạng thuốc cổ truyền. - Nắm được cách bào chế các vị thuốc cổ truyền.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Thuốc YHCT	- Nắm được tính năng và tác dụng chung của các vị thuốc Y học cổ truyền. - Nhớ được tên, tác dụng, ứng dụng lâm sàng các vị thuốc. - Nắm được sự phối hợp các vị thuốc, cấm kỵ khi dùng thuốc. - Nắm được quy chế sử dụng thuốc Y học cổ truyền. - Nắm được tính năng và tác dụng chung của các vị thuốc Y học cổ truyền. - Nhớ được tên, tác dụng, ứng dụng lâm sàng các vị thuốc. - Nắm được sự phối hợp các vị thuốc, cấm kỵ khi dùng thuốc. - Nắm được quy chế sử dụng thuốc Y học cổ truyền.	4	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
53	Phương tễ 1	- Nắm được cấu tạo và biến hóa của các bài thuốc Y học cổ truyền. - Nắm được các dạng thuốc hay gặp, tác dụng chung và cách cấu tạo từng loại thuốc. - Nắm được một số bài thuốc cổ phương hay sử dụng.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
54	PP điều trị không dùng thuốc	- Nắm được nguyên tắc và cách tiến hành các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc: khí công, xoa bóp, dưỡng sinh. - Thực hành được các phương pháp khí công, xoa bóp, dưỡng sinh để phòng và chữa bệnh.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
55	Châm cứu học	- Nắm được vị trí và tác dụng các huyệt trên các vùng cơ thể - Nắm được phương pháp châm cứu đặc biệt là các thủ pháp quan trọng như đắc khí, bổ tả. - Vận dụng được các huyệt vị để điều trị các chứng bệnh trên lâm sàng. - Nắm được cấu tạo chung, tác dụng của hệ kinh lạc, 14 đường kinh mạch thường dùng - Nắm được vị trí và tác dụng các loại huyệt	4	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		trên đường kinh - Vận dụng được các huyệt vị để điều trị các chứng bệnh trên lâm sàng.			
56	Bệnh học ngũ quan 1	- Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh ngũ quan y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh ngũ quan bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
57	Bệnh học lão khoa YHCT	- Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh lão khoa y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh lão khoa bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
58	Ôn bệnh	- Nắm được khái quát nội dung các bệnh ngoại cảm có sốt và những bệnh truyền nhiễm của y học cổ truyền trong tác phẩm ôn bệnh - Vận dụng được những kiến thức bệnh lý và kinh nghiệm dùng thuốc trong ôn bệnh	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
59	Thực tập cộng đồng (YHCT) 1	- Có khả năng giao tiếp làm quen với cộng đồng - Nhận biết và tìm hiểu các cây thuốc có trong cộng đồng.	2	HK6	Sinh viên làm báo cáo cá nhân, báo cáo nhóm
60	Hồi sức cấp cứu YHHĐ kết hợp YHCT	Nắm được và xử trí được một số bệnh cấp cứu nội khoa thường gặp.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
61	Răng - Hàm - Mặt	- Trình bày được cơ bản về bệnh lý, nguyên tắc điều trị và phương pháp dự phòng các bệnh răng miệng thông thường. - Trình bày được nguyên tắc sơ cứu giảm đau và hướng điều trị thực thụ các cấp cứu Răng - Hàm - Mặt thường gặp.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
62	Mắt	- Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp - Chẩn đoán được một số bệnh mắt thông thường - Sơ cứu và điều trị được một số bệnh mắt thông thường - Áp dụng xử trí đông y trong một số bệnh mắt thông thường	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
63	Tai mũi họng	- Nắm được vai trò quan trọng của chuyên khoa TMH với khoa Y học cổ truyền. - Chẩn đoán được các bệnh lý TMH thông	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		thường. - Hiểu được các phương pháp điều trị đông, tây y và có biện pháp phòng bệnh.			
64	Truyền nhiễm 1 (YHHD)	- Kiến thức: sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về bệnh học Truyền nhiễm bao gồm: đặc điểm dịch tễ, tác nhân gây bệnh, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp. - Kỹ năng: sinh viên thực hành được các kỹ năng tư vấn, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm thường gặp. - Thái độ: sinh viên hiểu được mức độ phổ biến và tầm quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng của bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
65	Truyền nhiễm 2 (YHCT)	- Nắm được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh các bệnh truyền nhiễm khoa y học cổ truyền. - Phân loại được các thể lâm sàng, chẩn đoán, phương pháp chữa theo y học cổ truyền. - Điều trị được các bệnh truyền nhiễm bằng châm cứu, thuốc đông y và các phương pháp không dùng thuốc khác.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
66	Tâm thần	+Trình bày được các triệu chứng và hội chứng của các rối loạn tâm thần thường gặp + Kể ra được một số yếu tố khởi phát, các thể bệnh, diễn tiến lâm sàng và tiên lượng của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Mô tả được các cách phòng ngừa và các dấu hiệu tái phát của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Mô tả và minh họa được các tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
67	Dinh dưỡng và VSATTP - SKMT và SKNN	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm, các kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm, khoa học sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp; dinh dưỡng tiết chế; vận dụng các kiến thức về dinh dưỡng - an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường - nghề nghiệp vào thực tế chăm sóc sức khỏe cho người dân.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
68	Phương pháp nghiên cứu khoa học	+ Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH). + Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
69	Điều trị YHCT	- Nắm được nguyên tắc điều trị của y học cổ truyền. - Nắm được phương pháp điều trị theo YHCT.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Điều trị được một số bệnh lý thường gặp.			
70	Kim quỹ yếu lược và Thương hàn luận	- Nắm được ý nghĩa của các kinh văn trong tác phẩm Kim quỹ yếu lược. - Vận dụng được kiến thức đã học vào trong chẩn đoán và trị liệu bằng YHCT. - Nắm được khái quát nội dung các kinh văn trong thương hàn luận - Vận dụng được những kiến thức bệnh lý và kinh nghiệm dùng thuốc trong bệnh kinh thái dương	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
71	Nội kinh - Y dịch	- Nắm được quan niệm về dịch lý vào trong y học của tác phẩm Nội kinh. - Nắm được ý nghĩa của các kinh văn cổ về y lý YHCT. - Vận dụng được Nội kinh vào trong chẩn đoán và phép tắc trị liệu bằng YHCT. - Nắm được có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền về các vấn đề triết học Đông phương ứng dụng trong y học. - Vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. - Vận dụng được các lý luận YHCT để chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
72	Phương tễ 2	- Nắm được cấu tạo và biến hóa của các bài thuốc Y học cổ truyền. - Nắm được các dạng thuốc hay gặp, tác dụng chung và cách cấu tạo từng loại thuốc. - Nắm được một số bài thuốc cổ phương hay sử dụng.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
73	Tiếng Hoa và Hán văn trong Đông Y	- Nắm được nguyên tắc cấu tạo của chữ Hán, cách viết chữ Hán - Nắm được ngữ pháp chữ Hán, các Bộ chữ Hán, cách tra từ điển - Viết và đọc một số chữ Hán thông dụng, tham khảo một số trích đoạn Đông y. - Nắm được các thuật ngữ về dược trong Đông y - Nắm được cách phát âm, đọc, viết các vị thuốc, cách sử dụng thuốc bằng tiếng Hán - Đọc và dịch được một số nội dung chính về Dược cổ truyền.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

VI. Ngành Y học dự phòng hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.			
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác - Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. + Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Củng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	3	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.			
8	Sinh học	- Sinh học là môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, sinh học tế bào, quá trình phát triển của động vật và mối quan hệ giữa con người với môi trường. - Sinh học là môn học nền tảng đặc biệt trong trường Đại học Y Dược vì nó giúp giải thích một số vấn đề về y học dưới góc nhìn sinh học, từ đó cung cấp kiến thức cơ bản cho các môn chuyên ngành. - Các tiến bộ trong nghiên cứu các lĩnh vực sinh học đã làm nền tảng cho sự nghiên cứu giải phẫu hay quan sát các tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể con người.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
9	Lý sinh	Nắm được các nguyên lý Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học, hệ thống sống.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
10	Hóa học	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, về các qui luật của sự vận động và biến đổi của các chất. Dự đoán khả năng và chiều hướng của các quá trình hóa học. Ứng dụng của chúng trong chuyên ngành Y-Dược. - Hướng dẫn sinh viên thực hiện 1 số thí nghiệm minh họa cho các kiến thức lý thuyết đã học. Làm quen với 1 số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
11	Di truyền học	+ Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền tế bào sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen. + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy - Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể. + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các học phần sau (bệnh chuyển hóa, ung thư). + Mô tả được ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền.			
12	Xác suất thống kê	Nắm được các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. Nắm được một số ứng dụng của Xác suất trong chẩn đoán y khoa.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học trong thực hành chăm sóc sức khỏe. - Kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về tâm lý y học, đạo đức y học trong hành nghề.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Tin học đại cương và ứng dụng	Phần Tin học đại cương: - Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin. - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet. - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản WORD 2010 để xử lý các văn bản thông dụng.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL 2010 và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý số liệu, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị. Phần Tin học ứng dụng: + Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS. + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu. + Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị. + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê.			
15	Nhà nước và Pháp luật	- Kiến thức: Giúp cho sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung và các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn. - Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chuyên cần học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến cho bài giảng.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Giải phẫu học	- Trình bày được đại cương giải phẫu cơ thể người. - Trình bày được vị trí các cơ quan và chi được trên bề mặt cơ thể người một số chi tiết giải phẫu quan trọng. - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu học vào các môn học khác như sinh lý, mô phôi...và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	4	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
17	Mô phôi	1. Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. 2. Mô tả được cấu tạo bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan 3. Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan. 4. Nhận biết được cấu tạo vi thể của các mô và cơ quan dưới kính hiển vi quang học hoặc qua ảnh chụp vi thể hoặc slides. 5. Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. 6. Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Sinh lý	Kiến thức: Trình bày được hoạt động chức	3	HK3	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, sử dụng được một số máy thăm dò chức năng đơn giản, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. Thái độ, chuyên cần: Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học.			Trắc nghiệm
19	Hoá sinh	- Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. - Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch... và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Vi sinh	Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn, đặc điểm, kích thước, hình thể và cấu trúc của virus. Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hoá và di truyền tế bào vi sinh vật. Trình bày được đặc điểm, ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán bệnh nhiễm trùng. Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Ký sinh trùng	- Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. - Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam - Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng. - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Giải phẫu bệnh	- Kiến thức: + Nắm được định nghĩa, nội dung, phương pháp, chức năng của môn giải phẫu bệnh học. các phương pháp của tế bào học và các kỹ thuật cơ bản của từng phương pháp . + Nắm được 4 nội dung chính của giải phẫu bệnh đại cương là: Rối loạn tuần hoàn, Rối loạn chuyển hóa, Viêm, u và ung thư.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+Nắm được 2 dạng tổn thương là viêm và ung thư của các cơ quan chính là hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu -sinh dục và bệnh của tổ chức hạch. - Kỹ năng: Sinh viên đọc được các tiêu bản mô bệnh học của các bệnh lý liên quan tới u và ung thư của các cơ quan hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục, bệnh lý hạch. - Thái độ, chuyên cần: Sinh viên phải tham gia đầy đủ lý thuyết và thực hành			
23	Điều dưỡng cơ bản	- Biết cách chăm sóc cho người bệnh về dinh dưỡng, về thuốc và những nhu cầu cơ bản hàng ngày - Thực hiện được các thủ thuật cơ bản. - Vận dụng phương pháp luận khoa học trong công tác xử trí, chăm sóc, theo dõi và nghiên cứu khoa học về điều dưỡng cơ bản.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	- Hiểu được các khái niệm cơ bản trong Y học (khái niệm bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, lão hóa, tử vong,...) và giải thích được cơ chế bệnh sinh của các quá trình bệnh lý thường gặp (viêm, sốt, rối loạn chuyển hóa các chất,...) - Biết được vị trí, vai trò của miễn dịch học hiện đại trong phòng ngừa, điều trị và nâng cao sức đề kháng của cơ thể chống lại bệnh tật. - Vận dụng được các kiến thức của học phần vào thực tiễn cộng đồng nhằm hỗ trợ cho công tác chăm sóc, tư vấn sức khỏe, định hướng các chương trình y tế và dự phòng bệnh cho cộng đồng.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Chẩn đoán hình ảnh	-Kiến thức: Phân tích được các dấu hiệu cơ bản của hình ảnh bình thường và bất thường. - Kỹ năng: Định hướng được các chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt dựa trên hình ảnh. - Thái độ, chuyên cần: Tích cực học tập cả lý thuyết và thực hành. Sinh viên phải có mặt trên lớp cũng như các buổi thực tập và thảo luận, làm bài tập đầy đủ và làm kiểm tra giữa học phần.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Dược lý và Độc chất	- Kiến thức: Nắm vững những khái niệm cơ bản về Dược lý học. - Kỹ năng: Vận dụng các quá trình cơ bản về dược lý học vào lâm sàng để sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế. - Thái độ, chuyên cần: Tích cực học tập cả lý thuyết và thực hành. Sinh viên phải có mặt trên lớp cũng như các buổi thực tập và thảo luận, làm bài tập đầy đủ và làm kiểm tra giữa học phần.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Thống kê y học	- Nắm được các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		định được biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. - Ứng dụng các Test thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.			
28	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1	- Kiến thức + Mô tả được vai trò và nhu cầu các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm + Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý gây ra. - Kỹ năng: Thao tác đúng kỹ thuật xét nghiệm và thực hành được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn một số vấn đề dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe con người.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Sức khỏe môi trường 1	- Kiến thức: Trình bày được các khái niệm về môi trường, thành phần môi trường cơ bản, các chức năng của môi trường, các nguyên lý của hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái, vòng tuần hoàn vật chất, vòng tuần hoàn năng lượng. - Kỹ năng: Đánh giá tình trạng vệ sinh môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng. Đề xuất được một số giải pháp can thiệp thích hợp để bảo vệ môi trường sống và phòng chống các yếu tố nguy cơ bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Thái độ: Nhận thức được công tác bảo vệ môi trường và phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường gắn liền với công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Sức khỏe nghề nghiệp 1	Trình bày được mối liên quan giữa sức khỏe và lao động nghề nghiệp Mô tả được các yếu tố nguy cơ từ môi trường làm việc đối với sức khỏe người lao động Đo lường được một số tác nhân gây ô nhiễm môi trường lao động Đề xuất được các giải pháp phòng chống các yếu tố tác hại trong môi trường lao động để bảo vệ và nâng cao sức khỏe người công nhân	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Dịch tễ học 1	Kiến thức: Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. Kỹ năng: Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng. Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		ở cộng đồng. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong y tế công cộng.			
32	Khoa học hành vi và GDSK	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe - Kỹ năng: + Thực hiện được các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe để thay đổi hành vi sức khỏe + Sử dụng được các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe - Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của truyền thông giáo dục sức khỏe trong quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Ngoại cơ sở	- Kiến thức: nắm vững kiến thức triệu chứng học ngoại cơ sở các bệnh lý thường gặp - Kỹ năng: + Sinh viên được trang bị kỹ năng thăm khám lâm sàng ngoại khoa + Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải thực hiện các kỹ năng thăm khám và tự hoàn thiện để phát hiện được các bất thường khi khám cơ quan bệnh lý. - Thái độ chuyên cần: Thực hiện quy chế 25. + Đối với tín chỉ lý thuyết sinh viên được đánh giá điểm chuyên cần theo thang điểm của nhà trường. + Đối với tín chỉ thực hành sinh viên tham gia học tập đầy đủ 100%.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Ngoại bệnh lý	- Kiến thức: nắm vững kiến thức bệnh học ngoại khoa thường gặp tại cộng đồng - Kỹ năng: + Sinh viên được trang bị các kỹ năng thăm khám và chẩn đoán bệnh thường gặp tại cộng đồng. + Sau khi kết thúc học phần, sinh viên chẩn đoán xác định bệnh, chẩn đoán nguyên nhân và đưa ra được nguyên tắc điều trị theo từng bệnh. - Thái độ chuyên cần: Thực hiện quy chế 25. + Đối với tín chỉ lý thuyết sinh viên được đánh giá điểm chuyên cần theo thang điểm của Nhà trường. + Đối với tín chỉ thực hành sinh viên tham gia học tập đầy đủ 100%.	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Nội cơ sở	- Kiến thức: Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán một số hội chứng thường gặp. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện và chẩn đoán đúng các triệu	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		chứng, dấu hiệu. - Kỹ năng: + Khám và phát hiện được các triệu chứng, dấu hiệu của một số cơ quan. + Tóm tắt được các hội chứng thường gặp.			
36	Nội bệnh lý	- Kiến thức: Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán một số bệnh lý thường gặp. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện và chẩn đoán đúng các bệnh lý. - Kỹ năng: + Chẩn đoán được một số bệnh lý thường gặp. + Điều trị đúng và biết cách theo dõi một số bệnh lý thường gặp.	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Phụ sản	Học viên nắm vững được một số nội dung quan trọng về Sản - phụ khoa bao gồm các vấn đề chẩn đoán, quản lý thai nghén, làm mẹ an toàn. Biết rõ các bệnh lý phụ khoa quan trọng và thường gặp trong cộng đồng để có hướng dự phòng, phát hiện sớm các nguy cơ, các biến chứng có thể xảy ra, góp phần làm giảm các tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ và thai nhi, nâng cao chất lượng cuộc sống của người phụ nữ nói riêng và xã hội nói chung	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
38	Nhi	Nêu được những đặc điểm giải phẫu - sinh lý và những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và tăng trưởng ở trẻ em Trình bày được vai trò của dinh dưỡng đối với sức khỏe trẻ và phương pháp nuôi con bằng sữa mẹ Trình bày được một số bệnh lý thường gặp ở trẻ em (hô hấp, tiêu hoá, tim mạch, thận tiết niệu, nội tiết v.v...)	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Phục hồi chức năng	- Về kiến thức: + Mô tả được quá trình tàn tật; nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa tàn tật + Phát hiện và đề ra hướng xử trí cho một số bệnh thường gặp. - Về kỹ năng: + Có khả năng phát hiện bệnh, đặc biệt là các bệnh nhân bị giảm, mất chức năng có khả năng dẫn đến tàn tật. + Có khả năng sử dụng các kiến thức PHCN đã học để dự phòng bệnh và tàn tật cho bản thân và những người xung quanh. - Về thái độ: + Thương yêu, thông cảm với người bệnh + Nhận thức được vai trò quan trọng của	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		PHCN đối với Y học dự phòng.			
40	Răng - Hàm - Mặt	- Kiến thức: Trình bày được cơ bản về bệnh lý và phương pháp dự phòng các bệnh răng miệng thông thường. - Kỹ năng: + Khám và chăm sóc răng miệng ban đầu tại cộng đồng. + Tổ chức / tham gia công tác dự phòng bệnh răng miệng tại cơ sở. - Thái độ: Giao tiếp tốt, hướng dẫn cộng đồng thực hiện y học dự phòng.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
41	Lao	Trình bày được đặc điểm bệnh lao hiện nay . Trình bày được các triệu chứng nghi lao và chẩn đoán được thể lao phổi điển hình thường gặp. Trình bày được nguyên tắc và phác đồ điều trị lao của chương trình chống lao quốc gia (CTCLQG). Nhận thức được tầm quan trọng của bệnh lao trong cộng đồng và tư vấn được các biện pháp phòng ngừa bệnh lao.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
42	Mắt	Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp. Chẩn đoán được và xử trí ban đầu một số bệnh mắt cấp cứu và thường gặp. Hướng dẫn được chăm sóc mắt ban đầu tại cộng đồng.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Tai Mũi Họng	Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng lâm sàng để chẩn đoán các bệnh thông thường trong TMH Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức để xử trí các bệnh thông thường trong TMH Thái độ: Hướng dẫn việc phòng các bệnh thông thường TMH trong cộng đồng	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	Ung thư	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về ung thư bao gồm: đại cương về ung thư đặc điểm dịch tễ và nguyên nhân sinh ung thư, dự phòng ung thư, bệnh cảnh lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và phân giai đoạn bệnh, điều trị và theo dõi các loại ung thư thường gặp.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Thần kinh	- Kiến thức: Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện và chẩn đoán đúng các triệu chứng, dấu hiệu. - Kỹ năng: + Khám và phát hiện được các triệu chứng, dấu hiệu thần kinh bệnh lý. + Chẩn đoán được một số bệnh lý thần kinh	2	HK10	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		thường gặp.			
46	Dị ứng	Nắm được những khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Khám, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng. Hướng dẫn được phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Da liễu	- Nêu được các bệnh Da liễu thường gặp trong cộng đồng - Hiểu được một số đường lây bệnh chính và các yếu tố làm nặng bệnh - Đề xuất được các biện pháp giảm bớt đường lây và các yếu tố làm nặng bệnh	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
48	Truyền nhiễm	- Kiến thức: Lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm nói chung và một số bệnh truyền nhiễm quan trọng phổ biến ở nước ta. - Thái độ: Nhận thức được vai trò, vị trí và tầm quan trọng bệnh truyền nhiễm ở nước ta trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân. - Kỹ năng: + Phát hiện sớm các bệnh truyền nhiễm phổ biến có khả năng lây lan ở cộng đồng + Thiết lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người bệnh và cộng đồng về bệnh truyền nhiễm phổ biến. + Xây dựng kế hoạch tư vấn và tư vấn cho cá nhân và gia đình về một số bệnh truyền nhiễm ảnh hưởng lâu dài lên người bệnh và cộng đồng (nhiễm HIV, viêm gan siêu vi...)	3	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Y học Cổ truyền	+ Trình bày có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền và vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. + Trình bày được phương pháp châm cứu cơ bản. + Hiểu được các khái niệm về thuốc y học cổ truyền và trình bày được một số vị thuốc thường dùng. + Trình bày được phương pháp điều trị một số chứng bệnh thông thường bằng y học cổ truyền.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
50	Sức khỏe tâm thần	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bệnh lý tâm thần thường gặp tại cộng đồng. Cách chẩn đoán, xử trí, quản lý và phòng bệnh tâm thần tại cộng đồng. - Kỹ năng: Sinh viên phải đạt được các kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân tâm thần và gia đình. Kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tâm thần thường gặp ở tuyến y tế cơ sở. Kỹ năng quản lý bệnh nhân và tổ chức phòng bệnh tâm thần tại cộng đồng. - Thái độ: quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần.			
51	Kinh tế Y tế	+ Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế và kinh tế y tế + Phân tích được chi phí của các dịch vụ y tế và phân tích kinh tế các hoạt động y tế + Nhận thức được vai trò của kinh tế y tế trong các hoạt động y tế	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Tổ chức và quản lý y tế	- Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của các quan điểm, chiến lược của Đảng về BV CSSK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế tại cộng đồng, tại các cơ sở khám chữa bệnh - Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế và lập kế hoạch y tế - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý các nguồn lực y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK người bệnh, người dân trong cộng đồng.	3	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
53	Nhân học Y học	Trình bày những kiến thức cơ bản của nhân học và nhân học y tế. Có thái độ đúng về vai trò của các yếu tố văn hóa - xã hội trong Y tế Công cộng. Có khả năng áp dụng các phương pháp nhân học trong nghiên cứu và can thiệp sức khỏe cộng đồng.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
54	Sức khỏe lứa tuổi	Trình bày được các giai đoạn tuổi và sự phát triển sinh lý, những vấn đề sức khỏe cơ bản theo lứa tuổi Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh trường học và một số yếu tố nguy cơ với sức khỏe học sinh Thực hành được kỹ năng đánh giá sinh lý và phát triển lứa tuổi. Tư vấn được một số vấn đề về sức khỏe theo lứa tuổi Nhận thức được Sức khỏe lứa tuổi là một khoa học của dự phòng đề cập đến các vấn đề sức khỏe theo lứa tuổi đặc biệt lưu ý đến vấn đề môi trường học tập.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
55	Sức khỏe môi trường 2	- Kiến thức: Trình bày được các khái niệm về môi trường, thành phần môi trường cơ bản, các chức năng của môi trường, các nguyên lý của hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái, vòng tuần hoàn vật chất, vòng tuần hoàn năng lượng. - Kỹ năng: Đánh giá tình trạng vệ sinh môi	3	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		trường tác động lên sức khỏe cộng đồng. Đề xuất được một số giải pháp can thiệp thích hợp để bảo vệ môi trường sống và phòng chống các yếu tố nguy cơ bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Thái độ: Nhận thức được công tác bảo vệ môi trường và phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường gắn liền với công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.			
56	Sức khỏe nghề nghiệp 2	Trình bày được mối liên quan giữa sức khỏe và lao động nghề nghiệp Mô tả được các yếu tố nguy cơ từ môi trường làm việc đối với sức khỏe người lao động Đo lường được một số tác nhân gây ô nhiễm môi trường lao động Đề xuất được các giải pháp phòng chống các yếu tố tác hại trong môi trường lao động để bảo vệ và nâng cao sức khỏe người công nhân	3	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
57	Dịch tễ học 2 & 3	Kiến thức: Mô tả được các bệnh nhiễm trùng và quá trình lan truyền của các bệnh dịch trong cộng đồng. Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh phát triển của các vụ dịch. Mô tả được gánh nặng bệnh tật các bệnh không truyền nhiễm. Trình bày được các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không truyền nhiễm. Kỹ năng: Phát hiện sớm những trường hợp bệnh nhiễm trùng phổ biến trong cộng đồng Đề xuất được các biện pháp điều tra và xử lý dịch, phòng chống sự lan truyền các vụ dịch trong cộng đồng Nêu lên được các biện pháp dự phòng một số bệnh không truyền nhiễm phổ biến ở Việt Nam. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học bệnh lây đối với sức khỏe cộng đồng. Nhận thức được sự nguy hiểm của một số bệnh không truyền nhiễm	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
58	Dinh dưỡng và ATTP 2	- Kiến thức + Mô tả được vai trò và nhu cầu các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm + Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý gây ra. - Kỹ năng + Thao tác đúng kỹ thuật xét nghiệm và thực hành được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông,	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tư vấn một số vấn đề dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe. - Thái độ + Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Chuyên cần: sinh viên phải tham dự 100% giờ thực hành và số tiết lý thuyết theo quy định			
59	Dân số học	- Trình bày các khái niệm cơ bản về dân số học, các chỉ số dân số học thường sử dụng trong y tế. - Trình bày các chính sách hiện nay về DS-KHHGD ở Việt Nam và trên thế giới, đặc biệt tại các nước đang phát triển - Trình bày các kiến thức cơ bản về quan niệm và các thành tố chăm sóc sức khỏe sinh sản từ sau hội nghị Dân số và Phát triển tại Cairo Ai Cập năm 1994, đặc biệt chú trọng các thành tố dân số-kế hoạch hóa gia đình giới, sức khỏe tình dục và sức khỏe vị thành niên trong mối liên quan về thực trạng sức khỏe sinh sản hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. - Mô tả các nguyên nhân về xã hội học, thể chế chính trị và yếu tố văn hóa truyền thống tác động đến thực trạng sức khỏe sinh sản hiện nay và liệt kê các giải pháp về y tế công cộng cho các vấn đề tồn tại.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
60	Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	Kiến thức: Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch. Kỹ năng: Xây dựng được một đề cương NCKH. Diễn giải được nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học trong y tế công cộng.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
61	Sức khỏe sinh sản	Sinh viên nắm được các nội dung về CSSKSS bao gồm: Kế hoạch hoá gia đình, Làm mẹ an toàn, Truyền thông và tư vấn, Nạo phá thai an toàn, Phòng và chữa các bệnh lây truyền theo đường tình dục / nhiễm khuẩn đường sinh sản, Đề phòng và phát hiện sớm các ung thư sinh dục, Sức khỏe sinh sản vị thành niên và phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
62	Thực tập YHDP I	- Có khả năng giao tiếp, làm quen với cộng đồng; - Mô tả được một phần thực trạng môi trường sống, làm việc, của cộng đồng, đánh giá sơ bộ một số yếu tố liên quan đến sức khỏe; - Thực hiện được giáo dục sức khỏe liên quan đến môi trường tại cộng đồng; - Ý thức được nhiều hành vi có liên quan tới sức khỏe; GDSK là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong thay đổi hành vi;	3	HK5	Thi đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra vấn đáp
63	Thực tập YHDP II	Mô tả được thực trạng việc thực hiện các chương trình: TCMR, phòng chống tiêu chảy, phòng chống NKHHC và vệ sinh an toàn thực phẩm Thực hiện được việc truyền thông giáo dục sức khỏe về TCMR, phòng chống tiêu chảy, phòng chống NKHHC và vệ sinh an toàn thực phẩm Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiêm chủng, phòng chống tiêu chảy, NKHHC và vệ sinh an toàn thực phẩm	3	HK8	Thi đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra vấn đáp
64	Thực tập YHDP III	Thu thập được thông tin cần thiết về sức khỏe và hoạt động y tế ở cộng đồng Lập được một kế hoạch khả thi cho một hoạt động y tế cụ thể tại địa phương. Mô tả được hoạt động y tế của một trạm y tế xã/ phường. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý các hoạt động y tế của một trạm y tế xã/ phường để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK người bệnh, người dân trong cộng đồng.	3	HK12	Thi đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra vấn đáp
65	Vaccin	Mô tả được các bệnh nhiễm trùng và quá trình lan truyền của các bệnh dịch trong cộng đồng. Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh phát triển của các bệnh dịch mới nổi.	2	HK12	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
66	Khống chế các bệnh phổ biến	Trình bày được mối liên quan giữa lao động nghề nghiệp và sức khỏe Mô tả được các bệnh lý nghề nghiệp chính và nguyên tắc chẩn đoán phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp Trình bày được các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người lao động	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
67	Y học thảm họa	Kiến thức: - Trình bày những khái niệm hiện nay về thảm họa và quản lý y học thảm họa.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Nhận ra thực trạng của sức khỏe trong và sau thảm họa, đặc biệt trên đối tượng dễ bị tổn thương và giải pháp cho các vấn đề này. - Trình bày được vấn đề liên quan đến quản lý một số nội dung chăm sóc sức khỏe trong và sau thảm họa ưu tiên như: quản lý các biện pháp vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, hậu quả tâm lý sau thảm họa và điều trị sơ cấp cứu trước viện... Kỹ năng: - Phân tích được một số nội dung cơ bản của quản lý y học thảm họa: phương pháp dịch tễ học đánh giá nhanh các tình huống khẩn cấp, các giải pháp phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, phân loại chuyển viện, đáp ứng y tế trước viện, quản lý từ vong hàng loạt... - Phân tích chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đang được áp dụng tại Việt Nam và trên thế giới. Thái độ: - Nhận thức rõ về quan niệm y học thảm họa toàn diện là yếu tố quyết định thành công trong chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam.			
68	Bệnh nghề nghiệp	Trình bày được mối liên quan giữa lao động nghề nghiệp và sức khỏe Mô tả được các bệnh lý nghề nghiệp chính và nguyên tắc chẩn đoán phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp Trình bày được các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người lao động	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
69	Dinh dưỡng cộng đồng	Trình bày được nguyên tắc cơ bản, nội dung của xây dựng chương trình can thiệp dinh dưỡng cộng đồng Nêu được nội dung của đường lối can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng Nhận thức được tầm quan trọng của việc can thiệp dinh dưỡng đối với sức khỏe tại cộng đồng	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
70	Các chương trình Y tế Quốc gia	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CS BV SK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia + Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế + Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý y tế, thực hiện các chương trình y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		CSSK nhân dân			
71	Quản lý các chương trình và dự án y tế	Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của các quan điểm, chiến lược của Đảng về BV CSSK nhân dân, của công tác quản lý y tế tại cộng đồng, tại các cơ sở khám chữa bệnh Thực hành được các kỹ năng cơ bản về quản lý y tế và lập kế hoạch y tế Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý các nguồn lực y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK người bệnh, người dân trong cộng đồng.	2	HK11	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
72	Kỹ năng phân tích số liệu định lượng sử dụng các phần mềm thống kê chuyên dụng	- Kiến thức: Mô tả đúng các thành phần chính của phần mềm MS Word như giao diện màn hình, định dạng ký tự, định dạng đoạn, định dạng trang, cột và bảng biểu, đồ họa, in ấn, trộn thư và các thao tác nâng cao khác. Từ đó, vận dụng chúng vào việc soạn thảo, định dạng các tài liệu nói chung và các văn bản thường sử dụng trong lĩnh vực y học. Mô tả đúng các thành phần chính của phần mềm MS Excel như giao diện màn hình, các định dạng và thao tác trên các Workbook, Sheet, Row, Column, Cell, hàm, đồ thị và các chức năng khác; hiểu và vận dụng các hàm để giải quyết các bài toán và xử lý số liệu thống kê trong y học; trình bày dữ liệu dưới dạng đồ thị. Trình bày đúng các kiến thức liên quan đến Internet và Virus trên máy tính. Từ đó, vận dụng chúng vào việc tìm kiếm dữ liệu trên mạng; phòng ngừa và ngăn chặn virus xâm nhập vào máy vi tính. Ứng dụng các phương pháp xác suất khách quan, xác suất chủ quan để xác định khả năng xảy ra của các yếu tố bất định trong y khoa, để đánh giá xét nghiệm chẩn đoán sàng lọc, diễn giải kết quả chẩn đoán. Giải thích được quy luật, các đặc trưng của các biến ngẫu nhiên trong sinh y học. Trình bày được khái niệm các ý tưởng thống kê quan trọng như phân phối, vị trí trung tâm, độ rộng, độ phân tán, sự không chắc chắn, tính ngẫu nhiên và việc chọn mẫu. Ứng dụng phương pháp ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Ứng dụng phương pháp hồi qui và tương quan để dự đoán mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng lẫn nhau trong y học. Từ đó rút ra	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành. - Kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản MS Word để soạn thảo, trình bày tài liệu nói chung và các văn bản thường sử dụng trong lĩnh vực y học. Sử dụng thành thạo MS Excel và ứng dụng nó để quản lý cơ sở dữ liệu; trình bày dữ liệu dưới dạng đồ thị; xử lý và phân tích số liệu thống kê trong lĩnh vực y học. Sử dụng thành thạo Internet để tìm kiếm thông tin liên quan đến y học, phòng ngừa và ngăn chặn virus xâm nhập vào máy vi tính. Áp dụng các phương pháp xác suất, thống kê y học cơ bản với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS để giải quyết vấn đề thường gặp trong thực hành nghề nghiệp, trong nghiên cứu khoa học. - Thái độ: Mô tả giá trị chuyên nghiệp, tôn trọng, lắng nghe, hợp tác và đóng góp làm việc nhóm. Chứng minh giá trị chính trực học thuật, trung thực, đảm bảo giờ giấc/quản lý thời gian, không gian lận. Mô tả giá trị chuyên nghiệp, tôn trọng, lắng nghe, hợp tác và đóng góp làm việc nhóm. Trung thực, cần trọng, khách quan khi tiến hành chứng minh các giá trị khoa học, đảm bảo giờ giấc/quản lý thời gian, không gian lận.			
73	Vệ sinh thực phẩm	Trình bày được các quy định cụ thể của pháp lệnh VSATTP Nêu được nội dung kiểm soát VSTP Mô tả được các bước của một cuộc điều tra ngộ độc thực phẩm Nhận thức được tầm quan trọng của VSATTP đối với sức khỏe con người	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
74	Sức khỏe tình dục	Kiến thức: - Trình bày những khái niệm hiện nay về sức khỏe sinh sản - Nhận ra thực trạng của sức khỏe sinh sản, đặc biệt trên đối tượng dễ bị tổn thương và giải pháp cho vấn đề này - Trình bày được những khía cạnh về sức khỏe phụ nữ cũng như nhận thức về giới và giới tính. - Trình bày được vấn đề liên quan đến quản lý một số nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản ưu tiên như: quản lý các biện pháp tránh thai,	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		nhiễm khuẩn đường sinh sản, sức khỏe phụ nữ mãn kinh, vị thành niên... Kỹ năng: - Phân tích được một số nội dung cơ bản của SKSS : giới thiệu 10 nội dung SKSS, sức khỏe vị thành niên, tử vong mẹ và giải pháp, sức khỏe tình dục ... - Phân tích chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản đang được áp dụng tại Việt Nam và trên thế giới. - Thực hành tư vấn được các nội dung của sức khỏe sinh sản ưu tiên Thái độ: - Nhận thức rõ về quan niệm sức khỏe sinh sản toàn diện là yếu tố quyết định thành công trong chương trình quốc gia chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Việt Nam.			

VII. Ngành Dược học hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. + Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Củng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
8	Toán – Thống kê y dược	+ Nắm được các kiến thức toán cao cấp phục vụ cho nghiên cứu xác suất thống kê. + Nắm được các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. + Nắm được các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác định được biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. Ứng dụng các Test thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. Phân tích tương quan và hồi quy. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
9	Tin học đại cương và ứng	Phần Tin học đại cương: - Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	dụng	máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin. - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet. - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản WORD 2010 để xử lý các văn bản thông dụng. - Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL 2010 và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý số liệu, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị. Phần Tin học ứng dụng: + Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS. + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu. + Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị. + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê.			
10	Vật lý	- Những khái niệm cơ bản của cơ học, tính công và năng lượng trong một số chuyển động cơ học. Các nguyên lý của nhiệt động lực học. Cấu tạo và chuyển động của các trạng thái vật chất: khí, lỏng. Kiến thức cơ bản về các quy luật vật lý trong lĩnh vực điện học. - Kiến thức cơ bản về các quy luật vật lý trong lĩnh vực quang học, vật lý hạt nhân; ứng dụng các nguyên tắc vật lý trong các máy móc, thiết bị kỹ thuật, dụng cụ phân tích thường dùng trong lĩnh vực Y - Dược.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
11	Hóa đại cương vô cơ	- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của lý thuyết hóa học và ứng dụng của chúng trong chuyên ngành y dược. Từ đó, giúp cho sinh viên học tốt các môn y dược học cơ sở. - Kỹ năng: rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các dụng cụ và thao tác thí nghiệm hóa học cơ bản, kỹ năng tổng hợp, phân tích, biết cách tiến hành một số bài thí nghiệm hóa học nhằm mục đích lĩnh hội tốt nội dung lý thuyết. - Thái độ: nghiêm túc, kiên trì, cẩn thận, sạch sẽ, chăm chỉ và sáng tạo.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
12	Sinh học	- Kiến thức + Trình bày được cấu tạo hóa học, tính chất, vai trò của thành phần cấu tạo nên thế giới sống. + Phân biệt được đặc điểm hình thái và giải phẫu các loại mô thực vật thuộc ngành Ngọc lan dựa	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		vào cấu tạo tế bào. + Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học vào học phân dược liệu, dược cổ truyền. + Phân tích được mối tương tác về cấu trúc, chức năng và sự phát triển của con người ở các mức độ phân tử, tế bào trong điều kiện thường và bất thường. + Giải thích được cơ chế hoạt động của các quá trình chuyển vận và chuyển hóa vật chất trong tế bào. + Áp dụng các kiến thức này để giải thích cho các hiện tượng thực tiễn. + Ứng dụng tiến bộ trong các lĩnh vực nghiên cứu của sinh học góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng trong các lĩnh vực y+dược học lâm sàng, từ đó đẩy mạnh hiệu suất khám chữa bệnh, đem đến một thế giới sống ngày càng tốt đẹp. - Kỹ năng + Rèn luyện khả năng nắm bắt vấn đề đặt ra và cách giải quyết có hiệu quả Bước đầu tạo cho sinh viên kỹ năng chủ động tìm hiểu, phân tích và giải quyết những vấn đề trong quá trình lĩnh hội; tích lũy và vận dụng linh hoạt các kiến thức của học phần để giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan sau này. + Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị phục vụ học tập được sắp xếp, bố trí tại các giảng đường, các Labo,... nhằm nâng cao sự nhận biết, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực hành, từ đó hiểu sâu các vấn đề hơn. - Thái độ + Sinh viên cần phải thao tác đúng quy trình kỹ thuật làm tiêu bản thực vật.say mê học tập, thích thú tìm hiểu, khám phá những kiến thức khoa học,học tập nghiêm túc, độc lập chủ động, sáng tạo.Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về nội quy học tập do Nhà trường và Khoa + Bộ môn quy định. + Nhận biết vai trò của quá trình phân chia và quá trình trao đổi chất đối với đời sống của tế bào. + Nhận biết được tầm quan trọng của quá trình trao đổi chất và năng lượng đối với cơ thể sống.			
13	Tâm lý y học – Đạo đức y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học trong thực hành chăm sóc sức khỏe - Kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức về	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tâm lý y học , đạo đức y học trong hành nghề			
14	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe - Dân số học	Phần Truyền thông và GDSK: + Trình bày được những khái niệm cơ bản về hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe Phần Dân số học: + Nêu ra được các khái niệm cơ bản về dân số học và học thuyết dân số học. + Mô tả được cách tính các chỉ số dân số học y tế + Trình bày được nội dung, mục tiêu và các giải pháp của Chiến lược DS SKSS ở Việt nam giai đoạn 2011-2020. + Nêu được các mô hình dự báo dân số và mô tả được mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Hóa phân tích 1	- Kiến thức: + Trình bày được nguyên tắc của phương pháp phân tích thể tích và phân tích khối lượng. - Kỹ năng: + Thực hiện được các thao tác chuẩn độ và phân tích khối lượng. + Tính toán được hàm lượng của cấu tử có trong mẫu phân tích. - Thái độ: + Thực hiện đúng quy trình, điều kiện kỹ thuật khi tiến hành phân tích bằng phương pháp phân tích thể tích, phân tích khối lượng.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
16	Hóa phân tích 2	- Kiến thức: + Trình bày được các kỹ thuật xử lý mẫu. + Trình bày được nguyên tắc, cấu tạo thiết bị và ứng dụng của các phương pháp quang phổ, sắc ký và điện hóa. - Kỹ năng: + Thực hiện được các thao tác xử lý mẫu. + Vận hành được một số thiết bị phân tích hiện đại. + Định lượng được một số hợp chất bằng các phương pháp phân tích hiện đại. - Thái độ: + Nhận thức được các quy trình phân tích mẫu đạt độ tin cậy và độ chính xác cao trên các thiết bị phân tích hiện đại.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
17	Giải phẫu	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo giải phẫu của cơ thể người.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.			
18	Sinh lý	+Trình bày được chức năng của tế bào và của máu cũng như chức năng của một số cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể: hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, thận, hệ nội tiết, hệ sinh dục và hệ thần kinh trung ương. + Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó.	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về các quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp - Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Hiểu được quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể, miễn dịch tế bào và sự điều hoà các đáp ứng miễn dịch trên. Vận dụng được sự hiểu biết này vào thực tế qua công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Hóa sinh	+ Nắm vững các kiến thức khoa học cơ bản và vận dụng vào giải thích các nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm thông thường. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Hóa lý dược	+ Trình bày được động học của các phản ứng hóa học, các nguyên tắc cơ bản về xúc tác và điện cực + Trình bày được các tính chất, nguyên tắc điều chế các hệ phân tán: keo, bán keo, hệ phân tán thô, dung dịch cao phân tử và các ứng dụng trong Dược học.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Vi sinh	+ Giải thích được những quy luật phát sinh, phát triển của các Vi sinh vật gây bệnh. + Trình bày được một số phương pháp chẩn đoán căn nguyên gây bệnh và phòng bệnh có hiệu lực.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
23	Ký sinh trùng	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam + Biết được các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng + Biết được một số thuốc thường dùng trong điều	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		trị bệnh ký sinh trùng + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống			
24	Bệnh học	- Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh lý nội khoa.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Thực vật dược	+ Trình bày được các đặc điểm cấu tạo tế bào, mô thực vật, đặc điểm hình thái và giải phẫu cơ quan dinh dưỡng và sinh sản của các Taxon Tảo lam, Nấm, Thực vật bậc thấp và Thực vật bậc cao. + Trình bày được các đặc điểm, vị trí phân loại và vai trò của các bậc phân loại chính: ngành, lớp, phân lớp của Tảo lam, Nấm, Thực vật bậc thấp và các họ Thực vật bậc cao có nhiều cây làm thuốc. + Trình bày được khái niệm, tình trạng và phương pháp bảo tồn cây thuốc.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
26	Hóa hữu cơ 1	- Kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ sở trong lý thuyết hóa học hữu cơ. + Trình bày được cấu trúc hóa học, cơ chế phản ứng, tính chất, chuyển hóa và điều chế các hợp chất hữu cơ. - Kỹ năng: + Phân tích được mối liên hệ giữa cấu trúc hóa học và tính chất lý hóa của các nhóm hợp chất hữu cơ. + Vận dụng được các kiến thức về cấu trúc hóa học và cơ chế phản ứng vào lĩnh vực tổng hợp Hóa dược và Hóa học các hợp chất tự nhiên. - Thái độ: + Nhận thức đúng vai trò của việc nghiên cứu cấu trúc, tính chất của hợp chất hữu cơ trong ngành Dược.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
27	Hóa hữu cơ 2	- Kiến thức: + Trình bày được cấu trúc hóa học, cơ chế phản ứng, tính chất, chuyển hóa và điều chế các hợp chất hữu cơ. - Kỹ năng: + Xác định được các hằng số vật lý của hợp chất hữu cơ. + Thực hiện được việc định tính thành phần nguyên tố, tách biệt, tinh chế, nhận biết các hợp chất hữu cơ. + Tổng hợp được một số hợp chất hữu cơ đơn giản. + Phân tích được mối liên hệ giữa cấu trúc hóa học và tính chất lý hóa của các nhóm hợp chất hữu cơ.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Thái độ: + Nhận thức đúng các quy định về tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu và báo cáo kết quả thí nghiệm. + Nhận thức đúng vai trò của việc nghiên cứu cấu trúc, tính chất của hợp chất hữu cơ trong ngành Dược. + Tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu trong nghiên cứu và vận dụng Hóa hữu cơ.			
28	Dược lý 1	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của thuốc. - Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Dược lý 2	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của thuốc. - Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Dược liệu 1	+ Trình bày được cấu trúc, tính chất, định tính, định lượng của các nhóm carbohydrate, glycosid tim, saponin, anthranoid, flavonoid, coumarin, tanin có trong dược liệu. + Trình bày được các dược liệu điển hình đại diện cho các nhóm chất kể trên: đặc điểm thực vật, phân bố, bộ phận dùng, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, công dụng.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Dược liệu 2	+ Trình bày được khái niệm, cấu trúc hoá học, định tính, định lượng alkaloid và tinh dầu trong dược liệu. + Trình bày được các dược liệu điển hình đại diện cho hai nhóm chất kể trên: đặc điểm thực vật, phân bố, bộ phận dùng, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, công dụng. + Trình bày được cách sử dụng các sản phẩm hay bộ phận dùng làm thuốc của một số động vật làm thuốc.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
32	Hóa dược 1	- Kiến thức: + Trình bày được các nguyên tắc vận dụng trong nghiên cứu các hoạt chất làm thuốc. + Trình bày được tác dụng dược lý và cơ chế tác	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		dụng của các nhóm thuốc, các mối liên quan về cấu trúc hóa học với tính chất và tác dụng. - Kỹ năng: Thực hiện được việc điều chế và kiểm nghiệm các nguyên liệu làm thuốc - Thái độ: Tuân thủ các nguyên tắc trong điều chế và kiểm nghiệm các hoạt chất làm thuốc			
33	Hóa dược 2	- Kiến thức: + Trình bày được các nguyên tắc vận dụng trong nghiên cứu các hoạt chất làm thuốc. + Trình bày được tác dụng dược lý và cơ chế tác dụng của các nhóm thuốc, các mối liên quan về cấu trúc hóa học với tính chất và tác dụng. - Kỹ năng: Thực hiện được việc điều chế và kiểm nghiệm các nguyên liệu làm thuốc - Thái độ: Tuân thủ các nguyên tắc trong điều chế và kiểm nghiệm các hoạt chất làm thuốc	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Bào chế & Công nghệ dược 1	+ Nêu được khái niệm về bào chế học và sinh dược học. + Trình bày được kỹ thuật bào chế các dạng thuốc: dung dịch, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm, tiêm truyền, cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, nhũ tương, hỗn dịch và thuốc phun mù. + Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của các dạng thuốc trên.	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
35	Bào chế & Công nghệ dược 2	+ Trình bày được kỹ thuật bào chế các dạng thuốc: Thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên. + Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của dạng thuốc hệ phân tán rắn. + Nêu được cách xử lý các trường hợp tương kỵ hay xảy ra trong bào chế.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
36	Dược học cổ truyền	+ Trình bày được nguyên tắc sử dụng các vị thuốc Y dược học cổ truyền trong trị bệnh. Trình bày được nguyên tắc bào chế và cách bào chế, kiểm nghiệm một số vị thuốc Y dược học cổ truyền.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Pháp chế dược	- Kiến thức: + Trình bày được các kiến thức về pháp luật đại cương và pháp chế Dược. + Trình bày được một số quy định pháp lý trong ngành Dược. - Kỹ năng: Vận dụng được nội dung của một số văn bản pháp lý về quản lý Dược trong các lĩnh vực liên quan. - Thái độ: Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý Dược.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
38	Quản lý và kinh tế dược	+ Trình bày được các nội dung về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Dược. + Trình bày được đại cương về quản trị học và	3	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		quản lý cung ứng thuốc.			
39	Dược lâm sàng 1	+ Trình bày được các tiêu chuẩn lựa chọn và sử dụng thuốc hợp lý. + Trình bày được nguyên tắc phòng tránh, xử trí và điều trị dị ứng thuốc. + Nêu được các loại tương tác thuốc thường gặp. + Phân tích được các kết quả xét nghiệm lâm sàng.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
40	Dược lâm sàng 2	+ Phân tích được các nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị và sử dụng kháng sinh trong dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật. + Trình bày được các nguyên tắc sử dụng glucocorticoid. + Trình bày được các nguyên nhân thiếu, thừa vitamin – khoáng chất và cách khắc phục. + Phân tích được các nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau ngoại vi, thuốc giảm đau trung ương.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
41	Kiểm nghiệm 1	+ Trình bày được đại cương chất lượng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu, lưu mẫu và kiểm nghiệm thuốc theo GLP. + Trình bày được một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
42	Dược động học	+ Trình bày được các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể. + Trình bày được các thông số dược động học cơ bản. + Áp dụng được các phương pháp hiệu chỉnh tính liều trên bệnh nhân suy gan, suy thận. + Trình bày được phương pháp theo dõi nồng độ một số thuốc trong điều trị.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
43	Độc chất học	- Kiến thức: + Trình bày đại cương về chất độc. + Trình bày được phương pháp xử trí các trường hợp ngộ độc cấp tính và mãn tính. - Kỹ năng: + Thực hành được các quy trình kiểm nghiệm chất độc trong mẫu phân tích. - Thái độ: + Nhận thức đúng các quy định trong xử trí và điều trị giải độc. + Tham vấn được trong quá trình chẩn đoán và sử dụng thuốc điều trị ngộ độc cấp tính và mãn tính.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
44	Thực hành dược khoa 1	+ Trình bày được mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của trung tâm kiểm nghiệm thuốc. + Trình bày được công tác cung ứng và xuất nhập thuốc - y dụng cụ, công tác bảo quản thuốc, sinh phẩm, dụng cụ y tế.	3	HK7	Tự luận, Bản thu hoạch

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Trình bày được hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng, bảo quản và phân phối thuốc của công ty Dược + Trình bày được mô hình tổ chức và hoạt động của phòng nghiệp vụ dược Sở Y Tế			
45	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới	- Kiến thức: + Trình bày được các nội dung của quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới - Kỹ năng: + Xây dựng được quy trình nghiên cứu và phát triển được liệu tiềm năng. + Thực hiện được các bước trong quá trình tiêu chuẩn hóa cao nguyên liệu. + Sử dụng được các phần mềm trong thiết kế thuốc + Xây dựng được quy trình tiêu chuẩn hóa nguyên liệu hóa dược - Thái độ: + Nhận thức đúng về quá trình nghiên cứu và phát triển thuốc mới.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Tự luận
46	Dược dịch tễ	+ Trình bày được các thiết kế nghiên cứu trong dược dịch tễ và các chỉ số đánh giá sử dụng thuốc + Trình bày được phương pháp chọn mẫu, thu thập, xử lý số liệu và thiết kế bộ câu hỏi trong nghiên cứu dược dịch tễ	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
47	Marketing và thị trường dược phẩm	- Kiến thức: + Trình bày được đại cương về các chính sách và chiến lược marketing. + Trình bày được khái niệm và các đặc điểm của marketing dược. - Kỹ năng: + Xây dựng được một chiến lược marketing hỗn hợp. + Vận dụng được các chính sách và chiến lược marketing vào ngành Dược. - Thái độ: + Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động marketing trong các hoạt động của doanh nghiệp dược.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Tự luận
48	Dược xã hội học	+ Trình bày được quá trình phát triển và cơ cấu tổ chức của ngành y tế. + Trình bày được mục tiêu, định hướng, nội dung chính sách và giải pháp chủ yếu trong chính sách quốc gia về Dược. + Trình bày được nội dung của chương trình y tế quốc gia, chương trình thuốc thiết yếu và bảo hiểm y tế. + Trình bày được vai trò và nội dung của công tác Dược bệnh viện.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Trình bày được vai trò của dược cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu			
49	Nhóm GP (GDP, GSP, GPP, GMP, GLP)	- Kiến thức: + Trình bày được các nội dung trong công tác quản lý chất lượng thuốc và các tiêu chuẩn thực hành tốt. - Kỹ năng: + Xây dựng được mô hình thực hành nhà thuốc tốt và thực hành phân phối thuốc tốt - Thái độ: + Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý chất lượng thuốc + Thực hiện đúng các quy định về thực hành tốt trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản, phân phối và bán lẻ thuốc ở từng lĩnh vực liên quan.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Tự luận
50	Sản xuất thuốc 1	+ Trình bày được các loại phản ứng chính sử dụng trong công nghiệp hóa dược. + Phân tích được các quá trình ảnh hưởng đến chiết xuất dược liệu. + Trình bày được một số thiết bị và phương pháp chiết xuất trong ngành dược. + Trình bày được kỹ thuật sinh tổng hợp một số hoạt chất ứng dụng trong ngành y dược.	4	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Sản xuất thuốc 2	+ Trình bày được một số quá trình công nghệ cơ bản trong bào chế dược phẩm ở quy mô công nghiệp. + Trình bày được kỹ thuật sản xuất các dạng thuốc ở quy mô công nghiệp: thuốc tiêm, thuốc viên nén, thuốc viên tròn, thuốc viên nang và bao bì đóng gói dược phẩm.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	+ Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú) + Phân tích được việc sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
53	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	+ Nêu được cách xử trí khi nghi ngờ xuất hiện phản ứng bất lợi của thuốc và cách báo cáo. + Trình bày được các hoạt động cảnh giác dược hiện nay. + Phân tích được việc sử dụng thuốc trên một số ca lâm sàng.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
54	Hóa sinh lâm sàng	+ Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
55	Trồng và phát triển cây thuốc	+ Trình bày được thực trạng trồng và phát triển cây thuốc ở Việt Nam, biện pháp bảo vệ và phát triển nguồn gen cây thuốc + Trình bày được các chính sách quy hoạch và phân vùng trồng cây thuốc + Trình bày được khái niệm, nguyên tắc, nội dung về thực hành trồng trọt và thu hái cây thuốc theo GACP (GAP và GCP)	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
56	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	+ Trình bày được các phương pháp, quy trình chiết xuất và định tính, định lượng các hợp chất tự nhiên. + Trình bày được các phương pháp phân lập và xác định cấu trúc của một số hợp chất tinh khiết.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
57	Thực hành dược khoa 2	+ Trình bày được quy trình nghiên cứu sản phẩm mới và quy trình sản xuất thuốc viên, thuốc kem, mỡ. + Trình bày được hoạt động đảm bảo và kiểm tra chất lượng thuốc tại trung tâm kiểm nghiệm thuốc theo nguyên tắc GLP và ISO 17025.	2	HK9	Tự luận, Bản thu hoạch
58	Kiểm nghiệm 2	+ Trình bày được một số phương pháp kiểm nghiệm các nguyên liệu thuốc, tá dược, vật liệu bao gói và các dạng thuốc bào chế đặc biệt. + Trình bày được một số phương pháp kiểm nghiệm dược lý vi sinh đặc thù.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
58	Ứng dụng phương pháp điện hóa/ KN	+ Trình bày được nguyên lý của một số phương pháp điện hóa: đo thế, phân tích von – ampe. + Trình bày được các ứng dụng của phương pháp đo thế, phân tích von – ampe vào phân tích kiểm nghiệm thuốc	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
59	Điện di và các phương pháp sắc ký	- Kiến thức: + Trình bày được nguyên lý của điện di mao quản, các phương pháp sắc ký và ứng dụng các phương pháp này vào phân tích kiểm nghiệm thuốc. - Kỹ năng: + Thực hiện được một số quy trình phân tích kiểm nghiệm bằng điện di và một số phương pháp sắc ký - Thái độ: + Nhận thức đúng trong việc xây dựng và thực hiện một quy trình phân tích đảm bảo độ tin cậy và chính xác trên các thiết bị máy điện di và sắc ký.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
60	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm	- Kiến thức: + Trình bày được các khái niệm về công tác đảm bảo chất lượng trong PTN đạt GLP và ISO 17025. - Kỹ năng: + Phân tích được chức năng và cấu trúc của sổ	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tay chất lượng trong PTN - Thái độ: + Nhận thức đúng phương pháp quản lý hồ sơ chất lượng theo hệ thống GLP và ISO 17025. + Nhận thức đúng trong việc xây dựng và đảm bảo hệ thống chất lượng của một PTN có độ tin cậy cao.			
61	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	+ Trình bày được các quá trình biến đổi vật lý, hoá học, sinh học xảy ra liên quan đến độ ổn định thuốc. + Trình bày được ảnh hưởng của các điều kiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển liên quan đến độ ổn định thuốc và các biện pháp nâng cao độ ổn định của thuốc. + Trình bày được phương pháp xác định tuổi thọ và phương pháp tính toán thời hạn sử dụng thuốc.	2	HK9	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
62	Một số dạng bào chế đặc biệt	+ Trình bày được đại cương về thuốc tác dụng kéo dài. + Trình bày được quy trình bào chế và phương pháp đánh giá chất lượng của viên nén tác dụng kéo dài. + Trình bày được quy trình bào chế và phương pháp đánh giá chất lượng của viên nén lưu giữ thuốc tại dạ dày.	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
63	Mỹ phẩm	+ Nêu được định nghĩa, tính chất, nguyên tắc sử dụng và các quy chế quản lý mỹ phẩm + Trình bày được cấu trúc, tác dụng của các loại hóa chất sử dụng trong mỹ phẩm dành cho da và tóc + Trình bày được đặc điểm và phương pháp bào chế một số dạng mỹ phẩm thông dụng	2	HK10	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

VIII. Ngành Điều dưỡng đa khoa hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		Nam.			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
8	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng để soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng MS Word; sử dụng MS Excel để nhập, xử lý và thống kê số liệu. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Internet và virus máy tính. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất trong y học: một số ứng dụng của Xác suất trong xét nghiệm chẩn đoán sàng lọc; một số quy luật phân phối, các đặc trưng của các biến ngẫu nhiên trong sinh y học. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê y học: Các khái niệm cơ bản về lý thuyết mẫu, phương pháp chọn mẫu và phân phối mẫu; Khái niệm và cách xác định biến số cần thiết trong nghiên cứu sức khỏe; Bài toán ước lượng tham số và các bài toán kiểm định giả thiết thống kê ứng dụng trong y học; Phân tích hồi qui và tương	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		quan; Cách tính cỡ mẫu nghiên cứu. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về phần mềm thống kê SPSS: Làm quen với một số thao tác xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm thống kê SPSS bao gồm mô tả dữ liệu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi qui và tương quan.			
9	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, về các qui luật của sự vận động và biến đổi của các chất. Dự đoán khả năng và chiều hướng của các quá trình hóa học. Ứng dụng của chúng trong chuyên ngành Y-Dược. - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nguyên lý vật lý cơ bản thường diễn ra và có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học và hệ thống sống, các hiện tượng điện sinh học, các hiện tượng âm trên cơ thể sống, ảnh hưởng của ánh sáng và bức xạ lên cơ thể sống, ...	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
10	Sinh học và Di truyền	Sinh học: + Cung cấp những vấn đề cơ bản và hiện đại về thế giới sống, cấu trúc và quy luật hoạt động của chúng, bao gồm sinh học tế bào, sự sinh sản và phát triển phôi và mối quan hệ giữa con người và môi trường. + Chỉ ra một số bệnh lý ở mức độ tế bào đối với cơ thể người. + Cung cấp một số kiến thức nền cho việc học những môn chuyên ngành như: hóa sinh lâm sàng, sinh lý, miễn dịch,..... Di truyền" + Trình bày được cấu trúc và chức năng của gen người. + Mô tả được các đột biến gen và hậu quả của đột biến gen. + Mô tả các đặc tính của đột biến đơn gen trên nhiễm sắc thể thường, đột biến đơn gen di truyền liên kết với giới tính và di truyền ty thể. +Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Mô tả các đặc tính của kiểu di truyền đa yếu tố. + Mô tả các đặc tính của di truyền học quần thể. + Trình bày được các mục tiêu, lợi ích của việc	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, các kỹ thuật ứng dụng trong chẩn đoán trước sinh như siêu âm, nuôi cấy tế bào nước ối, lấy mẫu nhung mao màng đệm.			
11	Tâm lý y học – Đạo đức Y học, Pháp luật - Tổ chức Y tế	- Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CS BV SK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia. - Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học. - Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế. - Áp dụng tâm lý y học, đạo đức y học trong giao tiếp với cộng đồng. - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý y tế, thực hiện các chương trình y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK nhân dân. - Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
12	Nghiên cứu khoa học	- Kiến thức: + Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH). + Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch. - Kỹ năng: + Xây dựng được một đề cương NCKH. + Diễn giải được nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Thái độ: + Nhận thức được tầm quan trọng của PP NCKH trong y tế công cộng.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Giải phẫu	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo giải phẫu của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Mô phôi	- Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế	2	HK2	Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. - Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . -Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học.			Trắc nghiệm
15	Sinh lý	+ Trình bày được chức năng của hồng cầu và của một số cơ quan trong cơ thể: tim, động mạch, dạ dày, cầu thận, tuyến giáp và nơ ron. +Trình bày được sinh lí điều nhiệt.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp - Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Hiểu được quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể , miễn dịch tế bào và sự điều hoà các đáp ứng miễn dịch trên. Vận dụng được sự hiểu biết này vào thực tế qua công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
17	Hóa sinh	+ Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Dược lý	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của nhóm thuốc. - Kỹ năng: Vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.			
19	Vi sinh vật	+ Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn và virus. + Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm trùng thường gặp. + Trình bày được cách lấy, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Ký sinh trùng	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	- Trình bày được vai trò, nhu cầu của dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với sức khỏe. - Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý, không đảm bảo vệ sinh gây ra. - Trình bày được mục tiêu, nội dung của giám sát dinh dưỡng và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng - Trình bày được những nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế và chế độ ăn trong một số bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. - Mô tả những yếu tố nguy cơ từ môi trường tác động đến sức khỏe con người. - Trình bày những tác hại từ môi trường lao động ảnh hưởng lên sức khỏe người lao động. - Trình bày những biện pháp nhằm giảm thiểu các tác hại từ môi trường đến sức khỏe cộng đồng. - Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản liên quan đến sức khỏe, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe - Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của truyền thông giáo dục sức khỏe trong quá trình thay đổi hành vi sức khỏe - Kỹ năng:	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+Thực hiện được các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe để thay đổi hành vi sức khỏe + Sử dụng được các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe			
23	Y học cổ truyền	- Nắm được các học thuyết của YHCT - Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị theo YHCT - Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc và nâng cao sức khỏe bằng YHCT	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	- Kiến thức: Trình bày được các kiến thức về các kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng thảo luận nhóm, khai thác bệnh sử trong thực hành điều dưỡng - Kỹ năng: Thực hành được kỹ năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau trên từng bệnh nhân khác nhau. - Thái độ: + Nhận thức được tầm quan trọng của việc giao tiếp đối với quy trình chăm sóc bệnh nhân. + Thể hiện được các yêu cầu về quy tắc ứng xử, giao tiếp trong khi thực hiện các quy trình điều dưỡng.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	- Kiến thức: Trình bày được các kiến thức về giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng - Kỹ năng: Thực hành được kỹ năng giáo dục sức khỏe trong các tình huống khác nhau trên từng bệnh nhân khác nhau. - Thái độ: + Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục sức khỏe đối với quy trình chăm sóc bệnh nhân. + Thể hiện được các yêu cầu về quy tắc ứng xử, giao tiếp trong khi thực hiện các quy trình điều dưỡng.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Điều dưỡng cơ sở 1	+ Trình bày được các kiến thức về lịch sử ngành điều dưỡng, các nhu cầu của con người... + Trình bày được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng về đo dấu hiệu sống chuẩn bị giường bệnh, tiếp nhận bệnh nhân ra vào viện,...	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Điều dưỡng cơ sở 2	+ Trình bày được các kiến thức về chăm sóc theo các giai đoạn phát triển của cơ thể, chăm sóc bệnh nhân đau, bệnh nhân rối loạn giấc ngủ + Trình bày được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng về tiêm truyền, cấp cứu bệnh nhân ngừng hô hấp tuần hoàn, đặt thông tiểu, sonde dạ dày,...	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
28	Điều dưỡng cơ sở 3	Trình bày được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản về ngoại khoa như sơ cứu gãy xương, sơ cứu vết thương mạch máu, băng bó, rửa bàng quang trên xương mu; về nội khoa như phun khí dung, đo đường máu mao mạch, cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn,	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	- Kiến thức: Trình bày được quy trình nhiễm khuẩn và cách phòng ngừa nhiễm khuẩn, quy trình vô khuẩn tiết khuẩn, rửa tay. - Kỹ năng: Thực hành thuần thực được các các kỹ năng điều dưỡng cơ bản như hút đờm giải; cách sử dụng bơm tiêm điện, sử dụng và theo dõi máy monitoring; khâu da, buộc và cắt chỉ. - Thái độ: + Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện đúng, chính xác và thuần thực các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. + Thể hiện được các yêu cầu về quy tắc ứng xử, giao tiếp trong khi thực hiện các quy trình điều dưỡng.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	- Kiến thức: + Thăm khám và phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của cơ quan tim mạch và hô hấp. + Trình bày được kiến thức các bệnh lý thường gặp về tim mạch và hô hấp. + Thực hiện được cách chăm sóc các bệnh về tim mạch và hô hấp. - Kỹ năng: + Phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân về các bệnh tim mạch và hô hấp. + Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc các bệnh về tim mạch và hô hấp. -. Thái độ: + Nhận thức đúng và chính xác trong quá trình chăm sóc người bệnh. + Thực hiện các quy trình chăm sóc chính xác và kịp thời. + Có thái độ thông cảm, ân cần với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	+ Thăm khám và phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của cơ quan tiêu hóa và cơ xương khớp. + Trình bày được kiến thức các bệnh lý thường gặp về bệnh lý tiêu hóa và cơ xương khớp. + Thực hiện được cách chăm sóc các bệnh về tiêu hóa và cơ xương khớp.	3	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
32	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực 1	- Kiến thức: + Trình bày được kiến thức các bệnh lý trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch. + Trình bày được cách chăm sóc các bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch. - Kỹ năng: + Phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch. + Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc các bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch. - Thái độ: + Nhận thức đúng và đầy đủ nhu cầu của người bệnh trong quá trình chăm sóc. + Thực hiện các quy trình chăm sóc chính xác, khẩn trương và kịp thời. + Có thái độ thông cảm, ân cần với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Cung cấp cho học viên kiến thức về chăm sóc thể chất và tinh thần, các bệnh mạn tính ở người cao tuổi nhằm tăng cường sức khỏe và nâng cao chất lượng chăm sóc cho người cao tuổi	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	+ Thăm khám và phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của cơ quan tiết niệu và tiêu hóa. + Trình bày được kiến thức về chăm sóc các bệnh lý thường gặp về tiết niệu và tiêu hóa.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	+ Thăm khám và phân tích được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của cơ quan cơ xương khớp và thần kinh. + Trình bày được kiến thức về chăm sóc các bệnh lý thường gặp về xương khớp và thần kinh.	3	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
36	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng I	+ Trình bày được các đặc điểm sinh lý, giải phẫu thay đổi của thai phụ khi mang thai, qui trình chăm sóc thai phụ trước, trong khi đẻ, chăm sóc sản phụ sau đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh. + Trình bày được các đặc điểm bệnh lý của thai phụ, qui trình chăm sóc thai phụ bệnh lý. + Trình bày các đặc điểm bệnh lý về phụ khoa và cách chăm sóc. + Trình bày và tư vấn được cách sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng II	- Kiến thức: + Trình bày được quy trình chăm sóc thai phụ trước, trong khi đẻ, chăm sóc sản phụ sau đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh. + Trình bày được các đặc điểm bệnh lý của thai phụ, qui trình chăm sóc thai phụ bệnh lý.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Trình bày các đặc điểm bệnh lý về phụ khoa và cách chăm sóc. + Trình bày và tư vấn được cách sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình			
38	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	- Mô tả được vai trò người điều dưỡng Nhi khoa trong chăm sóc sức khỏe trẻ em. - Trình bày được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ em có các bệnh lý nhi khoa phổ biến, thường gặp.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	Trình bày được quy trình điều dưỡng chăm sóc sức khỏe trẻ em đối với các bệnh lý Nhi khoa thường gặp	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
40	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	- Trình bày được kiến thức các bệnh lý thường gặp về truyền nhiễm. - Thực hiện được cách chăm sóc các bệnh về truyền nhiễm.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
41	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	+ Trình bày được các triệu chứng và hội chứng của các rối loạn tâm thần thường gặp + Kể ra được một số yếu tố khởi phát, các thể bệnh, diễn tiến lâm sàng và tiên lượng của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Mô tả được một số cách phòng ngừa và các dấu hiệu tái phát của một số rối loạn tâm thần thường gặp + Giải thích được các tác dụng phụ thường gặp của một số loại thuốc hướng thần như thuốc chống loạn thần, thuốc chống trầm cảm, thuốc chỉnh khí sắc, thuốc chống lo âu. + Liệt kê được các bước cần có của một quy trình điều dưỡng + Phân tích được một kế hoạch điều dưỡng	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
42	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	Chương trình nhằm giúp cho các Cử nhân Điều dưỡng có kiến thức cơ bản về chuyên ngành VLTL-PHCN để góp phần vào việc chăm sóc, điều trị và phòng ngừa khuyết tật, nhằm giúp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của nhân dân	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	+ Trình bày được được các khái niệm về sức khỏe cộng đồng, qui trình điều dưỡng cộng đồng và quản lý sức khỏe cộng đồng. + Trình bày được cách xác định nhu cầu điều dưỡng cộng đồng, xây dựng một kế hoạch hành động và các phương pháp điều tra cộng đồng.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	Quản lý điều dưỡng	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách quản lý cũng như cách điều hành trong công tác	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		điều dưỡng. Kỹ năng: Nhận định được công tác quản lý về các lĩnh vực có liên quan đến điều dưỡng, cũng như cách đánh giá về các vấn đề quản lý thường gặp. Thái độ: Có nhận thức đúng và có trách nhiệm trong công tác quản lý Điều dưỡng.			
45	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực 2	+ Trình bày được cách đánh giá, theo dõi và các biện pháp chăm sóc các bệnh nhân suy hô hấp, sốc và hôn mê. + Nêu được mục đích, chỉ định và kỹ thuật thực hiện các biện pháp sử dụng trong chăm sóc bệnh nhân nặng như liệu pháp oxy, chăm sóc bệnh nhân đặt nội khí quản, mở khí quản và nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống thông dạ dày. + Mô tả được các biểu hiện lâm sàng để chẩn đoán và cách xử trí trường hợp cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
46	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Lao	- Trình bày được đặc điểm bệnh lao hiện nay - Trình bày được các triệu chứng nghi lao - Nắm được nguyên tắc và phác đồ điều trị lao của chương trình chống lao quốc gia - Nhận thức được tầm quan trọng của bệnh lao trong cộng đồng và tư vấn được các biện pháp phòng ngừa bệnh lao.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Da liễu	- Kiến thức: Sinh viên hiểu được kiến thức về các bệnh da liễu thường gặp bao gồm: dịch dễ, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và chăm sóc - Thái độ: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, lâm sàng. Làm bài tập theo nhóm và thuyết trình - Kỹ năng: Thực hành khám và chăm sóc các bệnh thông thường	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
48	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Mắt	- Trình bày được các triệu chứng chính của một số bệnh mắt thường gặp - Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh về mắt - Hướng dẫn cho bệnh nhân và gia đình biết cách chăm sóc bệnh về mắt	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Chăm sóc sức khỏe người bệnh TMH	- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và chẩn đoán các bệnh thông thường trong TMH. - Nêu lên được các biến chứng và hướng điều trị các bệnh thông thường trong TMH - Mô tả được cách chăm sóc điều dưỡng và cách	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		dự phòng các bệnh thông thường trong TMH.			
50	Chăm sóc sức khỏe người bệnh RHM	- Trình bày được đặc điểm bệnh học các bệnh răng miệng thông thường. - Trình bày được nguyên tắc sơ cứu và hướng chăm sóc các cấp cứu và hậu phẫu Răng - Hàm - Mặt thường gặp.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Nội cơ sở và bệnh lý	- Khám và chẩn đoán được một số hội chứng thường gặp. - Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý nội khoa.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Ngoại cơ sở và bệnh lý	+ Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp + Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
53	Sản cơ sở và bệnh lý	- Mô tả được về giải phẫu, sinh lý, tâm lý của bà mẹ khi chuyển dạ và đẻ. - Mô tả được giải phẫu thai nhi liên quan đến quá trình chuyển dạ và đẻ. - Kể ra được các yếu tố chuyển dạ bình thường. - Chẩn đoán được các trường hợp thai nghén có nguy cơ cao và bệnh lý kèm theo.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
54	Nhi cơ sở và bệnh lý	+ Trình bày được các kiến thức cơ sở Nhi khoa + Trình bày được đặc điểm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh thường gặp ở trẻ em. + Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các chẩn đoán phân biệt và cách định hướng tìm nguyên nhân một số bệnh thường gặp ở trẻ em. + Nêu được một số phác điều trị điều trị bệnh thường gặp ở trẻ em.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
55	Thực tế nghề nghiệp	Kiến thức: Trình bày được quy trình điều dưỡng về các bệnh lý thường gặp về nội khoa và ngoại khoa. Kỹ năng: - Phát hiện được các nhu cầu của bệnh nhân về các bệnh nội khoa và ngoại khoa. - Lập và thực hiện được quy trình chăm sóc các bệnh về nội khoa và ngoại khoa. Thái độ: - Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực	2	HK8	Viết chuyên đề

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		hiện đúng và chính xác các quy trình điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh. - Có thái độ thông cảm, ân cần với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.			

IX. Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Hiểu được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. + Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Cũng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Lịch sử Đảng	Môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	HK4	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	Cộng sản Việt Nam	nhằm giúp cho sinh viên: - Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.			Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐH H quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng chuyên ngành giải phẫu học đại cương về các bộ phận và các hệ thống trong cơ thể con người, các từ cơ bản về bệnh lý - Cung cấp một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn, giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành cơ bản. - Ngoài ra, giúp sinh viên có thể nghe quen các từ chuyên ngành và giao tiếp được trong các tình huống đơn giản trong ngành y.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
8	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có khả năng: - Kiến thức: • Mô tả đúng các thành phần chính của phần mềm MS Word như giao diện màn hình, định dạng ký tự, định dạng đoạn, định dạng trang, cột và bảng biểu, đồ họa, in ấn, trộn thư và các thao tác nâng cao khác. Từ đó, vận dụng chúng vào việc soạn thảo, định dạng các tài liệu nói chung và các văn bản thường sử dụng trong lĩnh vực y học. • Mô tả đúng các thành phần chính của phần mềm MS Excel như giao diện màn hình, các định dạng và thao tác trên các Workbook, Sheet, Row, Column, Cell, hàm, đồ thị và các chức năng khác; hiểu và vận dụng các hàm để giải quyết các bài toán và xử lý số liệu thống kê trong y học; trình bày dữ liệu dưới dạng đồ thị. • Trình bày đúng các kiến thức liên quan đến Internet và Virus trên máy tính. Từ đó, vận dụng chúng vào việc tìm kiếm dữ liệu trên mạng; phòng ngừa và ngăn chặn virus xâm nhập vào máy vi tính. • Ứng dụng các phương pháp xác suất khách quan, xác suất chủ quan để xác định khả	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		năng xảy ra của các yếu tố bất định trong y khoa, để đánh giá xét nghiệm chẩn đoán sàng lọc, diễn giải kết quả chẩn đoán. • Giải thích được quy luật, các đặc trưng của các biến ngẫu nhiên trong sinh y học. • Trình bày được khái niệm các ý tưởng thống kê quan trọng như phân phối, vị trí trung tâm, độ rộng, độ phân tán, sự không chắc chắn, tính ngẫu nhiên và việc chọn mẫu. • Ứng dụng phương pháp ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê phù hợp với từng nghiên cứu. • Ứng dụng phương pháp hồi qui và tương quan để dự đoán mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng lẫn nhau trong y học. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành. - Kỹ năng: • Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản MS Word để soạn thảo, trình bày tài liệu nói chung và các văn bản thường sử dụng trong lĩnh vực y học. • Sử dụng thành thạo MS Excel và ứng dụng nó để quản lý cơ sở dữ liệu; trình bày dữ liệu dưới dạng đồ thị; xử lý và phân tích số liệu thống kê trong lĩnh vực y học. • Sử dụng thành thạo Internet để tìm kiếm thông tin liên quan đến y học, phòng ngừa và ngăn chặn virus xâm nhập vào máy vi tính. • Áp dụng các phương pháp xác suất, thống kê y học cơ bản với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS để giải quyết vấn đề thường gặp trong thực hành nghề nghiệp, trong nghiên cứu khoa học. - Thái độ: • Mô tả giá trị chuyên nghiệp, tôn trọng, lắng nghe, hợp tác và đóng góp làm việc nhóm. • Chứng minh giá trị chính trực học thuật, trung thực, đảm bảo giờ giấc/quản lý thời gian, không gian lận. • Mô tả giá trị chuyên nghiệp, tôn trọng, lắng nghe, hợp tác và đóng góp làm việc nhóm. Trung thực, cẩn trọng, khách quan khi tiến hành chứng minh các giá trị khoa học, đảm bảo giờ giấc/quản lý thời gian, không gian lận.			
9	Hóa học và Vật Lý – Lý Sinh	- Kiến thức: Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng: Ứng dụng được các qui luật của sự vận động và biến đổi (nguyên lí I, II nhiệt động hóa học, định luật Hess, tốc độ phản ứng – xúc tác	3	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		enzym, cân bằng hóa học), hiệu ứng electron từ đó dự đoán khả năng, chiều hướng của các quá trình hóa học và cơ chế phản ứng, hướng phản ứng theo ý muốn trong thực tế và cơ thể sống. Vận dụng được vào một số hiện tượng liên quan đến đời sống, sức khỏe con người (nhiệt độ sôi, nhiệt độ đông đặc, áp suất thẩm thấu, độ tan, phức chất, pH dung dịch, dung dịch đệm, hệ keo). Giải thích được tính chất hóa học của Hydrocacbon, Dẫn xuất halogen, Alcol – Phenol, Aldehyd – Ceton, Acid carboxylic - dẫn xuất, Amin – Aminoacid, Glucid). Xác định được các loại đồng phân (hình học, quang học) và danh pháp của các hợp chất hữu cơ (thông thường, IUPAC); ứng dụng trong y – dược học của một số loại đồng phân. Trình bày lại được bản chất ánh sáng; cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng; phương pháp ghi đo các đại lượng vật lý trong nghiên cứu chức năng y sinh học; hiện tượng điện di và ứng dụng của nó; tác dụng của tác nhân vật lý đối với hệ thống sống. Áp dụng được các định luật quang hình học để giải bài tập. Áp dụng được các nguyên tắc Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trong hệ thống sống cũng như trong lĩnh vực y sinh. Hiểu và trình bày được cơ chế thụ cảm ánh sáng ở mắt người, nguyên tắc tạo ảnh qua kính hiển vi. Giải thích được các phân tích định tính và định lượng của các chất. Mô tả được nguyên lý và ưu điểm của máy quang phổ. Hiểu được bản chất Vật lý của sóng âm và sóng siêu âm. Trình bày được các ứng dụng của sóng âm và siêu âm trong Y học. Áp dụng được các nguyên tắc trong laser để ứng dụng trong lĩnh vực Y sinh. Giải thích được cấu tạo, cơ chế hoạt động của các loại laser khác nhau. Giải thích được nguyên tắc hoạt động của hiện tượng siêu ly tâm. Áp dụng những kiến thức đã biết trong việc sử dụng máy siêu ly tâm trong các phòng xét nghiệm. Giải thích tác dụng bức xạ lên cơ thể sống, ứng dụng vật lý nguyên tử và hạt nhân. Giải quyết các bài tập liên quan sử dụng bức xạ.			

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Kỹ năng: Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng: Sử dụng thành thạo các dụng cụ và thao tác thí nghiệm hóa học cơ bản thực hiện trong phòng thí nghiệm nói chung, phòng xét nghiệm nói riêng. Thực hiện một số bài thí nghiệm hóa học và tiến hành phân tích kết quả đạt được. Rèn luyện thành thạo các kỹ năng làm việc (bàn tay khéo léo, quan sát hiện tượng, tuân thủ quy trình, nhận định, đánh giá, cẩn thận, sạch sẽ, chu đáo,...) Sử dụng thành thạo các dụng cụ và thao tác thí nghiệm lý sinh cơ bản thực hiện trong phòng thí nghiệm nói chung, phòng xét nghiệm nói riêng. Thực hiện một số bài thí nghiệm lý sinh, phân tích kết quả đạt được, rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập. - Thái độ: Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có thể: Mô tả giá trị chuyên nghiệp, tôn trọng, lắng nghe, hợp tác và đóng góp làm việc nhóm. Chứng minh giá trị chính trực học thuật, trung thực, đảm bảo giờ giấc/quản lý thời gian, không gian lận. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm. Có kỹ năng làm việc độc lập, biết cách tìm kiếm thông tin và tổng hợp thông tin.			
10	Sinh học và di truyền	+ Cung cấp những vấn đề cơ bản và hiện đại về thế giới sống, cấu trúc và quy luật hoạt động của chúng, bao gồm sinh học tế bào, sự sinh sản và phát triển phôi và mối quan hệ giữa con người và môi trường. + Chỉ ra một số bệnh lý ở mức độ tế bào đối với cơ thể người. + Cung cấp một số kiến thức nền cho việc học những môn chuyên ngành như: hóa sinh lâm sàng, sinh lý, miễn dịch,.....	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
11	Nghiên cứu khoa học	Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
12	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học - Kỹ năng: Áp dụng tâm lý y học, đạo đức y	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học - Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học			
13	Giải phẫu	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo giải phẫu của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Sinh lý học	Kiến thức: Trình bày được chức năng của hồng cầu, nhóm máu và của một số cơ quan trong cơ thể : tim, động mạch, hệ hô hấp, dạ dày, cầu thận, tuyến thượng thận và nơ ron. Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức sinh lý để học tốt các môn học sơ sở ngành, môn chuyên ngành... và trong thực hành nghề nghiệp sau này. Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm thông thường về máu. Sử dụng được một số máy thăm dò chức năng đơn giản. Nhận dạng được các tế bào máu dưới kính hiển vi quang học Thực hiện được một số thủ thuật trên động vật thí nghiệm, giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm và liên hệ được với lý thuyết.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	- Trình bày được các khái niệm có bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, lão hóa, tử vong,.... -Giải thích được các cơ chế bệnh sinh cũng như biểu hiện của các rối loạn thường gặp gồm viêm, sốt, rối loạn nước - điện giải và rối loạn cân bằng kiềm-toan. -Trình bày được vai trò của các thành phần thuộc miễn dịch tự nhiên và miễn dịch thu được. -Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Vận dụng được kiến thức lý thuyết để trình bày được nguyên lý và ứng dụng của một số kỹ thuật miễn dịch.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Giải phẫu bệnh	2.1. Mô tả được cấu tạo bình thường của các	2	HK3	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	Mô phôi	loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. 2.2. Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. 2.3. Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . 2.4. Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. 2.5. Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. 2.6. Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học. 2.7. Trình bày được những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý 2.8. Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của chẩn đoán giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng 2.9. Vận dụng được kiến thức về lý thuyết và thực hành Giải phẫu bệnh để phân tích, nhận định và áp dụng vào chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh Y học			Trắc nghiệm
17	Dược lý	- Kiến thức: Trình bày được các loại thuốc, nhóm thuốc và vấn đề dược lý liên quan của nhóm thuốc. - Kỹ năng: Vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc trong thực tiễn công việc. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Điều dưỡng cơ bản	- Kiến thức: Trình bày được các loại thuốc, nhóm thuốc và vấn đề dược lý liên quan của nhóm thuốc. - Kỹ năng: Vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc trong thực tiễn công việc. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Bệnh học Nội khoa và Ngoại	Phần Bệnh học Nội khoa Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh lý nội	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	khoa	khoa cơ bản Phân Bệnh học Ngoại khoa + Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên			
20	Hóa sinh	+ Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Dinh dưỡng–SKMT, dịch tễ học	Kiến thức Trình bày được vai trò, nhu cầu của dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với sức khỏe. Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý, không đảm bảo vệ sinh gây ra. Trình bày được mục tiêu, nội dung của giám sát dinh dưỡng và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng Trình bày được những nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế và chế độ ăn trong một số bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. Mô tả những yếu tố nguy cơ từ môi trường tác động đến sức khỏe con người. Trình bày những tác hại từ môi trường lao động ảnh hưởng lên sức khỏe người lao động. Trình bày những biện pháp nhằm giảm thiểu các tác hại từ môi trường đến sức khỏe cộng đồng. Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. Kỹ năng Phát hiện được được một số vấn đề dinh dưỡng phổ biến tại cộng đồng. Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của một đối tượng trong cộng đồng. Phát hiện được các vấn đề sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		nâng cao sức khỏe cộng đồng. Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng. Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch ở cộng đồng. Thái độ Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và an toàn thực phẩm đối với sức khỏe con người. Nhận thức được tầm quan trọng của các yếu tố môi trường – nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong YTCC.			
22	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học 1	- Kiến thức: + Trình bày được bản chất tia X và nguyên lý phát tia X. + Trình bày được sơ đồ cấu tạo máy X quang và bóng X quang. + Trình bày được nguyên lý tạo ảnh siêu âm + Trình bày được nguyên lý tạo ảnh Cắt lớp vi tính + Trình bày được nguyên lý tạo ảnh Cộng hưởng từ - Kỹ năng: + Giao tiếp và tư vấn được về vai trò, ứng dụng của các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh. + Nắm được nguyên lý hoạt động, cấu tạo của các hệ thống X quang, siêu âm, CLVT, CHT - Thái độ: + Thực hiện đúng các nội dung về vận hành các hệ thống kỹ thuật hình ảnh. + Tôn trọng các quy định về đạo đức, ứng xử, trách nhiệm của kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh, các quy định liên quan đến thực hành các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
23	Giải phẫu X-quang thường quy	- Phân tích được mối liên quan giữa giải phẫu sinh lý – tư thế chụp X quang và giải phẫu X quang. - Nắm chắc về các mốc giải phẫu trên phim X quang thường quy.	4	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
24	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 1	- Nắm chắc về tư thế và các thông số kỹ thuật chụp X quang thường quy. - Thực hành được kỹ thuật chụp phim X quang thường quy tất cả các tư thế thẳng, nghiêng chếch cơ bản.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
25	Kỹ thuật chụp X-quang đặc	2.1 Kiến thức và kỹ năng - Hiểu được chỉ định, chống chỉ định, xử trí	4	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	biệt 1	phản ứng không dung nạp, thuốc đối quang - Hiểu được chỉ định, chống chỉ định và các phương tiện dụng cụ cần thiết trong các xét nghiệm kỹ thuật chụp X quang đặc biệt - Hiểu rõ về tư thế, kỹ thuật chụp, các thông số kỹ thuật và các kỹ thuật bổ sung. - Thực hành làm được các kỹ thuật X quang đặc biệt 2.2 Thái độ. - Tuân thủ nguyên tắc vô khuẩn và khuẩn trong xét nghiệm kỹ thuật X quang đặc biệt. - Thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ của người kỹ thuật viên. - Tôn trọng các quy định về đạo đức, ứng xử, trách nhiệm của người kỹ thuật viên; các Luật, quy định liên quan đến thực hành. - Tôn trọng, cảm thông với người bệnh được xét nghiệm			
26	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	+ Nêu được các trang thiết bị ghi nhận ảnh X quang, hệ thống CR, DR + Hiểu được nguyên lý hoạt động của quy trình tráng rửa in phim tự động. + Hệ thống lưu giữ hình ảnh PACS, RIS, workstation...	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	- Nắm chắc về các mốc giải phẫu và tương quan các tạng trên hình ảnh cắt lớp	3	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận
28	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	- Kiến thức: + Nắm chắc các kỹ thuật chụp động học, các kỹ thuật và chuẩn bị đặc biệt khi chụp CLVT, các kỹ thuật xử lý và tái tạo hình ảnh. - Kỹ năng: + Thực hành thao tác thành thạo trên máy chụp CLVT. + Diễn giải được các kỹ thuật chụp CLVT thông thường cho từng bộ máy cơ thể.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận
29	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	- Kiến thức: + Nắm chắc các kỹ thuật chụp động học, các kỹ thuật và chuẩn bị đặc biệt khi chụp CLVT, các kỹ thuật xử lý và tái tạo hình ảnh. - Kỹ năng: + Thực hành thao tác thành thạo trên máy chụp CLVT. + Diễn giải được các kỹ thuật chụp CLVT thông thường cho từng bộ máy cơ thể.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận
30	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	- Hiểu được nguyên lý, diễn giải được các kỹ thuật chụp CHT thông thường cho từng bộ máy cơ thể. - Thực hành thao tác thành thạo trên máy chụp	2	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		CHT - Nắm chắc các lưu ý kỹ thuật và chuẩn bị bệnh nhân khi chụp CHT.			
31	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	- Hiểu được nguyên lý, diễn giải được các kỹ thuật chụp CHT thông thường cho từng bộ máy cơ thể. - Thực hành thao tác thành thạo trên máy chụp CHT - Nắm chắc các lưu ý kỹ thuật và chuẩn bị bệnh nhân khi chụp CHT.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận
32	Y học hạt nhân và xạ trị 1	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về y học hạt nhân, điều trị tia xạ - Hiểu biết về nguyên lý của một số phương chẩn đoán và điều trị bằng kỹ thuật y học hạt nhân	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	An toàn bức xạ, bảo quản máy	- Nắm được các nguyên tắc về an toàn bức xạ - Thực hành được các kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn bức xạ cho bệnh - Hiểu được tầm quan trọng của việc bảo trì trang thiết bị và an toàn máy. - Nắm vững lý thuyết về trang thiết bị và các biện pháp bảo trì máy - Thao tác bảo trì được các máy chụp X quang thường quy, máy in phim, rửa phim và máy siêu âm. - Nắm chắc các khái niệm cơ bản về mạch điện, hiểu và ứng dụng được hai định luật Kierchop. - Phân tích được các mạch điện cơ bản	3	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận
34	Kỹ thuật siêu âm 1	- Trình bày được trang thiết bị và tổ chức hoạt động phòng siêu âm, - Hiểu được vai trò siêu âm trong khoa CDHA	2	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
35	Triệu chứng học hình ảnh	- Diễn giải được các kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh cho từng bộ máy cơ thể. - Phân tích được các dấu hiệu cơ bản của hình ảnh bình thường và tổn thương bệnh lý. - Định hướng được các bất thường để khu trú kỹ thuật khảo sát.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận
36	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	- Trình bày được vai trò của khoa CDHA, vai trò của các nhân sự trong khoa CDHA	2	HK8	Thi cuối kỳ: Tự luận
37	Can thiệp mạch máu 1	+ Mô tả được vai trò và chức năng của người kỹ thuật viên trong phòng can thiệp mạch + Nắm chắc về thuốc cản quang và thái độ xử trí trong trường hợp có phản ứng thuốc + Nắm chắc về yêu cầu vô khuẩn, điều dưỡng, vệ sinh trong phòng DSA + Nắm chắc về tư thế, kỹ thuật chụp và các thông số kỹ thuật + Phối hợp thực hành được trong phòng DSA các kỹ thuật chụp mạch tạng, mạch chi.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
38	Thực hành bệnh viện 1	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK6	Thực hành + Vấn đáp
39	Thực hành bệnh viện 2	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK6	Thực hành + Vấn đáp
40	Thực hành bệnh viện 3	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK7	Thực hành + Vấn đáp
41	Thực hành bệnh viện 4	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK7	Thực hành + Vấn đáp
42	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường 2	- Nắm chắc về tư thế và các thông số kỹ thuật chụp X quang khó. - Thực hành được kỹ thuật chụp phim X quang thường quy tất cả các tư thế khó, các biến thể và vận dụng trong các trường hợp cụ thể	2	HK5	Thi cuối kỳ: Tự luận
43	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2	- Kiến thức và kỹ năng: + Hiểu được chỉ định, chống chỉ định và các dụng cụ cần thiết trong các xét nghiệm kỹ thuật chụp X quang đặc biệt + Nắm chắc về tư thế, kỹ thuật chụp, các thông số kỹ thuật và các kỹ thuật bổ sung. +Thực hành làm được các kỹ thuật X quang đặc biệt: chụp nhuộm tủy sống, chụp ổ khớp, chụp nhuộm đường dẫn niệu ngược dòng, xuôi dòng... - Thái độ: + Tuân thủ nguyên tắc vô khuẩn và khuẩn trong xét nghiệm kỹ thuật X quang đặc biệt. + Thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ của người kỹ thuật viên. + Tôn trọng các quy định về đạo đức, ứng xử, trách nhiệm của người kỹ thuật viên; các Luật, quy định liên quan đến thực hành.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận
44	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật 1	+ Nêu được các kỹ thuật hình ảnh tiên tiến: CT 2 mức năng lượng (Dual source CT), PET-CT,	2	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		MRI toàn thân + Hiểu được nguyên lý hoạt động của các kỹ thuật tiên tiến + Nắm được giá trị của các kỹ thuật tiên tiến			
45	Kỹ thuật siêu âm 2	- Trình bày được giải phẫu hình ảnh siêu âm trên các mặt cắt khám bụng tổng quát, gan, lách, tụy, thận và các mạch máu lớn vùng bụng - Trình bày được nguyên tắc và các bước tiến hành kỹ thuật can thiệp dưới hướng dẫn siêu âm.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Tự luận
46	Y học hạt nhân và xạ trị 2	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về ứng dụng tia xạ trong điều trị ung thư. - Hiểu được nguyên lý hoạt động, kỹ năng vận hành máy trong điều trị tia xạ	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Thực hành bệnh viện 5	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK8	Thực hành + Vấn đáp
48	Can thiệp mạch máu 2	+ Mô tả được vai trò và chức năng của người kỹ thuật viên trong phòng can thiệp mạch + Nắm chắc về thuốc cản quang và thái độ xử trí trong trường hợp có phản ứng thuốc + Nắm chắc về tư thế, kỹ thuật chụp và các thông số kỹ thuật + Thực hành được trong phòng DSA các kỹ thuật chụp mạch tạng, mạch chi + Phối hợp thực hành được trong phòng DSA các kỹ thuật chụp mạch tạng, mạch chi.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận
49	Cấp cứu đa khoa	- Trình bày các kiến thức kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh. - Thực hành các kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho bệnh nhân	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
50	Kỹ thuật phòng tối (Các KT tráng rửa và in phim)	+ Hiểu được cách thức xây dựng, bố trí một phòng tối đạt tiêu chuẩn và an toàn. Biết được các dụng cụ cần thiết trong kỹ thuật buồng tối. + Hiểu được cấu tạo của phim X quang cô điện, cấu tạo của bìa tăng quang. + Trình bày được các thành phần và tính chất của thuốc tráng rửa phim X quang cô điện. + Nguyên tắc tráng rửa phim X quang bằng tay. + Nguyên lý tráng rửa phim bằng máy X quang tự động, cách vận hành và bảo quản. + Cấu tạo tấm IP và nguyên lý ghi nhận ảnh của hệ thống X quang kỹ thuật số CR. Cách vận hành và bảo quản. + Cấu tạo của hệ thống X quang kỹ thuật số DR.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
51	Nội soi cơ bản	- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về vấn đề các dụng cụ nội soi, bảo trì và vô khuẩn các dụng cụ nội soi cũng như hỗ trợ bác sĩ tiến hành các thủ thuật nội soi tiêu hóa.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
52	Thực hành bệnh viện 6	+ Nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thực tập lâm sàng trên bệnh nhân. + Nắm được quy trình thực hiện các kỹ thuật + Biết đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật đã thực hiện + Nắm được giải phẫu hình ảnh	2	HK8	Thực hành + Vấn đáp
53	Thực tế nghề nghiệp 1	+ Nắm vững kỹ năng thực tập lâm sàng. + Nắm được quy trình làm việc tại các cơ sở thực tập. + Đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật tại cơ sở thực tập để rút ra bài học cho bản thân.	2	HK8	Trung bình cộng của các bài thực hành
54	Thực tế nghề nghiệp 2	+ Nắm vững kỹ năng thực tập lâm sàng. + Nắm được quy trình làm việc tại các cơ sở thực tập. + Đánh giá, nhận xét chất lượng kỹ thuật tại cơ sở thực tập để rút ra bài học cho bản thân.	2	HK8	Trung bình cộng của các bài thực hành

X. Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lý luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận. + Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Củng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.			
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng chuyên ngành giải phẫu học đại cương về các bộ phận và các hệ thống trong cơ thể con người, các từ cơ bản về bệnh lý - Cung cấp một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn, giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành cơ bản. - Ngoài ra, giúp sinh viên có thể nghe quen các từ chuyên ngành và giao tiếp được trong các tình huống đơn giản trong ngành y.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
8	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	- Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng để soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng MS Word; sử dụng MS Excel để nhập, xử lý và thống kê số liệu. Đồng thời, cung cấp cho sinh những kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Internet và virus máy tính. - Các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất trong y học: một số ứng dụng của Xác suất trong xét nghiệm chẩn đoán sàng lọc; một số quy luật phân phối, các đặc trưng của các biến ngẫu nhiên trong sinh y học. - Các kiến thức cơ bản về thống kê y học: Các khái niệm cơ bản về lý thuyết mẫu, phương pháp chọn mẫu và phân phối mẫu; Khái niệm và cách xác định biến số cần thiết trong nghiên cứu sức	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		khỏe; Bài toán ước lượng tham số và các bài toán kiểm định giả thiết thống kê ứng dụng trong y học; Phân tích hồi qui và tương quan; Cách tính cỡ mẫu nghiên cứu. - Các kiến thức cơ bản về phần mềm thống kê SPSS: Làm quen với một số thao tác xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm thống kê SPSS bao gồm mô tả dữ liệu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi qui và tương quan. - Thực hành sử dụng máy tính với phần mềm thống kê hỗ trợ cho việc thiết kế công cụ thu thập số liệu, trình bày và phân tích số liệu.			
9	Hóa học và Vật Lý – Lý Sinh	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, về các qui luật của sự vận động và biến đổi của các chất. Dự đoán khả năng và chiều hướng của các quá trình hóa học. Ứng dụng của chúng trong chuyên ngành Y-Dược. - Hướng dẫn sinh viên thực hiện 1 số thí nghiệm minh họa cho các kiến thức lý thuyết đã học. Làm quen với 1 số thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm. - Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản các hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể, chẩn đoán và điều trị bệnh. Một số kỹ thuật vật lý trong các thiết bị y tế...	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
10	Sinh học và di truyền	+ Cung cấp những vấn đề cơ bản và hiện đại về thế giới sống, cấu trúc và quy luật hoạt động của chúng, bao gồm sinh học tế bào, sự sinh sản và phát triển phôi và mối quan hệ giữa con người và môi trường. + Chỉ ra một số bệnh lý ở mức độ tế bào đối với cơ thể người. + Cung cấp một số kiến thức nền cho việc học những môn chuyên ngành như: hóa sinh lâm sàng, sinh lý, miễn dịch,.....	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
11	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học - Kỹ năng: Áp dụng tâm lý y học , đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học - Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
12	Giải phẫu	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo giải phẫu của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.			
13	Mô học	- Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. - Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . - Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Sinh lý	-Kiến thức: + Trình bày được chức năng của hồng cầu và của một số cơ quan trong cơ thể : tim, động mạch, dạ dày, cầu thận, tuyến giáp và nơ ron. + Trình bày được sinh lí điều nhiệt. - Kỹ năng: + Vận dụng được các kiến thức sinh lí để học tốt các môn học cơ sở ngành, môn chuyên ngành... và trong thực hành nghề nghiệp sau này. + Thực hiện được một số kĩ thuật xét nghiệm thông thường về máu. + Sử dụng được một số máy thăm dò chức năng đơn giản. + Thực hiện được một số thủ thuật trên động vật thí nghiệm, giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm và liên hệ được với lý thuyết.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về các quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Dược lý – Độc chất học lâm sàng	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan đến độc chất học trên lâm sàng.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Kỹ năng: Phân tích được và vận dụng được các yếu tố được động học, được lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn và hiệu quả.			
17	Điều dưỡng cơ bản	+ Trình bày được các kiến thức về sơ cứu nạn nhân điện giật, chết đuối, say nắng, say nóng; vô khuẩn tiết khuẩn;... và các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
18	Bệnh học Nội khoa và Ngoại khoa	Phần Bệnh học Nội khoa - Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh lý nội khoa cơ bản Phần Bệnh học Ngoại khoa + Mô tả được các triệu chứng chính của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Liệt kê được một số bệnh ngoại khoa thường gặp Trình bày được tần suất, nguyên nhân bệnh sinh của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp + Tóm tắt được thái độ xử trí các bệnh trên	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Dinh dưỡng–SKMT, Dịch tễ học	- Kiến thức + Trình bày được vai trò, nhu cầu của dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với sức khỏe. + Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý, không đảm bảo vệ sinh gây ra. + Trình bày được mục tiêu, nội dung của giám sát dinh dưỡng và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng + Trình bày được những nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế và chế độ ăn trong một số bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. + Mô tả những yếu tố nguy cơ từ môi trường tác động đến sức khỏe con người. + Trình bày những tác hại từ môi trường lao động ảnh hưởng lên sức khỏe người lao động. + Trình bày những biện pháp nhằm giảm thiểu các tác hại từ môi trường đến sức khỏe cộng đồng. + Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. - Kỹ năng + Phát hiện được được một số vấn đề dinh dưỡng phổ biến tại cộng đồng.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng của một đối tượng trong cộng đồng. + Phát hiện được các vấn đề sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và nâng cao sức khỏe cộng đồng. + Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng. + Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch ở cộng đồng. - Thái độ + Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và an toàn thực phẩm đối với sức khỏe con người. + Nhận thức được tầm quan trọng của các yếu tố môi trường – nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe con người. + Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong YTCC.			
20	Nghiên cứu khoa học	Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	TCYT-Chương trình y tế quốc gia-Giáo dục sức khỏe	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CS BV SK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia + Trình bày được những khái niệm cơ bản liên quan đến hành vi, hành vi sức khỏe, vị trí vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Xét nghiệm cơ bản	Phần Sinh hóa + Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào việc phân loại, công dụng và phân chia các loại dụng cụ thủy tinh trong phòng thí nghiệm, bảo quản hóa chất sinh vật phẩm, sử dụng và bảo quản máy móc phòng thí nghiệm hóa sinh + Nắm vững các kiến thức sinh hoá cơ bản về các đơn vị hóa sinh, chuyển đổi các đơn vị hóa sinh sử dụng trong lâm sàng. Phần Ký sinh trùng + Hiểu được các nội dung của an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm Ký sinh trùng + Trình bày được quy trình sử dụng các máy móc, dụng cụ và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm , xét nghiệm Ký sinh trùng	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		Phần Vi sinh + Biết được một số phương tiện dụng cụ cơ bản sử dụng trong xét nghiệm vi sinh. + Biết được cách lấy, bảo quản và vận chuyển một số loại bệnh phẩm trong xét nghiệm vi sinh. Phần Huyết học Giúp sinh viên có kiến thức và vận dụng được các khái niệm về an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm, sử dụng thành thạo các dụng cụ, máy móc và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm xét nghiệm y học			
23	Huyết học tế bào	Giúp sinh viên có kiến thức và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến tế bào máu	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Huyết học đông máu	Giúp sinh viên có kiến thức và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến cầm máu đông máu	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Huyết học truyền máu	Giúp sinh viên có kiến thức và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến Truyền máu	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Xét nghiệm huyết học nâng cao	Có kiến thức , kỹ năng cơ bản về Huyết học tế bào, đông máu, chỉ định và theo dõi, xử trí khi truyền máu.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Hóa sinh 1	- Kiến thức + Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch...và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp - Kỹ năng + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng thí nghiệm + Làm được các xét nghiệm hoá sinh máu, nước tiểu, dịch chọc dò... + Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng - Thái độ + Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Hóa sinh 2	+ Vận dụng được kiến thức vai trò của hóa sinh học trong lâm sàng, phương pháp kỹ thuật cơ bản của hóa sinh học vào các xét nghiệm lâm sàng, giúp thầy thuốc lâm sàng chẩn đoán , theo dõi và	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		điều trị bệnh hiệu quả. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá cơ bản qua các kỹ thuật xét nghiệm nhằm biết nguyên nhân và cách khắc phục các sai số xét nghiệm, nâng cao chất lượng xét nghiệm hóa sinh lâm sàng.			
29	Hoá sinh 3	+ Vận dụng được kiến thức các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh như hóa sinh lâm sàng glucid, lipid, protid, gan , thận và các enzyme giúp các thầy thuốc lâm sàng chẩn đoán , theo dõi và điều trị bệnh. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá cơ bản qua các kỹ thuật xét nghiệm nhằm biện luận kết quả xét nghiệm lâm sàng, tránh sai số, nâng cao chất lượng xét nghiệm hóa sinh lâm sàng. + Vận dụng được kiến thức các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh như hóa sinh lâm sàng xét nghiệm nước tiểu như xét nghiệm 10 thông số nước tiểu, bệnh tụy, gút, xét nghiệm điện giải, khí máu , hormone, chất chỉ điểm ung thư, dịch thấm, dịch tiết giúp các thầy thuốc lâm sàng chẩn đoán , theo dõi và điều trị bệnh. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá cơ bản qua các kỹ thuật xét nghiệm nhằm biện luận kết quả xét nghiệm lâm sàng, tránh sai số, nâng cao chất lượng xét nghiệm hóa sinh lâm sàng.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Vi sinh 1	- Kiến thức + Trình bày được đặc điểm vi sinh y học; Mối quan hệ giữa vi sinh - cơ thể - môi trường. + Trình bày được các nguyên lý cơ bản về nhiễm trùng, các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật, các phương pháp phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng do vi sinh vật gây nên.. - Kỹ năng + Quan sát và vẽ được hình thể tế bào vi sinh vật. + Thực hiện được các kỹ thuật nhuộm soi kính hiển vi và pha chế được các môi trường cơ bản. + Thực hiện được các kỹ thuật vô khuẩn tiết khuẩn trong xét nghiệm vi sinh. - Thái độ + Xác định được ý thức trách nhiệm để đảm bảo tin cậy cao trong xét nghiệm. + Thực hiện đúng các xét nghiệm vi sinh thông thường. + Có thói quen làm việc cẩn cù, chăm chỉ, có hệ thống và vệ sinh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Vi sinh 2	- Kiến thức + Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		học tường loại vi khuẩn gây bệnh. - Kỹ năng + Thực hiện được các kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định các vi khuẩn gây bệnh thường gặp. + Thực hiện được các kỹ thuật vô khuẩn tiết khuẩn trong xét nghiệm vi sinh. - Thái độ + Xác định được ý thức trách nhiệm để đảm bảo tin cậy cao trong xét nghiệm. + Thực hiện đúng các xét nghiệm vi sinh thông thường. + Cẩn thận, tỉ mỉ, có hệ thống. + Khách quan, trung thực.			
32	Vi sinh 3	- Kiến thức + Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán một số nhóm vi khuẩn và virus gây bệnh ở người. - Kỹ năng + Thực hiện được các kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định từng loài vi khuẩn gây bệnh thường gặp từ các loại bệnh phẩm. + Thực hiện được các kỹ thuật vô khuẩn tiết khuẩn trong xét nghiệm vi sinh. - Thái độ + Xác định được ý thức trách nhiệm để đảm bảo tin cậy cao trong xét nghiệm. + Thực hiện đúng các xét nghiệm vi sinh thông thường.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Ký sinh trùng 1	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài giun sán. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh giun sán ở Việt Nam + Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại giun sán + Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh giun sán + Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh giun sán + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Ký sinh trùng 2	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài đơn bào gây bệnh. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh đơn bào ở Việt Nam + Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do đơn bào.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		+ Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh do đơn bào. + Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh đơn bào + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh			
35	Ký sinh trùng 3	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của nấm và tiết túc y học. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh nấm và phân bố dịch tễ học của tiết túc là vector truyền bệnh ở Việt Nam + Lý giải được đặc điểm bệnh học và tác hại do nấm và tiết túc + Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh nấm và tiết túc gây bệnh + Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị nấm + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh sốt rét và tiết túc	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
36	Xét nghiệm tế bào 1	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu bệnh đại cương; kỹ thuật xét nghiệm và kỹ thuật nhuộm tế bào học thường dùng trong thực hành giải phẫu bệnh - Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của xét nghiệm tế bào học trong thực hành lâm sàng - Vận dụng được kiến thức cơ bản để thực hiện thành thực kỹ thuật các xét nghiệm tế bào học cơ bản và kỹ thuật nhuộm tế bào học thường dùng	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Y sinh học phân tử	+ Trình bày được một số loại enzyme thường dùng trong kỹ thuật sinh học phân tử. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật tách chiết DNA. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của các kỹ thuật Southern blot. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của kỹ thuật PCR và các kỹ thuật PCR nâng cao: PCR-RFLP, đặc hiệu allele, RT-PCR và QF-PCR. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của kỹ thuật Realtime PCR. + Trình bày được nguyên tắc, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của kỹ thuật xác định trình tự. + Trình bày được nguyên lý tái tổ hợp DNA.	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
38	Kiểm tra chất lượng xét	+ Vận dụng được kiến thức về bảo đảm chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	nghiệm	+ Kể được những nội dung công việc phải làm trong bảo đảm chất lượng và kiểm tra chất lượng.			
39	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	+ Trình bày được khái niệm về NKBV, dịch tễ học, hậu quả và các biện pháp giám sát NKBV. + Nắm được các biện pháp dự phòng phơi nhiễm và lây nhiễm trong NKBV. + Hiểu được các quy chế xử lý chất thải và thực hành giám sát NKBV.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
40	Thực tập KTXN 1: Vi sinh 1	+ Nắm được quy trình kỹ thuật nuôi cấy phân lập các loài vi khuẩn gây bệnh thường gặp từ các loại bệnh phẩm thường gặp. + Nắm vững các phương pháp định danh các vi khuẩn gây bệnh trong các loại bệnh phẩm thông thường. Phương pháp đánh giá Sinh viên: <i>Kiểm tra thực hành theo phương pháp thực hành tại chỗ và phỏng vấn trực tiếp</i>	2	HK7	
41	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh 1	+ Vận dụng được kiến thức về pha các dung dịch thường quy ở phòng thí nghiệm đặc biệt là dung dịch chuẩn và dung dịch đệm. + Vận dụng được kiến thức về cài đặt các máy sinh hóa bán tự động và tự động để định lượng các thông số hóa sinh thường quy + Có kiến thức định lượng các thông số hóa sinh trên các máy trong phòng xét nghiệm như máy sinh hóa bán tự động, tự động, máy điện giải, khí máu, 10 thông số nước tiểu.	2	HK7	Kiểm tra thực hành: kỹ năng thực hành + biện luận kết quả
42	Thực tập KTXN 3: Huyết học 1	Giúp sinh viên có kỹ năng thực hiện thành thạo được các kỹ thuật cơ bản trong tế bào, đông máu và truyền máu	2	HK7	Trung bình cộng của các bài thực hành
43	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh 1	- Vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực hành để thực hiện thuần thực các kỹ thuật lấy mẫu xét nghiệm tế bào học và các kỹ thuật nhuộm tế bào học thường dùng - Phân tích, nhận định và điều chỉnh được kỹ thuật lấy mẫu và nhuộm tế bào học - Nhận thức được tầm quan trọng, giá trị của việc thực hiện đúng kỹ thuật lấy mẫu và kỹ thuật nhuộm tế bào học trong thực hành lâm sàng	2	HK6	Thi kiểm tra thực hành: Chạy trạm
44	Thực tập KTXN 5: Ký sinh trùng 1	+ Trình bày được nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị của phòng xét nghiệm KST + Trình bày được công thức pha chế các hóa chất dùng trong các xét nghiệm KST thông thường + Trình bày được các nguyên lý và các bước thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực Ký sinh trùng	2	HK7	Thi kiểm tra thực hành: Chạy trạm
45	Một số xét nghiệm vi sinh	Phần Vi sinh + Biết được một số tác nhân vi sinh vật gây	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
	và ký sinh trùng trong Vệ sinh an toàn thực phẩm	nhiễm trùng nhiễm độc thức ăn. + Biết được cách lấy, bảo quản và vận chuyển một số loại mẫu nghiệm trong xét nghiệm vi sinh thực phẩm. + Nắm được các quy trình phương pháp phân lập và xác định các vi khuẩn gây nhiễm khuẩn nhiều loại thực phẩm khác nhau Phần Ký sinh trùng + Kể các tác nhân KST lây truyền qua thực phẩm + Trình bày được đường lây truyền của KST lây truyền qua thực phẩm + Trình bày tác hại và triệu chứng lâm sàng của bệnh KSt lây truyền qua thực phẩm + Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng lây truyền qua thực phẩm + Trình bày các kỹ thuật phân lập, kiểm tra mầm bệnh KST từ một số thực phẩm, ngoại cảnh và vector, môi giới truyền bệnh. + Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kê tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng lây truyền qua thực phẩm + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh KST lây truyền qua thực phẩm			
46	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Phần Huyết học Giúp sinh viên có khả năng kiểm tra, giải thích và biện luận được các vấn đề liên quan chất lượng xét nghiệm Huyết học Phần Hoá sinh + Vận dụng kiến thức vào việc tổ chức theo tiêu chuẩn về quản lý phòng thí nghiệm. + Vận dụng kiến thức để bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chỉnh định kỳ thiết bị xét nghiệm. Phần Vi sinh + Trình bày được phân loại các Phòng xét nghiệm vi sinh. + Nắm được các biện pháp kiểm tra chất lượng xét nghiệm vi sinh. Phần Ký sinh trùng + Trình bày được cơ cấu tổ chức của phòng xét nghiệm KST Trình bày được nguyên lý và qui trình của các kỹ thuật chẩn đoán thuộc lĩnh vực KST như: chẩn đoán bệnh giun sán, đơn bào và vi nấm, KST sốt rét và tiết túc y học	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
47	Xét nghiệm tế bào 2	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật xét nghiệm và phương pháp nhuộm mô bệnh học thường quy và kỹ thuật cao trong thực hành Giải phẫu bệnh - Nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		xét nghiệm mô bệnh học, sinh thiết tức thì và hóa mô miễn dịch trong thực hành lâm sàng - Vận dụng được kiến thức cơ bản để thực hiện thành thực kỹ thuật xét nghiệm mô bệnh học thường quy và các kỹ thuật nhuộm mô thường dùng			
48	Một số kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng chuyên sâu	+ Trình bày được nguyên lý của các kỹ thuật chẩn đoán chuyên sâu thuộc lĩnh vực KST như: chẩn đoán bệnh giun sán, đơn bào và vi nấm, KST sốt rét. + Mô tả các bước tiến hành của kỹ thuật.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Tự luận
49	Thực tập KTXN 6: Huyết học 2	Giúp sinh viên có kỹ năng thực hiện thành thạo được các kỹ thuật nâng cao trong tế bào, đông máu và truyền máu	2	HK7	Trung bình cộng của các bài thực hành
50	Thực tập KTXN 7: Giải phẫu bệnh 2	- Vận dụng được kiến thức lý thuyết và thực hành để thực hiện thuần thực các kỹ thuật lấy mẫu, quy trình xét nghiệm mô bệnh học và các kỹ thuật nhuộm mô bệnh học thường dùng - Nhận thức được tầm quan trọng, giá trị của xét nghiệm mô bệnh học và các kỹ thuật cao của Giải phẫu bệnh trong thực hành lâm sàng - Phân tích, nhận định và điều chỉnh được kỹ thuật lấy mẫu, quy trình xét nghiệm và nhuộm mô bệnh học	2	HK6	Thi kiểm tra thực hành: Chạy trạm
51	Thực tập KTXN 8: Vi sinh 2	+ Nắm được quy trình kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định từng loài vi khuẩn gây bệnh thường gặp từ các loại bệnh phẩm. + Nắm được quy trình kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh và phân tử để xác định các vi khuẩn và virus gây nhiễm trùng ở người. Phương pháp đánh giá SV: <i>Kiểm tra thực hành theo phương pháp thực hành tại chỗ và phỏng vấn trực tiếp</i>	2	HK8	
52	Thực tập KTXN 9: Ký sinh trùng 2	+ Hiểu được nguyên lý của các kỹ thuật chẩn đoán chuyên sâu thuộc lĩnh vực KST như: chẩn đoán bệnh giun sán, đơn bào và vi nấm, KST sốt rét. + Mô tả các bước tiến hành của kỹ thuật.	2	HK8	Thi kiểm tra thực hành: Chạy trạm
53	Thực tập KTXN 10: Sinh hoá 2	Vận dụng kiến thức hóa sinh lâm sàng vào các xét nghiệm các thông số liên quan đến chuyển hóa glucid, lipid, protid và bệnh lý cơ quan nhằm tăng chất lượng xét nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học và bệnh nhân	2	HK8	Kiểm tra thực hành: kỹ năng thực hành + biện luận kết quả
54	Nội soi cơ bản	- Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về vấn đề các dụng cụ nội soi, bảo trì và vô khuẩn các dụng cụ nội soi cũng như hỗ trợ bác sĩ tiến hành các thủ thuật nội soi tiêu hóa.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
55	Thực tế nghề nghiệp 1	Phần Sinh hóa + Vận dụng được kiến thức về định lượng các thông số trên máy bán tự động, máy Sinh Hóa – Miễn dịch tự động, máy khí máu, điện giải, máy xét nghiệm 10 thông số nước tiểu phục vụ bệnh nhân. + Vận dụng kiến thức hóa sinh lâm sàng để biện luận kết quả xét nghiệm trên thực tế bệnh nhân. + Vận dụng được các kiến thức trên để phục vụ cộng đồng. Phần Vi sinh + Hiểu được cách tổ chức, sắp xếp các bước công việc của một quy trình xét nghiệm chẩn đoán vi sinh: chuẩn bị phương tiện dụng cụ, môi trường, xét nghiệm chẩn đoán nhuộm soi trực tiếp, các xét nghiệm nuôi cấy và định danh vi khuẩn, các xét nghiệm chẩn đoán huyết thanh học và một số quy trình xét nghiệm phân tử trong chẩn đoán VSV. + Nắm được cách đánh giá kết quả xét nghiệm, trả lời kết quả và lưu trữ các dữ liệu xét nghiệm ở phòng xét nghiệm VS.	2	HK8	Kiểm tra thực hành: kỹ năng thực hành + biện luận kết quả.
56	Thực tế nghề nghiệp 2	Phần Huyết học Giúp sinh viên có khả năng xây dựng và tổ chức phòng xét nghiệm huyết học, khoa truyền máu. Phần Ký sinh trùng - Biết lập kế hoạch thực hiện một điều tra (nghiên cứu) bệnh (nhiễm) ký sinh trùng - Biết cách chuẩn bị trang thiết bị, hoá chất cần thiết cho một điều tra (nghiên cứu) bệnh (nhiễm) ký sinh trùng. - Biết thực hiện thu thập bệnh phẩm, làm xét nghiệm, ghi nhận kết quả - Biết cách xử lý số liệu và viết báo cáo	2	HK8	Kiểm tra thực hành: kỹ năng thực hành + biện luận kết quả.

XI. Ngành Y tế công cộng hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt nam. - Kỹ năng: Giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn học Triết học Mác - Lênin, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác; góp phần rèn luyện năng lực tư duy và năng lực thực tiễn cho sinh viên.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo; giúp cho sinh viên xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.			
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Kiến thức: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam. - Kỹ năng: Giúp cho người học xác lập cơ sở lý luận để tiếp cận nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, từng bước hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn khoa học khác, góp phần rèn luyện năng lực tư duy và thực tiễn cho người học. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Góp phần hình thành ở người học thái độ nghiêm túc trong học tập các môn lý luận chính trị và các môn khoa học chuyên ngành được đào tạo, giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Kiến thức: + Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. + Nắm được phương pháp và phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của dân	2	HK3	Thi cuối kỳ: Tự luận

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tộc và nhân loại. + Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. + Hiểu được một cách có hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta. - Kỹ năng: + Rèn luyện năng lực tư duy lí luận. + Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm lí luận của Hồ Chí Minh và kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lí luận. + Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Cùng cố cho sinh viên niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ. Hiểu rõ vai trò của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. + Đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức mới, có lý tưởng và phong cách, lối sống lành mạnh.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	3	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Tin học và Xác suất thống kê Y học	- Nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử. Hiểu và nắm được các thao tác cơ bản trên My Computer, Desktop, Taskbar, Recycle Bin... - Hiểu và nắm được các kiến thức tổng quan về virus máy tính, mạng máy tính, mạng internet, ... - Sử dụng được hệ soạn thảo văn bản MS WORD để xử lý các văn bản thông dụng. - Nắm được các kiến thức về bảng tính EXCEL và sử dụng nó như là một công cụ chính để xử lý	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm- Tự luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		số liệu thống kê, lập các bảng biểu, biểu diễn số liệu thống kê bằng đồ thị, dùng các hàm chuyên dụng của Excel để tìm kiếm các tham số thống kê. + Cung cấp các phương pháp suy luận toán học cần thiết để nghiên cứu tìm ra quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên, xác định phân phối xác suất của các biến ngẫu nhiên. + Cung cấp các phương pháp Thống kê áp dụng trong khoa học sức khỏe trên cơ sở xác định biến số nghiên cứu, chọn mẫu và xác định cỡ mẫu cần thiết, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích và tổ chức, trình bày các số liệu thống kê. Ứng dụng các Test thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu. Từ đó rút ra các kết luận khoa học và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành.			
8	Sinh học và di truyền	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất của sự sống, những biểu hiện đặc trưng nhất của sự sống, cấu tạo và chức năng của tế bào, quy luật của tính di truyền và tính biến dị	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
9	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các quy luật và cơ sở lý thuyết của các quá trình hóa học. Từ đó, có thể vận dụng các kiến thức này để học tốt các môn y học cơ sở và chuyên ngành. - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và phương pháp tư duy trong lý thuyết hóa học hữu cơ, tính chất và ứng dụng trong y học của các hợp chất hữu cơ cơ bản và một số hợp chất hữu cơ có trong cơ thể sống. - Nắm được các nguyên lý Vật lý cơ bản, quy luật Vật lý thường diễn ra hoặc có ứng dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học, hệ thống sống.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
10	Nghiên cứu khoa học	Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. Trình bày được cách xử lý, tổng hợp, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm cung cấp các bằng chứng hữu ích cho lập kế hoạch.	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
11	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học - Kỹ năng: Áp dụng tâm lý y học, đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		- Thái độ: Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học			
12	Hóa sinh	- Nắm được kiến thức cơ bản về cấu tạo hóa học và chuyển hóa của các chất trong cơ thể sống. - Mô tả được mối liên quan của các quá trình chuyển hóa	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
13	Giải phẫu	- Trình bày được đại cương giải phẫu cơ thể người. - Trình bày được vị trí các cơ quan và chỉ được trên bề mặt cơ thể người một số chi tiết giải phẫu quan trọng. - Vận dụng được các kiến thức giải phẫu học vào các môn học khác như sinh lý, mô phôi... và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Sinh lý	- Trình bày được chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động chức năng của các cơ quan đó. - Nêu được mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể và giữa cơ thể với môi trường. - Vận dụng được những kiến thức về Sinh lý học để học tốt các môn chuyên ngành.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Sinh lý bệnh - miễn dịch	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về bệnh, về các quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. Qua kiến thức thu thập được vận dụng để giải thích các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp. - Phân tích được các quá trình đáp ứng miễn dịch. Trên cơ sở đó giải thích được các nguyên tắc cơ bản của việc ứng dụng trong công tác chăm sóc, điều trị các bệnh lý có liên quan đến hệ miễn dịch.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Vi sinh	- Trình bày được đặc điểm vi sinh y học; Mối quan hệ giữa vi sinh-cơ thể-môi trường. - Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi sinh học một số loại vi sinh vật gây bệnh. - Biết được các kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định các vi khuẩn gây bệnh thường gặp. Thực hiện được các kỹ thuật vô khuẩn tiệt khuẩn trong xét nghiệm vi sinh.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
17	Ký sinh trùng	- Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam: giun, sán, KST sốt rét, vi nấm, tiết túc y học. - Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam - Trình bày các phương pháp chẩn đoán bệnh ký	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng và kể tên một số thuốc thường dùng trong điều trị bệnh ký sinh trùng - Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống			
18	Các bệnh thông thường 1	Nắm được các kiến thức cơ bản về một số bệnh thường gặp ở cộng đồng bao gồm: chẩn đoán bệnh, nguyên nhân, hướng dự phòng và điều trị	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Các bệnh thông thường 2	Nắm được các kiến thức cơ bản về chấn thương, tai nạn thường gặp ở cộng đồng và các kỹ năng sơ cấp cứu cơ bản	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	Mục tiêu chung: Giúp cho sinh viên có hiểu biết đúng về các nguyên tắc cơ bản của tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam và mối quan hệ giữa tổ chức mạng lưới y tế với tổ chức hành chính.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
21	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về khoa học tổ chức quản lý, các bước trong chu trình quản lý, nguyên tắc, chức năng và phương pháp quản lý - Trình bày được những đặc điểm tâm lý học trong quản lý và ứng dụng trong quản lý - Xác định được các đặc điểm và lợi ích của làm việc theo đội hình, vai trò người quản lý và những yếu tố cần cho việc xây dựng đội hình làm việc có hiệu quả - Trình bày được chu trình ra quyết định, các mô hình, hiểu được và vận dụng được vai trò quyền lực và sự ảnh hưởng trong quản lý. - Trình bày được các nội dung xây dựng 1 bản kế hoạch hoạt động	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Quản lý dịch vụ y tế	- Nêu được các khái niệm về dịch vụ y tế và quản lý dịch vụ y tế. - Mô tả được hệ thống cung cấp dịch vụ y tế dự phòng và khám chữa bệnh . - Trình bày được phương thức quản lý đối với các dịch vụ y tế nói trên.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
23	Kế hoạch y tế	Giúp cho sinh viên có hiểu biết đúng về vai trò lập kế hoạch trong một hệ thống y tế cũng như nắm được các bước lập kế hoạch, từ đó áp dụng được vào một số tình huống cụ thể	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	+ Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế và kinh tế y tế + Nhận thức được vai trò của kinh tế y tế trong các hoạt động y tế + Xây dựng được các loại chỉ số dựa vào nguồn số liệu sẵn có. + Trình bày được các công cụ phổ biến sử dụng trong quản lý tài chính	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
25	Chính sách y tế	1- Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của các quan điểm, chiến lược của Đảng về BV CSSK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế tại cộng đồng, tại các cơ sở khám chữa bệnh 2- Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế và lập kế hoạch y tế 3- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý các nguồn lực y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK người bệnh, người dân trong cộng đồng.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Dịch tễ học cơ bản	Kiến thức: Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng. Kỹ năng: Thu thập được thông tin về tình hình sức khỏe cộng đồng Xử lý và phân tích thông tin làm bằng chứng cho việc lập kế hoạch ở cộng đồng. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dịch tễ học trong y tế công cộng.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
27	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	+ Mô tả được bảng phân loại quốc tế ICD 10 + Trình bày được cách mã hóa bệnh tật theo ICD 10 + Trình bày được cách mã hóa nguyên nhân tử vong theo ICD 10 + Mô tả được cách mã hóa theo ICD 10 cho các bệnh chưa chẩn đoán được cụ thể + Trình bày cách mã hoá theo ICD 10 cho các bệnh hay gặp ở cộng đồng	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Phòng chống thảm họa	- Trình bày những khái niệm hiện nay về thảm họa và quản lý y học thảm họa. - Nhận ra thực trạng của sức khỏe trong và sau thảm họa, đặc biệt trên đối tượng dễ bị tổn thương và giải pháp cho các vấn đề này. - Trình bày được vấn đề liên quan đến quản lý một số nội dung chăm sóc sức khỏe trong và sau thảm họa ưu tiên như: quản lý các biện pháp vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, hậu quả tâm lý sau thảm họa và điều trị sơ cấp cứu trước viện...	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Sức khỏe môi trường cơ bản	- Trình bày được các khái niệm về môi trường, thành phần môi trường cơ bản, các chức năng của môi trường, các nguyên lý của hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái, vòng tuần hoàn vật chất, vòng tuần hoàn năng lượng	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	- Mô tả các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động nghề nghiệp, sự phân bố cơ bản của các yếu	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		tổ nguy cơ chủ yếu. - Trình bày các tác hại chủ yếu và các biện pháp phòng chống, kiểm soát các yếu tố nguy cơ này.			
31	Nâng cao sức khỏe	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về hành vi sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe và mối liên hệ giữa chúng - Mô tả được các yếu tố quyết định vấn đề sức khỏe và yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe - Trình bày được các cách tiếp cận NCSK và tính ứng dụng trong thực hành nâng cao sức khỏe	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
32	Sức khỏe sinh sản	- Trình bày những khái niệm hiện nay về sức khỏe sinh sản - Nhận ra thực trạng của sức khỏe sinh sản, đặc biệt trên đối tượng dễ bị tổn thương và giải pháp cho vấn đề này - Trình bày được những khía cạnh về sức khỏe phụ nữ cũng như nhận thức về giới và giới tính. - Trình bày được vấn đề liên quan đến quản lý một số nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản ưu tiên như: quản lý các biện pháp tránh thai, nhiễm khuẩn đường sinh sản, sức khỏe phụ nữ mãn kinh, vị thành niên...	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
33	Dân số và phát triển	Kiến thức : + Nêu ra được các chỉ số dân số học để mô tả sự biến động dân số + Phân tích được sự tác động của biến động dân số với phát triển xã hội Kỹ năng : + Tính được các chỉ số dân số học để phân tích tình hình dân số + Phân tích được sự tác động của biến động dân số với sự phát triển xã hội. Thái độ: + Xác định rõ tầm quan trọng của sự tác động của dân số và sự phát triển xã hội. + Thận trọng, tỉ mỉ và chính xác trong thu thập số liệu dân số để phân tích sự liên quan giữa phát triển dân số với phát triển toàn xã hội.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Dinh dưỡng-An toàn thực phẩm	- Trình bày được vai trò các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe. - Nêu được yêu cầu một khẩu phần cân đối hợp lý phù hợp theo từng đối tượng - Nêu được các đặc điểm sinh lý và nhu cầu dinh dưỡng theo chu kỳ vòng đời	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về vật lý trị liệu- phục hồi chức năng và các biện pháp phòng ngừa khuyết tật. - Phát hiện, theo dõi, phục hồi chức năng và hòa nhập cộng đồng cho các nhóm khó khăn về vận	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		động, khó khăn về học, và các dạng khó khăn khác. - Triển khai và theo dõi chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.			
36	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	1. Trình bày những kiến thức cơ bản của nhân học và nhân học y tế. 2. Có thái độ đúng về vai trò của các yếu tố văn hóa - xã hội trong Y tế Công cộng. 3. Có khả năng áp dụng các phương pháp nhân học trong nghiên cứu và can thiệp sức khỏe cộng đồng.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
37	Nghiên cứu định tính	Kiến thức: Mô tả được những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu định tính Thái độ: Hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu định tính trong nghiên cứu sức khỏe cộng đồng Kỹ năng - Vận dụng được phương pháp nghiên cứu định tính để tiến hành nghiên cứu các vấn đề sức khỏe - Viết được báo cáo một nghiên cứu định tính	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
38	Thực tập cộng đồng 1	Kiến thức: + Mô tả được các yếu tố môi trường và hành vi đối với sức khỏe; + Mô tả được tình trạng sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng; Kỹ năng: + Đề xuất được các giải pháp làm giảm và loại bỏ các yếu tố nguy cơ; + Đề xuất được các biện pháp phòng chống các bệnh nhiễm trùng thường gặp Thái độ: + Ý thức được thu thập thông tin là để phục vụ cho học tập và phục vụ sức khỏe của người dân + Có tác phong hòa nhã, tôn trọng văn hóa của cộng đồng,	2	HK4	Báo cáo cá nhân và báo cáo nhóm
39	Thực tập cộng đồng 2	- Mô tả và đánh giá hoạt động của trung tâm y tế, trạm y tế xã. - Mô tả được tình hình sức khỏe bệnh tật và sử dụng dịch vụ y tế của xã trong năm vừa qua. - Mô tả được tình trạng sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng và mô tả được các yếu tố môi trường và hành vi đối với sức khỏe.	2	HK6	Báo cáo cá nhân và báo cáo nhóm
40	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	- Trình bày được vai trò và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với sức khỏe. - Nêu được các đặc điểm vệ sinh cần lưu ý khi chế biến bảo quản sử dụng thực phẩm đối với sức khỏe con người - Hiểu được các ảnh hưởng của việc sử dụng thực	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
		phẩm không đảm bảo yêu cầu vệ sinh đối với sức khỏe con người.			
41	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	- Trình bày được khái niệm và vai trò của đánh giá - Trình bày được các loại đánh giá, các chỉ số đánh giá và các phương pháp thu thập thông tin - Trình bày được các bước thiết kế phương pháp đánh giá - Trình bày được các nội dung cơ bản của 1 bản báo cáo đánh giá - Trình bày được các bước lập kế hoạch đánh giá	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
42	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	- Trình bày được khái niệm cơ bản truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	- Trình bày được các nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm. - Xác định được các nguồn thực phẩm dễ gây ô nhiễm thực phẩm và các yếu tố ảnh hưởng dẫn đến các vụ ngộ độc thực phẩm - Nêu được các biện pháp dự phòng ô nhiễm thực phẩm nhằm hạn chế các bệnh do thực phẩm gây ra cho con người	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	1. Trình bày được sự khác nhau giữa yếu tố nguy cơ và nguy cơ 2. Mô tả được các yếu tố nguy cơ từ môi trường sống và môi trường lao động 3. Phân tích và đánh giá một số yếu tố nguy cơ từ môi trường sống và môi trường lao động 4. Mô tả quy trình quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp 5. Ứng dụng phương pháp ecgonomi trong môi trường lao động	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm và bệnh truyền nhiễm	Mô tả được các bệnh truyền nhiễm và quá trình lan truyền của các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng. Mô tả được gánh nặng bệnh tật các bệnh không truyền nhiễm. Trình bày được các yếu tố nguy cơ của một số bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm. Nêu lên được các biện pháp dự phòng một số bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm phổ biến ở Việt Nam.	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
46	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	- Kiến thức: Trình bày được những khái niệm cơ bản về đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe. - Kỹ năng: Xây dựng được kế hoạch và công cụ đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe - Thái độ: Hình thành được thái độ làm việc khoa học, trung thực, khách quan, dựa vào bằng chứng.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.pháp đánh giá SV
47	Thống kê dân số y tế	+ Nêu ra được các chỉ số để mô tả sự biến động dân số + Phân tích được sự tác động của sự biến động dân số với phát triển xã hội	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
48	Phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng	+ Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS + Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu + Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị + Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
49	Quản lý dự án	- Trình bày được chu trình lập kế hoạch và các bước cơ bản trong việc phát triển 1 đề cương dự án.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
50	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS	Trình bày các kiến thức cơ bản về chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS hiện đang thực hiện ở Việt nam.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
51	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản về hệ thống quy chuẩn thực phẩm - Nêu được các tiêu chuẩn thực phẩm ở Việt Nam - Nêu được hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

XII. Ngành Hộ sinh hệ chính quy

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
1	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản gồm các nguyên lý Triết học Mác - Lênin, giúp người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm các Nguyên lý kinh tế - chính trị Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin, giúp cho người học hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Tự luận
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Tự luận
5	Tư tưởng Hồ	Nắm được nội hàm khái niệm, cơ sở, quá trình	2	HK3	Thi cuối kỳ:

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
	Chí Minh	hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.			Tự luận
6	Ngoại ngữ không chuyên	Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-ĐHH ngày 07/10/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định dạy và học ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.	7	HK1,2,3	DHNN,ĐHH quy định
7	Ngoại ngữ chuyên ngành	- Ngữ âm: Sau khóa học, sinh viên có thể phát âm đúng những từ chuyên ngành. - Từ vựng: Sinh viên nắm được tên gọi các bộ phận và các hệ thống cơ quan của cơ thể; các từ cơ bản về bệnh lý trong đó tập trung chủ yếu vào 4 chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi; các gốc từ cơ bản. - Ngữ pháp: Sinh viên nắm được một số cấu trúc ngữ pháp thường được dùng trong y văn giúp sinh viên sau khi học xong học phần này có thể đọc được các bài chuyên ngành y học đơn giản.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
8	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	- Trang bị cho sinh viên các kỹ năng để soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng MS Word; sử dụng MS Excel để nhập, xử lý và thống kê số liệu. Đồng thời, cung cấp cho sinh những kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Internet và virus máy tính. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất trong y học: một số ứng dụng của Xác suất trong xét nghiệm chẩn đoán sàng lọc; một số quy luật phân phối, các đặc trưng của các biến ngẫu nhiên trong sinh y học. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê y học: Các khái niệm cơ bản về lý thuyết mẫu, phương pháp chọn mẫu và phân phối mẫu; Khái niệm và cách xác định biến số cần thiết trong nghiên cứu sức khỏe; Bài toán ước lượng tham số và các bài toán kiểm định giả thiết thống kê ứng dụng trong y học; Phân tích hồi qui và tương quan; Cách tính cỡ mẫu nghiên cứu. - Cung cấp các kiến thức cơ bản về phần mềm thống kê SPSS: Làm quen với một số thao tác xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm thống kê SPSS bao gồm mô tả dữ liệu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích hồi qui và tương quan.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm và tự luận
9	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, về các qui luật của sự vận động và biến đổi của các chất. Dự đoán khả năng và chiều hướng của các quá trình hóa học. Ứng dụng của chúng trong chuyên ngành Y-Dược. - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nguyên lý vật lý cơ bản thường diễn ra và có ứng	3	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
		dụng trên cơ thể sống, các dạng chuyển động cơ bản của vật chất trong môi trường sinh học và hệ thống sống, các hiện tượng điện sinh học, các hiện tượng âm trên cơ thể sống, ảnh hưởng của ánh sáng và bức xạ lên cơ thể sống, ...			
10	Sinh học và Di truyền	Sinh học: + Cung cấp những vấn đề cơ bản và hiện đại về thế giới sống, cấu trúc và quy luật hoạt động của chúng, bao gồm sinh học tế bào, sự sinh sản và phát triển phôi và mối quan hệ giữa con người và môi trường. + Chỉ ra một số bệnh lý ở mức độ tế bào đối với cơ thể người. + Cung cấp một số kiến thức nền cho việc học những môn chuyên ngành như: hóa sinh lâm sàng, sinh lý, miễn dịch,..... Di truyền" + Trình bày được cấu trúc và chức năng của gen người. + Mô tả được các đột biến gen và hậu quả của đột biến gen. + Mô tả các đặc tính của đột biến đơn gen trên nhiễm sắc thể thường, đột biến đơn gen di truyền liên kết với giới tính và di truyền ty thể. +Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Mô tả các đặc tính của kiểu di truyền đa yếu tố. + Mô tả các đặc tính của di truyền học quần thể. + Trình bày được các mục tiêu, lợi ích của việc sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, các kỹ thuật ứng dụng trong chẩn đoán trước sinh như siêu âm, nuôi cấy tế bào nước ối, lấy mẫu nhung mao màng đệm.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
11	Giải phẫu	- Nêu được định nghĩa và phạm vi nghiên cứu của Giải phẫu học. Nêu được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học. Biết nguyên tắc gọi tên các chi tiết và sử dụng được thuật ngữ trong Giải phẫu học. - Trình bày được cấu tạo giải phẫu của cơ thể người. - Vận dụng được kiến thức giải phẫu đã học trong học phần này vào các môn học khác.	3	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
12	Mô phôi	- Mô tả được cấu tạo bình thường của các loại tế bào của từng loại mô ở mức độ vi thể và siêu vi thể. - Mô tả được cấu tạo mô học bình thường của các cơ quan và hệ thống cơ quan. - Giải thích được mối liên quan chặt chẽ giữa cấu	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
		tạo và chức năng của các thành phần cấu tạo của các mô và cơ quan . -Nhận biết được các mô và cơ quan cùng các chi tiết cấu tạo bình thường dưới kính hiển vi quang học, hoặc qua các ảnh chụp vi thể hoặc slides. - Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học thông dụng, biết các nguyên tắc bảo quản kính. - Cảm nhận được tầm quan trọng của những hiểu biết về mô học và vị trí của mô học trong hệ thống kiến thức Y học.			
13	Sinh lý	+ Trình bày được chức năng của hồng cầu và của một số cơ quan trong cơ thể: tim, động mạch, dạ dày, cầu thận, tuyến giáp và nơ ron. +Trình bày được sinh lí điều nhiệt.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
14	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. - Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng bệnh, chăm sóc điều trị các bệnh thường gặp - Trình bày được các cơ chế đáp ứng miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể khi có kháng nguyên xâm nhập. - Hiểu được quá trình đáp ứng miễn dịch dịch thể , miễn dịch tế bào và sự điều hoà các đáp ứng miễn dịch trên. Vận dụng được sự hiểu biết này vào thực tế qua công tác phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
15	Hóa sinh	+ Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp, giải thích được nguyên lý cơ chế các xét nghiệm thông thường. + Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	2	HK1	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
16	Dược lý	- Kiến thức: Trình bày được các cách phân loại thuốc, nhóm thuốc và các vấn đề dược lý liên quan của nhóm thuốc. - Kỹ năng: Vận dụng được các yếu tố dược động học, dược lực học của thuốc để ứng dụng trong lâm sàng. - Thái độ: Có nhận thức đúng đắn về thuốc khi sử dụng và hướng dẫn sử dụng trong cộng đồng bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý an toàn & hiệu quả.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
17	Vi sinh vật	+ Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn và virus. + Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm trùng thường gặp.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
		+ Trình bày được cách lấy, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm.			
18	Ký sinh trùng	+ Mô tả đặc điểm sinh học, hình thể, sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển của các loài ký sinh trùng ở Việt Nam. + Trình bày được đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam + Trình bày các nguyên tắc và biện pháp phòng chống	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
19	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	- Trình bày được vai trò, nhu cầu của dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng của thực phẩm đối với sức khỏe. - Liệt kê được các nguyên tắc của dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi, vệ sinh an toàn thực phẩm và bệnh do dinh dưỡng không hợp lý, không đảm bảo vệ sinh gây ra. - Trình bày được mục tiêu, nội dung của giám sát dinh dưỡng và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng - Trình bày được những nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế và chế độ ăn trong một số bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng. - Mô tả những yếu tố nguy cơ từ môi trường tác động đến sức khỏe con người. - Trình bày những tác hại từ môi trường lao động ảnh hưởng lên sức khỏe người lao động. - Trình bày những biện pháp nhằm giảm thiểu các tác hại từ môi trường đến sức khỏe cộng đồng. - Trình bày được phương pháp mô tả tình hình sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng.	3	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
20	Tâm lý y học – Đạo đức Y học, Pháp luật - Tổ chức Y tế	- Trình bày được các khái niệm, nội dung cơ bản của chiến lược CS BV SK nhân dân, của công tác tổ chức và quản lý y tế, mục tiêu và giải pháp chung của các chương trình y tế quốc gia. - Trình bày được những khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý học y học và đạo đức y học. - Thực hành được các kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý y tế. - Áp dụng tâm lý y học, đạo đức y học trong giao tiếp với cộng đồng. - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tổ chức và quản lý y tế, thực hiện các chương trình y tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả CSSK nhân dân.	2	HK2	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
		- Xác định được tầm quan trọng của tâm lý học - đạo đức y học.			
21	Điều dưỡng cơ sở 1	+ Trình bày được các kiến thức về lịch sử ngành điều dưỡng, các nhu cầu của con người... + Trình bày được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng về đo dấu hiệu sống chuẩn bị giường bệnh, tiếp nhận bệnh nhân ra vào viện,...	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
22	Điều dưỡng cơ sở 2	+ Trình bày được các kiến thức về chăm sóc theo các giai đoạn phát triển của cơ thể, chăm sóc bệnh nhân đau, bệnh nhân rối loạn giấc ngủ + Trình bày được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng về tiêm truyền, cấp cứu bệnh nhân ngừng hô hấp tuần hoàn, đặt thông tiểu, sonde dạ dày,...	3	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
23	Kiểm soát nhiễm khuẩn	- Trình bày được khái niệm về nhiễm khuẩn bệnh viện và KSNK. - Mô tả được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi sinh học một số loại vi sinh vật gây NKBV thường gặp. Trình bày được các NKBV thường gặp và cách phòng ngừa. - Biết được các biện pháp, các phương tiện, các phương pháp kiểm soát nhiễm khuẩn.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
24	Giới thiệu ngành hộ sinh; Đạo đức hộ sinh; Vai trò hộ sinh và các mục tiêu phát triển	+ Mô tả được vai trò của hộ sinh trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh nói chung và Việt Nam nói riêng. + Kể ra được những quy định về đạo đức, ứng xử, trách nhiệm của người Hộ sinh; các Luật, quy định liên quan đến thực hành Hộ sinh. + Trình bày được các quy chế hành nghề hộ sinh ở Việt Nam và so sánh với các nước khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
25	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	+ Trình bày được các bước giao tiếp. + Trình bày được các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng. + Có kiến thức về giáo dục sức khỏe bà mẹ và trẻ em.	2	HK3	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
26	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ qua các giai đoạn và nam học	Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản bao gồm: tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học. Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
27	Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường	+ Giải phẫu, sinh lý, tâm lý của người phụ nữ thời kỳ thai nghén. + Quá trình thụ thai, sự phát triển và trưởng thành của thai nhi. + Các yếu tố ảnh hưởng đến thụ thai, sự phát triển, trưởng thành của thai nhi và quá trình thai nghén của bà mẹ. Cách dự phòng và loại trừ các yếu tố ảnh hưởng không có lợi cho thai nhi và quá trình thai nghén	4	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
28	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ	+ Trình bày được các dấu hiệu và triệu chứng của các bệnh lý. + Liệt kê được các yếu tố nguy cơ, bệnh lý của bà mẹ ảnh hưởng đến quá trình thai nghén và sự phát triển của thai nhi (bao gồm cả HIV – lây truyền mẹ - con).	4	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
29	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường	+ Mô tả được về giải phẫu, sinh lý, tâm lý của bà mẹ khi chuyển dạ và đẻ. + Mô tả được giải phẫu thai nhi liên quan đến quá trình chuyển dạ và đẻ. + Kể ra được các yếu tố chuyển dạ bình thường.	3	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
30	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó	+ Mô tả được các dấu hiệu, triệu chứng của từng nguyên nhân gây đẻ khó. + Trình bày được những tình trạng bệnh lý của bà mẹ tác động đến chuyển dạ và đẻ. + Mô tả được các dấu hiệu và triệu chứng của những biến chứng trong chuyển dạ; các biện pháp dự phòng.	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
31	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường và có nguy cơ	+ Mô tả được các thay đổi giải phẫu, sinh lý, tâm lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ. + Kể ra được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và diễn biến của bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ. + Nêu lên được cách dự phòng và loại trừ các yếu tố ảnh hưởng không có lợi cho bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ. + Mô tả được các yếu tố nguy cơ/ các cấp cứu trong thời kỳ sau đẻ. + Kể ra được các dấu hiệu, triệu chứng. + Nắm được các nguy và hướng xử trí phù hợp cho 1 số bệnh lý ảnh hưởng đến thời kỳ sau đẻ.	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
32	Chăm sóc sơ sinh	+ Mô tả được các đặc điểm sơ sinh khỏe mạnh, non tháng. + Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sơ sinh và chăm sóc sơ sinh.	4	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
33	Tiêm chủng cho trẻ nhũ nhi	- Trình bày được tầm quan trọng của tiêm chủng ở trẻ nhũ nhi - Trình bày được lịch tiêm chủng ở trẻ nhũ nhi	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
34	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	+ Trình bày được về đại cương Dân số học và phát triển dân số. + Mô tả được vai trò của Kế hoạch hóa gia đình trong phát triển dân số.	2	HK4	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
35	Phá thai an toàn	+ Nêu được các chính sách, luật pháp, các quy định và các hướng dẫn của quốc gia về thực hiện phá thai an toàn. + Mô tả được các yếu tố ảnh hưởng đến người phụ nữ khi phá thai và quá trình phá thai. + Mô tả được các phương pháp phá thai an toàn và toàn diện.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
36	Thực hành hộ sinh 1	+ Trình bày được quy trình và nội dung chăm sóc bà mẹ sau đẻ. + Trình bày được quy trình và nội dung chăm sóc trẻ sơ sinh sau đẻ. + Trình bày được các chỉ định và chống chỉ định các biện pháp KHHGD sau sinh + Nêu được nội dung tư vấn các biện pháp kế hoạch hoá gia đình sau sinh.	4	HK7	Viết chuyên đề
37	Thực hành hộ sinh 2	+ Nêu được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện. + Trình bày chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện. + Trình bày được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, quy trình khống chế nhiễm khuẩn. + Trình bày được các nội dung chuẩn bị, chăm sóc trước và sau mổ lấy thai, mổ phụ khoa.	4	HK8	Viết chuyên đề
38	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	+ Trình bày được nội dung và vai trò của Hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. + Xác định tình trạng sức khỏe cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe tại cộng đồng.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
39	Chăm sóc hộ sinh nâng cao và tư vấn chăm sóc sức khỏe tình dục	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức kỹ năng thái độ để có thể thực hiện chăm sóc hộ sinh nâng cao và tư vấn chăm sóc sức khỏe tình dục	3	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
40	Khái niệm nghiên cứu khoa	+ Trình bày được khái niệm, lịch sử của thực hành dựa	2	HK6	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
	học cơ bản trong chăm sóc hộ sinh	vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc đến việc chăm sóc người mẹ và trẻ em. + Trình bày được phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học hộ sinh và nâng cao chăm sóc sức khỏe sinh sản.			
41	Chăm sóc bà mẹ trước và sau phẫu thuật sản phụ khoa	+ Trình bày được thay đổi trạng thái tâm sinh lý và chức năng của các bộ phận cơ thể ở những người bệnh phẫu thuật sản phụ khoa theo các phương pháp khác nhau. + Nêu đầy đủ các nội dung cần chuẩn bị trước mổ sản - phụ khoa. + Trình bày được cách chăm sóc bệnh nhân phẫu thuật phụ khoa đối với từng loại bệnh và từng giai đoạn của quá trình phẫu thuật. + Nêu được các phương pháp giảm đau sau mổ.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
42	Bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS	+ Trình bày được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ. + Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
43	Phụ khoa tổng quát	+ Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các ung thư sinh dục. + Trình bày được tầm soát ung thư cổ tử cung và ung thư vú trong cộng đồng.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
44	Chăm sóc và sàng lọc trước sinh	+ Trình bày được các bước khám thai và quản lý thai nghén + Mô tả những vấn đề sàng lọc trong quý 1,2,3 của thai kỳ + Nêu được các vấn đề về chu sinh, tâm lý chu sinh.	2	HK7	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
45	Phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản	Chương trình nhằm giúp cho các Cử nhân hộ sinh có kiến thức cơ bản về chuyên ngành VLTL - PHCN, đặc biệt là trong lĩnh vực PHCN sản khoa, để góp phần vào việc chăm sóc, điều trị và phòng ngừa khuyết tật, nhằm giúp đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe toàn diện của nhân dân.	2	HK5	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm
46	Các bệnh liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	+ Trình bày được các bệnh liên quan đến thai nghén và sinh đẻ. + Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử	4	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	P.Pháp đánh giá SV
		trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.			
47	Thực tập cộng đồng	Trình bày được các kiến thức về quản lý thai nghén và chăm sóc thai nghén ở cộng đồng.	2	HK8	Viết chuyên đề
48	Chăm sóc sơ sinh và trẻ em nâng cao	- Nêu được cách khám các bộ phận cơ thể sơ sinh bình thường sau sinh và chẩn đoán được các triệu chứng bệnh lý khi chăm sóc sơ sinh tuần đầu sau sinh. - Trình bày được cách phân loại sơ sinh theo cân nặng, tuổi thai và kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng từng loại sơ sinh. - Trình bày được chẩn đoán, chăm sóc sơ sinh bệnh lý nhiễm trùng sơ sinh sớm qua đường mẹ - thai. - Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng và cách xử trí bệnh lý vàng da sơ sinh tuần đầu sau đẻ. - Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng hội chứng khó thở sơ sinh tuần đầu sau đẻ và cách xử trí ban đầu các nguyên nhân hội chứng khó thở sơ sinh.	2	HK8	Thi cuối kỳ: Trắc nghiệm

18.C2. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành đối với Sau đại học

I/ Nghiên cứu sinh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP.đánh giá sinh viên
1	Học phần bắt buộc 1: + Nội khoa: Bệnh cầu thận; Siêu âm tim; Bệnh đái tháo đường; Bệnh lý thực quản dạ dày tá tràng + Ngoại khoa: Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật thực quản – dạ dày – ruột; Sỏi tiết niệu + Sản Phụ khoa: Chẩn đoán và điều trị vô sinh + Y tế công cộng: Đánh giá các hoạt động y tế + Điện quang và y học hạt nhân: Chẩn đoán hình ảnh cập nhật bệnh lý tuyến vú + Nhi khoa: Cập nhật kiến thức về cấp cứu trẻ em + Khoa học Y sinh: Cập nhật bệnh sinh các bệnh lý ở người	Hiểu được định nghĩa, liệt kê các triệu chứng lâm sàng của bệnh, mô tả các hình ảnh mô học cơ bản của các thể bệnh, phân biệt được bệnh nguyên phát và thứ phát và nêu được phát đồ điều trị. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận
2	Học phần bắt buộc 2: + Nội khoa: Suy thận; Điện tâm đồ; Béo phì và rối loạn lipid máu; Bệnh lý gan mật tụy + Ngoại khoa: Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật đại trực tràng; Khối u tuyến tiền liệt + Sản Phụ khoa: Sử dụng hóa chất trong ung thư phụ khoa + Y tế công cộng: Dịch tễ học can thiệp + Điện quang và y học hạt nhân: Chẩn đoán hình ảnh cập nhật + Nhi khoa: Cập nhật chẩn đoán và can thiệp tim bẩm sinh + Khoa học Y sinh: Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh trong thời đại y học chính xác	Hiểu được định nghĩa, liệt kê các triệu chứng lâm sàng của bệnh, phân biệt được bệnh nguyên phát và thứ phát và nêu được phát đồ điều trị. cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên môn học		Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP.đánh giá sinh viên
			khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.			
3	Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong các học phần)	- Nội khoa: Thăm dò chức năng – hình thái thận tiết niệu, Rối loạn nước, điện giải, toan kiềm, Các triệu chứng chính trong bệnh lý thận tiết niệu, Bệnh lý ống thận, kẽ thận, mạch thận, bệnh thận bẩm sinh di truyền, Suy tim – Cấp cứu tim mạch, Tăng huyết áp, Kỹ thuật chụp và can thiệp động mạch vành, Kỹ thuật tạo nhịp tim, Holter ECG, Hormon và hoạt động hormon, Tuyến giáp, Tuyến thượng thận, Chuyển hóa chất kháng, Thăm dò tiêu hóa – gan mật, Nội soi tiêu hóa, Bệnh lý ruột non – ruột già, Bệnh lý cấp cứu tiêu hóa gan mật. - Ngoại khoa: Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật (NK&PT) trong điều trị các bệnh ở tụy và lách, Bệnh lý NK&PT trong điều trị các bệnh nhân chấn thương bụng, Bệnh lý NK&PT nội soi ổ phúc mạc, Phẫu thuật chữa các loại thoát vị thành bụng, Chấn thương hệ tiết niệu, nhiễm khuẩn đường niệu trên, Ung thư đường niệu dưới và cơ quan sinh dục ngoài, Ghép thận. - Sản phụ khoa: Bệnh nhiễm trùng và thai kỳ, Bệnh nội tiết và thai kỳ, Sử dụng hóa chất trong phụ khoa, Y học bằng chứng và ứng dụng trong SPK. - Y tế công cộng: Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Xử lý, phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê, Quản lý sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe. - Điện quang và Y học hạt nhân: CDHA nhĩ khoa, CDHA cấp cứu, CDHA can thiệp, CDHA dị dạng thai nhi. - Nhi khoa: Cập nhật kiến thức (CNKT) về thận - nội tiết trẻ em, CNKT về bệnh máu - thần kinh trẻ em, CNKT về bệnh tiêu hóa - dinh dưỡng trẻ em, CNKT các bệnh hô	Nắm được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và viết được phương pháp điều trị cho mỗi loại bệnh. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận
4	Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần)	NK&PT trong điều trị các bệnh nhân chấn thương bụng, Bệnh lý NK&PT nội soi ổ phúc mạc, Phẫu thuật chữa các loại thoát vị thành bụng, Chấn thương hệ tiết niệu, nhiễm khuẩn đường niệu trên, Ung thư đường niệu dưới và cơ quan sinh dục ngoài, Ghép thận. - Sản phụ khoa: Bệnh nhiễm trùng và thai kỳ, Bệnh nội tiết và thai kỳ, Sử dụng hóa chất trong phụ khoa, Y học bằng chứng và ứng dụng trong SPK. - Y tế công cộng: Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Xử lý, phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê, Quản lý sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe. - Điện quang và Y học hạt nhân: CDHA nhĩ khoa, CDHA cấp cứu, CDHA can thiệp, CDHA dị dạng thai nhi. - Nhi khoa: Cập nhật kiến thức (CNKT) về thận - nội tiết trẻ em, CNKT về bệnh máu - thần kinh trẻ em, CNKT về bệnh tiêu hóa - dinh dưỡng trẻ em, CNKT các bệnh hô	Nắm được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và viết được phương pháp điều trị cho mỗi loại bệnh. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên môn học		Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP.đánh giá sinh viên
		hấp trẻ em. - Khoa học Y sinh: Cập nhật kiến thức về sinh lý trong y học, Cập nhật kiến thức về sinh lý học và ứng dụng kỹ thuật thăm dò chức năng trong chẩn đoán, Cập nhật kiến thức di truyền y học, Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị, Giải phẫu bệnh tiết niệu – sinh dục, Giải phẫu bệnh nội tiết – miễn dịch, Hóa sinh nhi khoa và hóa sinh lão khoa, Các chất oxy hóa, chất chống oxy hóa và hóa sinh ung thư, Thăm dò huyết học nâng cao và sản xuất chế phẩm máu, Di truyền tế bào và sinh học phân tử trong bệnh máu ác tính, Cập nhật kiến thức về bệnh ký sinh trùng, Miễn dịch trong ung thư, Miễn dịch chống nhiễm khuẩn, Cập nhật mô học- mô học phân tử, Cập nhật phôi thai học, Cập nhật các tác nhân vi khuẩn, virus gây bệnh nhiễm trùng mới nổi và tái nổi, Các kỹ thuật nâng cao trong chẩn đoán vi sinh vật, Cập nhật kiến thức về bệnh vi nấm, Giải phẫu một số hệ cơ quan trong ứng dụng lâm sàng.				
5	Chuyên đề tiến sĩ 1 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)		Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề
6	Chuyên đề tiến sĩ 2 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)		Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề
7	Chuyên đề tiến sĩ 3 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)		Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề
8	Tiểu luận tổng quan (liên hệ với đề tài nghiên cứu)		Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề

II/ Cao học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1. CAO HỌC NỘI KHOA, KHÓA 2020-2022					
1	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
3	Sinh lý học	Kiến thức: + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. Kỹ năng: + Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. Thái độ: + Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			
4	Miễn dịch học	- Kiến thức: Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Nội khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. - Kỹ năng: Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học - Thái độ: + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm: - Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định - Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ - Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng – số câu sai)/4]/10) - Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

5	Dược lý học	Kiến thức: Trình bày được các hoạt động của thuốc đối với cơ thể bao gồm: quá trình Dược động học và quá trình Dược lực học. Kỹ năng: + Thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Kê đơn thuốc đúng quy trình, đúng bệnh, đảm bảo tính an toàn và hợp lý. + Phân tích được các tương tác của thuốc khi dùng phối hợp các thuốc trong điều trị để tránh được những bất lợi có thể xảy ra. Thái độ, chuyên cần: Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt vào các buổi học.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Hằng ngày kiểm tra chuyên cần, kiểm tra kiến thức cũ và kiểm tra mức độ hiểu bài. Về thực hành kiểm tra thêm các kỹ thuật trong mục tiêu yêu cầu của bài học - Kiểm tra- đánh giá định kỳ: + Lý thuyết: 1 lần thi và kiểm tra, 1 lần kiểm tra giữa học phần 1 lần thi kết thúc học phần + Thực hành: Tổ chức kiểm tra sau khi học xong chương trình thực hành. Không đạt yêu cầu phải thi lại. - Tiêu chí đánh giá các loại bài tập + Lý thuyết: Thi kết thúc học phần: gồm 100 câu, trong đó có 80 câu hỏi trắc nghiệm và đúng sai, - Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi kết thúc học phần (Theo kế hoạch của Phòng Sau đại học)
6	Cấp cứu hồi sức	1 Nắm vững được những nguyên lý cơ bản về HSCC 2. Biết rõ các tiêu chuẩn chẩn đoán và biện pháp xử trí cấp cứu một số tình huống lâm sàng liên hệ các cơ quan quan trọng như tuần hoàn, hô hấp, thần kinh và một số rối loạn chuyển hóa trong cơ thể	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút) - Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
7	Bệnh truyền nhiễm	Học viên nắm được những kiến thức cơ bản và cập nhật một số bệnh nhiễm trùng thường gặp ở Việt Nam. Chẩn đoán đúng và và sớm một số bệnh nhiễm trùng thường gặp ở Việt Nam. Ứng dụng được một số kỹ thuật, xét nghiệm giúp cho chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhiễm trùng.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: + Câu hỏi trắc nghiệm + Trường hợp lâm sàng (cases study) - Thực hành: + Làm bệnh án + Khám và chẩn đoán trên bệnh nhân cụ thể

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

8	Tim mạch	1. Trang bị kiến thức khá toàn diện cho học viên về các bệnh lý tim mạch thông dụng. 2. Từ đó vận dụng trong thực tế để giải quyết tốt nhu cầu điều trị, nghiên cứu được những bệnh lý tim mạch thường gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
CAO HỌC NỘI KHOA, KHÓA 2019-2021					
9	Hô hấp – Thần kinh	1. Nắm vững được những phương pháp và phương tiện thăm dò bộ máy hô hấp. 2. Thành thạo các thủ thuật như chọc dò dịch não tủy, đọc phim sọ não cột sống, chụp não tủy cắt lớp vi tính, điện não đồ bệnh lý, phim chụp nhuộm tủy... 3. Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán được nguyên nhân gây bệnh. Xử trí bệnh tốt và có khả năng phổ biến tuyên truyền có hiệu quả về phòng bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
10	Tiêu hóa – Gan mật	1. Nắm vững bệnh nguyên cơ chế bệnh sinh, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh Tiêu hoá - Gan mật thường gặp. 2. Biết xử trí và điều trị các bệnh Tiêu hoá - Gan mật thường gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
11	Thận – Tiết niệu	1. Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh lý về thận. 2. Nắm vững một số phương pháp điều trị hiện đại về thận để giải quyết suy thận mạn như chạy thận nhân tạo chu kỳ, ghép thận.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

12	Nội tiết – Chuyển hóa	1. Giúp học viên nắm vững những kiến thức liên quan đến các bệnh Nội tiết và chuyển hoá. 2. Thực hành tốt trong chẩn đoán nhất là điều trị các bệnh Nội tiết, chuyển hoá thường gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
13	Điều trị nội khoa đại cương	1. Nắm được các liệu pháp thông thường trong thực tiễn điều trị nội khoa 2. Trình bày được các chỉ định, chống chỉ định của các thuốc thường sử dụng trong lâm sàng nội khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
14	Cơ xương khớp	1. Nắm vững bệnh sinh các bệnh cơ xương khớp thường gặp. 2. Biết cách điều trị và phòng bệnh cơ xương khớp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
III. CAO HỌC NGOẠI KHOA KHÓA 2020-2022					
15	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
17	Giải phẫu	1. Kiến thức: học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người 2. Kỹ năng: biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực ngoại khoa	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
18	Ung thư	Cung cấp các kiến thức cơ bản về bệnh ung thư, đồng thời nắm vững các bệnh ung thư thường gặp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc đánh giá theo hình thức tự luận, với thang điểm 10, một số thập phân
19	Phẫu thuật thực hành			Theo CTK và KHĐT hàng năm	
20	Sản Phụ khoa	Sau khi học xong môn học, học viên có khả năng nắm được những kiến thức cơ bản và cập nhật về các lĩnh vực sinh đẻ khó khăn, các cấp cứu sản khoa, các bệnh lý sản và phụ khoa có liên quan trong điều trị ngoại sản.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
21	Gây mê hồi sức	- Trang bị những kỹ năng cơ bản (kỹ năng kiểm thức và kỹ năng thực hành và giải quyết tình huống) về những kỹ thuật, thủ thuật vô cảm để phục vụ công tác phẫu thuật , thủ thuật ngoại khoa và thăm	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		dò chức năng, đồng thời giải quyết được các tình huống cấp cứu trong ngoại khoa, nhằm mục đích với cán bộ chuyên ngành Gây mê hồi sức phối hợp điều trị bệnh nhân			
22	Vấn đề cơ bản ngoại khoa và phẫu thuật nội soi	- Cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực ngoại khoa. - Cung cấp một số kiến thức cơ bản trong phẫu thuật nội soi - Thực hành được những kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực ngoại khoa. - Rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong phẫu thuật nội soi	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp.
IV. CAO HỌC NGOẠI KHOA, KHÓA 2019-2021					
23	Ngoại tiêu hóa – Gan mật	- Cung cấp những kiến thức về một số bệnh lý chủ yếu của ngoại tiêu hóa gan mật. - Thực hành được những kỹ năng cơ bản trong phẫu thuật tiêu hóa, gan mật.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
24	Ngoại Tiết niệu	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực tiết niệu - Học viên chẩn đoán được và xử trí được một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong tiết niệu. - Rèn luyện một số kỹ năng lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý trong lĩnh vực tiết niệu - Thực hiện được một số thao tác và phẫu thuật trung phẫu trong niệu khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
25	Ngoại Chấn thương – Chỉnh hình	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực chấn thương - Chẩn đoán và xác định hướng xử trí một số bệnh lý thường gặp trong chấn thương - Thực hiện được một số phẫu thuật trong một số bệnh lý thường gặp trong lĩnh vực chấn thương - Làm được một số kỹ thuật kéo nắn chỉnh hình trong chấn thương	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

26	Ngoại Lòng ngực – Tim mạch	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực ngoại tim mạch lồng ngực - Chẩn đoán và xác định được hướng xử trí một số bệnh trong lĩnh vực ngoại tim mạch - lồng ngực - Thực hiện được một số kỹ thuật để chẩn đoán và xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại tim mạch lồng ngực. - Sử dụng được một số phương tiện nhằm chẩn đoán và xử trí một số trường hợp trong lĩnh vực ngoại tim mạch - lồng ngực	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
27	Ngoại nhi	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý thường gặp trong ngoại nhi - Học viên chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại nhi. - Thực hiện được một số kỹ thuật trong chẩn đoán và xử trí cấp cứu một số bệnh lý thường gặp trong ngoại nhi, chú ý các trường hợp cấp cứu - Làm được một số phẫu thuật đơn giản trong lĩnh vực này.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
28	Ngoại thần kinh sọ não	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý thường gặp trong ngoại thần kinh. - Học viên chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại thần kinh. - Thực hiện được một số kỹ thuật trong chẩn đoán và xử trí cấp cứu một số bệnh lý thường gặp trong ngoại thần kinh, chú ý các trường hợp cấp cứu - Làm được một số phẫu thuật đơn giản trong lĩnh vực này.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
V. CAO HỌC SẴN PHỤ KHOA KHÓA 2020-2022					
29	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.		năm	đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
31	Giải phẫu học	- Kiến thức: học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người - Kỹ năng: biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống - Thái độ: Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực Sản Phụ khoa	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
32	Di truyền y học	Kiến thức: Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi;

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lí di truyền này. Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lí di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. Kỹ năng: Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường		95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 – 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành
--	--	--	---

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose Lập được phả hệ - Thái độ, chuyên cần: Chương trình nhằm hình thành ở người học: Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
33	Miễn dịch học	- Kiến thức: Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Sản Phụ khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. - Kỹ năng: Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học . - Thái độ: + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm: Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng – số câu sai)/4]/10) Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

34	Ngoại khoa	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại khoa - Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại khoa - Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
35	Gây mê hồi sức	Trang bị những kỹ năng cơ bản (kỹ năng kiểm thức và kỹ năng thực hành và giải quyết tình huống) về những kỹ thuật, thủ thuật vô cảm để phục vụ công tác phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa và thăm dò chức năng, đồng thời giải quyết được các tình huống cấp cứu trong ngoại khoa, nhằm mục đích với cán bộ chuyên ngành Gây mê hồi sức phối hợp điều trị bệnh nhân	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
36	Sản thường	1. Kiến thức: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và cập nhật về sản thường 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng liên quan đến chăm sóc thai sản, chẩn đoán và xử trí chuyên dạ, chăm sóc hậu sản. Nắm vững chương trình quản lý làm mẹ an toàn. 3. Thái độ: Quản lý thai sản tốt là một biện pháp quan trọng giúp phát hiện sớm các bất thường để có hướng xử trí kịp thời, hạn chế tai biến sản khoa và giảm tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ sơ sinh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
VI. CAO HỌC SẢN PHỤ KHOA, KHÓA 2019-2021					
37	Đẻ khó và cấp cứu sản khoa	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản và cập nhật về sản khó và các cấp cứu sản khoa. 2. Kỹ năng: Học viên phải nắm được những kỹ năng trong chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản khoa khó khăn và xử trí các cấp cứu sản khoa. 3. Thái độ: Các tai biến sản khoa có thể gây tử vong mẹ và thai với tỷ lệ cao, vì vậy cần phát hiện	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần : trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		sớm và xử trí kịp thời; Có thể dự phòng bằng quản lý thai nghén tốt, phát hiện sớm thai nghén nguy cơ và chuyển tuyến phù hợp.			được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10
38	Sản bệnh lý	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức liên quan đến các bệnh lý nội, ngoại và phụ khoa và thai kỳ cũng như các bệnh lý do quá trình mang thai. 2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội, ngoại và phụ khoa và thai kỳ cũng như các bệnh lý do quá trình mang thai. 3. Thái độ: Sản khoa bệnh lý có thể gây tăng bệnh suất và tử suất cho cả mẹ và thai trong thai kỳ cũng như trong chuyển dạ. Quản lý thai nghén tốt, phát hiện kịp thời và xử trí đúng mức các trường hợp sản bệnh giúp dự phòng tai biến.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
39	Phụ khoa tổng quát và khối u	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về phụ khoa chung và các bệnh lý khối u trong phụ khoa lành và ác tính. 2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lý phụ khoa thường gặp và các bệnh lý khối u trong phụ khoa lành và ác tính. 3. Thái độ: Các tổn thương trên đường sinh dục có thể thường gặp, lành tính nhưng cũng có thể gây ung thư với tỷ lệ tử vong cao. Cần khám phụ khoa sàng lọc định kỳ đầy đủ để phát hiện và điều trị sớm các bệnh lý phụ khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần : trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
40	Phụ khoa nội tiết – Vô sinh	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản và cập nhật về các bệnh lý nội tiết phụ khoa, vô	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		sinh và hỗ trợ sinh sản. 2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lý nội tiết phụ khoa thường gặp, cách chẩn đoán và điều trị một cặp vợ chồng vô sinh. 3. Thái độ: Các rối loạn nội tiết phụ khoa khá thường gặp, gây nhiều rối loạn về mặt tâm lý, sức khỏe cho người phụ nữ, cần tìm hiểu nguyên nhân và xử trí phù hợp. Vô sinh là một trong mười nội dung chăm sóc sức khỏe ở nước ta hiện nay. Đây là một vấn đề liên quan đến nhiều khía cạnh xã hội, cần được quan tâm đúng mức, phát hiện và điều trị sớm, đúng phương pháp.		năm	2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp; thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
41	Các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hiện được và đánh giá kết quả một số phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa. 3. Thái độ: Các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa rất cần thiết trong việc phát hiện, chẩn đoán sớm các bất thường liên quan đến thai kỳ cũng như tổn thương đường sinh dục. Thực hiện đúng các phương pháp này giúp chẩn đoán sớm, chính xác và xử trí kịp thời.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần : trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
42	Sơ sinh, Dân số - KHHGD, sức khỏe sinh sản	1. Kiến thức: Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về sơ sinh, dân số - KHHGD và sức khỏe sinh sản. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề liên quan đến sơ sinh, dân số - KHHGD và sức khỏe sinh sản. 3. Thái độ: Chăm sóc sơ sinh đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ sau này, phát hiện sớm các dị tật bẩm sinh và	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần : trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		các tình trạng cấp cứu để có hướng xử trí kịp thời. Kế hoạch hóa gia đình là chương trình quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, cần coi trọng công tác thông tin – giáo dục – truyền thông và tư vấn giúp người dân có sự quyết định hợp lý.			giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
VII. CAO HỌC NHI KHOA KHÓA 2020-2022					
43	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
45	Sinh lý học	1. Kiến thức - Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		2. Kỹ năng - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. 3. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			thi.
46	Di truyền y học	- Kiến thức: Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: + củng cố các quan niệm di truyền cơ bản + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 – 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. - Kỹ năng + Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. + Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. + Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. + Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose + Lập được phả hệ - Thái độ, chuyên cần + Chương trình nhằm hình thành ở người học: + Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự			
--	--	--	--	--	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
47	Miễn dịch học	- Kiến thức: Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Nhi khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. - Kỹ năng: Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học . - Thái độ + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm: - Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định - Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng – số câu sai)/4]/10) Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.
48	Ngoại nhi	Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại nhi. Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại nhi Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
49	Bệnh truyền nhiễm nhi	1.Kiến thức: Học viên nắm được các triệu chứng lâm sàng của các bệnh lây thường gặp ở trẻ em 2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lây thường gặp ở trẻ em. Nắm vững chương trình tiêm chủng ở trẻ em. 3. Thái độ: tham gia đầy đủ môn học, thực hành	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng :

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây ở trẻ em.			Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
50	Sơ sinh	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý cần hồi sức ở trẻ sơ sinh. 2. Kỹ năng: học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh về hồi sức sơ sinh ở trẻ em. 3. Thái độ:học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh cần hồi sức ở trẻ sơ sinh	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
VIII. CAO HỌC NHI KHOA, KHÓA 2019-2021					
51	Cấp cứu	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về cấp cứu hồi sức ở trẻ em. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về cấp cứu hồi sức ở trẻ em. 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về cấp cứu hồi sức ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
52	Tiêu hoá-Dinh dưỡng	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em. Tham vấn cho bệnh nhân và gia đình chế độ nuôi dưỡng trẻ khi khỏe mạnh và khi bị bệnh. 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
53	Nội tiết -Thận-	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ	5	Theo CTK và	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	Tiết niệu	bản về bệnh Thận và nội tiết ở trẻ em. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về Thận và nội tiết ở trẻ em. 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về Thận và nội tiết ở trẻ em.		KHĐT hàng năm	học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
54	Tim mạch- Cơ xương khớp	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý tim mạch ở trẻ em. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về tim mạch ở trẻ em. 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về tim mạch.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
55	Hô hấp	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý hô hấp và nhi xã hội. 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh của hệ hô hấp và bệnh xã hội ở trẻ em. 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng và điều trị được bệnh của hệ hô hấp và bệnh xã hội ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
56	Huyết học- Thần kinh	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em 2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em 3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết : trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng : Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					Hội thi lâm sàng (30phút)
IX. CAO HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG KHÓA 2020-2022					
57	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
58	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
59	Thống kê y học và Dân số học	1. Kiến thức - Vận dụng được các kiến thức thống kê để ứng dụng trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các đề tài nghiên cứu sức khỏe. - Vận dụng được kiến thức về dân số học để ứng dụng trong việc tiến hành nghiên cứu các đề tài sức khỏe. - Biết cách sử dụng phần mềm thống kê chuyên dụng ứng xử lý số liệu đã nghiên cứu. 2. Kỹ năng: Thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: thực hành trên máy tính: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		được số liệu của các đề tài nghiên cứu sức khỏe. 3. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của nội dung thống kê y học và dân số học trong việc tiến hành NCKH y học.			
60	Dịch tễ học cơ sở	1. Kiến thức: Trình bày được các nguyên lý và phương pháp dịch tễ học trong việc phát hiện và mô tả các vấn đề sức khỏe của cộng đồng. 2. Kỹ năng: Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe của cộng đồng. Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp. Phân tích được tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học. 3. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học cơ sở đối với sức khỏe cộng đồng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
61	Kinh tế y tế	1. Kiến thức: Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế và kinh tế y tế 2. Kỹ năng: Đánh giá kinh tế một số chương trình y tế đang thực hiện ở cơ sở y tế. 3. Thái độ: Nhận thức được vai trò của kinh tế y tế trong các hoạt động y tế	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
62	Các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe – giáo dục sức khỏe	1. Kiến thức - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. - Trình bày được các khái niệm về giáo dục sức khỏe. - Trình bày được quá trình thay đổi hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thay đổi hành vi. 2. Kỹ năng: - Phân tích được vai trò của giáo dục sức khỏe trong CSSKBD và tăng cường sức khỏe. - Lập được kế hoạch cho một chương trình giáo dục sức khỏe cụ thể .	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Tổ chức thực hiện và đánh giá được một chương trình giáo dục sức khỏe phù hợp với lĩnh vực công tác.			
63	Quản lý y tế và Chính sách y tế	1. Kiến thức - Trình bày được các khái niệm cơ bản, hiện đại và các nguyên tắc về quản lý y tế - Trình bày được các khái niệm về chính sách y tế; phương pháp xây dựng, phân tích đánh giá các chính sách y tế hiện nay ở Việt Nam. - Trình bày được những nội dung cơ bản của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam và thanh tra y tế. Vận dụng xem xét việc thực hiện các luật định về sức khỏe trong phạm vi công tác của mình. 2. Kỹ năng: Xây dựng được kế hoạch y tế khả thi. Nắm vững phương pháp tổ chức điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động y tế ở các tuyến y tế	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
64	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	1. Kiến thức - Xác định được mối quan hệ giữa dinh dưỡng, thực phẩm và sức khỏe. - Đánh giá được các vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng và vệ sinh an toàn thực phẩm 2. Kỹ năng - Thực hành được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn một số vấn đề dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe. - Xây dựng được các biện pháp can thiệp dinh dưỡng đảm bảo an toàn thực phẩm 3. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sức khỏe con người	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
X. CAO HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG, KHÓA 2019-2021					
65	Sức khỏe môi trường – sức khỏe nghề	PHẦN 1: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG 1. Kiến thức - Trình bày được mối liên quan giữa môi trường và	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	ng nghiệp	sức khỏe con người - Trình bày được các nguyên lý sinh thái học liên quan tới sức khỏe cộng đồng; trình bày được các nguyên lý cơ bản của dịch tễ học môi trường 2. Kỹ năng - Phát hiện được các vấn đề sức khỏe môi trường trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và nâng cao sức khỏe cộng đồng; thiết kế và thực hiện được một nghiên cứu sức khỏe môi trường - Chỉ đạo và hướng dẫn cộng đồng thực hiện bảo vệ môi trường an toàn cho sức khỏe 3. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của sức khỏe môi trường đối với sức khỏe con người. PHẦN 2: SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP 1. Kiến thức: Mô tả chức năng, nhiệm vụ của khoa học sức khỏe nghề nghiệp, vận dụng được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động để đánh giá môi trường lao động; trình bày được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe và an toàn của người lao động 2. Kỹ năng: Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống tai nạn lao động nâng cao hiệu quả sản xuất. 3. Thái độ: Nhận thức được các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp, vệ sinh nghề nghiệp là nền tảng của sức khỏe nghề nghiệp			+ Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
66	Sức khỏe lứa tuổi – Sức khỏe tâm thần – Sức khỏe sinh sản	PHẦN 1: SỨC KHỎE LỨA TUỔI 1. Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm phát triển và các vấn đề sức khỏe chủ yếu qua các giai đoạn tuổi. - Các yêu cầu vệ sinh về môi trường học đường. Hệ thống tổ chức chăm sóc sức khỏe học sinh - Trình bày được cơ chế già hóa và biện pháp chăm	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần), từ các bài tập 3/10 2. Thi học phần : Thực hành viết chuyên đề (tiêu chí đánh giá) 3/10 Thi lý thuyết : Thi trắc nghiệm : 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		sóc sức khỏe người có tuổi. 2. Kỹ năng: Ra quyết định phân chia được các lớp tuổi theo đặc điểm phát triển và mục tiêu nghiên cứu. Phân tích đánh giá được các thông tin sức khỏe theo lứa tuổi 3. Thái độ: Nhận thức được vị trí môn học sức khỏe lứa tuổi trong khoa học y tế công cộng PHẦN 2: SỨC KHOẺ TÂM THẦN 1. Kiến thức - Nhận thấy được tầm quan trọng của SKTT trong sức khỏe cộng đồng. - Trình bày được các nhân tố chủ yếu của chiến lược SKTT - Trình bày được nội dung chẩn đoán ,điều trị, quản lý và phòng ngừa tại cộng đồng của TTPL, trầm cảm, nghiện rượu và ma túy. 2. Kỹ năng: Thực hành tư vấn được về nội dung chăm sóc SKTT tại cộng đồng 3. Thái độ: Thấy được tầm quan trọng của việc thay đổi nhận thức về SKTT trong cộng đồng tại Việt Nam cũng như trên thế giới. PHẦN 3: SỨC KHOẺ SINH SẢN 1. Kiến thức: - Nhận ra thực trạng của sức khỏe sinh sản và giải pháp cho vấn đề này; - Trình bày những khái niệm hiện nay về sức khỏe sinh sản; - Trình bày được những nội dung của chương trình sức khỏe sinh sản; 2. Kỹ năng: Thực hành được tư vấn sức khỏe sinh sản và lập được kế hoạch và quản lý chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản; 3. Thái độ: Thấy được tầm quan trọng của nhận thức thay đổi về sức khỏe sinh sản hiện nay trong			
--	--	---	--	--	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		việc tác động hiệu quả đến chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam và thế giới			
67	Dịch tễ học các bệnh phổ biến	1. Kiến thức - Mô tả được các bệnh nhiễm trùng và quá trình lan truyền của các bệnh dịch trong cộng đồng. - Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh phát triển của các vụ dịch. - Trình bày được các chiến lược và biện pháp phòng chống một số bệnh không lây phổ biến ở Việt Nam. 2. Kỹ năng - Phát hiện sớm những trường hợp bệnh nhiễm trùng phổ biến trong cộng đồng - Đề xuất được các biện pháp điều tra và xử lý dịch, phòng chống sự lan truyền các vụ dịch trong cộng đồng 3. Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học bệnh lây đối với sức khỏe cộng đồng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: điều kiện để thi kết thúc học phần + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: thang điểm 10
68	Thực tập cộng đồng 1	- Mô tả được cấu trúc hoạt động của hệ thống y tế cơ sở - Tìm hiểu được tình hình cung cấp dịch vụ tại tuyến y tế cơ sở - Mô tả được tình hình sức khỏe bệnh tật của cộng đồng và chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên - Xác định được nhu cầu chăm sóc sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sử dụng dịch vụ y tế tại tuyến y tế cơ sở - Lập được kế hoạch can thiệp về một vấn đề sức khỏe được chọn tại địa phương - Xây dựng được bộ công cụ để thu thập thông tin tại cộng đồng - Biết cách làm việc nhóm hiệu quả	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Thái độ - Giao tiếp với CBYT, người dân - Làm việc nhóm 2. Hình thức báo cáo 3. Nội dung báo cáo - Bộ công cụ rõ ràng, dễ hiểu, đủ biến số cần thiết - Kết quả trình bày khoa học, có sử dụng các tes thống kê để phân tích - Báo cáo viết cụ thể, có bằng chứng minh họa thực tế
69	Thực tập cộng đồng 2	Vận dụng những kiến thức đã học để: - Mô tả đặc điểm dịch tễ học của một vấn đề sk nhất	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		định trong cộng đồng; xác định được những yếu tố nguy cơ của vấn đề sức khỏe đó. - Đề xuất giải pháp can thiệp hợp lý; lập kế hoạch can thiệp phù hợp; thiết kế đánh giá một can thiệp. - Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện các yếu tố nguy cơ của vấn đề sức khỏe và giải pháp can thiệp phù hợp.		năm	- Thi học phần: + Viết báo cáo, làm tiểu luận: 3/10
70	Tin học ứng dụng trong nghiên cứu sức khỏe	Kiến thức : - Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS - Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu - Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị - Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê Kỹ năng : - Xây dựng được phiếu hỏi từ yêu cầu nghiên cứu để nhập dữ liệu - Nhập được dữ liệu, tiến hành được việc lọc số liệu - Sử dụng được các lệnh cơ bản và các lệnh nâng cao - Xử lý được số liệu cơ bản và vẽ được đồ thị biểu diễn kết quả theo yêu cầu - Thực hiện được việc tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu thống kê theo yêu cầu nghiên cứu bằng phần mềm SPSS. Thái độ: - Nhận rõ vai trò và tầm quan trọng của môn học trong nghiên cứu khoa học y học. - Thận trọng và chính xác trong quá trình nhập dữ liệu và xử lý số liệu.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Dự lớp và kiểm tra giữa học kỳ : 20% + Thi kết thúc học phần : 80%

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

XI. CAO HỌC KHOA HỌC Y SINH KHÓA 2020-2022					
71	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
72	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
73	Sinh y học tế bào – phân tử và sinh tin học	Kiến thức: - Trình bày được các kiến thức cơ bản về sinh học tế bào gồm thành phần, cấu trúc và chức năng tế bào người; các cơ chế kiểm soát chu kỳ tế bào và phân tích được mối liên quan của rối loạn cấu trúc, chức năng tế bào với một số bệnh lý. - Trình bày được các kiến thức cơ bản về sinh học phân tử, các cơ chế sửa chữa DNA, điều hòa biểu hiện gene và phân tích được mối liên quan của sự rối loạn các cơ chế điều hòa này với một số bệnh lý. - Trình bày được nguyên lý hoạt động, ưu điểm,	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: Thi trắc nghiệm, 100 câu, 60 phút - Thực hành: Thi thực hành bằng hình thức chạy trạm * Tiêu chí đánh giá các loại bài tập thi, kiểm tra: Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		nhược điểm và ứng dụng của một số kỹ thuật sinh học phân tử (PCR, giải trình tự) và nuôi cấy tế bào. - Trình bày được kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu tin sinh học, các công cụ tin sinh học để phân tích trình tự DNA, RNA, protein và xây dựng mô hình tiến hóa, phát sinh loài. Kỹ năng: - Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi và sử dụng thành thạo các loại kính hiển vi (quang học, phản pha, huỳnh quang) trong y học. - Thực hiện được kỹ thuật PCR để khuếch đại đoạn DNA đích và thực hiện được kỹ thuật điện di DNA để phát hiện sản phẩm PCR. - Truy cập được vào các cơ sở dữ liệu tin sinh học và sử dụng được các công cụ tin sinh học trong phân tích trình tự DNA, RNA, protein để xây dựng mô hình tiến hóa, cây phát sinh loài. Thái độ: - Tuân thủ các quy định về an toàn sinh học khi làm việc với máy móc, các hóa chất, sinh bệnh phẩm. - Thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm.			Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi.
74	Giải phẫu và sinh lý người	Giải phẫu: Nghiên cứu về đặc điểm phôi thai học và giải phẫu học hệ thống cơ quan trong cơ thể: hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu, nội tiết và thần kinh. Sinh lý: - Kiến thức + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Kỹ năng + Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. - Thái độ + Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			
75	Cơ sở tự chọn 1: Kỹ thuật sinh học phân tử trong y học	- Kiến thức: + Trình bày được nguyên tắc tách chiết acid nucleic. + Trình bày được nguyên lý hoạt động, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của một số kỹ thuật sinh học phân tử trong phân tích acid nucleic. + Trình bày được các đặc điểm cơ bản của công nghệ tái tổ hợp DNA. + Trình bày được các ứng dụng của kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán và nghiên cứu vi sinh vật. + Phân tích được các sai sót của kết quả PCR trong chẩn đoán tác nhân vi sinh vật. - Kỹ năng: + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA người từ máu toàn phần và DNA/RNA vi sinh vật từ mẫu nghiệm bằng các phương pháp khác nhau. + Thực hiện được các kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán vi sinh vật như các kỹ thuật PCR, lai DNA...	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: Kiểm tra trắc nghiệm - Thực hành: Theo qui trình kỹ thuật - Điểm thực hành và điểm lý thuyết cần thiết phải là các cột điểm độc lập, học viên được xem là đạt kết quả của HP khi đạt điểm kiểm tra cả thực hành và thi lý thuyết cuối môn học. - Học viên thiếu điểm phần nào thì phải kiểm tra hay thi lại phần đó.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Thực hiện được một số kỹ thuật PCR nâng cao như RT-PCR, kỹ thuật PCR-RFLP, kỹ thuật PCR đặc hiệu allele, kỹ thuật PCR đa mồi và phân tích được các kết quả xét nghiệm sinh học phân tử liên quan trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh di truyền. + Thiết kế được primer, probe và xây dựng được quy trình kỹ thuật PCR để khuếch đại một đoạn DNA theo chủ đích nghiên cứu hoặc chẩn đoán tác nhân vi sinh vật. + Phân tích được kết quả và chất lượng kỹ thuật PCR. - Thái độ: + Tuân thủ các quy định về an toàn sinh học khi làm việc với máy móc, các hóa chất, sinh bệnh phẩm. + Thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm + Học hỏi không ngừng để nâng cao kiến thức và trau dồi kỹ năng nghề nghiệp.			
76	Tiêu chuẩn phòng xét nghiệm y học	- Kiến thức: + Có kiến thức về các tai biến nhiễm trùng xảy ra với nhân viên làm việc trong phòng thí nghiệm, đường lây truyền chủ yếu các vi sinh vật ở phòng thí nghiệm. + Nắm được các phân loại nguy cơ vi sinh học, các trang bị phòng thí nghiệm đòi hỏi tương thích với các nhóm nguy cơ vi sinh vật. + Hiểu và Đánh giá các nguy cơ sinh học, các nguyên lý cần tuân thủ khi làm việc trong các phòng thí nghiệm với các tác nhân VSV nguy hiểm cao. + Hiểu và vận dụng các kiến thức về trang thiết	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng câu hỏi được phân bố theo học phần chung . Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		bị PTN và phương tiện bảo vệ cá nhân vào trong hoạt động chuyên môn. + Nắm bắt các kiến thức về chất thải phòng thí nghiệm trong và áp dụng vào xử lý chất thải PTN trong công tác chuyên môn. + Nêu được ý nghĩa của đảm bảo kiểm tra chất lượng xét nghiệm hóa sinh + Trình bày được các yếu tố cần kiểm tra trong quy trình kiểm tra chất lượng XN hành ngày ở phòng xét nghiệm. + Đánh giá giá trị một thử nghiệm dựa vào các thông số (độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán dương, giá trị tiên đoán âm, dương tính giả, âm tính giả). + Có khả năng kiểm tra, giải thích và biện luận được các vấn đề liên quan chất lượng xét nghiệm Huyết học + Trình bày được các quy trình và các yếu tố cần kiểm tra để đảm bảo chất lượng xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật. + Phân tích được các yếu tố đảm bảo chất lượng của các thử nghiệm đánh giá độ nhạy của VSV với các chất kháng sinh. + Có kiến thức và vận dụng vào công việc về sắp xếp trang thiết bị và quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng các XN SHPT chẩn đoán các tác nhân nhiễm trùng - Kỹ năng + Đánh giá được các yếu tố nguy hiểm về môi trường, điều kiện làm việc trong công tác chuyên môn hàng ngày. + Sử dụng thành thạo và thường quy các phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc trong phòng XN với các tác nhân VSV nguy hiểm.			
--	--	---	--	--	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Sử dụng thành thạo và đảm bảo đúng nguyên tắc các trang bị, phương tiện tạo ra sương khí để hạn chế. + Thực hành khử khuẩn và tiệt trùng các chất thải nguy hiểm trong phòng XN trước khi đưa ra môi trường bên ngoài. + Thực hiện an toàn các dụng cụ nhọn, sắc trong PXN. + Sắp xếp được các phương tiện, máy móc, hóa chất các điều kiện nhằm đáp ứng được nhu cầu xét nghiệm + Thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng ở phòng xét nghiệm sinh y học (nội kiểm) để trả kết quả chính xác. + Phân tích được các thông số để đánh giá ngoại kiểm tra chất lượng của một phòng xét nghiệm. - Thái độ + Tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc an toàn khi làm việc ở PXN có tác nhân nguy hiểm. + Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình đảm bảo chất lượng về trang thiết bị, hóa chất sinh phẩm, quy trình xét nghiệm chuẩn để đảm bảo chất lượng xét nghiệm. + Có trách nhiệm cao trong việc phòng và hạn chế lây nhiễm tác nhân nguy hiểm từ phòng thí nghiệm + Cẩn thận, tỷ mỉ và an toàn trong các công việc thực hiện ở PXN với các tác nhân nguy hiểm. + Trung thực, khách quan với các kết quả kiểm tra chất lượng của phòng xét nghiệm.			
77	Mô phôi thai học cơ sở giải phẫu bệnh cơ sở	- Kiến thức: + Trình bày được các bước kỹ thuật hoàn thành tiêu bản mô học bình thường	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: Thi trắc nghiệm, 100 câu, 60 phút - Thực hành: Thi thực hành bằng hình thức

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Trình bày được những kiến thức cơ bản và cập nhật về mô và phối thai học người đại cương + Phân tích được nội dung, đặc điểm, công việc và vai trò của giải phẫu bệnh trong chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh + Chỉ định được các kỹ thuật GPB cơ bản và ứng dụng trong thực hành lâm sàng - Kỹ năng: + Thực hiện được các kỹ thuật mô học thông thường + Nhận diện và xác định được các cấu trúc vi thể, siêu vi thể của các mô đại cương + Nhận biết và chỉ định đúng các kỹ thuật xét nghiệm GPB cơ bản thích hợp trong thực hành lâm sàng - Thái độ: + Tuân thủ các quy định về an toàn khi làm việc với máy móc và khi tiếp xúc với các hóa chất, thuốc nhuộm, sinh phẩm + Thói quen thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm			chạy trạm * Tiêu chí đánh giá các loại bài tập thi, kiểm tra: Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi.
78	Sinh hóa cơ sở - miễn dịch cơ sở	Hóa sinh cơ sở: - Kiến thức: + Trình bày được cấu tạo hóa học, tính chất, vai trò của enzyme, carbohydrate, lipid, acid amin, acid nucleic và hemoglobin + Phân tích được đặc điểm cơ bản của các quá trình chuyển hóa năng lượng, chuyển hóa glucid, lipid, acid amin, acid nucleic, hemoglobin; mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa và ảnh hưởng của rối loạn chuyển hóa các chất trong một số bệnh lý - Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật điện di ADN, protein và ứng dụng vào chẩn đoán bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Chính sách đối với học phần - Lý thuyết: sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học tích cực và truyền thống. - Thực hành: Học viên được hướng dẫn mẫu, sau đó tự tiến hành xét nghiệm và biện luận kết quả. - Thi: Mỗi tín chỉ đều đánh giá cho điểm theo qui chế. Cuối mỗi tín chỉ tổ chức kỳ thi kết thúc. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần - Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Thái độ: Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp. - 1.2.1 Kiến thức: + Trình bày được hệ thống miễn dịch trong cơ thể người: thành phần, cấu trúc và chức năng của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và đặc hiệu. + Phân tích được chức năng của đáp ứng miễn dịch tế bào và miễn dịch dịch thể trong quá trình loại bỏ kháng nguyên lạ và dung thử kháng nguyên bản thân. + Trình bày được cơ chế điều hoà và các thành phần hiệu ứng tham gia đáp ứng miễn dịch. - Kĩ năng: + Nhận diện được các tế bào và các tổ chức lympho + Thực hiện được các kỹ thuật miễn dịch cơ bản như ngưng kết, kết tủa, điện di, ELISA, IFA để phát hiện kháng thể dịch thể - Thái độ: + Tuân thủ các quy định về an toàn khi làm việc với máy móc và khi tiếp xúc với các hóa chất, hóa chất, sinh phẩm + Thói quen thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp			hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
XII. CAO HỌC KHOA HỌC Y SINH, KHÓA 2019-2021					
79	Chẩn đoán chức năng	1. Kiến thức + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		sàng và các môn học khác như sinh hoá, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. 2. Kỹ năng - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được một số xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. 3. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			- Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
80	Di truyền – Sinh học phân tử	- Kiến thức + Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: + Cũng cố các quan niệm di truyền cơ bản + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 – 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. - Kỹ năng + Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. + Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. + Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. + Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose + Lập được phả hệ			Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành
--	--	---	--	--	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Thái độ, chuyên cần + Chương trình nhằm hình thành ở người học: + Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
81	Hóa sinh lâm sàng I	- Kiến thức: Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào bệnh lý lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. - Kỹ năng: + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng thí nghiệm. + Làm được các xét nghiệm hoá sinh máu, nước tiểu, dịch chọc dò... + Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng. - Thái độ + Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
82	Hóa sinh lâm sàng II	Kiến thức: Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào bệnh lý lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Kỹ năng: + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng thí nghiệm. + Làm được các xét nghiệm hoá sinh máu, nước	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		tiểu, dịch chộc dò... + Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng. Thái độ: + Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
83	Sinh lý bệnh đại cương	- Kiến thức + Nắm vững bệnh nguyên và cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý đại cương như viêm, rối loạn chuyển hoá, rối loạn phát triển tổ chức.v.v. + Vận dụng được bệnh nguyên và cơ chế bệnh sinh giải thích được các triệu chứng, hội chứng cũng như quá trình tử vong trong một số bệnh lý cụ thể. + Vận dụng những kiến thức cơ chế bệnh sinh vào công tác phòng ngừa bệnh tật và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. - Kỹ năng + Biết cách xây dựng mô hình thực nghiệm, phương pháp nghiên cứu khoa học. + Biết cách quan sát, giải thích được các hiện tượng. Phân tích và biện luận các kết quả thực nghiệm... + Biết cách và vận động cộng đồng thực hiện công tác phòng ngừa bệnh tật dựa trên những kiến thức sinh lý bệnh - Thái độ, chuyên cần - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn trong học tập và nghiên cứu khoa học.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Cuối học phần tổ chức kỳ thi kiểm tra cuối học phần. Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ * Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: + Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết. Nạp chuyên đề đầy đủ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			
84	Miễn dịch bệnh học	- Kiến thức + Hiểu và trình bày được các cơ chế bệnh nguyên bệnh sinh của một số rối loạn đáp ứng miễn dịch như quá mẫn, suy giảm miễn dịch, bệnh lý tự miễn, miễn dịch ung thư, miễn dịch nhiễm trùng.v.v. + Trình bày được nguyên tắc điều trị cơ bản về bệnh lý có cơ chế miễn dịch - Kỹ năng + Biết đọc các tiêu bản về các tế bào và tổ chức lympho + Biết cách phát hiện kháng thể dịch thể (các Ig) bằng cách kỹ thuật miễn dịch như ngưng kết, kết tủa, điện di, ELISA, IFA..v.v + Biết vận dụng kiến thức tốt của các chuyên ngành khác như vi sinh, ký sinh trùng, sinh hoá .v.v.vào nội dung bài học. - Thái độ + Tích cực tham gia học tập, tìm hiểu kiến thức môn học miễn dịch nhằm đáp ứng với chuyên khoa của bản thân đang công tác. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn trong học tập và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Cuối học phần tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. Thi thực hành được tổ chức tại Bộ môn, cho theo thang điểm 10 và làm tròn đến một số thập phân (0,5); gồm hai phần : điểm tối đa của lý thuyết thực hành là 5đ và thực hành là 5 điểm. Điểm cuối cùng là trung bình cộng của hai điểm nói trên. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ * Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: + Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết và giờ học thực hành đầy đủ (vắng phép và có bù). Nạp chuyên đề đầy đủ.
XIII. CAO HỌC ĐIỆN QUANG VÀ Y HỌC HẠT NHÂN KHÓA 2020-2022					
85	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học	3	Theo CTK và KHĐT hàng	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.		năm	đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
86	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
87	Giải phẫu	1. Kiến thức: học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người 2. Kỹ năng: biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực Chẩn đoán hình ảnh	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
88	Giải phẫu bệnh	1. Trình bày được 4 nội dung chính của giải phẫu bệnh đại cương. 2. Trình bày được 2 dạng tổn thương giải phẫu bệnh là viêm và ung thư của các cơ quan hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu, cơ quan sinh dục nữ; bệnh của mô lympho, tuyến vú, giáp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Trắc nghiệm khách quan
89	Ung bướu và xạ	- Trình bày được kiến thức cơ bản về bệnh lý ung	3	Theo CTK và	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	trị	thư - Chỉ định phối hợp các kỹ thuật hình ảnh trong các bệnh lý ung thư		KHĐT hàng năm	quan, với thang điểm 10, một số thập phân
90	Tổng quan Chẩn đoán hình ảnh	1. Kiến thức: - Trình bày được các kỹ thuật hình ảnh - Trình bày được các nguyên lý tạo ảnh của các phương pháp CĐHA - Trình bày được vai trò của các kỹ thuật hình ảnh - Trình bày về thuốc cản quang sử dụng trong chẩn đoán hình ảnh - Trình bày về sự nhiễm xạ trong chẩn đoán hình ảnh 2. Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng các kỹ thuật hình ảnh - Nắm được các ưu điểm và hạn chế của các kỹ thuật hình ảnh - Chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh - Sử dụng và xử trí các tai biến của thuốc cản quang - Hạn chế tối đa nhiễm xạ trong chẩn đoán hình ảnh - Sử dụng và bảo quản trang thiết bị khoa Chẩn đoán hình ảnh 3. Thái độ: - Nhận thức được vai trò, giá trị của các kỹ thuật hình ảnh - Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh lý - Nhận thức được giá trị các kỹ thuật can thiệp	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi đọc phim 10 phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút 4.2.1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10 4.2.2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 - Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh X quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ - Chẩn đoán được các bệnh lý thường gặp trên các kỹ thuật hình ảnh
91	Lý thuyết Ngoại khoa	Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại khoa Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại khoa Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

92	Chẩn đoán hình ảnh Hô hấp	1. Kiến thức: - Trình bày được lợi ích các kỹ thuật X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ trong chẩn đoán các bệnh lồng ngực - Chẩn đoán được các bệnh lồng ngực thường gặp trên phim X quang, Cắt lớp vi tính 2. Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng kỹ thuật phim phổi - Đọc được phim các dấu hiệu cơ bản trên phim phổi thường qui. - Đọc phim các hội chứng hình ảnh lớn hệ hô hấp. - Đọc phim hình ảnh cắt lớp vi tính lồng ngực bình thường. - Đọc phim X quang và cắt lớp vi tính chẩn đoán hình ảnh viêm phổi, áp xe phổi, lao phổi, u phổi, nốt mờ phổi đơn độc, các bệnh phổi thâm nhiễm, chấn thương ngực 3. Thái độ: Nhận thức được vai trò, giá trị của phim X quang phổi trong tầm soát, chẩn đoán và định hướng một số bệnh lồng ngực Nhận thức được vai trò, giá trị của phim CLVT lồng ngực trong chẩn đoán bổ sung một số bệnh lồng ngực Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật X quang, siêu âm, CLVT trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh lý lồng ngực	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi đọc phim 10 phim hô hấp - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm, cắt lớp vi tính thăm khám hệ hô hấp Chẩn đoán được các bệnh lý thường gặp trên phim x quang, CLVT lồng ngực
XIV. CAO HỌC ĐIỆN QUANG VÀ Y HỌC HẠT NHÂN, KHÓA 2019-2021					
93	Chẩn đoán hình ảnh Tim mạch	1. Kiến thức - Đánh giá được hình ảnh tim bình thường, bệnh lý. Đối chiếu với phân bố tuần hoàn phổi bình thường và bệnh lý trên phim phổi chuẩn. - Phân tích được nguyên lý Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa của tim mạch.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Chẩn đoán được một số bệnh lý tim và mạch máu trên hình ảnh Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa. 2. Kỹ năng - Chẩn đoán được một số bệnh lý tim, mạch máu thường gặp trên phim X quang, siêu âm 2D và Doppler. - Thực hiện được các kỹ thuật siêu âm chẩn đoán bệnh lý mạch máu. - Có thể thực hiện được kỹ thuật chụp mạch chẩn đoán (không bắt buộc). 3. Thái độ và phương pháp học tập - Tích cực, chủ động trong học tập - Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question – Answer).			
94	Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp	1. Kiến thức - Phân tích được nguyên lý kỹ thuật X quang, CLVT, CHT, siêu âm của cơ quan vận động. - Chẩn đoán được các bệnh xương khớp trên phim X quang thường qui và trên CLVT 2. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật chụp X quang, siêu âm, CLVT xương khớp - Diễn giải được các phim thường qui và cắt lớp vi tính xương khớp 3. Thái độ và phương pháp học tập - Tích cực, chủ động trong học tập - Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question – Answer).	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi chạy trạm đọc phim Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
95	Chẩn đoán hình ảnh Tiêu hoá	1. Kiến thức - Phân tích được nguyên lý kỹ thuật Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa của bộ máy tiêu hoá.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi chạy trạm đọc phim Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		Đánh giá được hình ảnh ống bình thường, bệnh lý trên phim X quang quy ước. Chẩn đoán được các bệnh lý tiêu hóa tạng rỗng trên siêu âm và cắt lớp vi tính, CHT. Đánh giá được hình ảnh các tạng đặc bình thường, bệnh lý trên phim X quang quy ước, siêu âm và cắt lớp vi tính, CHT. Chẩn đoán được một số bệnh lý của bộ máy tiêu hoá trên hình ảnh Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa. 2. Kỹ năng Thực hiện được các kỹ thuật chụp ống tiêu hoá có sử dụng thuốc cản quang. Thực hiện được các kỹ thuật siêu âm chẩn, CLVT, CHT đoán bệnh lý bộ máy tiêu hoá. Phân tích được các hình ảnh bệnh lý của bộ máy tiêu hoá trên phim X quang, siêu âm, CLVT, CHT. 3. Thái độ và phương pháp học tập Tích cực, chủ động trong học tập Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question – Answer).			phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
96	Chẩn đoán hình ảnh Tiết niệu sinh dục	1. Kiến thức: - Trình bày được lợi ích của các kỹ thuật hình ảnh khám tiết niệu sinh dục - Trình bày được lợi ích của các kỹ thuật X quang, siêu âm, cắt lớp vi tính trong chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục - Trình bày được lý thuyết chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục thường gặp trên phim x quang, siêu âm 2. Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng kỹ thuật phim x quang hệ tiết niệu	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi đọc phim: 1 phim TN hoặc SD Thi trắc nghiệm 20 câu trong 100 của các chương với thời gian 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm, cắt lớp vi tính thăm khám hệ tiết niệu sinh dục Chẩn đoán được các bệnh lý TNSD thường gặp trên phim x quang và siêu âm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Phân tích được về mặt kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm hệ tiết niệu sinh dục - Chẩn đoán được sỏi hệ tiết niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được hội chứng tắc đường dẫn niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được U thân trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được U đường dẫn niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được bệnh lý nhiễm khuẩn hệ tiết niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được bệnh lý thường gặp của tử cung phần phụ trên phim x quang, siêu âm 3. Thái độ: - Nhận thức được vai trò của phim x quang, siêu âm trong chẩn đoán và định hướng một số bệnh tiết niệu sinh dục - Nhận thức được vai trò của phim CLVT trong chẩn đoán bổ sung một số bệnh hệ tiết niệu sinh dục - Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật x quang, siêu âm, CLVT trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục			
97	Chẩn đoán hình ảnh Thần kinh	1. Kiến thức - Phân tích được nguyên lý kỹ thuật CLVT, CHT hệ thần kinh. - Chẩn đoán được các bệnh hệ thần kinh trên phim CLVT, CHT 2. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật CLVT, CHT sọ não không tiêm và có tiêm thuốc, chụp CLVT, CHT cột sống - Diễn giải được các hình ảnh bình thường và bất thường trên phim CLVT, CHT sọ não và cột sống	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Phân tích được các bệnh lý của hệ thần kinh sọ não và tủy sống 3. Thái độ - Nhận thức vai trò các kỹ thuật x quang qui ước trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh - Nhận thức giá trị, vai trò các kỹ thuật hình ảnh hiện đại: CLVT, CHT ... trong chẩn đoán bệnh lý sọ não, cột sống			
98	Chẩn đoán bằng Cộng hưởng từ	- Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ thuật cộng hưởng từ - Chỉ định được kỹ thuật cộng hưởng từ	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên: kiểm tra giữa học phần để đánh giá điều kiện để thi kết thúc học phần Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá): thang điểm 10
XV. CAO HỌC TẠI - MŨI - HONG KHÓA 2020-2022					
99	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
100	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			
101	Sinh lý	1. Kiến thức - Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. 2. Kỹ năng - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. 3. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng – số câu sai)/4]/10) - Điểm học phần là điểm bài thi trắc nghiệm cuối học phần ở trên, được chuyển thành điểm chữ như sau: Loại đạt: A (8,5 – 10): Giỏi B (7,0 – 8,4): Khá C (5,5 – 6,9): Trung bình D (4,0 – 5,4): Trung bình yếu Loại không đạt F (< 4 hoặc bỏ thi hay cấm thi, hoặc vi phạm quy chế thi): Kém Loại chưa dự thi I : chưa dự thi nhưng vì lý do khách quan như ốm đau, tai nạn và được Trường bộ môn cho phép.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

102	Di truyền y học	- Kiến thức Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lý di truyền đơn gen phổ biến. Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy – Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 – 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành
-----	-----------------	--	---	---------------------------	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		cho việc tư vấn di truyền. - Kỹ năng Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose Lập được phả hệ - Thái độ, chuyên cần Chương trình nhằm hình thành ở người học: Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
103	Giải phẫu	- Kiến thức Học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu đầu mặt cổ. - Kỹ năng Biết được các đặc điểm giải phẫu học của vùng đầu mặt cổ trên mô hình xác và người sống. - Thái độ Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lâm sàng Tai Mũi Họng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
104	Răng Hàm Mặt	Sau khi học xong chứng chỉ, học viên có khả năng: - Kiến thức: Có kiến thức cơ bản về một số tình huống cấp cứu và bệnh lý phổ biến về Răng Hàm Mặt. - Kỹ năng: Khám, phát hiện, xử trí sơ cứu một số	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp giảng dạy: giảng chuyên đề (thuyết trình truyền thống kết hợp học viên tự soạn bài, thuyết trình, thảo luận nhóm), thực tập lâm sàng. Điều kiện dự thi:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		tình huống cấp cứu và biến chứng của các bệnh lý thông thường về Răng Hàm Mặt. - Thái độ: Khám toàn diện để kịp thời phát hiện các tình huống cấp cứu và bệnh lý phổ biến về Răng Hàm Mặt.			Thực hành: - Tham gia đầy đủ các buổi thực hành (Vắng có phép, phải thực tập bù. Nếu vắng không phép không được dự thi). - Làm đủ 6 bệnh án chuyên khoa. Lý thuyết: - Phải đạt điểm kiểm tra thực hành. - Không vắng quá 30% tổng số giờ giảng lý thuyết.. Phương pháp lượng giá: Thi viết hoặc trắc nghiệm, thi bệnh án và xử trí tình huống. Thang điểm 10, một số thập phân.
105	Gây mê hồi sức	+ Kiến thức Trang bị một số kiến thức cơ bản về lý thuyết gây mê hồi sức cơ sở để học viên các chuyên khoa thuộc hệ ngoại hỗ trợ cùng chuyên khoa gây mê hồi sức trong việc thăm khám, đánh giá chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật, đồng thời dự phòng và phát hiện được các biến chứng sau phẫu thuật. + Kỹ năng Huấn luyện một số kỹ năng thực hành tay nghề để có thể vận dụng xử trí cấp cứu các biến chứng có thể gặp trong quá trình gây mê -phẫu thuật. + Thái độ, chuyên cần Học viên tự nghiên cứu là chủ yếu, giảng viên tập trung giải quyết các vấn đề còn tranh luận, chưa rõ	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan. Kiểm tra thực hành: làm bệnh án, hỏi trên lâm sàng Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
106	Bệnh lý tai	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Tai (viêm tai cấp và mạn tính, các biến chứng nội sọ do tai, chấn thương tai, dị vật tai, chấn thương tai, ung thư tai, nghe kém, hội chứng tiền đình...) 2. Kỹ năng: Biết cách khám tai đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về tai (nội soi tai, thông vòi tai),	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về tai khác... 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về tai và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực tai gây ra			
XVI. CAO HỌC TAI – MŨI - HỌNG, KHÓA 2019-2021					
107	Bệnh lý mũi xoang	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Mũi - Xoang 2. Kỹ năng: Biết cách khám Mũi xoang đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về Mũi xoang (nội soi Mũi xoang, chọc rửa xoang), các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về Mũi xoang khác... 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về Mũi xoang và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực Mũi xoang gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
108	Bệnh lý họng - thanh quản – thực quản	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Họng - Thanh quản 2. Kỹ năng: Biết cách khám lĩnh vực Họng - Thanh quản đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về Họng - Thanh quản (nội soi Họng - Thanh quản, sinh thiết vùng Họng – Thanh quản), các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về Họng - Thanh quản khác... 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về Họng - Thanh quản và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực Họng - Thanh quản gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
109	Chấn thương trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các chấn thương hay gặp trong TMH 2. Kỹ năng: Biết cách xử trí chấn thương ban đầu,	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		cách khám đúng kỹ thuật, chẩn đoán được các tổn thương kín đáo và giải quyết được các chấn thương thông thường đó 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn về các loại chấn thương cũng như theo dõi sau chấn thương về di chứng và biến chứng có thể xảy ra trong lĩnh vực TMH			
110	Thăm dò chức năng trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các xét nghiệm thăm dò chức năng thuộc TMH 2. Kỹ năng: Biết cách lấy bệnh phẩm, cách làm đúng kỹ thuật, đọc được kết quả để chẩn đoán được các loại bệnh lý về TMH 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn về chỉ định thăm dò chức năng cho các bệnh cấp cứu và các bệnh thông thường về lĩnh vực TMH	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
111	Khối u trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về khối U lĩnh vực TMH 2. Kỹ năng: Biết cách khám các bệnh lý U lĩnh vực TMH đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các loại bệnh lý U hay gặp và làm được một số thủ thuật sinh thiết, lấy mẫu xét nghiệm chẩn đoán khối U, làm được những phẫu thuật cơ bản, điều trị nội khoa các bệnh lý về U 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về khối U và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý U lĩnh vực TMH gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
112	Cấp cứu trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu hay gặp trong TMH 2. Kỹ năng: Biết cách xử trí cấp cứu ban đầu, biết cách khám đúng kỹ thuật, chẩn đoán được các cấp cứu và giải quyết được các cấp cứu thông thường đó 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn về các loại	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		cấp cứu khẩn cấp và trì hoãn để tránh nguy hiểm tính mạng cũng như phục hồi chức năng sau cấp cứu TMH			
XVII. CAO HỌC RĂNG - HÀM - MẶT KHÓA 2020-2022					
113	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
114	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
115	Hình thái học răng	Kiến thức: Sau khi học xong tín chỉ này, học viên phải: + Trình bày được các thuật ngữ về định hướng giải phẫu răng, các chi tiết lồi và chi tiết lõm của răng. + Mô tả được quá trình phát triển, lịch mọc và chức năng bộ răng sữa. + Trình bày được hình thể ngoài và tổ chức nội nha của răng sữa.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Mô tả được sự phát triển và mọc của răng vĩnh viễn. + Mô tả được hình thể ngoài của các răng vĩnh viễn phía trước, răng cối nhỏ và răng cối lớn. + Trình bày được hệ thống tùy buồng và ống tùy răng vĩnh viễn + Trình bày các bất thường về vị trí và hình thể răng vĩnh viễn. - Kỹ năng: + Mô tả được các mặt răng và các thành phần của mỗi mặt. + Mô tả được các thành phần của răng qua mô hình. + Phân biệt được răng sữa và răng vĩnh viễn. + Phân biệt được hình thể ngoài các răng của từng nhóm răng. + Phân biệt được răng bên trái và răng bên phải. + Ứng dụng giải phẫu răng vào chẩn đoán và điều trị răng hàm mặt. - Thái độ: + Ý thức được giải phẫu là cơ sở để chẩn đoán và điều trị răng miệng. + Ý thức được vai trò quan trọng của giải phẫu răng trong phục hồi chức năng và thẩm mỹ.			- Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
116	Cắn khớp học	1. Kiến thức - Mô tả được cấu tạo giải phẫu của hệ thống nhai - Trình bày được quy trình khám cắn khớp, khám khớp thái dương hàm, khám cơ hàm và khám tiếp xúc cắn khớp. - Trình bày được các loại cản trở cắn khớp và cách điều trị - Trình bày được chỉ định và phương pháp điều trị loạn năng khớp thái dương hàm - Trình bày được chỉ định và phương pháp làm máng nhai	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		2. Kỹ năng - Thực hiện được quy trình khám cắn khớp, khớp thái dương hàm, cơ hàm và tiếp xúc cắn khớp - Ghi dấu và đánh giá được các loại cản trở cắn khớp - Chỉ định được và thực hiện được các cách điều trị loạn năng khớp thái dương hàm - Thực hiện được quy trình làm máng nhai 3. Thái độ - Cẩn thận trong quy trình khám hệ thống nhai - Tuân thủ các bước trong thực hiện làm máng nhai			Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
117	Giải phẫu đầu mặt cổ	1. Kiến thức: Học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu đầu mặt cổ. 2. Kỹ năng: Biết được các đặc điểm giải phẫu học của vùng đầu mặt cổ trên mô hình xác, và người sống. 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản vào chẩn đoán lâm sàng và điều trị các bệnh lý răng miệng và hàm mặt	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
118	Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản một số cấp cứu và một số bệnh lý thông thường về Tai Mũi Họng. 2. Kỹ năng: Biết cách khám bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật đơn giản về Tai Mũi Họng 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với một số bệnh cấp cứu trong Tai Mũi Họng. Áp dụng được các kiến thức cơ bản vào khám chẩn đoán và điều trị các bệnh lý TMH liên quan đến RHM	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
119	Nhân khoa	1. Kiến thức: Học viên có được kiến thức về giải phẫu mắt, các bệnh lý nhãn cầu chủ trọng phần chẩn thương liên quan mắt và răng hàm mặt. 2. Kỹ năng: Trình bày được và chẩn đoán được một số các bệnh lý mắt.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân. Làm bệnh án và hỏi thi lâm sàng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		3. Thái độ: Nắm được những kỹ năng và xử trí các bệnh lý nhân cầu, các phối hợp xử trí liên chuyên khoa			
120	Nha cộng đồng	1. Kiến thức: Trang bị cho học viên các kiến thức về: + Dịch tễ học bệnh răng miệng + Ý nghĩa và cách thành lập chỉ số SMT và CPITN. + Phương pháp nghiên cứu khoa học về nha cộng đồng. + Các nội dung chăm sóc răng ban đầu của Tổ chức Y tế thế giới. + Phương pháp giáo dục nha khoa tại trường học và cộng đồng. + Phương pháp dự phòng bệnh sâu răng và nha chu. + Quan hệ giữa dinh dưỡng và bệnh răng miệng. + Đặc điểm bệnh răng miệng của các lứa tuổi và phụ nữ. + Biểu hiện HIV-AIDS, các tổn thương tiền ung thư ở răng miệng và hàm mặt 2. Kỹ năng: + Tổ chức và thực hiện tốt các nội dung chăm sóc răng miệng ban đầu. + Chủ trì hoặc tham gia được các điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng cộng đồng + Thực hiện được công tác giáo dục và phòng bệnh nha khoa tại trường học và cộng đồng. + Tổ chức và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống lây nhiễm HIV-AIDS trong nha khoa và phát hiện sớm ung thư miệng, hàm mặt. + Khám và quản lý sức khỏe răng miệng cộng đồng. 3. Thái độ + Tôn trọng bình đẳng giới trong chăm sóc răng miệng cộng đồng. + Ý thức được vai trò quan trọng của chương trình	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		nha học đường. + Thuyết phục được cộng đồng về ý nghĩa quyết định của công tác dự phòng bệnh răng miệng cho các lứa tuổi.			
XVIII. CAO HỌC RĂNG – HÀM - MẶT, KHÓA 2019-2021					
121	Nội nha	Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng: 1. Kiến thức: - Trình bày được các quan niệm mới trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh sâu răng. - Mô tả được các loại tổn thương mô cứng không do sâu răng - Trình bày được các ứng dụng của composite, GIC trong điều trị chữa răng nội nha - Trình bày được các chỉ định trong điều trị khẩn trong nội nha - Trình bày được vật liệu, phương pháp trám ống tủy, điều trị nội nha lại, trám ngược ống tủy và phục hồi than, chân răng sau điều trị tủy - Trình bày được chỉ định, phương pháp tẩy trắng răng trong nha khoa phục hồi - Trình bày được mối liên hệ giữa nội nha và nha chu 2. Kỹ năng: - Thực hiện được quy trình điều trị nội nha trên bệnh nhân - Thực hiện được quy trình điều trị nội nha lại - Chỉ định được và thực hiện được tẩy trắng răng 3. Thái độ: Tuân thủ quy trình trong chữa răng và điều trị nội nha	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
122	Nha chu	1. Kiến thức - Giáo trình sẽ giúp học viên hiểu sâu hơn về nguyên nhân, cơ chế của bệnh nha chu. củng cố bổ sung và nâng cao hơn nữa các kiến thức về dịch tễ	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		học, bệnh học bệnh nha chu. - Nắm được các quan điểm mới trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nha chu - Trình bày được các hình thể bệnh nha chu theo quan niệm mới 2. Kỹ năng - Chẩn đoán và điều trị được bệnh viêm nướu và nha chu - Lập kế hoạch dự phòng bệnh nha chu 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các quan điểm mới vào chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nha chu			- Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
123	Bệnh lý miệng và hàm mặt	1. Kiến thức - Nắm vững các kiến thức về giải phẫu định khu vùng hàm mặt và những thay đổi giải phẫu do bệnh lý và các chấn thương vùng hàm mặt. - Hiểu biết một cách sâu sắc về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tế bào học của các bệnh lý vùng hàm mặt như nang xương hàm, ung thư vùng hàm mặt. - Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về phẫu thuật hàm mặt trong chấn thương, bệnh lý hàm mặt và tạo hình. - Vận dụng các kiến thức được học vào trong chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh. 2. Kỹ năng - Xử lý được các tình huống cấp cứu hàm mặt - Điều trị được các bệnh vùng hàm mặt hay gặp - Phẫu thuật được các trường hợp chấn thương hàm mặt đơn giản - Ứng dụng một số kỹ thuật tạo hình trong điều trị phục hồi chức năng, thẩm mỹ 3. Thái độ - Nắm vững các triệu chứng để chẩn đoán và chỉ định điều trị đúng các bệnh vùng hàm mặt hay gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Áp dụng những kiến thức đã học được vào công tác điều trị - Cập nhật được những kiến thức mới về bệnh lý, phương pháp phẫu thuật			
124	Nhổ răng tiểu phẫu	1. Kiến thức - Trình bày cơ chế đau và cách giảm đau trong RHM - Nêu được các kỹ thuật gây tê tại chỗ và gây tê vùng. - Trình bày được quá trình lành thương sau nhổ răng - Nắm được kỹ thuật nhổ răng bằng kèm, nạy - Nêu được các tai biến sau nhổ răng, - Nắm được kỹ thuật mổ cơ bản - Trình bày được phương pháp nhổ răng bằng phẫu thuật - Nêu được một số tiểu phẫu vùng miệng - Trình bày được các viêm nhiễm vùng miệng- hàm mặt 2. Kỹ năng - Chỉ định đúng và nhổ được các răng, chân răng thông thường. - Thực hiện được các các tiểu phẫu thông thường trong miệng, u lành tính - Tham gia và thực hiện được phẫu thuật lấy răng khó - Xử trí được các sốc, trụy tim mạch, suy hô hấp - Có khả năng xử trí các abscess và phlegmon - Đọc được các phim về hàm mặt 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các phương pháp, kỹ thuật mới vào điều trị bệnh răng miệng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
125	Phục hình	1. Kiến thức: Trang bị cho học viên các kiến thức về: - Các rối loạn về giải phẫu, chức năng ăn nhai, phát	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		âm, thẩm mỹ và khả năng giao tiếp của người mất răng. - Nhu cầu phục hình. - Phân loại mất răng theo Kennedy và Kurliandsky. - Các kỹ thuật phục hình cổ điển và hiện đại. - Cơ chế bám dính trong hàm giả toàn bộ. - Chỉ định phục hình tháo lắp, khung bộ và phục hình cố định. - Hải hòa giữa răng, mặt - Khớp cắn thẳng bằng phục hình. - Sự thích nghi của bệnh nhân với phục hình. 2. Kỹ năng: Sau khóa học, học viên thực hiện được các kỹ năng sau: - Khám, phát hiện các đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân. - Chẩn đoán mất răng và chỉ định đúng phương pháp điều trị. - Điều trị chuẩn bị. - Thực hiện được các giai đoạn phục hình trên miệng như chọn răng trụ, mài, tạo cùi, lấy khuôn, đo cắn, chọn răng, lắp và chỉnh chụp (mão), cầu răng bằng nhựa, kim loại, sứ... - Phục hình tháo lắp bán hàm, toàn hàm và khung bộ. 3. Thái độ: - Ý thức được việc phục hình sớm và đúng sau khi mất răng sẽ giúp phục hồi tốt chức năng và thẩm mỹ cho người mất răng. - Luôn học hỏi, cập nhật và áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào điều trị. - Chọn phương tiện phục hình phù hợp với điều kiện tài chính của bệnh nhân.			thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
126	Chỉnh nha và răng trẻ em	- Kiến thức: + Trình bày được sự phát triển tâm lý và những thói	5	Theo CTK và KHĐT hàng	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		quen xấu của trẻ ảnh hưởng đến răng miệng: Kiến thức này giúp học viên ứng dụng kết hợp các phương pháp giáo dục, động viên thích hợp với tình trạng tâm lý của từng nhóm trẻ nhằm mục đích đạt được sự hợp tác tốt nhất của trẻ và gia đình trong điều trị, giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng hưởng xấu đến sự phát triển tâm lý và hệ thống răng miệng. + Hiểu và trình bày được quá trình phát triển hệ thống sọ mặt và các yếu tố ảnh hưởng: Kiến thức này giúp học viên biết được thời điểm nào thích hợp để có thể can thiệp điều trị đúng thời điểm nhằm hướng dẫn, cải thiện về mức độ và chiều hướng tăng trưởng của sọ mặt, đem lại một khuôn mặt và khớp cắn bình thường nhất có thể cho người bệnh trong tương lai. + Trình bày cơ chế bệnh sinh, phân loại và cách điều trị các bệnh răng miệng của trẻ em: Kiến thức này giúp học viên hiểu và tầm soát hết tất cả các bệnh răng miệng có thể có ở trẻ em, nắm được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của bệnh, thiết lập được kế hoạch điều trị cho các bệnh răng miệng thường gặp ở trẻ em. + Trình bày và phân loại được nguyên nhân gây lệch lạc răng và các biện pháp phòng ngừa: Kiến thức này giúp học viên chẩn đoán được nguyên nhân gây lệch lạc răng của từng bệnh cụ thể, từ đó thiết lập được kế hoạch phòng ngừa và điều trị. + Trình bày được các biện pháp chỉnh nha phòng ngừa và cách điều trị các lệch lạc răng miệng đơn giản. - Kỹ năng + Chẩn đoán và điều trị được các bệnh răng miệng cho trẻ em	năm	dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
--	--	--	-----	--

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		+ Phát hiện và thực hiện được các biện pháp phòng ngừa các tật xấu ở trẻ em gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường răng miệng. + Chẩn đoán và điều trị được các lệch lạc răng thông thường - Thái độ + Thái độ đúng trong việc xử trí các bệnh răng miệng và lệch lạc răng cho trẻ em. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh răng miệng trẻ em.			
XIX. CAO HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN KHÓA 2020-2022					
127	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
128	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
129	Sinh lý học	1. Kiến thức	3	Theo CTK và	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. 2. Kỹ năng - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. 3. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.		KHĐT hàng năm	1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.
130	Y lý Y học cổ truyền	1. Kiến thức: Trình bày được có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền về các vấn đề triết học Đông phương ứng dụng trong y học. 2. Kỹ năng - Vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. - Vận dụng được các lý luận Y học cổ truyền để chẩn đoán bệnh trên lâm sàng. 3. Thái độ: Các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương là nền tảng cơ bản cho các phương pháp điều trị sau này của Y học cổ truyền.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					hành
131	Chế biến dược liệu	1. Kiến thức - Trình bày được đại cương về chế biến thuốc y học cổ truyền - Trình bày được cách bào chế các dạng thuốc cổ truyền. - Trình bày được cách bào chế các vị thuốc cổ truyền. 2. Kỹ năng - Thực hành bào chế được một số dạng thuốc cổ truyền. - Thực hành bào chế được một số vị thuốc cổ truyền. 3. Thái độ - Các phương pháp chế biến dược liệu trong Y học cổ truyền phong phú và đa dạng. - Lựa chọn phương pháp bào chế để tạo ra các vị thuốc, bài thuốc có hiệu quả ứng dụng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
132	Điều trị Nội khoa y học hiện đại	1. Kiến thức - Nắm được quan điểm, khái niệm bệnh tật theo Y học hiện đại. - Trình bày được các phương pháp điều trị một số bệnh lý nội khoa thường gặp theo y học hiện đại. 2. Kỹ năng: Vận dụng 1 số phác đồ điều trị các bệnh lý nội khoa thường gặp. 3. Thái độ: Các bệnh lý Nội khoa khi kết hợp điều trị giữa Y học hiện đại và Y học cổ truyền sẽ mang lại hiệu quả cao, giúp cho bệnh nhân cải thiện tình trạng bệnh tốt hơn.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
133	Thương hàn	1. Kiến thức	4	Theo CTK và	Kiểm tra:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	luận	- Trình bày được quan điểm, khái niệm bệnh tật theo Y học cổ truyền. - Trình bày được nội dung của tác phẩm Thương hàn luận, các hội chứng bệnh của lục kinh. 2. Kỹ năng - Vận dụng 1 số bài thuốc trong Thương hàn luận để ứng dụng trong lâm sàng. 3. Thái độ - Bệnh lý Thương Hàn luận bao gồm nhiều loại, biến hoá, thay đổi tùy thuộc vào thời gian trong năm. - Có thái độ xử lý phù hợp trong quá trình điều trị và phòng bệnh.		KHĐT hàng năm	Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
134	Châm cứu học	1. Kiến thức - Trình bày được cơ chế châm tê, phương pháp châm tê dùng trong phẫu thuật. - Trình bày được phép bổ tả đơn và kép, các phương pháp phối hợp huyệt trong châm cứu, thời châm cứu. 2. Kỹ năng - Vận dụng được các huyệt vị để điều trị các chứng bệnh trên lâm sàng - Chỉ định đúng và thao tác thành thạo các phối hợp huyệt trong châm cứu - Thực hành tốt châm cứu điều trị một số bệnh thường gặp 3. Thái độ - Châm cứu học là môn học quan trọng trong Y học cổ truyền. - Ứng dụng thực tiễn cao trong quá trình điều trị các bệnh lý Y học cổ truyền.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
XX. CAO HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN, KHÓA 2019-2021					
135	Xoa bóp –	1. Kiến thức: Trình bày được nguyên tắc và cách	5	Theo CTK và	Kiểm tra:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	Dưỡng sinh	tiến hành các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc: khí công, xoa bóp, dưỡng sinh. 2. Kỹ năng: Thực hành được các phương pháp khí công, xoa bóp, dưỡng sinh để phòng và chữa một số bệnh. 3. Thái độ - Xoa bóp – Dưỡng sinh đem lại mục đích điều trị và phòng bệnh, luyện tập sức khỏe cho cơ thể. - Giúp cải thiện tình trạng bệnh nhân một cách có hiệu quả.		KHĐT hàng năm	Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi thực hành: Kiểm tra các động tác Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
136	Phương tễ học lâm sàng	1. Kiến thức: Trình bày được tên, cấu tạo, tác dụng và ứng dụng lâm sàng của các phương thuốc Y học cổ truyền. 2. Kỹ năng - Chỉ định đúng và thực hành thành thạo kê đơn thuốc theo Y học cổ truyền. - Sử dụng được các phương thuốc điều trị các chứng bệnh theo Y học cổ truyền. 3. Thái độ - Các bài thuốc Y học cổ truyền điều trị được nhiều mặt bệnh. - Các phương pháp gia giảm làm thay đổi một số tác dụng trong quá trình điều trị, giúp cải thiện tình trạng bệnh lý của bệnh nhân.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
137	Điều trị Nội - Nhi Y học cổ truyền	1. Kiến thức - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh một số bệnh nội – nhi khoa YHCT - Trình bày được phân loại các thể lâm sàng theo Y	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		học cổ truyền. - Vận dụng được các kiến thức điều trị nội - nhi khoa Y học cổ truyền vào lâm sàng. 2. Kỹ năng: Điều trị được một số bệnh lý nội – nhi khoa Y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng. 3. Thái độ - Các bệnh lý Nội nhi Y học cổ truyền phong phú, đa dạng. - Trong quá trình thăm khám Nhi khoa gặp nhiều vấn đề khó khăn ví dụ như bắt mạch, hỏi bệnh. - Có thái độ đúng đắn, xử trí kịp thời các bệnh lý Nội nhi Y học cổ truyền			<70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực hành
138	Điều trị Ngoại - phụ Y học cổ truyền	1. Kiến thức - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh một số bệnh ngoại – phụ Y học cổ truyền. - Trình bày được phân loại các thể lâm sàng các bệnh ngoại phụ theo học cổ truyền. - Vận dụng được các kiến thức điều trị ngoại – phụ Y học cổ truyền vào lâm sàng. 2. Kỹ năng: Điều trị được một số bệnh lý ngoại – phụ Y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng. 3. Thái độ - Các bệnh lý Ngoại phụ Y học cổ truyền phong phú, đa dạng. - Cách thức chữa bệnh phù hợp với tính chất của người bệnh. - Thái độ xử trí phù hợp trong quá trình điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
139	Ôn bệnh	1. Kiến thức - Trình bày được khái niệm, phân loại một số bệnh lý thuộc phạm trù Ôn bệnh theo Y học cổ truyền. - Trình bày được nội dung của tác phẩm Ôn bệnh. 2. Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức học được trong Ôn bệnh để ứng dụng trong lâm sàng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi;

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		3. Thái độ - Các bệnh lý Ôn bệnh biến hoá phức tạp, nhanh chóng. - Xử trí kịp thời và đúng đắn các bệnh lý Ôn bệnh.			95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
140	Huyết chứng luận	1. Kiến thức: Trình bày được các cách chữa huyết chứng theo Y học cổ truyền. 2. Kỹ năng: Chẩn đoán và điều trị được các chứng bệnh về huyết trên lâm sàng 3. Thái độ - Bệnh lý về phần Huyết biến hoá, đa dạng. - Xử trí kịp thời và đúng đắn các bệnh lý về Huyết theo Y học cổ truyền	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% – <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% – 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực hành
XXIII. CAO HỌC GÂY MÊ HỒI SỨC KHÓA 2020-2022					
171	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					làm bài 90 phút): 60%.
172	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
173	Huyết học lâm sàng	- Kiến thức: Trình bày được các quá trình phát sinh, phát triển bệnh, cơ chế bệnh sinh của tình trạng rối loạn đông máu, huyết học trước và sau phẫu thuật. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng, điều trị và theo dõi các bệnh lý rối loạn đông máu thường gặp. Nắm được được các loại chế phẩm máu, chỉ định sử dụng, quy trình truyền máu và xử trí tai biến truyền máu. - Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức huyết học truyền máu cơ sở trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh trong thực hành gây mê hồi sức. - Thái độ: nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giải thích cơ chế bệnh sinh và vận dụng trong điều trị một số bệnh lý. Thái độ học tập nghiêm túc, đầy đủ các buổi học và đúng giờ. Trung thực, khách quan trong thực hành.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: Phương pháp lượng giá: đánh giá qua lượng giá bằng bài thi gồm 100 câu trắc nghiệm khách quan, trong đó 80 câu 5 chọn 1 và 20 câu đúng sai.
174	Sinh lý bệnh – miễn dịch	- Kiến thức: Trình bày được các quá trình phát sinh, phát triển bệnh, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh và các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng, điều trị và theo dõi các	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: Phương pháp lượng giá: đánh giá qua lượng giá bằng bài thi gồm 100 câu trắc nghiệm khách quan, trong đó 80 câu 5 chọn

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		bệnh thường gặp. - Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức sinh lý bệnh trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh trong thực hành gây mê hồi sức. Phân tích được các hậu quả có thể xảy ra trong rối loạn cân bằng kiềm toan, shock phản vệ, shock nhiễm trùng... - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giải thích cơ chế bệnh sinh và vận dụng trong điều trị một số bệnh lý. Thái độ học tập nghiêm túc, đầy đủ các buổi học và đúng giờ. Trung thực, khách quan trong thực hành.			1 và 20 câu đúng sai.
175	Dược lý LS liên quan GMHS	Mục tiêu chung: Trình bày các cơ chế tác dụng và tương tác thuốc, các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình GMHS. Sử dụng các thuốc trong quá trình GMHS và điều trị sau mổ. Mục tiêu cụ thể: - Kiến thức: Trình bày được được động học, dược lực học của thuốc trong điều trị các bệnh kèm cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật. Vận dụng các kiến thức dược lý trong áp dụng điều trị, tối ưu hóa các nhóm thuốc thường dùng cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật. - Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức dược lý, đặc biệt dược lý lâm sàng và độc chất học lâm sàng sau khi tốt nghiệp. Phân tích được mối tương tác, tác dụng không mong muốn và độc tính của các thuốc điều trị bệnh với các thuốc dùng trong gây mê hồi sức. - Thái độ: Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp. - Tóm tắt nội dung học phần: Nghiên cứu về dược lý học đại cương, thuốc tác dụng trên hệ thần	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Câu hỏi tự luận: Ra 2 đề và nhà trường bốc thăm chọn 1 trong 2 đề. - Câu hỏi trắc nghiệm: Đề 100 câu, câu hỏi 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học. - Cách tính điểm: Theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng – số câu sai)/4]/10)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		kinh trung ương, hệ thần kinh thực vật, thuốc điều trị tim mạch, thuốc tác dụng trên chuyển hóa, rối loạn đông máu và các thuốc điều trị kèm theo khác (thuốc hạ glucose máu, thuốc điều trị rối loạn điện giải, cân bằng acid-base, vitamin,...). Phương pháp giảng dạy thuyết trình và học viên tự nâng cao thêm kiến thức với đọc thêm một số sách tham khảo chuyên ngành.			
176	Cấp cứu tim mạch	Kiến thức: - Trình bày các kiến thức cơ bản về điện tâm đồ và các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn nhịp tim dựa trên điện tâm đồ - Trình bày các triệu chứng chẩn đoán và xử trí các cấp cứu tim mạch như nhồi máu cơ tim, nhồi máu não, rối loạn nhịp, suy tim Kỹ năng: - Thực hiện được các bước phân tích điện tâm đồ - Thực hiện chẩn đoán và xử trí các trường hợp rối loạn nhịp tim - Phát hiện và xử trí được cấp cứu tim mạch: nhồi máu cơ tim, đột quỵ, suy tim Thái độ: - Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán và xử trí các trường hợp rối loạn tim mạch đe dọa tính mạng - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị	6	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hối thi lâm sàng (30phút)
177	CĐHA liên quan GMHS	Kiến thức: - Trình bày được nguyên lý tạo ảnh của các kỹ thuật hình ảnh. - Trình bày được ưu điểm, hạn chế chung của các kỹ thuật X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ.	6	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Yêu cầu: (cho mỗi học viên) - Đọc được hình ảnh X-quang, siêu âm, CLVT, CHT 1000 hình ảnh - Thực hiện các kỹ thuật thực hành 10 bệnh nhân

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ... - Chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh trong cấp cứu. - Đọc được các dấu hiệu hình ảnh bình thường trên từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ... - Đọc được các dấu hiệu hình ảnh bất thường trên từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ trong các bệnh lý cấp cứu thường gặp. - Sử dụng siêu âm hướng dẫn để gây tê đám rối thần kinh, để kiểm tra dịch bất thường trong ổ bụng, màng phổi, màng tim. Thái độ: Nhận thức được giá trị của X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ... để chỉ định chính xác các kỹ thuật hình ảnh trong các bệnh lý cấp cứu.			- Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần - Thi thực hành (thực hành trên bệnh nhân, đọc hình ảnh, trả lời vấn đáp) - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút - Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) kiểm tra đọc hình ảnh, thực hành trên bệnh nhân 10 phút 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 - Có kiến thức về các kỹ thuật hình ảnh X-quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ...Chẩn đoán được các bệnh lý cấp cứu thường gặp trên X-quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ...Ứng dụng kỹ thuật siêu âm đám rối thần kinh để gây tê, để phát hiện dịch bất thường ổ bụng, lồng ngực
178	Gây mê cơ sở	Kiến thức: - Trình bày các kiến thức cơ bản về dược lý ứng dụng trong GMHS của các thuốc mê dùng đường hô hấp và tĩnh mạch. - Trình bày các phương pháp gây mê thường dùng và các biến chứng liên quan. - Trình bày được các bước thăm khám chuẩn bị trước phẫu thuật và chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật. - Trình bày được các kiến thức về các dung dịch thay thế huyết tương, máu và các sản phẩm máu chỉ định trong hồi sức. - Trình bày các rối loạn nước, điện giải, toan kiềm và cách xử trí.	7	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hối thi lâm sàng (30phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		Kỹ năng - Thực hiện được các bước khám đánh giá bệnh nhân trước phẫu thuật. - Thực hiện chỉ định truyền dịch, máu và các chế phẩm máu phù hợp. - Phát hiện và xử trí được các rối loạn nước, điện giải, toan kiềm trong lâm sàng. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của đánh giá bệnh nhân trước phẫu thuật và chăm sóc sau phẫu thuật đối với sự thành công của cuộc phẫu thuật. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			
XXIII. CAO HỌC GÂY MÊ HỒI SỨC, KHÓA 2019-2021					
179	Gây mê cơ sở và giảm đau	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về dược lý ứng dụng trong GMHS của các thuốc gây mê. - Trình bày sinh lý dẫn truyền thần kinh và cảm giác đau. - Trình bày các phương pháp gây mê thường dùng. - Trình bày các biến chứng liên quan gây mê và cách xử trí. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê vùng dùng trong phẫu thuật. - Phát hiện và xử trí được các biến chứng liên quan gây mê. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp gây mê áp dụng trong phẫu thuật và giảm đau. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hội thi lâm sàng (30phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

180	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản nhi	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về thay đổi sản phụ liên quan GMHS và các biện pháp áp dụng gây mê cho sản phụ trong thai kỳ và mổ lấy thai. - Trình bày sinh lý trẻ em và các biện pháp Gây mê Hồi sức cho phẫu thuật trẻ em. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê, gây tê vùng dùng trong phẫu thuật lấy thai. - Thực hiện được kỹ thuật giảm đau có thể áp dụng trong chuyển dạ. - Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho trẻ em. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho sản phụ và trẻ em có can thiệp phẫu thuật. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hội thi lâm sàng (30phút)
181	Gây mê hồi sức ở bệnh nhân có bệnh lý kèm theo	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về các tình trạng bệnh lý kèm theo có ảnh hưởng đến GMHS. - Trình bày thay đổi sinh lý ở bệnh nhân lớn tuổi và các biện pháp Gây mê Hồi sức cho phẫu thuật trên bệnh nhân lớn tuổi. - Phương pháp đánh giá đau sau phẫu thuật và phương pháp giảm đau đa mô thức. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê, gây tê đảm bảo an toàn cho các bệnh nhân có bệnh lý kèm theo. - Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho bệnh nhân lớn tuổi.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hội thi lâm sàng (30phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Thực hiện được kỹ thuật giảm đau có thể áp dụng trong giảm đau sau phẫu thuật. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân lớn tuổi và bệnh nhân có bệnh kèm theo. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			
182	Hồi sức cơ sở	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về các tình trạng bệnh nhân nặng trong hồi sức gồm ngừng tuần hoàn – hô hấp, suy hô hấp, sốc nhiễm khuẩn. - Trình bày các nguyên lý cơ bản của thông khí nhân tạo và các chỉ định thông khí nhân tạo. - Trình bày các phương pháp điều trị trong hồi sức bao gồm liệu pháp kháng sinh, chống đông máu và nuôi dưỡng tích cực. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật thông khí nhân tạo: chỉ định, theo dõi và điều chỉnh. - Phát hiện và xử trí được các tình trạng bệnh nhân nặng: cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp, cấp cứu suy hô hấp, xử trí cấp cứu sốc nhiễm khuẩn. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải xử trí kịp thời các trường hợp bệnh nhân nặng. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hội thi lâm sàng (30phút)
183	GMHS trong phẫu thuật tim mạch	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về sinh lý tuần hoàn, hô hấp và đánh giá tình trạng hô hấp, tim	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	lồng ngực	mạch trước phẫu thuật. - Trình bày các thuốc sử dụng trong hồi sức tim mạch. - Trình bày các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân tăng huyết áp, phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật tim mạch. - Phương pháp hồi sức phẫu thuật tim trong và sau phẫu thuật. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật chuyên sâu trong gây mê tim mạch lồng ngực như đặt ống nội khí quản 1 nòng, đặt catheter tĩnh mạch trung tâm, đặt catheter động mạch. - Thực hiện được chỉ định và theo dõi bệnh nhân dùng thuốc hạ huyết áp và vận mạch. - Thực hiện được các biện pháp hồi sức sau phẫu thuật tim hở. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân phẫu thuật tim mạch, lồng ngực. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			- Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hồi thi lâm sàng (30phút)
184	GMHS trong phẫu thuật thần kinh, chấn thương	Kiến thức - Trình bày các kiến thức cơ bản về sinh lý tuần hoàn não và các thuốc ảnh hưởng lên tuần hoàn não. - Trình bày kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho bệnh nhân phẫu thuật thần kinh: u não và chấn thương sọ não. - Trình bày các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân chấn thương cơ quan khác: tùy sống, ngực, bụng và	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá: - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hồi thi lâm sàng (30phút)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		chấn thương chi. - Phương pháp phát hiện và xử trí các biến chứng liên quan đến phẫu thuật ở bệnh nhân chấn thương như hội chứng ciment xương, tắc mạch ngoại khoa. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân phẫu thuật thần kinh. - Thực hiện kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân chấn thương nặng. - Thực hiện được các biện pháp hồi sức các biến chứng liên quan phẫu thuật cho bệnh nhân chấn thương. Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân phẫu thuật thần kinh và chấn thương. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			
XXIII. CAO HỌC ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 2020-2022					
185	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
186	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên cứu NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			
187	Học thuyết điều dưỡng	Kiến thức: Trình bày được các học thuyết điều dưỡng; So sánh và đối chiếu việc sử dụng con người, sức khỏe, xã hội và điều dưỡng trong các học thuyết điều dưỡng đã học; Vận dụng được các học thuyết điều dưỡng vào kế hoạch chăm sóc. Kỹ năng: - Thực hiện được quy trình chăm sóc dựa trên một số học thuyết chính của điều dưỡng. - Áp dụng các học thuyết đã được học để giải quyết các vấn đề trong giáo dục điều dưỡng, thực hành điều dưỡng và nghiên cứu điều dưỡng. Thái độ: Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học; Trung thực, khách quan thực hiện các kế hoạch chăm sóc; Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp; Trung thực, khách quan thực hiện các nghiên cứu điều dưỡng dựa vào học thuyết. Mô tả tóm tắt nội dung môn học: Giới thiệu các cơ sở lý thuyết thực hành cho thực hành điều dưỡng nâng cao và các khái niệm về con người, sức khỏe, xã hội và điều dưỡng. Áp dụng lý thuyết vào thực hành điều dưỡng lâm sàng và giáo dục sức khỏe điều dưỡng. Nhấn mạnh vào sự phát triển, ứng dụng và đánh giá các mô hình điều dưỡng. Nghiên cứu về các học thuyết chính trong thực hành điều dưỡng. Phương pháp giảng dạy thuyết trình, trình bày của học viên và thảo luận nhóm và tự	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phân chung: + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phân riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học. Số lượng 100 câu hỏi, lấy từ ngân hàng đề thi. - Thi tự luận - Thi nghiên cứu trường hợp: ứng dụng học thuyết vào thực hành giáo dục sức khỏe,

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		nâng cao thêm kiến thức bằng cách đọc thêm một số sách tham khảo chuyên ngành.			nghiên cứu điều dưỡng.
188	Kỹ năng điều dưỡng trong thực hành nâng cao	- Kiến thức: trình bày được các bước của quy trình thực hiện các kỹ thuật chăm sóc. - Kỹ năng: thực hiện thành thạo các kỹ năng Điều dưỡng trong thực hành nâng cao. - Thái độ: nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện chính xác các quy trình kỹ thuật. - Mô tả tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ năng Điều dưỡng trong thực hành nâng cao cung cấp cho học viên các kiến thức, quy trình về một số kỹ năng điều dưỡng được sử dụng trong thực hành điều dưỡng nâng cao.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung: - Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra có trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số là 70% điểm học phần. - Điểm đánh giá học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,7 - Điểm kiểm tra được đánh giá theo hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm, thảo luận, thực hành, trình bày, ... và điểm chuyên cần. - Điểm kiểm tra phải được giảng viên ghi đầy đủ vào bảng điểm (theo mẫu quy định) nộp lại cho Bộ môn quản lý, lưu trữ. Học viên không kiểm tra hình thức nào thì bị tính điểm 0 cho hình thức đó. Phần riêng: Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Kiểm tra giữa kỳ: tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm - Kiểm tra thực hành: + Thực hiện các quy trình kỹ thuật + vấn đáp. + Thi OSCE. - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận
189	Giáo dục sức khỏe trong	- Kiến thức: Hiểu và có kiến thức tốt về các phương pháp giáo dục sức khỏe để thực hiện giáo	2	Theo CTK và KHĐT hàng	Phần chung: + Thực hiện theo quyết định số

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

	thực hành điều dưỡng	dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. - Kỹ năng: Thực hiện tốt giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân bằng nhiều phương pháp khác nhau. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. - Tóm tắt nội dung môn học: Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng có vai trò cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ liên quan đến việc giáo dục sức khỏe của điều dưỡng đối với bệnh nhân. Ngoài ra, giáo dục sức khỏe cung cấp cho điều dưỡng nhận thức được tầm quan trọng của việc cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.		năm	43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. - Kiểm tra giữa kỳ: tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận - Kiểm tra thực hành: Thực hiện các quy trình kỹ thuật + vấn đáp; Thi OSCE; Báo cáo chuyên đề.
190	Kỹ năng giao tiếp trong Thực hành Điều dưỡng	- Kiến thức: Trình bày được kiến thức về các phương pháp giao tiếp đúng, chuẩn trong thực hành chăm sóc bệnh nhân. - Kỹ năng: Thực hiện được quy trình giao tiếp đúng và chuẩn mực trong thực hành điều dưỡng. - Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng tốt các kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng. - Mô tả tóm tắt nội dung môn học: Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ của người điều dưỡng với đồng	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung: - Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra có trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số là 70% điểm học phần. - Điểm đánh giá học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,7 - Điểm kiểm tra được đánh giá theo hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm, thảo luận, thực hành, trình bày, ... và điểm chuyên cần.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		nghiệp, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhóm nhỏ... Từ đó giúp điều dưỡng có các giao tiếp, ứng xử tốt nhất trong tất cả các trường hợp trên lâm sàng và trong công việc. Hạn chế tối đa những phản ứng, giao tiếp không tốt trong mâu thuẫn hay trong trường hợp đặc biệt. Giúp người điều dưỡng có thể linh hoạt giải quyết được các tình huống xảy ra.			- Điểm kiểm tra phải được giảng viên ghi đầy đủ vào bảng điểm (theo mẫu quy định) nộp lại cho Bộ môn quản lý, lưu trữ. Học viên không kiểm tra hình thức nào thì bị tính điểm 0 cho hình thức đó. Phần riêng: Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Kiểm tra giữa kỳ: tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm - Kiểm tra thực hành: + Thực hiện đóng vai các tình huống theo nhóm. + Điểm thực hành là điểm trung bình chung tất cả các bài thực hành. - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận
191	Dược lý lâm sàng	Kiến thức: - Trình bày được các mối liên quan giữa liều thuốc sử dụng với tác dụng dược lý trên lâm sàng, biến đổi cảm thụ của cơ thể với tác dụng của thuốc. - Trình bày được các nguyên tắc dược lý lâm sàng ứng dụng trong điều trị một số bệnh thông thường như đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh nhiễm khuẩn, quá trình viêm, bệnh ung thư,... - Trình bày được PP đánh giá TT ngộ độc các thuốc trên lâm sàng thuốc thường gặp như paracetamol, aspirin, digoxin, thuốc an thần gây ngủ,... Kỹ năng: - Vận dụng các kiến thức dược lý, đặc biệt dược lý lâm sàng và độc chất học lâm sàng để lựa chọn và tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. Đánh giá - Đánh giá thường xuyên: Kiểm tra câu hỏi ngắn: 2/10 - Thi học phần: thi tự luận hoặc trắc nghiệm: 8/10.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Áp dụng được kiến thức đã học để sơ cứu, xử lý ngộ độc thuốc trong các trường hợp lâm sàng thường gặp cụ thể. Thái độ: Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sử dụng các nguyên lý dược lý lâm sàng để tối ưu hóa trị liệu; Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sơ cứu, xử lý ngộ độc thuốc trên lâm sàng thường gặp. Mô tả tóm tắt nội dung môn học: Môn học trình bày các kiến thức về mối liên quan giữa liều dùng với tác dụng dược lý; áp dụng nguyên lý dược lý lâm sàng trong điều trị một số bệnh; giới thiệu các phương pháp đánh giá tình trạng ngộ độc thuốc trên lâm sàng, các biện pháp sơ cứu, xử trí ngộ độc thuốc thường gặp.			
192	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa nâng cao	- Kiến thức: cung cấp cho học viên kiến thức về các bệnh lý nội khoa cũng như cách chăm sóc các bệnh lý nội khoa ở người lớn. - Kỹ năng: học viên phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân về các bệnh lý nội khoa và thực hiện được quy trình chăm sóc các bệnh nội khoa ở người lớn. - Thái độ: có nhận thức đúng về tính khẩn trương, chính xác và đầy đủ trong quá trình chăm sóc người bệnh. - Mô tả tóm tắt nội dung môn học: Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa nâng cao cung cấp các nguyên lý, học thuyết vào chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, cách tiếp cận về nhận định sức khỏe người lớn, quy trình điều dưỡng đối với các bệnh lý nội khoa thường gặp và các bệnh lý đặc biệt.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập;

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					Câu hỏi trắc nghiệm. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. Thi thực hành: Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện quy trình chăm sóc bệnh nhân.
XXIII. CAO HỌC ĐIỀU DƯỠNG, KHÓA 2019-2021					
193	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa nâng cao	- Kiến thức: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về cách chăm sóc các bệnh lý Ngoại khoa chuyên biệt (hệ cơ xương khớp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu) của người bệnh. - Kỹ năng: học viên phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân đối với từng bệnh lý ngoại khoa chuyên biệt và thực hiện được quy trình chăm sóc cho bệnh nhân. - Thái độ: có nhận thức đúng về tính khẩn trương, chính xác trong quá trình chăm sóc người bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					Thi thực hành: Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
194	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	- Phân tích các khái niệm, học thuyết, nguyên lý cơ bản và bằng chứng khoa học trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe trẻ em. - Phân tích tác động của tình trạng bệnh lý cấp và mạn tính đối với trẻ và gia đình. - Vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải quyết và quản lý công tác chăm sóc trẻ tại các cơ sở y tế. - Vận dụng các kiến thức đã học vào việc lập, thực hiện và quản lý hoạt động chăm sóc trẻ liên tục, chăm sóc giai đoạn cuối, nâng cao sức khỏe trẻ em. - Nghiên cứu và ứng dụng nghiên cứu trong chăm sóc sức khỏe trẻ em - Ứng xử phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá kết quả học tập gồm có đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ; * Đánh giá quá trình gồm: 1 bài báo cáo chuyên đề theo nhóm (chương 1); 2 bài cáo ca bệnh thực hành (chương 2); 1 bài tập lớn (chương 3) và một bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan * Đánh giá cuối kỳ: - Lý thuyết: bài kiểm tra tổng hợp (trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn, tình huống) - Thực hành: thi vấn đáp & kiểm tra tay nghề về ca bệnh lâm sàng.
195	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ nâng cao	- Kiến thức: Cung cấp cho học viên những kiến thức về các bệnh lý sản phụ khoa cũng như cách chăm sóc các bệnh thường gặp ở Sản phụ khoa. - Kỹ năng: Học viên phải nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc các bệnh nhân này, cũng như cách đánh giá về các nhu cầu. - Thái độ: Biết cách trò chuyện, động viên, chia sẻ giải thích với bệnh nhân. Nhận thức được tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và các bà mẹ.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. Thi thực hành: Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
196	Quản lý điều dưỡng	- Kiến thức: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về cách quản lý, lãnh đạo cũng như cách điều hành trong công tác điều dưỡng. - Kỹ năng: học viên phải nhận định được công tác quản lý về các lĩnh vực có liên quan đến điều dưỡng, cũng như cách đánh giá về các vấn đề quản lý thường gặp. - Thái độ: có nhận thức đúng và có trách nhiệm trong công tác quản lý.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

					Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. Thi thực hành: Viết báo cáo chủ đề theo mẫu quy định; - Báo cáo chủ đề đã được phân công.
197	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	- Kiến thức: Cung cấp cho học viên các kiến thức về cấp cứu và kiến thức về các bệnh nặng ở người lớn. - Kỹ năng: Học viên phải ứng dụng được các kiến thức đã học vào thực hiện khẩn trương và chính xác các quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh nhân nặng. - Thái độ: Có thái độ khẩn trương, thông cảm, ân cần và có tinh thần trách nhiệm với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong việc thực hiện kế hoạch chăm sóc.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phân chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phân riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. Thi thực hành: Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

198	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	- Kiến thức: Học viên có kiến thức về các bệnh truyền nhiễm cũng như cách chăm sóc các bệnh thường gặp. - Kỹ năng: học viên phải nhận định và chẩn đoán được các nhu cầu thường gặp trên các bệnh nhân này, cũng như cách đánh giá về các nhu cầu. - Thái độ: có thái độ thông cảm, ân cần với bệnh truyền nhiễm và người nhà bệnh nhân, có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chăm sóc bệnh nhân.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phần chung + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Phần riêng: - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. Kiểm tra giữa kỳ: Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. Thi lý thuyết nhiều hình thức: - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. Thi thực hành: Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
XXIII. CAO HỌC ĐƯỢC LÝ ĐƯỢC LÂM SÀNG, KHÓA 2020 -2022					
199	Triết học	Kiến thức: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng xã hội của triết học; sự hình thành và phát triển của các trào lưu, khuynh hướng tiêu biểu trong lịch sử triết học. Giúp cho học viên nắm vững các nguyên lý thế giới	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		và phương pháp luận của triết học Mác-Lênin và sự vận dụng các quan điểm của triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Việt Nam qua các chuyên đề triết học. Kỹ năng: Trang bị cho học viên hệ thống các nguyên tắc khoa học, phương pháp khoa học để phân tích, đánh giá các trào lưu tư tưởng trong lịch sử nhân loại và vận dụng vào công tác chuyên môn. Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện đang diễn ra ở nước ta và trên thế giới từ lập trường của phép biện chứng duy vật, qua đó nâng cao tư duy lý luận, tư duy logic của người học. Thái độ: Góp phần giúp học viên xây dựng ý thức công dân trên lập trường duy vật mácxít, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, thấy được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với tập thể, cộng đồng và đất nước.			từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Kiến thức: - Có kiến thức về các bước của nghiên cứu khoa học và các đặc điểm của nó. - Phân loại, diễn giải được các loại thiết kế nghiên cứu và giá trị của mỗi loại. Kỹ năng: Xây dựng được đề cương nghiên cứu. Thái độ: Hiểu tầm quan trọng của triển khai nghiên cứu trong việc cải tiến chất lượng sử dụng thuốc.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
201	Xử lý số liệu thống kê trong y học	Kiến thức: - Trình bày được các nội dung cơ bản của thống kê ứng dụng trong nghiên cứu y học - Trình bày được các bước tiến hành của phần mềm xử lý dữ liệu thống kê		Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Trình bày cách chọn và tính toán được các test thống kê thích hợp Kỹ năng: - Vận dụng được kiến thức thống kê khi tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học y học - Thực hiện được việc tổng hợp, xử lý và phân tích thống kê bằng phần mềm - Sử dụng được phần mềm chuyên dụng khi tiến hành nghiên cứu đề tài NCKH. Thái độ: Nhận rõ tầm quan trọng của môn học ứng dụng trong nghiên cứu khoa học y học.			từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
202	Dược lý lâm sàng	Kiến thức: - Trình bày được mối liên quan giữa liều dùng với tác dụng dược lý, sự thay đổi của thụ cảm thể với tác dụng của thuốc. - Trình bày được các nguyên tắc dược lý lâm sàng ứng dụng trong điều trị một số bệnh như đái tháo đường, bệnh nhiễm khuẩn, bệnh ung thư và các quá trình viêm. Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức dược lý lâm sàng để lựa chọn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý. Thái độ: Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sử dụng các nguyên lý dược lý lâm sàng để tối ưu trị liệu.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
203	Dược dịch tễ	Kiến thức: - Trình bày được khái niệm về dược dịch tễ. - Trình bày được các loại hình nghiên cứu thường dùng trong dược dịch tễ. - Trình bày được các nguồn dữ liệu dùng trong nghiên cứu dược dịch tễ. - Trình bày được một số vấn đề thường gặp trong nghiên cứu dược dịch tễ.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		Kỹ năng: - Thiết kế được một số loại nghiên cứu vào thực hành - Diễn giải đúng kết quả của các nghiên cứu dịch tễ học Thái độ: Thái độ thận trọng khi diễn giải các kết quả từ nghiên cứu dịch tễ học			
204	Kinh tế y tế và pháp chế được	Kiến thức: - Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế y tế - Trình bày được nguyên lý, cấu trúc và hoạt động của hệ thống bảo hiểm y tế - Trình bày được cách thức triển khai hiệu quả của được sử dụng lâm sàng trong các hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. - Trình bày được chiến lược trong quản lý cung ứng thuốc, hóa chất, trang thiết bị tại bệnh viện. - Trình bày được các quy định pháp luật trong hoạt động được lâm sàng tại bệnh viện và cộng đồng. Kỹ năng: - Đánh giá hiệu quả kinh tế các sản phẩm được hay các hoạt động được lâm sàng. - Phân tích ảnh hưởng của các quy định của bảo hiểm y tế, viện phí trong quan hệ cung – cầu dịch vụ y tế. - Triển khai hiệu quả hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. - Triển khai xây dựng các chiến lược quản lý sử dụng thuốc từ cung ứng, kê đơn, phân phát và sử dụng thuốc. - Áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động được lâm sàng để triển khai tại bệnh viện và cộng	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phân (8/10)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		đồng.			
205	Cảnh giác được	Kiến thức: - Trình bày được đặc điểm của hệ thống cảnh giác được tại Việt Nam. - Trình bày được các bước quản lý phản ứng có hại của thuốc, sai sót liên quan đến thuốc và chất lượng thuốc. - Áp dụng bộ tiêu chí quản lý chất lượng bệnh viện để triển khai các hoạt động cảnh giác được. Kỹ năng: - Có kỹ năng phát hiện, phân tích, xử lý phản ứng có hại của thuốc theo ca lâm sàng thực tế. - Áp dụng các biện pháp phát hiện và phân tích sai sót liên quan đến thuốc trong các tình huống thực hành thực tế. - Lập kế hoạch triển khai các biện pháp phòng tránh sai sót liên quan đến thuốc - Có kỹ năng quản lý các vấn đề liên quan đến chất lượng thuốc Thái độ: Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện công tác cảnh giác được.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
206	Thông tin thuốc ứng dụng trong lâm sàng	Kiến thức - Trình bày được tầm quan trọng của thông tin thuốc và vai trò của người được sĩ trong công tác thông tin thuốc. - Trình bày được các nguồn thông tin cấp 1, 2, 3 - Trình bày được các tiêu chí đánh giá một nghiên cứu lâm sàng - Trình bày được các bước trả lời câu hỏi thông tin thuốc. - Trình bày được phương pháp trình bày thông tin thuốc một cách hợp lý.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

		- Trình bày được cách thức xây dựng và triển khai hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện. Kỹ năng - Áp dụng được cách tra cứu dữ liệu, phân tích, tổng hợp thông tin để thực hiện các hoạt động thông tin thuốc. - Lập kế hoạch triển khai hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện. - Áp dụng thực hành y học dựa theo bằng chứng trong thực hành chăm sóc được. Thái độ: Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện công tác thông tin thuốc ứng dụng trong lâm sàng.			
207	Sinh được học	Kiến thức: - Trình bày được các khái niệm sinh khả dụng, các khái niệm tương đương sinh học. - Phân tích được các quy định và các phương pháp xác định sinh khả dụng, tương đương sinh học của dược phẩm. - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố dược học và sinh học đến sinh khả dụng của thuốc. - Trình bày được các đặc điểm về sinh dược học của các dạng thuốc uống, thuốc đặt, thuốc tiêm, thuốc dùng trên da, thuốc nhỏ mắt... Kỹ năng: Thiết kế được thử nghiệm xác định tương đương sinh học in vivo, tương đương in vitro. Thái độ - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Yêu cầu: Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập Đánh giá: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục biên soạn:

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
1	Giáo trình giải phẫu học / Lê Đình Vần	2006
2	Siêu âm tim: Từ căn bản đến nâng cao / Nguyễn, Anh Vũ	2007
3	Điều trị thoát vị bẹn / Nguyễn Văn Liễu	2007
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe / Phạm Văn Linh	2008
5	Nhân học Y tế / Phạm Văn Linh, Võ Văn Thắng	2008
6	Bệnh tim mạch trong rối loạn nội tiết và chuyển hoá / Nguyễn, Hải Thủy	2008
7	Giáo trình Chẩn đoán hình ảnh: Dành cho đào tạo Đại học / Hoàng Minh Lợi	2008
8	Siêu âm tim: Từ căn bản đến nâng cao / Nguyễn, Anh Vũ	2008
9	Giáo trình sau đại học chuyên ngành Nội tiết & chuyển hóa / Chủ biên: PGS.TS Trần Hữu Dàng; PGS.TS. Nguyễn Hải Thủy	2008
10	Nhân học y tế	2008
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe / Phạm Văn Linh	2008
12	Thần Kinh Học: Giáo trình sau đại học / Hoàng Khánh Chủ biên	2008
13	Kiểu gen của virus viêm gan B và ý nghĩa lâm sàng / Trần, Xuân Chương	2009
14	Nhi khoa, Tập 1: Sơ sinh - cấp cứu: Giáo trình sau Đại học / Chủ biên: Hồ Viết Hiếu, Nguyễn Thị Kiều Nhi, Bùi Bình Bảo Sơn	2009
15	Nhi Khoa, Tập 4: Tiết niệu - Nội tiết - Máu - Tâm thần kinh: Giáo trình đào tạo sau Đại học / Chủ biên: Hồ Viết Hiếu, Phan Hùng Việt, Hoàng Thị Thủy Yên	2009
16	Nhi khoa, Tập 2: Hô Hấp - Tim Mạch: Giáo trình sau Đại học / Chủ biên: Hồ Viết Hiếu, Phan Hùng Việt, Bùi Bình Bảo Sơn	2009
17	Nhi khoa, Tập 3: Lây - Tiêu hóa - Dinh Dưỡng: Giáo trình sau Đại học / Chủ biên: Hồ Viết Hiếu, Nguyễn Thị Cự	2009
18	Giáo trình Nhi khoa, Tập 1: Đào tạo hệ Bác sĩ đa khoa	2009
19	Giáo trình Nhi khoa, Tập 2: Đào tạo bác sĩ đa khoa	2009
20	Bệnh tim mạch trong Đái tháo đường / Nguyễn, Hải Thủy	2009
21	Holter điện tâm đồ 24 giờ trong bệnh lý tim mạch / Huỳnh Văn Minh	2009
22	Tai biến mạch máu não - từ yếu tố nguy cơ đến dự phòng (Chuyên khảo) / Hoàng Khánh	2009
23	Hồi sức cấp cứu: Giáo trình nội khoa sau đại học / PGS.TS. Huỳnh Văn Minh - PGS.TS. Nguyễn Hải Thủy	2009
24	Bệnh Thận - Tiết Niệu: Giáo trình nội khoa sau đại học / GS. Võ Phụng - TS. Võ Tam	2009
25	Xạ phẫu định vị 3 chiều bằng dao Gamma điều trị các bệnh lý thần kinh sọ não / Phạm Văn Linh - Trần Đình Bình	2009
26	Xạ phẫu định vị 3 chiều bằng dao Gamma điều trị các khối u vùng thân / Phạm Văn Linh, Trần Đình Bình, Trần Văn Hòa	2010

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
27	Sản phụ khoa, Sách Đào tạo chuyên ngành Y học Gia đình / Cao, Ngọc Thành	2010
28	Mắt- Răng Hàm mặt- Tai mũi họng: Sách đào tạo chuyên ngành Y học gia đình / Phan, Văn Năm	2010
29	Các bệnh truyền nhiễm phổ biến: Sách đào tạo chuyên ngành Y học Gia đình / Nguyễn, Lô	2010
30	Nhi khoa: sách đào tạo chuyên ngành Y học Gia đình / Hồ, Viết Hiếu; Phan Hùng Việt	2010
31	Siêu âm tim: cập nhật chẩn đoán / Nguyễn, Anh Vũ	2010
32	Quản lý sức khỏe sinh sản: GT SDH	2010
33	Mắt - Răng hàm mặt - Tai mũi họng: Sách đào tạo chuyên ngành Y học gia đình / Phan Văn Năm	2010
34	Giáo trình Nội khoa cơ sở / GS.TS. Huỳnh Văn Minh - PGS.TS. Trần Hữu Dàng	2010
35	Nội Khoa Cơ Sở: Giáo Trình / GS.TS. Huỳnh Văn Minh; PGS.TS. Trần Hữu Dàng	2010
36	Phương pháp học tích cực trong đào tạo Y khoa / Nguyễn Thị Kim Tiến - Đặng Công Thuận	2010
37	Phương pháp học tích cực trong đào tạo Y Khoa / Võ Văn Thắng - Đặng Công Thuận	2010
38	Bệnh đái tháo đường Típ 1 và hội chứng đa nội tiết tự miễn: Sách chuyên khảo / Trần Thị Minh Diễm, TS.BS. Đào Thị Dừa (ch.b)	2010
39	Thăm dò chức năng phụ khoa: Giáo trình sau Đại học / Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y Dược Huế	2011
40	Ung thư cổ tử cung từ dự phòng đến can thiệp sớm / Châu, Khắc Tú; Nguyễn Vũ Quốc Huy	2011
41	Béo phì / Nguyễn, thị Kim Tiến, Phan thị Bích Ngọc	2011
42	sử dụng phần mềm thống kê SPSS: Giáo trình đào tạo đại học và sau Đại học trong ngành y / Võ, văn Thắng; Hoàng Đình Huê	2011
43	Sử dụng phần mềm thống kê SPSS: Giáo trình đào tạo ĐH và SDH trong ngành Y	2011
44	Sức khỏe tình dục: Giáo trình đào tạo cử nhân y tế công cộng và bác sĩ y học dự phòng	2011
45	Nội Khoa / PGS.TS. Trần Hữu Dàng - PGS.TS. Hoàng Trọng Thắng	2011
46	Hồi sức cấp cứu / PGS.TS. Trần Hữu Dàng - GS.TS. Nguyễn Hải Thủy	2011
47	Sử dụng phần mềm thống kê SPSS / Võ Văn Thắng - Hoàng Đình Huê	2011
48	Bệnh Thận - Tiết niệu / Giáo trình Nội khoa sau Đại học Chủ biên: Võ Phụng, Võ Tam	2012
49	Giáo trình kỹ năng lâm sàng ngoại khoa: Tài liệu dành cho giảng viên / Cao Ngọc Thành, Lê Đình Khánh đồng chủ biên	2012
50	Y học cấp cứu người lớn / Peter Cameron; George Jelinek... (và những người khác) (chủ biên); Cao Ngọc Thành, Trần Hữu Dàng, Nguyễn Lô (chủ biên bản tiếng Việt)	2012
51	Giáo trình kỹ năng lâm sàng ngoại khoa: Tài liệu nguồn / Cao ngọc Thành, Lê Đình Khánh đồng Chủ biên	2012

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
52	Giáo trình giảng dạy thực địa: Dành cho sinh viên - Tập 1, Chuyên ngành YTCC	2012
53	Y học cấp cứu người lớn: Textbook of adult emergency medicine	2012
54	Giáo trình Vi sinh vật học đại cương / Phạm Hồng Sơn	2012
55	Giải phẫu bệnh: giáo trình / Đặng Công Thuận (Chủ biên); Tham gia biên soạn: Ngô Văn Trung, Nguyễn Văn Mão	2012
56	Giáo trình kỹ năng lâm sàng ngoại khoa: Tài liệu dành cho sinh viên / Cao Ngọc Thành, Lê Đình Khánh đồng chủ biên	2012
57	Giáo trình kỹ năng lâm sàng ngoại khoa: Tài liệu dành cho giảng viên / Cao Ngọc Thành, Lê Đình Khánh đồng chủ biên	2012
58	Giáo trình giảng dạy thực địa: dành cho sinh viên chuyên ngành: Dược, Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt, Truyền nhiễm, Tai Mũi Họng / Chủ biên: GS.TS. Cao Ngọc Thành, PGS.TS. Võ Tam . 3 Tập , Tập 3	2012
59	Giáo trình giảng dạy thực địa: dành cho sinh viên chuyên ngành: Y tế Công cộng / Chủ biên: GS.TS. Cao Ngọc Thành, PGS.TS. Võ Tam . 3 Tập , Tập 1	2012
60	Giáo trình giảng dạy thực địa: dành cho sinh viên chuyên ngành: Nội, Ngoại, Sản, Nhi / Chủ biên: GS.TS. Cao Ngọc Thành, PGS.TS. Võ Tam . 3 Tập , Tập 2	2012
61	Suy Thận Mạn: Bệnh học, chẩn đoán và điều trị (sách chuyên khảo) / Võ Tam Chủ biên	2012
62	Bệnh truyền nhiễm: Sách đào tạo sau Đại học / Nguyễn Lô ; Trần Xuân Chương (ch.b.)	2013
63	Nguyên lý sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe ban đầu: Nguyên lý - nội dung - phương pháp: GTĐH	2013
64	Giáo trình sau đại học Thần kinh học / Hoàng Khánh	2013
65	Giáo trình sau đại học Hô hấp học / Lê Văn Bằng	2013
66	Kỹ năng lâm sàng nội khoa: Giáo trình (Dành cho giảng viên) / GS.TS. Cao Ngọc Thành - PGS.TS. Võ Tam	2013
67	Kỹ năng lâm sàng nội khoa: Giáo trình (Tài liệu dành cho sinh viên) / GS.TS. Cao Ngọc Thành - PGS.TS. Võ Tam	2013
68	Kỹ năng lâm sàng nội khoa: Giáo trình (Tài liệu nguồn) / GS.TS. Cao Ngọc Thành - PGS.TS. Võ Tam	2013
69	Bệnh học truyền nhiễm / Trần Xuân Chương, Nguyễn Lô	2014
70	Giáo trình Nhân khoa (đào tạo bác sỹ đa khoa) / PGS.TS. Phan Văn Năm	2014
71	Giáo trình Nhân khoa (đào tạo bác sỹ định hướng chuyên khoa mắt) / PGS.TS. Phan Văn Năm	2014
72	Giáo trình Nội khoa sau đại học Bệnh thận - tiết niệu / GS. Võ Phụng - PGS.TS. Võ Tam	2014
73	Giáo trình sau đại học Tim mạch học / Huỳnh Văn Minh - Nguyễn Anh Vũ	2014
74	Giáo trình sau đại học Bệnh Tiêu hóa Gan mật / Hoàng Trọng Thăng	2014
75	Holter điện tâm đồ 24 giờ trong bệnh lý tim mạch / Huỳnh Văn Minh	2014
76	Bệnh loét dạ dày tá tràng / Hoàng Trọng Thăng	2014

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
77	Giải Phẫu Bệnh: Giáo trình / PGS.TS. Đặng Công Thuận Chủ biên	2014
78	Hội chứng tim vận động viên từ sinh lý đến bệnh lý / Nguyễn Thị Thúy Hằng	2014
79	Sỏi Hệ Tiết Niệu: Sách chuyên khảo / PGS.TS. Lê Đình Khánh Chủ biên	2014
80	Tim mạch học: Giáo trình sau đại học / GS.TS. Huỳnh Văn Minh, PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ (ch.b), TS. Nguyễn Cửu Long...và những người khác biên soạn	2014
81	Bệnh tiêu hóa - gan mật: Giáo trình sau đại học / Hoàng Trọng Thắng (ch.b), Trần Văn Huy, Nguyễn Thị Xuân Tịnh	2014
82	Bệnh loét dạ dày - tá tràng / Hoàng Trọng Thắng	2014
83	Holter điện tâm đồ 24 giờ trong bệnh lý tim mạch / Huỳnh Văn Minh (ch.b), Nguyễn Văn Điền, Hoàng Anh Tiến...và những người khác biên soạn	2014
84	Giáo trình Nhân khoa: Đào tạo bác sĩ đa khoa / Phan Văn Năm (ch.b), Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Quốc Việt...và những người khác biên soạn	2014
85	Giáo trình Nhân khoa: Đào tạo điều dưỡng đa khoa / Phan Văn Năm (ch.b), Nguyễn Thị Thu, Trần Nguyễn Trà My...và những người khác biên soạn	2014
86	Giáo trình Nhân khoa: Đào tạo bác sĩ định hướng chuyên khoa mắt / Phan Văn Năm (ch.b), Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Quốc Việt...và những người khác biên soạn	2014
87	Xác suất - thống kê y học: giáo trình / Trần Thị Diệu Trang, Trần Thị Thúy Hiền	2015
88	Giáo trình Sau đại học chuyên ngành Nhân khoa (Tập 1) / PGS.TS. Phan Văn Năm	2015
89	Giáo trình Nội Thần kinh / Hoàng Khánh - Nguyễn Đình Toàn	2015
90	Giáo trình Xác suất thống kê y học / Trần Thị Diệu Trang, Trần Thúy Hiền	2015
91	Di truyền Y học: Giáo trình / Nguyễn Viết Nhân	2015
92	Y lý y học cổ truyền: Giáo trình / Nguyễn Thị Tân và những người khác . tập 1	2015
93	Phương Tể: Giáo trình / Nguyễn Thị Tân và những người khác . tập 1	2015
94	Phương Tể: Giáo trình / Nguyễn Thị Tân và những người khác . tập 2	2015
95	Y Học Cổ Truyền: Giáo trình / PGS.TS. Nguyễn Thị Tân Chủ biên	2015
96	Thực Vật Dược: Giáo trình / Nguyễn Thị Tân và những người khác	2015
97	Hóa Học: Giáo trình / ThS. Trần Thị Hòa và những người khác	2015
98	Lý thuyết Gây mê hồi sức: Giáo trình (Đào tạo hệ cử nhân điều dưỡng) / Nguyễn Văn Minh và những người khác tham gia biên soạn . Tập 3	2015
99	Lý thuyết Gây mê hồi sức: Giáo trình (Đào tạo hệ cử nhân điều dưỡng) / TS. Nguyễn Văn Minh và những người khác tham gia biên soạn . Tập 2	2015
100	Nội thần kinh: Giáo trình / Hoàng Khánh, Nguyễn Đình Toàn (ch.b), Trần Thị Phước Yên	2015
101	Giáo trình sau đại học chuyên ngành Nhân khoa / Phan Văn Năm (ch.b), Nguyễn Thị Thu, Phạm Như Vĩnh Tuyên...và những người khác biên soạn . Tập 1	2015
102	Giáo trình sau đại học chuyên ngành Nhân khoa / Phan Văn Năm (ch.b), Nguyễn Thị Thu, Phạm Như Vĩnh Tuyên...và những người khác biên soạn . Tập 2	2015

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
103	Giáo trình phẫu thuật thực hành / Nguyễn Trường An tác giả	2016
104	Hình ảnh học cột sống và ống sống: Kỹ thuật và diễn giải kết quả / Hoàng Minh Lợi, Lê Trọng Khoan, Hoàng Thị Ngọc Hà, Jacques Clarisse	2016
105	Bệnh học truyền nhiễm / Trần Xuân Chương chủ biên	2016
106	Giáo trình Phẫu thuật thực hành / Nguyễn Trường An	2016
107	Thuốc kháng sinh - những vấn đề thực tiễn / Trần Đình Bình	2016
108	Bệnh thận mạn: Bệnh học, chẩn đoán và điều trị (sách chuyên khảo) / PGS.TS. Võ Tam	2016
109	Giáo trình đại học Nội soi tiêu hóa cơ bản / PGS.TS. Trần Văn Huy	2016
110	Hóa sinh y học: giáo trình / Hoàng Thị Thu Hương	2016
111	Vĩ sinh y học: giáo trình / Chủ biên: Ts. Lê Văn An và những người khác tham gia biên soạn	2016
112	Hóa học: Giáo trình / Ths.Trần Thị Hòa và những người khác	2016
113	Thuốc kháng sinh những vấn đề thực tiễn / Trần Đình Bình	2016
114	Phẫu thuật can thiệp tối thiểu ứng dụng trong thay khớp háng toàn phần / TS. Lê Nghi Thành Nhân	2016
115	Phẫu thuật thực hành / PGS.TS. Nguyễn Trường An	2016
116	Bệnh thận mạn - Bệnh học, chẩn đoán và điều trị: Sách chuyên khảo / Võ Tam	2016
117	An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm: Giáo Trình / Võ Văn Thắng, Hoàng Thị Bạch Yến	2017
118	Nội tiết phụ khoa và Y học sinh sản / Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm	2017
119	Chế biến dược liệu: Giáo trình / PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Tân - ThS.DS. Lê Thị Minh Nguyệt	2017
120	Bệnh học ngũ quan Y học cổ truyền: Giáo trình / Nguyễn Thị Tân Chủ biên	2017
121	Sinh Lý Học: Giáo trình / TS. Hoàng Khánh Hằng - PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng - ThS. Nguyễn Đình Duyệt	2017
122	Các kỹ thuật cơ bản trong gây mê - hồi sức / TS. Nguyễn Văn Minh Chủ biên	2017
123	Sử dụng thuốc trong thực hành gây mê hồi sức: Giáo trình (Đào tạo hệ cử nhân điều dưỡng) / TS. Nguyễn Văn Minh và các người khác tham gia biên soạn	2017
124	Nội soi tiêu hóa nâng cao: Giáo trình sau đại học / PGS.TS. Trần Văn Huy và những người khác tham gia biên soạn	2017
125	Bệnh da liễu: Giáo trình / Ths.Bs. Mai Bá Hoàng Anh Chủ biên	2017
126	Nội soi tiêu hóa cơ bản: Giáo trình đại học / PGS.TS. Trần Văn Huy và những người khác tham gia biên soạn	2017
127	Điều trị xơ hóa gan và xơ gan do virus viêm gan B: Sách chuyên khảo / PGS.TS. Trần Văn Huy Chủ biên	2017
128	Nguyên lý vật lý cộng hưởng từ trong Y học: Giáo trình / TS. Nguyễn Thanh Thảo Chủ biên	2017
129	Bệnh học ống tiêu hóa: Giáo trình sau đại học / Trần Văn Huy (ch.b), Hoàng Trọng Thắng, Phan Trung Nam...và những người khác biên soạn	2017

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
130	Hô hấp học: Giáo trình sau đại học / Lê Văn Bằng (ch.b), Phan Thị Hồng Diệp, Trần Mẫn	2017
131	Điều trị nội đại cương: Giáo trình sau đại học chuyên ngành nội khoa / Trần Văn Huy (ch.b), Huỳnh Văn Minh, Võ Tam, Hoàng Khánh...và những người khác biên soạn	2017
132	Giáo trình phẫu thuật thực hành / Nguyễn Trường An	2017
133	Bệnh học gan mật tụy: Giáo trình sau đại học / Trần Văn Huy (ch.b), Hoàng Trọng Thắng, Phan Trung Nam...và những người khác biên soạn	2017
134	Nhi Khoa: Giáo trình đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Cự, PGS.TS.BS. Hoàng Thị Thủy Yên...và những người khác . Tập 1	2017
135	Nhi Khoa: Giáo trình sau đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Hoàng Thị Thủy Yên, Ths.BSCKII Hồ Viết Hiếu...và những người khác . Tập 4 , Tiết Niệu - Thận - Máu - Tâm Thần Kinh	2017
136	Nhi Khoa: Giáo trình sau đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Bùi Bình Bảo Sơn, PGS.TS.BS. Hoàng Thị Thủy Yên...và những người khác tham gia biên soạn . Tập 1 , Sơ sinh - cấp cứu	2017
137	Nhi Khoa: Giáo trình sau đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Bùi Bình Bảo Sơn, Ths.BS. Lê Thị Cúc...và những người khác . Tập 2 , Hô Hấp - Tim Mạch	2017
138	Nhi Khoa: Giáo trình sau đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Cự, Ths.BS. Lê Thanh Bình...và những người khác . Tập 3 , Lây - Tiêu hóa - Dinh dưỡng	2017
139	Nhi Khoa: Giáo trình đại học / PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt, PGS.TS.BS. Hoàng Thị Thủy Yên, PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Cự...và những người khác . Tập 2	2017
140	Giáo trình đại học: Nội khoa cơ sở / PGS.TS. Trần Văn Huy, GS.TS. Huỳnh Văn Minh, GS.TS. Võ Tam, TS. Lê Văn Chi (Đồng chủ biên)	2018
141	Giáo trình đại học: Bệnh học nội khoa / PGS.TS. Trần Văn Huy, TS. Lê Văn Chi, PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo, PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ (Đồng chủ biên)	2018
142	Các kỹ thuật cơ bản trong gây mê hồi sức	2018
143	Sử dụng thuốc trong thực hành gây mê hồi sức	2018
144	Dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng	2018
145	Sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp	2018
146	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2018
147	Sinh lý học	2018
148	Kinh tế y tế	2018
149	Y học gia đình	2018
150	Giáo trình thực hành Dược liệu học	2018
151	Bệnh học Truyền nhiễm	2018
152	Mô học	2019
153	Thực hành Sinh học	2019

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
154	Giải phẫu học	2019
155	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2019
156	Bệnh truyền nhiễm: Sách đào tạo sau Đại học / Nguyễn Lô ; Trần Xuân Chương (ch.b.)	2013
157	Nguyên lý sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe ban đầu: Nguyên lý - nội dung - phương pháp: Giáo trình đại học	2013
158	Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế: Đào tạo bác sĩ y học dự phòng / TS.BS. Đoàn Phước Thuộc (chủ biên), TS.BS. Ngô Viết Lộc	2014
159	Nội tiết phụ khoa và y học sinh sản / Cao Ngọc Thành; Lê Minh Tâm	2011
160	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp (Giáo trình giảng dạy đại học dành cho sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng và cử nhân y tế công cộng) / ThS.GVC. Nguyễn Hữu Nghi, PGS.TS. Hoàng Trọng Sĩ (đồng chủ biên)	2017
161	Giáo trình kỹ năng lâm sàng ngoại khoa: Tài liệu dành cho sinh viên / Cao Ngọc Thành, Lê Đình Khánh đồng chủ biên	2012
162	Giáo trình giảng dạy thực địa: dành cho sinh viên chuyên ngành: Dược, Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt, Truyền nhiễm, Tai Mũi Họng / 3 Tập , Tập 3 Chủ biên: GS.TS. Cao Ngọc Thành, PGS.TS. Võ Tam .	2012
163	Nội tiết phụ khoa và Y học sinh sản / Cao Ngọc Thành, Lê Minh Tâm	2017
164	Xạ phẫu định vị 3 chiều bằng dao Gamma điều trị các bệnh lý thần kinh sọ não / Phạm Văn Linh - Trần Đình Bình	2009
165	Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng: Sách sử dụng cho đào tạo đại học và sau đại học trong ngành Y / PGS.TS. Lưu Ngọc Hoạt, TS.GVC. Võ Văn Thắng (đồng cb.)	2011
166	Sử dụng phần mềm thống kê SPSS: Giáo trình đào tạo đại học và sau đại học trong ngành Y Dược / Võ Văn Thắng, Hoàng Đình Huệ chủ biên	2018
167	Sức khỏe tình dục: Giáo trình đào tạo cử nhân y tế công cộng và bác sĩ y học dự phòng	2011
168	Tâm lý và đạo đức y học / Đoàn Vương Diễm Khánh Chủ biên	2017
169	Kinh tế Y tế: Giáo trình Giảng dạy ngành bác sĩ Y học Dự phòng / Nguyễn Hoàng Lan chủ biên	2017
170	Thống kê Y sinh học: Giáo trình đào tạo đại học và sau đại học trong ngành Y Dược / PGS.TS. Võ Văn Thắng, GS.TS. Lưu Ngọc Hoạt (đồng cb.)	2020
171	Nội khoa cơ sở: Giáo trình đại học / PGS.TS. Trần Văn Huy, GS.TS. Huỳnh Văn Minh, GS.TS. Võ Tam, TS. Lê Văn Chi (đồng chủ biên)	2019
172	Sinh học: Giáo trình thực hành (Dành cho sinh viên Ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền chính quy) / Trường Đại học Y Dược Huế	2019
173	Giáo trình đại học: Bệnh học nội khoa / PGS.TS. Trần Văn Huy, TS. Lê Văn Chi, PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo, PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ (Đồng chủ biên)	2019
174	Hình ảnh học thần kinh sọ não Cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ: Kỹ thuật, phân tích hình ảnh và diễn giải kết quả / Jacques Clarisse, Nguyễn Phi Hùng, Lê Tự Phương Thảo, Hoàng Thị Ngọc Hà, Châu Thị Hiền Trang	2019
175	Đại học Huế 60 năm xây dựng và phát triển (1957-2017) / PGS.TS. Lê Cung (chủ biên)	2017

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả tài liệu điện tử)	Năm XB
176	Sàng lọc và điều trị dự phòng Bệnh lý tiền sản giật - sản giật: (sách chuyên khảo) / chủ biên: GS.TS. Cao Ngọc Thành, PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	2017
177	Y học cấp cứu người lớn / Peter Cameron; George Jelinek... (và những người khác) (chủ biên); Cao Ngọc Thành, Trần Hữu Dàng, Nguyễn Lô (chủ biên bản tiếng Việt)	2013
178	Kỹ năng lâm sàng dành cho dược sĩ: (sách tham khảo) / TS.DS. Võ Thị Hà	2019

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

I/ Đại học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3	Đại học Danh sách tên đề tài luận văn, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp năm 2020)				
3.1	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và hiệu quả điều trị hạt cơm thường bằng phương pháp áp ni-tơ lỏng	Đặng Thị Thúy Hằng - Y6B	ThS.BS. Lê Thị Cao Nguyên	Ngành Y khoa
3.2	Đại học	Nghiên cứu chẩn đoán nhiễm Helicobacter Pylori bằng xét nghiệm nhanh urease và kỹ thuật PCR (Polymerase chain reaction) ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày - tá tràng	Nguyễn Duy - Y6I	PGS.TS. Hà Thị Minh Thi	Ngành Y khoa
3.3	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ở bệnh nhân thở máy tại đơn vị Hồi sức cấp cứu Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Phan Văn Minh Quân - Y6K	ThS.BS. Võ Việt Hà	Ngành Y khoa
3.4	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị đau sau phẫu thuật chân thương chi dưới.	Hoàng Thị Mỹ Vân - Y6C	TS. Trần Xuân Thịnh	Ngành Y khoa
3.5	Đại học	Nghiên cứu giá trị của hệ thống TIRADS trên siêu âm và hệ thống phân loại tế bào học tuyến giáp Bethesda trong chẩn đoán ung thư giáp	Phan Thị Thanh Hương - Y6M	BS. Nguyễn Trần Bảo Song	Ngành Y khoa
3.6	Đại học	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, nội soi và phân loại mô bệnh học polyp ống tiêu hóa	Phan Công Bảo - Y6D	PGS.TS. Nguyễn Văn Mão	Ngành Y khoa
3.7	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ngoại khoa ung thư đại tràng trái	Đào Xuân Nguyên - Y6I	TS BS Nguyễn Hữu Trí	Ngành Y khoa
3.8	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ngoại khoa ung thư đại tràng phải	Nguyễn Thị Minh Phương - Y6G	TS BS Nguyễn Hữu Trí	Ngành Y khoa
3.9	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm cộng sinh của Mycoplasma sp. và Trichomonas vaginalis ở phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Phùng Ngọc Dung - Y6H	PGS.TS. Tôn Nữ Phương Anh	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.10	Đại học	Nghiên cứu thời gian phát hiện bệnh và một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao phổi kết hợp với dải tháo đường typ 2	Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Y6D	ThS.BS.Trần Hùng	Ngành Y khoa
3.11	Đại học	Nghiên cứu tật khúc xạ và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Đặng Thị Anh Thư - Y6M	BSNT. Trần Nguyễn Trà My	Ngành Y khoa
3.12	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị glacom nguyên phát bằng phẫu thuật cắt bỏ củng giác mạc có nút chỉ điều chỉnh	Lê Thị Quyên - Y6H	PGS.TS. Phan Văn Năm	Ngành Y khoa
3.13	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân viêm tụy cấp do sỏi mật theo phân loại ALANTA cải tiến	Nguyễn Thị Nhi Sa - Y6E	ThS.Trần Quang Trung ThS. Nguyễn Phan Hồng Ngọc	Ngành Y khoa
3.14	Đại học	Nghiên cứu hiệu quả điều trị của phác đồ 4 thuốc có Bismuth cải tiến -PBAT ở bệnh nhân viêm loét dạ dày - tá tràng Helicobacter Pylori dương tính	Phạm Vũ Hoài - Y6E	ThS. Nguyễn Phan Hồng Ngọc	Ngành Y khoa
3.15	Đại học	Khảo sát tăng huyết áp ở bệnh nhân bệnh thận mạn tại bệnh viện Trung Ương Huế	Trần Công Thư - Y6G	GS.TS. Võ Tam	Ngành Y khoa
3.16	Đại học	Khảo sát chất lượng sống ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	Hoàng Ngọc Diệu Trâm - Y6G	GS.TS. Võ Tam	Ngành Y khoa
3.17	Đại học	Nghiên cứu mật độ xương ở bệnh nhân hội chứng thận hư nguyên phát có điều trị corticoid tại Bệnh viện trường đại học Y Dược Huế	Đoàn Đức Bình - Y6M	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân	Ngành Y khoa
3.18	Đại học	Nghiên cứu trị số HA nhập viện và dự hậu bệnh nhân đột quỵ não	Phạm Thị Thục Anh - Y6C	PGS.TS. Nguyễn Đình Toàn	Ngành Y khoa
3.19	Đại học	Nghiên cứu giá trị của Sepsis-3 và SOFA-nhanh chóng trong tiên lượng bệnh nhân xơ gan vào viện vì nhiễm trùng	Lương Thị Kim Thùy - Y6H	ThS.BS. Lê Minh Tân	Ngành Y khoa
3.20	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và hô hấp ký của bệnh nhân chồng lấp HEN và COPD (ACO)	Lê Thị Tường Vi - Y6I	ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Ngành Y khoa
3.21	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa eosinophil đàm và máu với hen phế quản và COPD kiểm soát kém	Nguyễn Xuân Đạt - Y6F	ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Ngành Y khoa
3.22	Đại học	Nghiên cứu bilan lipid trong quá trình tiên lượng bệnh nhân đột quỵ não cấp	Lương Quốc Vương - Y6H	GS.TS. Hoàng Khánh	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.23	Đại học	Nghiên cứu mối liên quan các tiêu chuẩn điện tâm đồ chẩn đoán dày thất trái với các trị số nhân trắc ở bệnh nhân tăng huyết áp	Trần Hữu Anh Tú - Y6D	GS.TS. Huỳnh Văn Minh	Ngành Y khoa
3.24	Đại học	Nghiên cứu vai trò chẩn đoán chuyển đạo aVR-ST chênh trong hội chứng vành cấp	Lê Tiến Bảo - Y6G	GS.TS. Huỳnh Văn Minh	Ngành Y khoa
3.25	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh hở van 2 lá tại khoa nội tim mạch	Trần Thị Phương Ly - Y6H	PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ	Ngành Y khoa
3.26	Đại học	Nghiên cứu thang điểm tiền test của Hội Tim Mạch châu Âu năm 2013 ở bệnh nhân đau ngực tại Khoa Nội Tim Mạch Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trương Công Phúc - Y6I	PGS.TS. Lê Thị Bích Thuận	Ngành Y khoa
3.27	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm rung nhĩ bằng Holter điện tim 24 giờ và một số yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân rung nhĩ không do bệnh lý van tim	Tôn Sỹ Quân - Y6M	PGS.TS. Lê Thị Bích Thuận	Ngành Y khoa
3.28	Đại học	Nghiên cứu biến đổi tần số tim và mức độ stress bằng máy cảm tay Dailycare relax-kit	Tổng Thị Thùy Dung - Y6M	PGS.TS. Hoàng Anh Tiến	Ngành Y khoa
3.29	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh Gút	Thái Đình Quang Huy - Y6K	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân	Ngành Y khoa
3.30	Đại học	Nghiên cứu hiệu quả điều trị sỏi ống mật chủ bằng nội soi mật tụy ngược dòng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Duy Khiêm - Y6F	ThS. Vĩnh Khánh	Ngành Y khoa
3.31	Đại học	Đánh giá kết quả phẫu thuật cầu nối động mạch ngoài giải phẫu trong điều trị thiếu máu chi mãn tính	Võ Minh Tuệ - Y6H	PGS.TS. Lê Quang Thử	Ngành Y khoa
3.32	Đại học	Đánh giá mức kháng nguyên đặc hiệu của tiền liệt tuyến huyết thanh (serum PSA) trong một số bệnh lý của tuyến tiền liệt	Lê Thanh Minh Triết - Y6B	PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng	Ngành Y khoa
3.33	Đại học	Đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân sỏi thận bằng bảng câu hỏi SF 12	Trương Xuân Quang - Y6I	PGS.TS. Lê Đình Khánh	Ngành Y khoa
3.34	Đại học	Đánh giá kết quả bước đầu triển khai phẫu thuật bắt vít qua da trong phẫu thuật chấn thương cột sống ngực thắt lưng	Trần Thị Mai Diệu - Y6A	ThS.BS. Nguyễn Thanh Minh	Ngành Y khoa
3.35	Đại học	Đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân mang thông niệu quản "JJ"	Nguyễn Trần Hạnh Uyên - Y6D	ThS.BS. Lê Đình Đạm	Ngành Y khoa
3.36	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi trẻ em	Hoàng Thị Ngọc Duyên - Y6C	PGS.TS. Bùi Bình Bảo Sơn	Ngành Y khoa
3.37	Đại học	Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của bướu giáp cường giáp ở trẻ em.	Nguyễn Thị Kim Oanh - Y6K	PGS.TS. Hoàng Thị Thủy Yên	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.38	Đại học	Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng của trẻ sơ sinh bệnh lý tại đơn vị nhi sơ sinh Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Mai Thị Thu Hường - Y6M	TS.BS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Ngành Y khoa
3.39	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và nồng độ glucose máu mao mạch ở trẻ sơ sinh cân nặng thấp tại khoa nhi sơ sinh Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế.	Võ Ngọc Việt - Y6K	TS.BS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Ngành Y khoa
3.40	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của bệnh Thalassemia ở trẻ em	Nguyễn Quốc Hùng - Y6G	PGS.TS.BS Phan Hùng Việt	Ngành Y khoa
3.41	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và tình trạng dinh dưỡng trẻ bại não	Nguyễn Hoài Nguyên - Y6M	PGS.TS.BS Tôn Nữ Vân Anh	Ngành Y khoa
3.42	Đại học	Nghiên cứu một số yếu tố tiên lượng nặng ở bệnh nhi sốt xuất huyết đang điều trị tại Trung tâm Nhi khoa - Bệnh viện Trung ương Huế	Nguyễn Thị Minh Thư - Y6F	TS.BS. Nguyễn Hữu Châu Đức	Ngành Y khoa
3.43	Đại học	Nghiên cứu tình trạng dự phòng hen phế quản ở trẻ em tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung Ương Huế	Nguyễn Đông Hải - Y6A	ThS.BS. Hồ Lý Minh Tiên	Ngành Y khoa
3.44	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung Ương Huế	Nguyễn Hoàng Vy - y6k	ThS.BS. Hồ Lý Minh Tiên	Ngành Y khoa
3.45	Đại học	Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân co giật ở trẻ nhũ nhi	Lương Thế Vinh - Y6D	Ths.BS. Nguyễn Duy Nam Anh	Ngành Y khoa
3.46	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ của nhiễm trùng sơ sinh sớm tại Đơn vị Nhi sơ sinh Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Lê Thị Nhung - Y6G	ThS.BS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Ngành Y khoa
3.47	Đại học	Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và chức năng thận của bệnh viêm cầu thận ở trẻ em	Trương Hoài Đức - Y6G	ThS.BS. Lê Thy Phương Anh	Ngành Y khoa
3.48	Đại học	Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và vai trò của suPAR nước tiểu ở hội chứng thận hư tiên phát trẻ em	Đặng Quang Đạt - Y6A	ThS.BS. Lê Thy Phương Anh	Ngành Y khoa
3.49	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa ở trẻ em	Phan Thị Minh Tuyền - Y6K	ThS.BS. Phạm Võ Phương Thảo	Ngành Y khoa
3.50	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và bệnh nguyên của suy tim ở trẻ em.	Lê Hữu Phước - Y6H	ThS.BS. Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	Ngành Y khoa
3.51	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm bệnh tim bẩm sinh có tím ở trẻ em	Nguyễn Thanh Tân - Y6C	ThS.BS. Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
				Tâm	
3.52	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và biến đổi huyết học bệnh nhi mắc bệnh bạch cầu cấp điều trị tại Trung tâm Nhi Khoa Bệnh viện Trung ương Huế	Hồ Đăng Giàu - Y6I	ThS.BS. Nguyễn Văn Tuy	Ngành Y khoa
3.53	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý nhiễm trùng thần kinh trung ương	Lê Văn Phúc - Y6K	ThS.BS. Trần Vĩnh Phú	Ngành Y khoa
3.54	Đại học	Đánh giá kiến thức và thực hành dinh dưỡng của bà mẹ có con bị tiêu chảy điều trị tại Trung tâm Nhi Bệnh viện Trung Ương Huế	Nguyễn Ngọc Đức - Y6G	PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Cự	Ngành Y khoa
3.55	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lý ben bìu ở trẻ em	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi - Y6C	PGS.TS. Nguyễn Trường An	Ngành Y khoa
3.56	Đại học	Đánh giá hiệu quả khởi phát chuyển dạ bằng lóc màng ối tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Phạm Thị Như Bích - Y6C	ThS.BS. Trần Mạnh Linh	Ngành Y khoa
3.57	Đại học	Đánh giá lâm sàng, cận lâm sàng và hướng xử trí ở những thai phụ có chiều dài cổ tử cung ngắn tại khoa phụ sản Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Văn Bình An - Y6D	ThS.BS. Nguyễn Trần Thảo Nguyên	Ngành Y khoa
3.58	Đại học	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và kết quả điều trị ở sản phụ có vết mổ cũ tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Nguyễn Chí Trường - Y6M	TS.BS. Trương Thị Linh Giang	Ngành Y khoa
3.59	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng và thái độ xử trí các trường hợp sinh thai to tại khoa sản Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Mai Văn Quảng - Y6M	TS.BS. Trương Thị Linh Giang	Ngành Y khoa
3.60	Đại học	Nghiên cứu hiệu quả tổng thai lưu ngừng phát triển trong tử cung dưới 12 tuần bằng Misoprostol	Nguyễn Thị Phương Liên - Y6E	TS.BS. Nguyễn Thị Kim Anh	Ngành Y khoa
3.61	Đại học	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và điều trị nội khoa thai ngoài tử cung	Ngô Thị Xuân - Y6H	PGS.TS. Trương Quang Vinh	Ngành Y khoa
3.62	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng và đánh giá kết quả phẫu thuật khối u buồng trứng	Lương Mộng Vũ Ánh - Y6M	PGS.TS. Trương Quang Vinh	Ngành Y khoa
3.63	Đại học	Đánh giá một số yếu tố nguy cơ và kết cục thai kỳ ở các thai phụ suy thai cấp trong chuyển dạ tại bệnh viện Trung Ương Huế	Nguyễn Thị Kim Ngân - Y6K	PGS.TS. Lê Lam Hương	Ngành Y khoa
3.64	Đại học	Khảo sát tình hình và một số yếu tố nguy cơ ở các thai phụ sinh non tại bệnh viện Trung Ương Huế	Phạm Thị Thạch Thảo - Y6H	PGS.TS. Lê Lam Hương	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.65	Đại học	Khảo sát triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, xử trí và kết quả của thai quá ngày sinh dự đoán tại khoa sản Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Quỳnh Phương - Y6I	ThS.BS. Tôn Nữ Minh Quang	Ngành Y khoa
3.66	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến u lạc nội mạc tử cung ở các trường hợp vô sinh	Nguyễn Đắc Hưng - Y6K	PGS.TS. Lê Minh Tâm	Ngành Y khoa
3.67	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến u xơ tử cung ở các trường hợp vô sinh	Võ Thị Ngọc Ánh - Y6E	PGS.TS. Lê Minh Tâm	Ngành Y khoa
3.68	Đại học	Nghiên cứu nồng độ acid uric huyết thanh ở bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến vú	Lê Minh Đức - Y6F	ThS. Phan Thị Minh Tâm	Ngành Y khoa
3.69	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điện sinh lý của hội chứng ống cổ tay tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Lê Xuân Thuận - Y6K	ThS. Nguyễn Đình Duyệt TS. Nguyễn Thị Hiếu Dung	Ngành Y khoa
3.70	Đại học	Nghiên cứu thang điểm SCORE ở bệnh nhân tăng huyết áp đến khám tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Hà Quang Châu - Y6F	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Ngành Y khoa
3.71	Đại học	Khảo sát vai trò của hô hấp kế trong đánh giá rối loạn thông khí tắc nghẽn ở nam giới hút thuốc lá không triệu chứng	Đỗ Như Thuận - Y6E	TS. Nguyễn Hải Quý Trâm	Ngành Y khoa
3.72	Đại học	Khảo sát đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân abces gan do sán lá gan ở người lớn tại bệnh viện Trung Ương Huế trong 2 năm 2018 và 2019	Nguyễn Vĩnh Phúc - Y6E	ThS.BS. Phan Từ Khánh Phương	Ngành Y khoa
3.73	Đại học	Nghiên cứu tình hình đề kháng kháng sinh của một số vi khuẩn gram âm gây bệnh nhiễm khuẩn huyết tại bệnh viện Trung Ương Huế trong 2 năm 2018 và 2019	Hồ Thị Thúy Hằng - Y6M	ThS.BS. Nguyễn Duy Bình	Ngành Y khoa
3.74	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và kết quả điều trị bệnh viêm màng não do streptococcus suis tại bệnh viện Trung Ương Huế năm 2018 - 2020	Hồ Thị Thúy Hằng - Y6F	PGS.TS. Trần Xuân Chương	Ngành Y khoa
3.75	Đại học	Đặc điểm lâm sàng mê sảng và một số yếu tố liên quan ở các bệnh nhân sau phẫu thuật tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trương Hoàng Quân - Y6N	ThS.BS. Nguyễn Quang Ngọc Linh	Ngành Y khoa
3.76	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điều trị viêm thanh quản tại khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Diệu Thảo - Y6F	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Khanh	Ngành Y khoa
3.77	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điều trị gãy xương chính mũi tại khoa Tai Mũi	Phan Thị Mỹ Dung - Y6G	ThS. Nguyễn Thị	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		Hong Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế		Ngọc Khanh	
3.78	Đại học	Nhận xét tình hình bệnh lý khối u vào điều trị tại khoa Tai Mũi Họng-Mắt-Răng Hàm Mất Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trần Văn Lộc - Y6A	TS. Phan Hữu Ngọc Minh	Ngành Y khoa
3.79	Đại học	Tìm hiểu triệu chứng lâm sàng các bệnh nhân được chỉ định cắt Amidan tại phòng khám Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trần Nguyễn Nhật Linh - Y6B	TS. Phan Hữu Ngọc Minh	Ngành Y khoa
3.80	Đại học	Tìm hiểu dịch tễ học và nguyên nhân bệnh nhân được đặt Diablo tại khoa Tai Mũi Họng-Mắt-Răng Hàm Mất Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Bích Tuyền - Y6A	TS. Phan Hữu Ngọc Minh	Ngành Y khoa
3.81	Đại học	Viêm tai giữa ứ dịch ở trẻ em đến khám tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế: tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Thu Dân - Y6B	ThS. Hoàng Phước Minh	Ngành Y khoa
3.82	Đại học	Khảo sát lý do bệnh nhân đến khám vì triệu chứng khàn tiếng tại phòng khám Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Nguyễn Thế Thiệt - Y6H	PGS.TS. Nguyễn Tư Thế	Ngành Y khoa
3.83	Đại học	Khảo sát lý do bệnh nhân đến khám vì triệu chứng nuốt đau tại phòng khám Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Trọng Bảo - Y6H	PGS.TS. Nguyễn Tư Thế	Ngành Y khoa
3.84	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của nhóm bệnh họng - thanh quản ở những bệnh nhân đến khám và điều trị tai mũi họng tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Thị Kiều Oanh - Y6D	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa
3.85	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của nhóm bệnh mũi xoang ở những bệnh nhân đến khám và điều trị tai mũi họng tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trần Thị Ly - Y6I	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa
3.86	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của nhóm bệnh tai ở những bệnh nhân đến khám và điều trị tai mũi họng tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Hoàng Xuân Hường - Y6E	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa
3.87	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và kết quả điều trị bệnh viêm họng tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Y6K	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa
3.88	Đại học	Nhận xét tình hình điều trị nội trú bệnh lý tai tại khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Lê Việt Hưng - Y6B	PGS.TS. Lê Thanh Thái	Ngành Y khoa
3.89	Đại học	Nhận xét tình hình bệnh lý họng thanh quản điều trị nội trú tại khoa Tai Mũi Họng Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Trần Ngọc Thiện - Y6F	PGS.TS. Lê Thanh Thái	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.90	Đại học	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bước đầu ung thư biểu mô tuyến vú xâm nhập ở phụ nữ lớn tuổi	Nguyễn Thị Phương Thủy - Y6C	ThS.BS. Nguyễn Trần Thúc Huân	Ngành Y khoa
3.91	Đại học	Ứng dụng chất hiển thị màu phát hiện hạch lympho trong phẫu thuật điều trị ung thư biểu mô tuyến giáp typ nhú	Nguyễn Thị Thu Giang - Y6M	ThS.BS. Nguyễn Trần Thúc Huân	Ngành Y khoa
3.92	Đại học	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố tiên lượng sống còn ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan tại bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế và trung tâm Ung Bướu BV Trung Ương Huế	Trần Thị Quyên - Y6B	ThS.BS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Ngành Y khoa
3.93	Đại học	Đánh giá kết quả hóa trị triệu chứng bước 1 ở bệnh nhân ung thư dạ dày giai đoạn tiến xa bằng phác đồ có epirubicin, oxaliplatin, capecitabin tại BV Trường Đại Học Y Dược Huế và Trung tâm Ung Bướu BV Trung Ương Huế	Nguyễn Thị Diệu Đào - Y6B	ThS.BS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Ngành Y khoa
3.94	Đại học	Nhận thức và thái độ của người bệnh và thân nhân đối với những rủi ro trong khám chữa bệnh hay sự cố y khoa tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Mỹ Linh - Y6G	PGS.TS. Trần Đình Bình	Ngành Y khoa
3.95	Đại học	Kiến thức, thái độ và thực hành của nhân viên bệnh viện đối với những sự cố y khoa trong khám chữa bệnh và sự phơi nhiễm, lây nhiễm với các bệnh từ bệnh nhân tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế năm 2019	Phạm Thị Vy - Y6K	PGS.TS. Trần Đình Bình	Ngành Y khoa
3.96	Đại học	Khảo sát thái độ, kiến thức và nhu cầu của sinh viên Y đa khoa Trường Đại Học Y Dược Huế về việc học kỹ năng giao tiếp Y khoa	Phan Nhật Trinh - Y6M	ThS.BS. Hồ Anh Hiến	Ngành Y khoa
3.97	Đại học	Nghiên cứu kích thước xương hệ thống sọ mặt giai đoạn 6-8 tuổi theo tuổi năm sinh và tuổi xương đốt sống cổ trên phim mặt nghiêng	Lê Thị Khánh Huyền	ThS. Hoàng Anh Đào	Ngành RHM
3.98	Đại học	Khảo sát tình trạng chấn thương răng của bệnh nhân đến khám tại các bệnh viện ở thành phố Huế	Đỗ Thị Yến Nhi	TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Ngành RHM
3.99	Đại học	So sánh hiệu quả trên lâm sàng và X Quang của Calcium Silicate và Calcium Hydroxide trong che tủy gián tiếp	Hoàng Ngọc Anh Thi	ThS. Lê Thị Quỳnh Thư	Ngành RHM
3.100	Đại học	Khảo sát tình trạng sâu răng, nhu cầu điều trị và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi đến khám ở bệnh viện Trung ương Huế	Nguyễn Trần Khánh Vi	TS. Nguyễn Hồng Lợi	Ngành RHM
3.101	Đại học	Khảo sát tình trạng nha chu ở bệnh nhân tăng huyết áp tại Bệnh viện trường Đại học	Đoàn Thị Vân Khánh	TS. Trần Tấn Tài	Ngành RHM

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		Y Dược Huế			
3.102	Đại học	Đánh giá in vitro vi kế phục hồi xoang V bằng cement thủy tinh và composite kết hợp vật liệu bảo vệ miếng trám	Lê Thị Hoài Phương	TS. Nguyễn Thị Thủy Dương	Ngành RHM
3.103	Đại học	Nghiên cứu khả năng duy trì trục ống tủy của hai hệ thống trám quay máy WaveOne Gold và Protaper Next trên ống tủy nhựa	Lê Thị Ngọc Ánh	ThS. Đỗ Phan Quỳnh Mai	Ngành RHM
3.104	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị u tuyến nước bọt	Tô Thị Lợi	ThS. Hoàng Minh Phương	Ngành RHM
3.105	Đại học	Nghiên cứu in vitro độ hở vi kế của miếng trám Alkasite	Lê Thị Thu Nga	TS. Phan Anh Chi	Ngành RHM
3.106	Đại học	Khảo sát tình trạng nha chu và kiến thức, thái độ, hành vi chăm sóc răng miệng của bệnh nhân có bệnh lý động mạch vành tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế và Trung tâm Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trung ương Huế	Thới Ngọc Xuân Dung	ThS. Châu Ngọc Phương Thanh	Ngành RHM
3.107	Đại học	Đặc điểm Carabelli trên răng cối lớn thứ nhất và thứ hai hàm trên ở sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ tư trường Đại học Y Dược Huế	Đoàn Thị Bảo Uyên	ThS. Lê Nguyễn Thủy Dương	Ngành RHM
3.108	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của thức uống có gas đến mức độ vi kế của răng phục hồi bằng composite và glass ionomer cement	Lê Quỳnh Nhật Anh	ThS. Hồ Xuân Anh Ngọc	Ngành RHM
3.109	Đại học	Nghiên cứu mô hình và một số đặc điểm bệnh nhân ung thư điều trị tại bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Huế từ 2007-2017	Trần Bảo Khuyên	PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc	Ngành YHDP
3.110	Đại học	Nghiên cứu tình hình nhiễm vi rút viêm gan B và một số yếu tố liên quan ở sản phụ đến sinh tại Khoa Phụ sản, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Lê Thị Hồng Phúc	TS.BS. Ngô Viết Lộc	Ngành YHDP
3.111	Đại học	Nghiên cứu hành vi tìm kiếm dịch vụ chăm sóc sức khỏe của những người cao tuổi ở thành phố Huế	Trần Thị Thanh Nga	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Lan	Ngành YHDP
3.112	Đại học	Khảo sát tình hình cung cấp gói dịch vụ y tế cơ bản và xu hướng sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu của người dân tại một số xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Hà Vân	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	Ngành YHDP
3.113	Đại học	Kiến thức về sốt xuất huyết và chỉ số lăng quăng Aedes tại các hộ gia đình thành phố Huế	Phạm Duy Phương Nhi	ThS.GVC. Nguyễn Văn Hòa	Ngành YHDP
3.114	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thực hành phòng chống đái tháo đường týp 2 của người dân	Nguyễn Hữu Hải	ThS.BS. Nguyễn Thị	Ngành YHDP

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		tại xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế		Hường	
3.115	Đại học	Đánh giá yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm ở xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019	Nguyễn Thành Sơn	TS.BS. Đặng Thị Anh Thư	Ngành YHDP
3.116	Đại học	Đánh giá yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm ở xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019	Đoàn Vũ Lực	TS.BS. Đặng Thị Anh Thư	Ngành YHDP
3.117	Đại học	Khảo sát thực trạng sử dụng và quản lý rác thải nhựa, túi nylon đến sức khỏe của hộ gia đình tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2019	Trương Thị Ái Việt	ThS.BS. Nguyễn Đình Minh Mẫn	Ngành YHDP
3.118	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các vấn đề sức khỏe liên quan đến biến đổi khí hậu của người dân xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS.BS. Ngô Thị Diệu Hương	Ngành YHDP
3.119	Đại học	Đánh giá chất lượng sống người cao tuổi tại phường Thủy Xuân, thành phố Huế	Hồ Thị Thùy	PGS.TS. Võ Văn Thắng	Ngành YHDP
3.120	Đại học	Tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành về giáo dục tình dục của bố mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên tại xã Thủy Vân – thị xã Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế	Phan Thị Minh Hương	ThS.BS. Lương Thanh Bảo Yến	Ngành YHDP
3.121	Đại học	Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố liên quan đến ý định bỏ thuốc lá ở nam giới trưởng thành tại xã Thủy Vân huyện Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019	Võ Thị Thu Hiền	ThS. Hoàng Đình Tuyên	Ngành YHDP
3.122	Đại học	Khảo sát tình hình bỏ bữa ăn sáng và một số yếu tố liên quan ở sinh viên một số trường thành viên thuộc Đại học Huế	Lương Hữu Mạnh	ThS.BS. Hoàng Thị Bạch Yến	Ngành YHDP
3.123	Đại học	Tỷ lệ trầm cảm và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế	Huỳnh Thị Thu Hiền	TS. Đoàn Vương Diễm Khánh	Ngành YHDP
3.124	Đại học	Đánh giá thực trạng hỗ trợ xã hội và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	Trần Thị Hoa	ThS.BS. Võ Nữ Hồng Đức	Ngành YHDP
3.125	Đại học	Nghiên cứu lạm dụng internet với rối loạn cảm xúc và giấc ngủ ở học sinh Phổ thông trung học thành phố Huế	Đào Thị Việt Trinh	TS.BS. Nguyễn Văn Hùng	Ngành YHDP
3.126	Đại học	Nghiên cứu lạm dụng internet với hoạt động thể lực ở học sinh Phổ thông trung học thành phố Huế	Huỳnh Thụy Huyền Trâm	TS.BS. Nguyễn Văn Hùng	Ngành YHDP
3.127	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân chốc tại Bệnh viện Đại học Y dược Huế	Nguyễn Văn Tài	ThS. Nguyễn Thị Trà My	Ngành YHDP

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.128	Đại học	Khảo sát các hội chứng tạng phủ theo Y học cổ truyền trên bệnh nhân đái tháo đường type 2, tại Khoa Nội, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế và Bệnh viện Trung ương Huế	Đoàn Thị Nhật Lệ	TS. Đoàn Văn Minh	Ngành YHCT
3.129	Đại học	Khảo sát các hội chứng tạng phủ theo Y học cổ truyền trên bệnh nhân thoái hóa khớp tại Khoa Nội, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế và Bệnh viện Trung ương Huế.	Lê Thị Hoài Sương	TS. Đoàn Văn Minh	Ngành YHCT
3.130	Đại học	Khảo sát tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân đau thắt lưng.	Phan Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Ngành YHCT
3.131	Đại học	Khảo sát tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân đau vai gáy.	Hoàng Thị Mỹ Linh	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Ngành YHCT
3.132	Đại học	Khảo sát tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp thể phong hàn thấp.	Đặng Thị Lệ	TS.Vương Thị Kim Chi	Ngành YHCT
3.133	Đại học	Đánh giá hiệu quả điều trị viêm khớp dạng thấp thể phong hàn thấp tý bằng bài thuốc Độc hoạt tang ký sinh kết hợp điện châm dựa trên thang Steinbrocker.	Trương Thanh Tú	TS.Vương Thị Kim Chi	Ngành YHCT
3.134	Đại học	Nghiên cứu độ ổn định và tiêu chuẩn hóa chất lượng của tinh bột mì acetat	Đoàn Phước Hiếu	PGS. TS. Trần Hữu Dũng	Ngành Dược học
3.135	Đại học	Chế biến khẩu phần bánh chứa tinh bột mì acetat dùng cho người đái tháo đường týp 2	Phạm Thị Bích Hiền	PGS. TS. Trần Hữu Dũng	Ngành Dược học
3.136	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời tạp D và tạp E trong chế phẩm carvedilol bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hồ Ngọc Lan Anh	ThS. Nguyễn Hữu Tiên	Ngành Dược học
3.137	Đại học	Phát hiện glibenclamid trộn lẫn trong chế phẩm Đông dược bằng quang phổ UV-Vis kết hợp phân tích hồi qui đa biến	Lê Thị Hồng Hà	ThS. Đào Thị Cẩm Minh	Ngành Dược học
3.138	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời một số tạp chất liên quan của carvedilol bằng điện di mao quản	Huỳnh Trọng Văn	ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc	Ngành Dược học
3.139	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời paracetamol và diclofenac trong chế phẩm bằng điện di mao quản	Nguyễn Thị Hương Giang	ThS. Thái Khoa Bảo Châu	Ngành Dược học
3.140	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn ethyl acetat của cây thầu lĩnh (Alphonsea tonkinensis DC)	Bạch Thị Nga	ThS. Nguyễn Viết Khản	Ngành Dược học
3.141	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn nước của cây Lan huệ mạng	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	PGS.TS. Nguyễn Thị	Ngành Dược học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		(Hippeastrumreticulatum (L'Hér.) Herb.)		Hoài	
3.142	Đại học	Nghiên cứu phân lập alkaloid từ cây Lan huệ mạng (Hippeastrumreticulatum (L'Hér.) Herb.)	Nguyễn Thị Ngọc Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài	Ngành Dược học
3.143	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn n-butanol của cây Lan huệ mạng (Hippeastrumreticulatum (L'Hér.) Herb.)	Lê Thị Thu Lợi	ThS. Hoàng Xuân Huyền Trang	Ngành Dược học
3.144	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu để góp phần xây dựng tiêu chuẩn dược liệu lá Chùm ngây	Bùi Phước Thắng	ThS Nguyễn Khánh Thùy Linh	Ngành Dược học
3.145	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính gây độc tế bào và thành phần hóa học phân đoạn n-hexan của cây Côm rượu hoa nhỏ (Glycosmis parviflora (Sims) Little - Rutaceae)	Tổng Văn Dự	ThS. Nguyễn Đình Quỳnh Phú	Ngành Dược học
3.146	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính gây độc tế bào và thành phần hóa học phân đoạn ethyl acetate của cây Côm rượu hoa nhỏ (Glycosmis parviflora (Sims) Little - Rutaceae)	Nguyễn Thị Thu Thùy	ThS. Nguyễn Đình Quỳnh Phú	Ngành Dược học
3.147	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm thực vật, sơ bộ thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Gai cua Argemone mexicana L. – Papaveraceae	Lê Lộc	ThS. Lê Thị Bích Hiền	Ngành Dược học
3.148	Đại học	Nghiên cứu bào chế cốm trị ho từ bài thuốc Kha tử cam cát thang	Đoàn Thị Trà My	ThS. Trần Thị Thùy Linh	Ngành Dược học
3.149	Đại học	Nghiên cứu xây dựng một số tiêu chuẩn cao đặc bài thuốc Tam Hoàng Thang	Nguyễn Tấn Hoà	ThS. Đoàn Thị Ái Nghĩa	Ngành Dược học
3.150	Đại học	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Võ Đức Trí	ThS. Nguyễn Phước Bích Ngọc	Ngành Dược học
3.151	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua các sản phẩm bổ sung vitamin, khoáng chất cho trẻ của các bà mẹ trên địa bàn thành phố Huế	Nguyễn Huy Hoàng	ThS. Ngô Thị Thu Hằng	Ngành Dược học
3.152	Đại học	Khảo sát tương tác thuốc trên bệnh án điều trị nội trú tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Phạm Thị Quỳnh Như	ThS. Võ Thị Hồng Phượng	Ngành Dược học
3.153	Đại học	Phân tích chi phí điều trị cho bệnh nhân ung thư vú tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Ngô Thị Hồng Hà	ThS. Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm	Ngành Dược học
3.154	Đại học	Xây dựng danh mục tương tác thuốc có ý nghĩa lâm sàng tại Bệnh viện Đại học Y	Hồ Thị Thanh Nhân	ThS. Phan Đăng Thục	Ngành Dược học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		Dược Huế		Anh	
3.155	Đại học	Nghiên cứu bào chế gel chứa tiểu phân nano metronidazol	Hồ Nguyễn Anh Thư	ThS. Hồ Hoàng Nhân	Ngành Dược học
3.156	Đại học	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano chứa metronidazol	Nguyễn Văn Anh Tuấn	ThS. Hồ Hoàng Nhân	Ngành Dược học
3.157	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén rã nhanh chứa cetirizin	Trần Lê Khánh Nhung	ThS. Lê Thị Thanh Ngọc	Ngành Dược học
3.158	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén chứa hệ phân tán rắn của curcumin với beta-cyclodextrin	Huỳnh Thị Thúy Dâng	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Ngành Dược học
3.159	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa phytosome quercetin	Huỳnh Thị Hạnh	ThS. Nguyễn Hồng Trang	Ngành Dược học
3.160	Đại học	Nghiên cứu bào chế siro tỏi đen	Phan Đặng Trường Thi	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Ngành Dược học
3.161	Đại học	Bán tổng hợp các dẫn chất ester, aminoalkyl của baicalein và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme acetylcholinesterase	Đoàn Đình Ngọc	ThS. Trần Thế Huân	Ngành Dược học
3.162	Đại học	Bán tổng hợp các dẫn chất ether của baicalein và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme acetylcholinesterase	Trần Công Danh	ThS. Trần Thế Huân	Ngành Dược học
3.163	Đại học	Phân lập hợp chất thuộc phân đoạn n-hexane từ cây Tỏi đá lê trĩ (Aspidistra letreae), họ Thiên môn đông (Asparagaceae)	Huỳnh Thị Diệu Hân	TS. Hồ Việt Đức	Ngành Dược học
3.164	Đại học	Phân lập hợp chất thuộc phân đoạn ethyl acetate từ cây Tỏi đá lê trĩ (Aspidistra letreae), họ Thiên môn đông (Asparagaceae)	Lê Ngọc Dũng	TS. Hồ Việt Đức	Ngành Dược học
3.165	Đại học	Nghiên cứu trên in silico khả năng ức chế receptor GP IIB/IIIA của các dẫn chất flavonoid và curcumin	Võ Thị Quỳnh Nhi	ThS. Trần Thái Sơn	Ngành Dược học
3.166	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp (S)-4-phenyl-2-(3,4,5-trimethoxyphenyl)-4,5-dihydrooxazoletừ 3,4,5-Trimethoxy Benzoyl Chloride	Cao Thị Thanh Giang	TS. Lê Thị Loan Chi	Ngành Dược học
3.167	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp (S)-2,4-diphenyl-4,5-dihydrooxazoletừ Benzoyl Chloride	Đặng Thị Thu Huyền	TS. Lê Thị Loan Chi	Ngành Dược học
3.168	Đại học	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất hydrazon mang khung isatin	Đàm Thị Hằng	ThS. Cao Thị Cẩm Nhung	Ngành Dược học
3.169	Đại học	Khảo sát tình hình chăm sóc hậu sản thường tại Khoa Phụ sản Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Trúc	ThS. Đào Nguyễn Diệu Trang	Ngành Điều dưỡng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.170	Đại học	Tìm hiểu tỷ lệ trầm cảm qua thang điểm BECK ở bệnh nhân đái tháo đường typ2 tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Lê Thị Thùy Nhung	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.171	Đại học	Khảo sát tỷ lệ trầm cảm và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh mạn giai đoạn 3-5 tại Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Lan Phương	ThS. Dương Thị Ngọc Lan	Ngành Điều dưỡng
3.172	Đại học	Khảo sát tỷ lệ nhận thức và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh mạn giai đoạn 3-5 tại Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Thị Thùy Linh	ThS. Dương Thị Ngọc Lan	Ngành Điều dưỡng
3.173	Đại học	Kiến thức và các yếu tố liên quan đến bệnh viêm phổi của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại khoa Nhi - Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Hồ Thị Phương	ThS. Nguyễn Thị Minh Thành	Ngành Điều dưỡng
3.174	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và chăm sóc phòng ngừa bội nhiễm phổi ở bệnh nhân nhồi máu não tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Kim My	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa.	Ngành Điều dưỡng
3.175	Đại học	Đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh có bệnh mạch vành và các yếu tố liên quan	Nguyễn Thị Huệ	ThS. Phạm Thị Thúy Vũ	Ngành Điều dưỡng
3.176	Đại học	Đánh giá kết quả chăm sóc hậu phẫu gây xương bệnh nhân nhi tại khoa Ngoại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế		TS. Hồ Duy Bình	Ngành Điều dưỡng
3.177	Đại học	Áp dụng thí điểm mô hình Proactive Kids can thiệp trên trẻ và gia đình để phòng và điều trị trẻ thừa cân béo phì	Nguyễn Thị Mây	TS. Nguyễn Thị Anh Phương	Ngành Điều dưỡng
3.178	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ về văn hóa và niềm tin sức khỏe liên quan đến tình trạng thừa cân - béo phì của trẻ ở thành phố Huế	Nguyễn Thị Sương	TS. Nguyễn Thị Anh Phương	Ngành Điều dưỡng
3.179	Đại học	Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân hậu phẫu kết hợp xương chi dưới tại khoa Ngoại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đặng Thị Phương	ThS. Nguyễn Trường Sơn	Ngành Điều dưỡng
3.180	Đại học	Tìm hiểu kiến thức sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp của bệnh nhân bị tăng huyết áp, tại khoa Nội Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trương Thị Ái Vân	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.181	Đại học	Nghiên cứu tình hình bệnh tật và chi phí khám chữa bệnh ngoại trú của người cao tuổi tại bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Trần Thị Xuân Phước	ThS. Trần Thị Thanh Nhân	Ngành YTCC
3.182	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thực hành của phụ nữ mang thai về chăm sóc trước sinh tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế và	Nguyễn Thị Bích Trâm	ThS. Nguyễn Thị Nga	Ngành YTCC

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		Phòng khám Y học gia đình-Đại học Y Dược Huế năm 2019			
3.183	Đại học	Rối loạn cơ xương khớp và các yếu tố liên quan ở điều dưỡng và hộ lý tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm 2019	Đinh Thị Mỹ Yên	TS. Nguyễn Thanh Gia	Ngành YTCC
3.184	Đại học	Nghiên cứu nhu cầu chăm sóc người cao tuổi phường Thủy Xuân, thành phố Huế	Võ Thị Thanh Tình	PGS.TS. Võ Văn Thắng	Ngành YTCC
3.185	Đại học	Tình trạng stress và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế	Huỳnh Thị Hùng	TS. Đoàn Vương Diễm Khánh	Ngành YTCC
Danh sách tên đề tài luận văn, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp năm 2021					
3.186	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan của các cặp vợ chồng vô sinh nguyên phát	Trần Thị Thu - Y6E	ThS.Nguyễn Đắc Nguyên	Ngành Y khoa
3.187	Đại học	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan và kết quả xử lý chảy máu sau sinh do đờ tử cung	Võ Hoàng Lâm - Y6E	PGS.TS. Trương Quang Vinh	Ngành Y khoa
3.188	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả xử trí thai trứng	Huỳnh Lê Thảo Nguyên - Y6E	PGS. TS. Lê Lam Hương	Ngành Y khoa
3.189	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, thái độ xử trí thai ngoài tử cung.	Ngô Thị Minh Thảo - Y6E	PGS. TS. Lê Lam Hương	Ngành Y khoa
3.190	Đại học	Nghiên cứu kết quả điều trị thai chết trong tử cung 3 tháng cuối của thai kỳ	Võ Thanh Thanh - Y6H	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Ngành Y khoa
3.191	Đại học	Đánh giá kết cục thai kỳ ở những sản phụ mang thai con so chuyển dạ sinh ở 39 tuần so với nhóm sản phụ chuyển dạ sinh ở 38, 40, 41, 42 tuần	Lê Trương Quỳnh Giang - Y6H	TS.Nguyễn Trần Thảo Nguyên	Ngành Y khoa
3.192	Đại học	Nghiên cứu diễn tiến giai đoạn 1 chuyển dạ và một số yếu tố ảnh hưởng ở sản phụ đơn thai chuyển dạ sinh non.	Trương Đăng Phúc - Y6A	GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	Ngành Y khoa
3.193	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị các trường hợp ối vỡ non tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Hồ Thị Khánh Linh - Y6B	TS. Trương Thị Linh Giang	Ngành Y khoa
3.194	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thái độ xử trí rau tiền đạo ở khoa Phụ sản Bệnh viện Trung Ương Huế	Võ Nhật Quang - Y6G	TS. Võ Văn Đức	Ngành Y khoa
3.195	Đại học	Nghiên cứu nguyên nhân vô sinh thứ phát ở nữ giới và một số yếu tố liên quan	Trần Hoàng Nhật Anh - Y6H	PGS. TS. Lê Minh Tâm	Ngành Y khoa
3.196	Đại học	Nghiên cứu mối liên quan giữa các chất chỉ điểm sinh hóa với mức độ nghiêm trọng ở thai phụ tiền sản giật tại Bệnh viện Trường	Nguyễn Hoàng Nam - Y6H	TS. Trương Thị Linh Giang	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		Đại học Y Dược Huế			
3.197	Đại học	Đánh giá chất lượng sống bệnh nhân ung thư vú giai đoạn sớm sau khi hoàn thành hóa trị	Võ Trần Ngọc Y Lý - Y6A	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Ngành Y khoa
3.198	Đại học	Khảo sát các yếu tố tiên lượng chất lượng sống của bệnh nhân ung thư dạ dày giai đoạn tiến xa ở Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế và Bệnh viện Trung ương Huế	Hoàng Thị Anh Thư - Y6A	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên	Ngành Y khoa
3.199	Đại học	Đánh giá chất lượng cuộc sống ở những bệnh nhân sau phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày do ung thư	Nguyễn Thị Thanh Thủy - Y6D	PGS.TS. Phạm Anh Vũ	Ngành Y khoa
3.200	Đại học	Nghiên cứu mối tương quan giữa độ lỗi tuyến tiền liệt vào bàng quang (IPP) và sự đáp ứng điều trị tăng sinh lạnh tính tuyến tiền liệt bằng thuốc ức chế thụ thể alpha tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Lê Văn Hiếu - Y6D	ThS. Nguyễn Xuân Mỹ	Ngành Y khoa
3.201	Đại học	Đánh giá sự đào thải mảnh sỏi sau nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser	Nguyễn Bảo Chi - Y6E	PGS.TS. Lê Đình Khánh	Ngành Y khoa
3.202	Đại học	Đánh giá kết quả ứng dụng máy siêu âm Doppler cầm tay thiết kế vạt mạch xuyên trong điều trị khuyết hồng phần mềm vùng cẳng bàn chân	Nguyễn Phước Bảo Huy - Y6A	ThS. Lê Hồng Phúc	Ngành Y khoa
3.203	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng hình ảnh học và kết quả phẫu thuật bệnh lý trượt đốt sống thắt lưng do tiêu eo tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Hữu Công - Y6B	ThS. Nguyễn Thanh Minh	Ngành Y khoa
3.204	Đại học	Nghiên cứu kết quả điều trị ban đầu ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn ở bệnh nhân lớn tuổi tại BV Đại học Y Dược Huế	Bùi Thị Bích Liễu - Y6B	TS. Hồ Xuân Dũng	Ngành Y khoa
3.205	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị u lympho không Hodgkin tế bào B	Hoàng Thanh Huyền - Y6D	TS. Hồ Xuân Dũng	Ngành Y khoa
3.206	Đại học	Đánh giá kết quả điều trị gãy xương gót bằng phẫu thuật kết hợp xương nẹp vis	Nguyễn Công Mỹ - Y6G	ThS. Nguyễn Bá Lưu	Ngành Y khoa
3.207	Đại học	Đánh giá kết quả điều trị gãy xương chi dưới ở người cao tuổi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Cẩm Vân - Y6A	TS. Hồ Duy Bính	Ngành Y khoa
3.208	Đại học	Đánh giá các yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn huyết ở bệnh nhân viêm thận bể thận tắc nghẽn cấp tính do sỏi	Hồ Hằng Nga - Y6B	ThS. Lê Đình Đạm	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.209	Đại học	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật cắt dạ dày nội soi do ung thư tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Nhi - Y6C	PGS.TS. Phạm Anh Vũ	Ngành Y khoa
3.210	Đại học	Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh nhân thoát vị bẹn bằng phẫu thuật nội soi	Tổng Khánh Linh - Y6D	ThS. Nguyễn Thành Phúc	Ngành Y khoa
3.211	Đại học	Đánh giá tắc nghẽn đường ra bàng quang ở nam giới có triệu chứng đường tiết niệu dưới bằng đo độ dày thành bàng quang trên siêu âm	Mai Xuân Tấn - Y6E	ThS. Lê Đình Đạm	Ngành Y khoa
3.212	Đại học	Khảo sát đặc điểm tình dục của bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt được điều trị nội khoa	Nguyễn Thị Thu Bích - Y6C	ThS. Võ Minh Nhật	Ngành Y khoa
3.213	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm các triệu chứng đường tiểu dưới ở phụ nữ từ 40 tuổi trở lên và một số yếu tố liên quan.	Phan Nguyễn Tường Ni - Y6C	PGS.TS. Nguyễn Trường An	Ngành Y khoa
3.214	Đại học	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của bệnh nhân sau điều trị sỏi niệu quản bằng phẫu thuật.	Trần Thị Hương Trâm - Y6D	TS. Nguyễn Nhật Minh	Ngành Y khoa
3.215	Đại học	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn biến chứng nghẹt và cầm tù ở người trưởng thành	Trần Nhật Lệ - Y6E	PGS.TS. Phạm Anh Vũ	Ngành Y khoa
3.216	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tình trạng loãng xương của bệnh nhân gãy đầu trên xương đùi	Võ Kiên Trinh - Y6H	TS. Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	Ngành Y khoa
3.217	Đại học	Nghiên cứu thang điểm tiền test của Hội Tim mạch Châu Âu năm 2019 ở bệnh nhân nhập viện vì đau ngực	Nguyễn Hồ Vũ Khôi - Y6A	PGS.TS. Lê Thị Bích Thuận	Ngành Y khoa
3.218	Đại học	Nghiên cứu nồng độ bổ thể C4 trong máu bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống	Võ Lương Tài - Y6A	PGS.TS. Phan Thị Minh Phương	Ngành Y khoa
3.219	Đại học	Nghiên cứu thời gian nguy hiểm của nguồn lây, đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của Lao phổi mới	Bùi Thị Thức - Y6E	ThS. Trần Hùng	Ngành Y khoa
3.220	Đại học	Khảo sát các rối loạn, bệnh lý đi kèm ở bệnh nhân thoái hóa khớp	Nguyễn Thị Lan Phương - Y6H	GS.TS. Võ Tam	Ngành Y khoa
3.221	Đại học	Khảo sát tăng Acid uric máu/Gout trên bệnh nhân bệnh thận mạn	Nguyễn Thị Huyền Trang - Y6H	GS.TS. Võ Tam	Ngành Y khoa
3.222	Đại học	Nghiên cứu tình trạng nôn và buồn nôn sau phẫu thuật lấy thai dưới gây tê tùy sống	Ngô Đăng Khánh - Y6C	TS. Trần Xuân Thịnh	Ngành Y khoa
3.223	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng suy tim EF bảo tồn tại trung tâm tim mạch Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh	Lê Văn Nam - Y6E	PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		viện Trường Đại học Y Dược Huế			
3.224	Đại học	Nghiên cứu giá trị của CRP và Procalcitonin trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết người lớn tại Bệnh viện Trung ương Huế năm 2020 - 2021	Tô Đông Toàn - Y6E	PGS.TS. Trần Xuân Chương	Ngành Y khoa
3.225	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan đến mức độ trầm cảm ở các bệnh nhân mắc bệnh động mạch vành	Trần Lê Thục Uyên - Y6F	ThS. Nguyễn Quang Ngọc Linh	Ngành Y khoa
3.226	Đại học	Nghiên cứu hội chứng ngưng thở khi ngủ ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính bằng thang Stop - bang và Epworth cải tiến	Bùi Thị Thảo My - Y6H	ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Ngành Y khoa
3.227	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và mô bệnh học trên bệnh nhân ung thư da tại Thừa Thiên Huế.	Lê Thị Ngọc Trinh - Y6A	ThS. Nguyễn Thị Trà My	Ngành Y khoa
3.228	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và nội soi của bệnh nhân ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Văn Trung - Y6C	ThS. Trương Xuân Long	Ngành Y khoa
3.229	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống	Nguyễn Trần Diệu Anh - Y6D	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân	Ngành Y khoa
3.230	Đại học	Nghiên cứu mật độ xương và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	Nguyễn Linh Giang - Y6F	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân	Ngành Y khoa
3.231	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, nội soi và mô bệnh học của các bệnh nhân polyp đại trực tràng tại Trung tâm Tiêu hóa - Nội soi, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Văn Thu Hà - Y6G	ThS. Nguyễn Phan Hồng Ngọc	Ngành Y khoa
3.232	Đại học	Nghiên cứu áp dụng thang điểm ASTRAL trong tiên lượng bệnh nhân nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Trung ương Huế	Ngô Thị Diệu Hương - Y6E	GS.TS. Hoàng Khánh	Ngành Y khoa
3.233	Đại học	Nghiên cứu các biểu hiện xuất huyết ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue người lớn tại Bệnh viện Trung ương Huế năm 2020 - 2021	Phan Thị Mỹ Trâm - Y6E	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Ngành Y khoa
3.234	Đại học	Nghiên cứu mô hình bệnh đồng mắc ở bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Nguyễn Thị Hiền - Y6F	ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Ngành Y khoa
3.235	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm bệnh giun lươn ở Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020 - 2021	Nguyễn Trọng Thiện - Y6F	PGS.TS. Tôn Nữ Phương Anh	Ngành Y khoa
3.236	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp và các yếu tố liên quan tại vùng nông thôn huyện Phú Lộc	Trần Nữ Tâm Đan - Y6H	ThS. Hồ Anh Hiến	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.237	Đại học	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị khối u vùng đầu tụy-ông mật chủ	Nguyễn Duy Kỳ - Y6B	TS. Phan Đình Tuấn Dũng	Ngành Y khoa
3.238	Đại học	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật ở bệnh nhân ung thư trực tràng	Cao Thị Hải Nghi - Y6C	TS. Phan Đình Tuấn Dũng	Ngành Y khoa
3.239	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân tắc ruột do dính sau mổ	Đinh Trọng Giáp - Y6E	ThS. Đặng Như Thành	Ngành Y khoa
3.240	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị chấn thương, vết thương bàn tay tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Nguyễn Chí Bảo - Y6G	ThS. Lê Hồng Phúc	Ngành Y khoa
3.241	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị khuyết hồng phần mềm chi thể bằng vật mạch xuyên tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Lê Yến Nhật - Y6H	ThS. Lê Hồng Phúc	Ngành Y khoa
3.242	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú nhỏ được điều trị bằng phẫu thuật	Hồ Thị Anh Đào - Y6B	ThS. Nguyễn Trần Thúc Huân	Ngành Y khoa
3.243	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của ung thư biểu mô tuyến vú thụ thể nội tiết dương tính	Hoàng Đình Quân - Y6C	ThS. Lê Thanh Huy	Ngành Y khoa
3.244	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh lý trượt cột sống thắt lưng do thoái hoá tại Khoa ngoại tiết niệu - thần kinh Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Vũ Trương An Mỹ - Y6E	ThS. Nguyễn Thanh Minh	Ngành Y khoa
3.245	Đại học	Đánh giá hiệu quả phẫu thuật cắt bao quy đầu bằng Stappler tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Văn Nhật Thành - Y6E	ThS. Võ Minh Nhật	Ngành Y khoa
3.246	Đại học	Bước đầu đánh giá kết quả phẫu thuật cắt rộng ung thư biểu mô da tế bào đáy vùng mặt kèm tạo hình bằng vật tại chỗ	Trần Thị Như - Y6F	ThS. Nguyễn Trần Thúc Huân	Ngành Y khoa
3.247	Đại học	Nghiên cứu nhận thức, kỹ năng và thái độ về phương pháp đo Huyết áp tại nhà (HATN) của đội ngũ y tế tại Thừa Thiên Huế	Trần Quốc Trung - Y6C	GS.TS. Huỳnh Văn Minh	Ngành Y khoa
3.248	Đại học	Đặc điểm lâm sàng và tỷ lệ nhiễm khuẩn da trên bệnh nhân viêm da đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Võ Xuân Đạt - Y6C	ThS. Lê Thị Cao Nguyên	Ngành Y khoa
3.249	Đại học	Nghiên cứu hội chứng ngưng thở khi ngủ ở bệnh nhân suy tim	Hoàng Minh Trường - Y6D	PGS.TS. Hoàng Anh Tiến	Ngành Y khoa
3.250	Đại học	Đánh giá chất lượng giấc ngủ bằng thang điểm PITTSBURGH ở bệnh nhân thận mạn	Lê Vũ Bảo Ngọc - Y6D	PGS.TS. Hoàng Bùi	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		giai đoạn cuối chưa lọc máu chu kỳ		Bảo	
3.251	Đại học	Nghiên cứu bệnh thần kinh ngoại biên ở bệnh nhân Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính giai đoạn ổn định	Hồ Ngọc Tiến Đạt - Y6G	PGS.TS. Nguyễn Đình Toàn	Ngành Y khoa
3.252	Đại học	Đánh giá hiệu quả an thần của Propofol đơn thuần và kết hợp với Fentanyl hoặc Midazolam trong siêu âm nội soi.	Nguyễn Thị Phương Thảo - Y6A	ThS. Phạm Thị Minh Thư	Ngành Y khoa
3.253	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của xuất huyết tiêu hóa trên ở bệnh nhân xơ gan	Huỳnh Tấn Cường - Y6C	ThS. Lê Minh Tân	Ngành Y khoa
3.254	Đại học	Đánh giá hiệu quả an thần của Propofol phối hợp với fentanyl trong nội soi đại tràng.	Lê Thị Lệ Hồng - Y6D	ThS. Lê Văn Long ThS. Phạm Thị Minh Thư	Ngành Y khoa
3.255	Đại học	Nghiên cứu một số yếu tố tiên lượng nặng ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue trên 40 tuổi	Phan Thị Quỳnh Như - Y6E	ThS. Nguyễn Duy Bình	Ngành Y khoa
3.256	Đại học	Nghiên cứu tỷ lệ các gene cagA và vacA của vi khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu mô sinh thiết ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày tá tràng	Nguyễn Lê Hương Giang - Y6F	PGS.TS. Hà Thị Minh Thi	Ngành Y khoa
3.257	Đại học	Đánh giá chiều cao ở bệnh nhi mắc bệnh hội chứng thận hư	Nguyễn Thị Như Huỳnh - Y6B	PGS.TS. Hoàng Thị Thủy Yên	Ngành Y khoa
3.258	Đại học	Khảo sát chế độ dinh dưỡng trong 6 tháng đầu của trẻ điều trị tiêu chảy tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung ương Huế	Lê Thị Vũ My - Y6B	PGS.TS. Nguyễn Thị Cự	Ngành Y khoa
3.259	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điện giải đồ của trẻ sơ sinh non tháng	Nguyễn Thị Quỳnh Như - Y6C	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Ngành Y khoa
3.260	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của thiếu máu ở hội chứng thận hư trẻ em.	Nguyễn Thị Thảo Nhi - Y6D	ThS. Lê Thy Phương Anh	Ngành Y khoa
3.261	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh nhi xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung ương Huế	Đỗ Đoàn Thuần An - Y6E	ThS. Nguyễn Văn Tuy	Ngành Y khoa
3.262	Đại học	Nghiên cứu những biến chứng thường gặp trong bệnh tim bẩm sinh ở trẻ em	Mai Thùy Trang - Y6A	PGS.TS. Phan Hùng Việt	Ngành Y khoa
3.263	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng động kinh cục bộ ở trẻ em.	Dương Thị Mỹ Linh - Y6C	PGS.TS. Tôn Nữ Vân Anh	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.264	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và bệnh nguyên trẻ giảm tri giác tại khoa Hồi sức Cấp cứu - Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung Ương Huế	Nguyễn Hữu Hoá - Y6D	ThS. Nguyễn Duy Nam Anh	Ngành Y khoa
3.265	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý ở trẻ em	Huỳnh Thị Trang - Y6F	ThS. Phạm Võ Phương Thảo	Ngành Y khoa
3.266	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm của bệnh Scholein Henoch ở trẻ em	Cao Thị Hương - Y6G	PGS.TS. Phan Hùng Việt	Ngành Y khoa
3.267	Đại học	Nghiên cứu vai trò của lâm sàng và Xquang ngực thẳng trong chẩn đoán các bệnh tim bẩm sinh ở trẻ em	Phan Thanh Tịnh - Y6H	ThS. Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	Ngành Y khoa
3.268	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và thang điểm Westley trong viêm thanh khí phế quản cấp ở trẻ em	Lê Thị Thùy Trang - Y6A	PGS.TS. Bùi Bình Bảo Sơn	Ngành Y khoa
3.269	Đại học	Tình hình nhiễm nấm Candida đường tiêu hóa của bệnh nhi sơ sinh tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Ngô Thị Thu Thảo - Y6A	TS. Ngô Thị Minh Châu	Ngành Y khoa
3.270	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các chỉ số tiêu cầu tế bào máu ngoại vi của sốt xuất huyết Dengue ở trẻ em	Lý Thị Thanh Ngân - Y6E	TS. Nguyễn Hữu Châu Đức	Ngành Y khoa
3.271	Đại học	Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhi Thalassemia điều trị tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung ương Huế	Đậu Thị Hằng - Y6E	ThS. Nguyễn Văn Tuy	Ngành Y khoa
3.272	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi ở bệnh nhi co giật do sốt tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung ương Huế	Đặng Cẩm Nhung - Y6H	ThS. Trần Vĩnh Phú	Ngành Y khoa
3.273	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của ung thư thanh quản và khảo sát các mối liên quan	Hoàng Thị Huyền - Y6B	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa
3.274	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, hướng xử trí các bệnh nhân có bệnh lý Tai Mũi Họng kèm ngủ ngáy	Trần Thị Thanh - Y6E	TS. Phan Hữu Ngọc Minh	Ngành Y khoa
3.275	Đại học	Khảo sát tình hình nghe kém ở trẻ em đến khám tại phòng khám Tai Mũi Họng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Nam Thịnh - Y6E	TS. Phan Hữu Ngọc Minh	Ngành Y khoa
3.276	Đại học	Nghiên cứu tình hình nhiễm khuẩn vết mổ và sử dụng kháng sinh tại các khoa Ngoại, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020	Lê Trọng Hiếu - Y6E	PGS.TS. Trần Đình Bình	Ngành Y khoa
3.277	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang dị ứng ở những bệnh nhân hen phế quản và khảo sát các mối liên quan	Lê Thị Liên - Y6G	PGS.TS. Đặng Thanh	Ngành Y khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.278	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điều trị viêm tai giữa tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đặng Thị Thúy Thanh - Y6E	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Khanh	Ngành Y khoa
3.279	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và điều trị chảy máu mũi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Thị Quỳnh Trang - Y6F	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Khanh	Ngành Y khoa
3.280	Đại học	Nhận xét tình hình bệnh lý u thanh quản, hướng điều trị ở bệnh nhân điều trị tại khoa Tai mũi họng - Mắt - Răng hàm mặt Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Phan Đình Dân - Y6G	PGS.TS. Lê Thanh Thái	Ngành Y khoa
3.281	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán và hướng điều trị bệnh lý viêm tấy và áp xe vùng đầu cổ ở bệnh nhân điều trị nội trú tại Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Ngô Sĩ Kiệt - Y6G	PGS.TS. Lê Thanh Thái	Ngành Y khoa
3.282	Đại học	Nghiên cứu hình thái lưỡi gà trên phim mặt nghiêng ở trẻ em ngủ ngáy độ tuổi từ 6 đến 10.	Phạm Nữ Đoan Trinh	ThS. Hoàng Anh Đào	Ngành RHM
3.283	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm khuôn mặt nhìn nghiêng và đặc điểm khớp cắn theo phân loại của Angle trên trẻ từ 6-10 tuổi	Trần Thị Thanh Thu	ThS. Nguyễn Ngọc Tâm Đan	Ngành RHM
3.284	Đại học	Đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hình thái thần kinh VII trên bệnh nhân u tuyến nước bọt mang tai có chỉ định phẫu thuật	Trần Thị Thùy Nhiên	ThS. Nguyễn Văn Minh	Ngành RHM
3.285	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm gen di truyền trong bệnh lý nha chu thông qua đánh giá về sinh trắc học dấu vân tay	Lê Thị Thanh Loan	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	Ngành RHM
3.286	Đại học	Khảo sát thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại Phòng khám Răng Hàm Mặt, bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm 2020	Hoàng Thị Liên	PGS.TS. Trần Đình Bình	Ngành RHM
3.287	Đại học	Khảo sát những lý do dẫn đến nhổ răng vĩnh viễn và đánh giá tình trạng hiện tại của các răng còn lại trên cung hàm ở bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	Dương Thành Tuấn	TS. Đặng Minh Huy	Ngành RHM
3.288	Đại học	Nghiên cứu kích thước thân răng lâm sàng nhóm răng trước hàm trên và mối liên quan với một số số đo vùng mặt	Nguyễn Thị Vi Linh	ThS. Nguyễn Lê Minh Trang	Ngành RHM
3.289	Đại học	Nghiên cứu tình trạng ăn mòn răng và các yếu tố liên quan ở sinh viên Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược Huế	Trần Bá Cường	ThS Lê Nguyễn Thùy Dương	Ngành RHM

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.290	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của độ dày giấy cắn đến ghi dấu tiếp xúc cắn khớp ở vị trí lồng múi tối đa	Lê Thị Phương Nam	ThS. Hồ Xuân Anh Ngọc	Ngành RHM
3.291	Đại học	Đánh giá vai trò của điều trị nha chu bảo tồn trên kiểm soát đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 có bệnh lí nha chu mạn tính	Ngô Thị Quỳnh Trang	TS. Trần Tấn Tài	Ngành RHM
3.292	Đại học	Đánh giá kết quả điều trị viêm nha chu mãn tính có sử dụng Gel Nghệ	Phạm Văn Khoa	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	Ngành RHM
3.293	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý rối loạn thái dương hàm ở bệnh nhân trưởng thành	Nguyễn Hữu Chung	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân	Ngành RHM
3.294	Đại học	Đánh giá hiệu quả giảm đau của thuốc tê bôi 8% Lidocaine - 0.8% Dibucaine trong thủ thuật lấy cao răng, xử lý bề mặt gốc răng	Lê Thị Nhật Linh	ThS. Phạm Nữ Như Ý	Ngành RHM
3.295	Đại học	Nghiên cứu in vitro độ chính xác của hai hệ thống máy định vị chóp với các chất bơm rửa khác nhau	Nguyễn Thanh Minh	ThS. Đỗ Phan Quỳnh Mai	Ngành RHM
3.296	Đại học	Nghiên cứu in vitro hiệu quả làm sạch calcium hydroxide trong ống tủy của các phương pháp bơm rửa khác nhau	Đặng Thùy Dương	ThS. Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Ngành RHM
3.297	Đại học	Nghiên cứu tình trạng mòn cổ răng và mối liên quan với thói quen chải răng trên sinh viên trường Đại học Y Dược Huế	Huỳnh Thị Huệ Chi	ThS. Lê Thị Quỳnh Thư	Ngành RHM
3.298	Đại học	Nghiên cứu invitro tác động của Hydrogen Peroxyde và Carbamide Peroxide lên khả năng dán dính trên ngà răng	Nguyễn Hoàng Việt Hùng	TS. Phan Anh Chi	Ngành RHM
3.299	Đại học	Nghiên cứu in vitro hệ thống ống tủy răng cối lớn thứ hai hàm dưới	Nguyễn Thanh Nhân	ThS. Hoàng Minh Phương	Ngành RHM
3.300	Đại học	Nghiên cứu in vitro hiệu quả làm sạch lớp mòn ngà trong điều trị nội nha của hai phương pháp bơm rửa: sóng âm và bơm rửa thông thường với các dung dịch khác nhau	Trương Thị Nga	ThS. Lê Hà Thùy Nhung	Ngành RHM
3.301	Đại học	Nghiên cứu tình trạng thở miệng và đặc điểm họng miệng trên trẻ em 8-10 tuổi có tiền sử sinh non	Lê Minh Thy	ThS. Châu Ngọc Phương Thanh	Ngành RHM
3.302	Đại học	Nghiên cứu tình hình trầm cảm trước sinh và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mang thai tại 1 phường thành phố Huế năm 2020	Nguyễn Võ Trà Mi	PGS.TS. Võ Văn Thắng	Ngành YHDP

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.303	Đại học	Nghiên cứu về cảm giác sợ ngã và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại một số phường tại thành phố Huế	Nguyễn Phương Mai	TS.BS. Nguyễn Hoàng Thùy Linh	Ngành YHDP
3.304	Đại học	Nghiên cứu hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan ở sinh viên hệ chính quy trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Ánh Phương	ThS.BS. Trần Thị Mai Liên	Ngành YHDP
3.305	Đại học	Nghiên cứu tỷ lệ sàng lọc ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ đã kết hôn tại một số xã huyện Phú Vang	Lê Thị Mỹ Hiền	ThS.BS. Lương Thanh Bảo Yến	Ngành YHDP
3.306	Đại học	Nghiên cứu áp lực nghề nghiệp và các yếu tố liên quan ở các điều dưỡng Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020	Nguyễn Thị Vân Như	TS.BS. Đặng Thị Anh Thư	Ngành YHDP
3.307	Đại học	Nghiên cứu thực trạng rối loạn cơ xương khớp và một số yếu tố liên quan ở công nhân lao động trực tiếp tại Công ty chế biến thủy sản C.P tỉnh Thừa Thiên Huế	Trần Thị Thúy Linh	ThS.BS. Nguyễn Đình Minh Mẫn	Ngành YHDP
3.308	Đại học	Nghiên cứu tình hình trầm cảm, lo âu, stress và nhu cầu, hành vi tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý ở học sinh THPT thành phố Huế năm 2020	Đào Thị Hồng Diễm	ThS.BS. Ngô Thị Diệu Hường	Ngành YHDP
3.309	Đại học	Nghiên cứu văn hóa an toàn người bệnh của điều dưỡng và hộ sinh tại một số bệnh viện ở Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Minh Thương	PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc	Ngành YHDP
3.310	Đại học	Nghiên cứu tình hình nhiễm vi rút viêm gan B mạn tính và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân ung thư gan nguyên phát tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Thủy Tiên	TS.BS. Ngô Viết Lộc	Ngành YHDP
3.311	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống nhiễm virus u nhú ở người (HPV) của phụ huynh học sinh tại hai trường trung học cơ sở thành phố Huế	Lê Nguyễn Quỳnh Như	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Lan	Ngành YHDP
3.312	Đại học	Nghiên cứu tình hình sử dụng kháng sinh tại các hộ gia đình thành phố Huế	Nguyễn Thị Mai	ThS.GVC. Nguyễn Văn Hòa	Ngành YHDP
3.313	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thực hành phòng chống biến chứng và nhu cầu được tư vấn của bệnh nhân đái tháo đường típ 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Trần Thị Bảo Linh	ThS.BS. Nguyễn Thị Hường	Ngành YHDP
3.314	Đại học	Sàng lọc nguy cơ, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng của bệnh nhân từ 60 tuổi trở lên điều trị nội trú tại hai khoa nội, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chế Thị Len Len	ThS.BS. Hoàng Thị Bạch Yến	Ngành YHDP

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.315	Đại học	Khảo sát thực trạng sử dụng đồ uống có đường và các yếu tố liên quan của sinh viên trường Đại học Y Dược Huế	Lê Diễm Thúy	TS.BS. Nguyễn Thị Thanh Nhân	Ngành YHDP
3.316	Đại học	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trước mổ và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân khoa Ngoại Tiêu hóa Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	Dương Tường Vy	ThS.BS. Bùi Thị Phương Anh	Ngành YHDP
3.317	Đại học	Nghiên cứu sự hỗ trợ xã hội và nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người cao tuổi tại huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế	Lê Quang Quân	TS.BS. Đoàn Vương Diễm Khánh	Ngành YHDP
3.318	Đại học	Nghiên cứu tỷ lệ và các yếu tố liên quan đến thoát vị đĩa đệm thắt lưng ở người dân từ 20-50 tuổi tại Thành Phố Huế	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	TS.BS. Nguyễn Văn Hùng	Ngành YHDP
3.319	Đại học	Nghiên cứu chất lượng giấc ngủ và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	ThS.BS. Võ Nữ Hồng Đức	Ngành YHDP
3.320	Đại học	Khảo sát các yếu tố liên quan đến tái phát ở bệnh nhân tâm thần phân liệt điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thừa Thiên Huế.	Hồ Bảo Châu	ThS. BS. Nguyễn Quang Ngọc Linh	Ngành YHDP
3.321	Đại học	Khảo sát tình hình tập luyện dưỡng sinh của người dân trên một số địa bàn Thành phố Huế.	Nguyễn Thị Tuyết Mai	TS. Đoàn Văn Minh	Ngành YHCT
3.322	Đại học	Đánh giá hiệu quả điều trị hỗ trợ thể bệnh phong hàn trong một số bệnh lý bằng phương pháp lãn ngải.	Lê Thị Khánh Ly	ThS. Nguyễn Văn Hưng	Ngành YHCT
3.323	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng một số thảo dược thường dùng làm gia vị trong thức ăn tại Thành phố Huế.	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Nguyễn Ngọc Lê	Ngành YHCT
3.324	Đại học	Khảo sát mối liên quan giữa điều kiện thời tiết và tính chất đau dựa theo thang điểm VAS và các tiêu chí Y học cổ truyền ở bệnh nhân thoái hóa khớp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.	Đàm Việt Hoàng	ThS. Trần Nhật Minh	Ngành YHCT
3.325	Đại học	Khảo sát tần suất xuất hiện các chứng trạng, chứng hậu trên lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân hen phế quản.	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Ngành YHCT
3.326	Đại học	Đánh giá hiệu quả điều trị trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp bằng châm cứu, thuốc thang và đắp dược liệu.	Nguyễn Thị Hoài	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Ngành YHCT
3.327	Đại học	Đánh giá hiệu quả phục hồi chức năng vận động bệnh nhân nhồi máu não bằng bài thuốc Bổ dương hoàn ngũ thang kết hợp điện châm dựa trên thang điểm ORGOGOZO.	Trần Thị Thùy Linh	TS. Vương Thị Kim Chi	Ngành YHCT

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.328	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng cây thuốc nam, bước đầu có tác dụng điều trị tăng huyết áp của nhân dân Phường Phú Bình, Thành phố Huế.	Phạm Thị Thảo	TS. Vương Thị Kim Chi	Ngành YHCT
3.329	Đại học	Khảo sát các hội chứng theo Y học cổ truyền của tình trạng sức khỏe dựa trên bộ câu hỏi Suboptimal health status questionnaire (SHSQ-50) và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.	Trương Dương Thi	ThS. Nguyễn Thị Hương Lam	Ngành YHCT
3.330	Đại học	Bước đầu áp dụng bộ công cụ phát hiện các biến cố bất lợi của thuốc (ADE trigger tool) tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế.	Phạm Thị Nhân	Phan Đăng Thực Anh	Ngành Dược học
3.331	Đại học	Phân tích hoạt động báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế.	Nguyễn Hoài Anh Thư	Võ Thị Hồng Phượng	Ngành Dược học
3.332	Đại học	Phân tích chi phí thuốc điều trị ung thư tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế.	Phạm Thị Vân Khánh	Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm	Ngành Dược học
3.333	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của cán bộ y tế về báo cáo phản ứng có hại (ADR) tự nguyện tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế.	Phan Thị Minh Tuyến	Nguyễn Phước Bích Ngọc	Ngành Dược học
3.334	Đại học	Nghiên cứu tình hình sử dụng kháng sinh tại Đơn vị ICU - Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế.	Lê Thị Kiều Loan	Ngô Thị Kim Cúc	Ngành Dược học
3.335	Đại học	Nghiên cứu bào chế hydrogel chứa hệ nhũ tương của Ibuprofen.	Hoàng Thị Ngọc Duyên	Hồ Hoàng Nhân	Ngành Dược học
3.336	Đại học	Nghiên cứu bào chế vi cầu kiểm soát giải phóng nổi - kết dính sinh học chứa metronidazole.	Hà Xuân Kiệt	Lê Thị Thanh Ngọc	Ngành Dược học
3.337	Đại học	Nghiên cứu bào chế hệ tự vi nhũ hóa chứa Ibuprofen.	Trần Nữ Trà My	Lê Thị Minh Nguyệt	Ngành Dược học
3.338	Đại học	Nghiên cứu bào chế pellet chứa hệ phân tán rắn của Ibuprofen.	Nguyễn Phi Quang	Hồ Hoàng Nhân	Ngành Dược học
3.339	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm thực vật, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Com rợu hoa nhỏ (Glycosmis parviflora (Sims) Little).	Hoàng Thị Minh	Nguyễn Đình Quỳnh Phú	Ngành Dược học
3.340	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn nước của cây Tỏi đá ba tia (Aspidistra triradiata N. Vislobokov).	Phan Thị Quý	Nguyễn Thị Hoài	Ngành Dược học
3.341	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn ethyl acetate của cây Tỏi đá ba tia (Aspidistra triradiata N. Vislobokov).	Trần Thị Thu Tuyền	Lê Thị Bích Hiền	Ngành Dược học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.342	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn chloroform của cây Tỏi đá ba tia (<i>Aspidistra triradiata</i> N. Vislobokov).	Ngô Thị Thu Uyên	Lê Thị Bích Hiền	Ngành Dược học
3.343	Đại học	Phân lập hợp chất từ phân đoạn dichloromethane của loài Giác đế thanh lịch (<i>Goniothalamus elegans</i> Ast.) - Họ Na (<i>Annonaceae</i>).	Võ Thị Ngọc Hiền	Trần Thị Thùy Linh	Ngành Dược học
3.344	Đại học	Phân lập hợp chất từ phân đoạn ethyl acetate của loài Giác đế thanh lịch (<i>Goniothalamus elegans</i> Ast.) - Họ Na (<i>Annonaceae</i>).	Đặng Thị Yến Nhi	Trần Thị Thùy Linh	Ngành Dược học
3.345	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học phân đoạn n-hexane của cây Tỏi đá ba tia (<i>Aspidistra triradiata</i> N. Vislobokov).	Phạm Thị Trang	Hoàng Xuân Huyền Trang	Ngành Dược học
3.346	Đại học	Phân lập alkaloid từ cây Giác đế thanh lịch (<i>Goniothalamus elegans</i> Ast.) - Họ Na (<i>Annonaceae</i>).	Nguyễn Thị Hải Lưu	Nguyễn Khánh Thùy Linh	Ngành Dược học
3.347	Đại học	Phân lập hợp chất thuộc phân đoạn n-hexane từ cây Cà mã vòi to (<i>Buxus latistyla</i> Gagnep.), họ Hoàng dương (<i>Buxaceae</i>).	Đoàn Ngọc Minh Thảo	Võ Quốc Hùng	Ngành Dược học
3.348	Đại học	Nghiên cứu xây dựng mô hình loét dạ dày trên chuột nhắt chủng Swiss bằng diclofenac .	Hồ Nhật Linh	Trần Hữu Dũng	Ngành Dược học
3.349	Đại học	Xây dựng phương pháp xác định một số hóa dược chống dị ứng trộn trái phép trong chế phẩm đông dược bằng HPLC.	Trần Thị Thu Thủy	Đào Thị Cẩm Minh	Ngành Dược học
3.350	Đại học	Tối ưu quy trình tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp A của carvedilol.	Nguyễn Thảo Trang	Nguyễn Hữu Tiến	Ngành Dược học
3.351	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính sinh học in-vitro của cây thầu lĩnh (<i>Alphonsea tonkinensis</i> A.DC. - <i>Annonaceae</i>).	Nguyễn Thị Oanh Thư	Nguyễn Viết Khấn	Ngành Dược học
3.352	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng amlodipin trong huyết tương bằng điện di mao quản.	Nguyễn Hồng ánh	Nguyễn Thị Như Ngọc	Ngành Dược học
3.353	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng metformin trong huyết tương bằng điện di mao quản.	Thái Thị Thu Hiền	Thái Khoa Bảo Châu	Ngành Dược học
3.354	Đại học	Nghiên cứu bán tổng hợp các dẫn xuất xúc tác Ru(II) –Pheox từ các dẫn xuất (S)-diphenyl-4,5-dihydrooxazole và tổng hợp xúc tác Ru(II) –Pheox dạng racemic.	Phạm Thị Hà Trang	Lê Thị Loan Chi	Ngành Dược học
3.355	Đại học	Phân lập hợp chất thuộc phân đoạn ethyl acetate từ cây Cà mã vòi to (<i>Buxus latistyla</i> Gagnep.), họ Hoàng dương (<i>Buxaceae</i>).	Huỳnh Thị Bích Nguyệt	Hồ Việt Đức	Ngành Dược học
3.356	Đại học	Bán tổng hợp và đánh giá tác động ức chế enzym acetylcholinesterase của một số dẫn	Võ Thị Thu Hiền	Trần Thế Huân	Ngành Dược học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
		chất naringenin.			
3.357	Đại học	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất hydrazon mang khung benzimidazole.	La Bảo Ngọc	Cao Thị Cẩm Nhung	Ngành Dược học
3.358	Đại học	Sàng lọc ảo các dẫn chất có khả năng ức chế receptor GP IIb/IIIa.	Nguyễn Thịnh Tín	Trần Thái Sơn	Ngành Dược học
3.359	Đại học	Phân lập hợp chất thuộc phân đoạn dichloromethane từ cây Cà mà vòi to (Buxus latistyla Gagnep.), họ Hoàng dương (Buxaceae).	Huỳnh Thúy Vi	Võ Quốc Hùng	Ngành Dược học
3.360	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc kháng tiết ở bệnh nhân điều trị viêm loét dạ dày tá tràng, tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Phạm Thị Thanh Ngân	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.361	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về sử dụng bình xịt ventolin của bệnh nhân COPD, tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Kim Oanh	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.362	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về sử dụng bút tiêm Insuline ở bệnh nhân đái tháo đường Type 2, tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Khánh Ly	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.363	Đại học	Khảo sát nhu cầu cần chăm sóc của bệnh nhân bị bệnh đái tháo đường type 2, tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đoàn Thị Lam Hường	PGS.TS. Lê Văn An	Ngành Điều dưỡng
3.364	Đại học	Đánh giá kết quả chăm sóc gãy xương chi trên của người cao tuổi tại Khoa Ngoại chấn thương – Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Tạ Thu Hiền	TS. Hồ Duy Bính	Ngành Điều dưỡng
3.365	Đại học	Đánh giá kết quả chăm sóc thai phụ dọa sảy thai tại Khoa Phụ Sản, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Đinh Thị Hải	ThS. Đào Nguyễn Diệu Trang	Ngành Điều dưỡng
3.366	Đại học	Khảo sát đặc điểm lâm sàng và nhu cầu chăm sóc ở bệnh nhân có nhịp chậm xoang tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Đỗ Thị Thu Hà	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa	Ngành Điều dưỡng
3.367	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ điều trị và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Thùy	ThS. Dương Thị Ngọc Lan	Ngành Điều dưỡng
3.368	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ điều trị và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân tăng huyết áp Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Võ Thị Thu Hà	ThS. Dương Thị Ngọc Lan	Ngành Điều dưỡng
3.369	Đại học	Khảo sát thực hành chăm sóc bàn chân và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Nguyệt	ThS. Dương Thị Ngọc Lan	Ngành Điều dưỡng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Ghi chú
3.370	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng corticoid trên bệnh nhi hội chứng thận hư tại Trung tâm Nhi khoa – Bệnh viện Trung ương Huế.	H' Hương Bya	ThS. Nguyễn Thị Minh Thành	Ngành Điều dưỡng
3.371	Đại học	Nghiên cứu sự tự tin của bà mẹ trong việc phòng chống bệnh tiêu chảy của trẻ em dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Dương Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Minh Thành	Ngành Điều dưỡng
3.372	Đại học	Nghiên cứu mối liên quan giữa sự tự tin về khả năng cho trẻ bú mẹ với thực hành cho trẻ bú mẹ và các yếu tố liên quan của sản phụ sau sinh tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS. Tôn Nữ Minh Đức	Ngành Điều dưỡng
3.373	Đại học	Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến kiểm soát bệnh hen phế quản của bệnh nhân hen phế quản.	Dương Đức Hòa	ThS. Phạm Thị Thúy Vũ	Ngành Điều dưỡng
3.374	Đại học	Nghiên cứu thực trạng phụ thuộc nicotine và các yếu tố liên quan ở nam giới trưởng thành đang hút thuốc lá tại xã Phú Mỹ huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020	Tào Thị Như Ái	ThS. Hoàng Đình Tuyên	Ngành YTCC
3.375	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh liên quan đến nhiệt (Heat-Related Illnesses) và một số yếu tố liên quan ở người dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020	Lâm Thị Mỹ Linh	TS. Nguyễn Thanh Gia	Ngành YTCC
3.376	Đại học	Nghiên cứu thực trạng kiến thức về một số bệnh không lây nhiễm và các yếu tố liên quan của người dân ở thành phố Huế	Nguyễn Thị Quỳnh Như	ThS. Trần Thị Thanh Nhân	Ngành YTCC
3.377	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thái độ về tiêu chảy cấp do Rotavirus và vắc xin ngừa tiêu chảy do Rotavirus và các yếu tố liên quan ở bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại 2 xã/phường ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020	Trương Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Thị Nga	Ngành YTCC
3.378	Đại học	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và thói quen ăn uống của bệnh nhân cao tuổi điều trị nội trú tại khoa Nội tim mạch, bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	Nguyễn Thị Lâm Oanh	ThS.BS. Hoàng Thị Bạch Yến	Ngành YTCC

II. Luận án Tiến sỹ

STT	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
1	Tiến sỹ	Nghiên cứu đáp ứng lâm sàng, sinh hóa, virus và mức độ xơ hóa gan ở bệnh nhân xơ gan do virus viêm gan B điều trị bằng Entecavir / Đoàn Hiếu Trung ; hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Trần Xuân Chương	Nội khoa
2	Tiến sỹ	Nghiên cứu mối liên quan giữa nồng độ 25-hydroxyvitamin D huyết tương với tình trạng kháng insulin và hội chứng chuyển hóa / Nguyễn Trọng Nghĩa ; người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Nhạn, PGS.TS. Đào Thị Dừa	Nội khoa
3	Tiến sỹ	Nghiên cứu hình thái và chức năng thất trái bằng kỹ thuật siêu âm đánh dấu mô cơ tim trên vận động viên/ Văng Kiến Được ; hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ; TS. Nguyễn Cửu Long	Nội khoa
4	Tiến sỹ	Nghiên cứu nồng độ copeptin huyết thanh ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp/ Đinh Đức Huy ; hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ; PGS.TS. Đỗ Quang Huân	Nội khoa
5	Tiến sỹ	Nghiên cứu áp dụng siêu âm nội soi trong chẩn đoán viêm tụy mạn/ Vĩnh Khánh ; hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trần Văn Huy	Nội khoa
6	Tiến sỹ	Nghiên cứu rối loạn xương, khoáng và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn 5 lọc máu chu kỳ/ Nguyễn Thanh Minh ; hướng dẫn khoa học: GS.TS. Võ Tam	Nội khoa
7	Tiến sỹ	Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến băng huyết sau sinh do đờ tử cung và hiệu quả điều trị bằng chèn bóng lòng tử cung/ Nguyễn Gia Định ; hướng dẫn khoa học: GS.TS. Cao Ngọc Thành	Sản phụ khoa
8	Tiến sỹ	Nghiên cứu thực trạng sức khỏe sinh sản và đánh giá hiệu quả của mô hình can thiệp ở nữ vị thành niên huyện miền núi A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế/ Đào Nguyễn Diệu Trang ; hướng dẫn khoa học: TS.BS. Phan Thị Bích Ngọc, GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	Y tế công cộng

III. Luận văn Thạc sỹ

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
1	Thạc sỹ	Genetic characterization of human papilloma viruses present in genital and skin warts of patients in Central Vietnam / Mai Thị Vân Anh ; Scientific supervisors: Assoc. Prof. Alberto Alberti, Assoc. Prof. Ngo Viet Quynh Tram	Công nghệ y sinh học
2	Thạc sỹ	Application of the minion sequencer for identifying several bacteria pathogens / Hồ Thị Thanh Mai ; scientific supervisors: Assoc. Prof. Rodney A Lea, Dr. Nguyen Hoang Bach, Assoc. Prof. Nguyen Dang Quoc Chan	Công nghệ y sinh học
3	Thạc sỹ	Investigating the IgE reactivity profile of shellfish allergy and its relationship with house dust mites/ cockroach sensitization/ allergy / Trần Thị Bích Ngọc ; Scientific supervisors: Prof. Giovanni Rolla, Prof. Guido Forni, Assoc. Prof. Phan Thi Minh Phuong	Công nghệ y sinh học

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
4	Thạc sỹ	Bioactivity of essential oils from Vietnamese plants / Lê Trọng Nhân ; Scientific supervisors: Prof. Piero Cappuccinelli, Prof. Nguyen Thi Hoai	Công nghệ y sinh học
5	Thạc sỹ	Stem cells from wharton's Jelly, main features and isolation techniques / Võ Thị Hạnh Thảo ; Scientific supervisors: Prof. Margherita Maioli, PhD. Nguyen Thi Hieu Dung, Dr.ssa Sara Cruciani	Công nghệ y sinh học
6	Thạc sỹ	Functional interaction between LRRK2 and the exocyst complex / Trần Mai Uyên Thi ; Scientific supervisors: Prof. Ciro Iaccarino, Assoc. Prof. Le Van An	Công nghệ y sinh học
7	Thạc sỹ	Transcriptome - Wide bioinformatics analysis of RNAbp binding sites and their putative role in disease and complex traits / Phan Nguyễn Anh Thư ; Scientific supervisors: Prof. Matteo Floris, Ph.D. Nguyen Hoang Bach, Dr. Maria Laura Idda	Công nghệ y sinh học
8	Thạc sỹ	The application of methodologies for the correct diagnosis of heterozygous α - and β - thalassemia, and their interacting syndromes, and their interacting syndromes, in populations where different lesions of hemoglobin genes coexist / Nguyễn Thị Dung ; Scientific supervisors: Prof. Bruno Masala, PhD. Le Phan Minh Triet	Công nghệ y sinh học
9	Thạc sỹ	Evaluation of the susceptibility of Trichomonas Vaginalis isolates to essential oils / Nguyễn Thị Hà Trinh ; Scientific supervisors: Assoc. Prof. Paola Rappelli, Assoc. Prof. Ton Nu Phuong Anh	Công nghệ y sinh học
10	Thạc sỹ	The evaluation of biomarkers of oxidative stress and inflammation in chronic kidney disease patients / Trần Thị Tiên Xinh ; Scientific supervisors: Prof. Ciriaco Carru, Ph.D. Phu Thi Hoa	Công nghệ y sinh học
11	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cắt lớp vi tính liều thấp trong tắc nghẽn cấp tính đường tiết niệu trên / Trần Hồng Phương Dung ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Trọng Khoan	Điện quang và y học hạt nhân
12	Thạc sỹ	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh thiết lõi dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán ung thư gan / Hoàng Anh Dũng ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Trọng Khoan	Điện quang và y học hạt nhân
13	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cắt lớp vi tính và chụp mạch xóa nền ung thư gan nguyên phát có chỉ định nút mạch điều trị / Huyền Tôn Nữ Hồng Hạnh ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Lê Trọng Bình	Điện quang và y học hạt nhân
14	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ thoái hóa cột sống cổ và một số yếu tố liên quan / Hà Thị Hiền ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Thanh Thảo	Điện quang và y học hạt nhân
15	Thạc sỹ	Nghiên cứu ứng dụng phân loại EU-TIRADS trong chẩn đoán tổn thương dạng nốt tuyến giáp / Hoàng Trung Hiếu ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Phùng Phương	Điện quang và y học hạt nhân
16	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh x quang và cắt lớp vi tính của bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ / Trần Thị Hoanh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Đặng Công Thuận	Điện quang và y học hạt nhân
17	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh và giá trị của siêu âm trong chẩn đoán bệnh lý hạch ngoại biên vùng cổ / Lê Thanh Huyền ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS.BS. Đặng Công Thuận	Điện quang và y học hạt nhân
18	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, x quang và cộng hưởng từ trên	Điện quang

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
		bệnh nhân hoại tử vô mạch chỏm xương đùi / Đặng Thị Hoàng Kim ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Văn Ngọc Cường	và y học hạt nhân
19	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh và giá trị cắt lớp vi tính ung thư thanh quản / Nguyễn Thị Phước Lộc ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phạm Nguyên Tường	Điện quang và y học hạt nhân
20	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh viêm tụy cấp trên siêu âm, cắt lớp vi tính và giá trị tiên lượng của thang điểm CTSI / Lê Bá Khánh Minh ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phạm Minh Đức	Điện quang và y học hạt nhân
21	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh ruột thừa bình thường trên cắt lớp vi tính bụng / Nguyễn Thị Thanh Nhi ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Trọng Khoan	Điện quang và y học hạt nhân
22	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh trên bệnh nhân áp xe vùng hố chậu phải / Tô Anh Quân ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Đoàn Văn Phú	Điện quang và y học hạt nhân
23	Thạc sỹ	Nghiên cứu hình ảnh của siêu âm doppler trong chẩn đoán đau vùng bìu / Thái Thị Mai Sâm ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng	Điện quang và y học hạt nhân
24	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh, giá trị cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ trong chẩn đoán ung thư trực tràng / Võ Thị Bích Thủy ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phan Hải Thanh	Điện quang và y học hạt nhân
25	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh và giá trị của siêu âm trong chẩn đoán lạc nội mạc tử cung / Trần Đình Trinh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Đặng Công Thuận	Điện quang và y học hạt nhân
26	Thạc sỹ	Nghiên cứu ứng dụng cắt lớp vi tính với robot định vị để hướng dẫn sinh thiết xuyên thành ngực trong chẩn đoán các khối u phổi / Võ Nhật Trung ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Phạm Nguyên Tường	Điện quang và y học hạt nhân
27	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cắt lớp vi tính viêm túi thừa đại tràng / Lê Anh Tuấn ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Hữu Trí	Điện quang và y học hạt nhân
28	Thạc sỹ	Nghiên cứu nồng độ kháng thể kháng thụ thể TSH (thyroid stimulating hormone receptor antibody), kháng thể kháng TPO (thyroid peroxidase antibody) trên bệnh nhân basedow / Trần Hữu Bina ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Phan Thị Minh Hương	Khoa học y sinh
29	Thạc sỹ	Nghiên cứu định danh loài và xác định mức độ đáp ứng thuốc kháng nấm của nấm da dermatophytes phân lập tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế / Bùi Văn Đức ; người hướng dẫn luận văn: TS. Ngô Thị Minh Châu	Khoa học y sinh
30	Thạc sỹ	Xác định Phenotyp kháng thuốc và tỉ lệ mang gen blaVIM, blaIMP, blaNDM-1 trên các chủng PSEUDOMONAS AERUGINOSA phân lập được từ bệnh nhân nhiễm trùng / Nguyễn Hồng Lý ; Người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Văn An	Khoa học y sinh
31	Thạc sỹ	Nghiên cứu nồng độ transferrin niệu ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 / Cao Thị Bảo Ngọc ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Phù Thị Hoa	Khoa học y sinh
32	Thạc sỹ	Nghiên cứu một số chỉ số huyết học, sinh hóa ở người hiến tiểu cầu và chất lượng khối tiểu cầu thu được từ máy tách tế bào tự	Khoa học y sinh

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
		động Haemonetics / Tổng Hồng Phong ; người hướng dẫn luận văn: TS. Lê Phan Minh Triết	
33	Thạc sỹ	Nghiên cứu ảnh hưởng của stress nhiệt lên cấu trúc vi thể mô tinh hoàn và đứt gãy DNA tinh trung chuột / Đặng Văn Phước ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Thanh Tùng	Khoa học y sinh
34	Thạc sỹ	Nghiên cứu nồng độ bổ thể C3, C4 huyết thanh ở bệnh nhân lupus ban đỏ hệ thống / Trương Thị Bích Phương ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Phan Thị Minh Phương	Khoa học y sinh
35	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị tăng tiết mồ hôi tay nguyên phát bằng phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm ngực 4 / Võ Hoài Bảo ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Sanh Tùng	Ngoại khoa
36	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị thoát vị bẹn nghẹt ở người trưởng thành bằng phẫu thuật nội soi xuyên phúc mạc đặt tấm lưới nhân tạo / Trần Cao Cường ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Phạm Anh Vũ	Ngoại khoa
37	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị khuyết hồng phần mềm bằng vật mạch xuyên đùi trước ngoài tự do / Trần Thanh Đạt ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Nghi Thành Nhân	Ngoại khoa
38	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu quản bằng phẫu thuật nội soi sau phúc mạc có đặt sonde JJ / Nguyễn Xuân Hảo ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Trường An	Ngoại khoa
39	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật hẹp ống sống thắt lưng ở bệnh nhân lớn tuổi / Nguyễn Vĩnh Lạc ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng	Ngoại khoa
40	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị gãy đầu trên xương cánh tay bằng nẹp khóa / Nguyễn Phạm Huy Quang ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Văn Hỷ	Ngoại khoa
41	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả trong điều trị gãy hở thân hai xương cẳng chân bằng phẫu thuật đóng đinh nội tủy có chốt sign / Nguyễn Văn Tâm ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Văn Hỷ	Ngoại khoa
42	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi cắt nửa đại tràng phải do ung thư / Nguyễn Đức Tiên ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phan Hải Thanh	Ngoại khoa
43	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi nặng ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi / Lê Thị Mai Anh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS.BS. Bùi Bình Bảo Sơn	Nhi khoa
44	Thạc sỹ	Nghiên cứu tình trạng thiếu máu và một số bệnh lý giai đoạn sơ sinh sớm tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế / Đặng Mỹ Duyên ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Nhi khoa
45	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của tiêu chảy cấp do Rotavirus ở trẻ em tại Bệnh viện Trung ương Huế / Đặng Thị Ánh Ly ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Cự	Nhi khoa
46	Thạc sỹ	Nghiên cứu tương quan giữa chiều dài bàn chân với một số đặc điểm hình thái ở trẻ sơ sinh / Lê Bình Phương Nguyễn ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS.BS. Phan Hùng Việt	Nhi khoa
47	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tay chân miệng ở trẻ em / Trần Thị Thu ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Nguyễn Hữu Châu Đức	Nhi khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
48	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ban đầu bệnh động kinh ở trẻ em / Đinh Công Vũ ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS.BS. Tôn Nữ Văn Anh	Nhi khoa
49	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, nội soi và đáp ứng điều trị với rabeprazole ở bệnh nhân viêm thực quản do trào ngược / Nguyễn Công Hiệp ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Trần Phạm Chí	Nội khoa
50	Thạc sỹ	Nghiên cứu so sánh thang điểm C2HEST với thang điểm CHA2DS2 - VASc ở bệnh nhân rung nhĩ / Đoàn Phạm Phước Long ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Huỳnh Văn Minh	Nội khoa
51	Thạc sỹ	Nghiên cứu tuổi mạch và bề dày lớp nội trung mạc động mạch cảnh trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 / Nguyễn Hải Ngọc Minh ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Trần Hữu Dàng	Nội khoa
52	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị nội soi ánh sáng dải tần hẹp kết hợp phóng đại NBI-ME trong chẩn đoán dị sản ruột ở bệnh nhân viêm dạ dày mạn / Nguyễn Thị Ngà ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Trần Văn Huy	Nội khoa
53	Thạc sỹ	Nghiên cứu chức năng tâm thu thất trái bằng siêu âm đánh dấu mô cơ tim ở bệnh nhân hóa trị ung thư / Đàm Trung Nghĩa ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ	Nội khoa
54	Thạc sỹ	Nghiên cứu kết hợp nồng độ NT-proBNP và hs-TROPONIN T huyết thanh ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim không ST chênh lên / Huỳnh Minh Nhân ; hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Thị Bích Thuận	Nội khoa
55	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị của thang điểm FUNC trong tiên lượng bệnh nhân xuất huyết nội não / Dương Phúc Thái ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Đình Toàn	Nội khoa
56	Thạc sỹ	Nghiên cứu đánh giá chức năng tâm trương thất trái theo khuyến cáo ASE/EACVI 2016 ở bệnh nhân cơ tim giãn / Lê Thị Thanh Thủy ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Anh Vũ	Nội khoa
57	Thạc sỹ	Đánh giá chỉ số HOMA-% β ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 / Nguyễn Thị Thủy ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Nguyễn Hải Thủy	Nội khoa
58	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị của thang điểm GRACE 2.0 và TIMI trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim không ST chênh lên được chụp động mạch vành qua da / Lê Trung ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Đoàn Chí Thắng	Nội khoa
59	Thạc sỹ	Nghiên cứu tổn thương gan ở bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue người lớn / Trương Thị Hoa; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Trần Xuân Chương	Nội khoa
60	Thạc sỹ	Nghiên cứu một số rối loạn chức năng đông máu trên bệnh nhân nhồi máu não cấp / Trương Việt Hoàng ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Hoàng Khánh	Nội khoa
61	Thạc sỹ	Nghiên cứu motif cagA-EPIYA của HELICOBACTER PYLORI ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày tá tràng / Huỳnh Vũ Việt Khánh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Hà Thị Minh Thi	Nội khoa
62	Thạc sỹ	Nghiên cứu nồng độ vitamin D và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp / Nguyễn Việt Khánh ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Võ Tam	Nội khoa
63	Thạc sỹ	Nghiên cứu nồng độ sST2 ở bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp ST	Nội khoa

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
		chênh lên được can thiệp động mạch vành qua da / Ngô Viết Lâm ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Hoàng Anh Tiến	
64	Thạc sỹ	Nghiên cứu stress nghề nghiệp và các yếu tố liên quan ở các bác sĩ đang công tác tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 / Lê Thị Phương Anh ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Đặng Thị Anh Thư	Quản lý bệnh viện
65	Thạc sỹ	Đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh cao tuổi tại khoa Nội tổng hợp - Lão khoa Bệnh viện Trung Ương Huế năm 2019 / Phan Thị Nguyên Hằng ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Đoàn Vương Diễm Khánh	Quản lý bệnh viện
66	Thạc sỹ	Nghiên cứu trầm cảm, lo âu, stress và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân điều trị bệnh mạch vành tại khoa cấp cứu - tim mạch can thiệp Bệnh viện Trung Ương Huế / Nguyễn Thị Hồng Hạnh ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Khoa Hùng	Quản lý bệnh viện
67	Thạc sỹ	Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về sự cô y khoa của điều dưỡng và hộ sinh tại các khoa lâm sàng thuộc bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm 2019 / Trần Doãn Hiếu ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Lan	Quản lý bệnh viện
68	Thạc sỹ	Nghiên cứu cơ sở hạ tầng và kỹ năng sử dụng phần mềm tiêm chủng mở rộng tại các trạm y tế xã/ phường thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 / Nguyễn Khôi Nguyên ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Thanh Gia	Quản lý bệnh viện
69	Thạc sỹ	Nghiên cứu thực trạng các hoạt động cải tiến chất lượng tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế / Phan Thị Thảo Nguyên ; người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc	Quản lý bệnh viện
70	Thạc sỹ	Nghiên cứu sự hài lòng trong công việc và một số yếu tố liên quan của bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019 / Nguyễn Đức Nhật Quang ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Võ Văn Thắng	Quản lý bệnh viện
71	Thạc sỹ	Nghiên cứu chất lượng bệnh viện và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh ngoại trú tại Trung tâm Y tế huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019/ Nguyễn Thị Thủy ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Ngô Viết Lộc	Quản lý bệnh viện
72	Thạc sỹ	Khảo sát sự hài lòng trong công việc của bác sĩ và điều dưỡng, hộ sinh tại các Bệnh viện tuyến tỉnh thuộc tỉnh Quảng Trị năm 2019 / Nguyễn Thị Minh Tuyết ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Võ Văn Thắng	Quản lý bệnh viện
73	Thạc sỹ	Khảo sát tình hình răng miệng của trẻ 3-5 tuổi ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế năm 2019 / Nguyễn Thị Kim Anh ; người hướng dẫn luận văn: TS. Trần Tấn Tài	Răng Hàm Mặt
74	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị không phẫu thuật viêm nha chu mạn tính ở bệnh nhân bệnh động mạch vành mạn tính / Nguyễn Hoàng Mỹ Hiền ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Tá Đông, TS. Nguyễn Hồng Lợi	Răng Hàm Mặt
75	Thạc sỹ	Đánh giá khả năng tái tạo xương ổ răng bằng màng fibrin giàu tiểu cầu kết hợp với bột xương nhân tạo in vivo / Lê Mỹ Hương ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Thị Thùy Dương, TS. Nguyễn Thanh Tùng	Răng Hàm Mặt
76	Thạc sỹ	Nghiên cứu in vitro đặc tính cơ học, đánh giá vi kê xoang trám	Răng Hàm

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
		loại II bằng glass ionomer cement có và không gia cố zirconium oxide / Phạm Bá Ngọc ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Toại, TS. Phan Anh Chi	Mặt
77	Thạc sỹ	Nghiên cứu in vitro hiệu quả các loại dung môi hòa tan gutta-percha trong điều trị tủy lại có và không có xi măng trám bít ống tủy / Phan Thanh Sang ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phan Anh Chi	Răng Hàm Mặt
78	Thạc sỹ	Đánh giá tình trạng bệnh sâu răng, bệnh nha chu và một số yếu tố liên quan ở trẻ khuyết tật trên địa bàn thành phố Huế / Nguyễn Thị Tân ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Răng Hàm Mặt
79	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm, một số biến chứng và kết quả kết thúc thai kỳ ở các sản phụ song thai / Mai Ngọc Ba ; người hướng dẫn luận văn: TS. Trương Thị Linh Giang	Sản Phụ khoa
80	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị CA 125 kết hợp nồng độ beta hCG và progesterone huyết thanh trong chẩn đoán sớm thai ngoài tử cung / Trần Thị Ngọc Bích ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Cao Ngọc Thành	Sản Phụ khoa
81	Thạc sỹ	Đánh giá tình trạng tăng cân trong thai kỳ theo IOM 2009 và kết quả thai kỳ ở sản phụ mang thai con so / Phan Thị Hoa ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Cao Ngọc Thành	Sản Phụ khoa
82	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị của chỉ số manning cải tiến và siêu âm doppler ống tĩnh mạch trong tiên lượng kết cục thai kỳ ở thai quá ngày sinh dự đoán / Cao Thị Ly Ly ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Võ Văn Đức	Sản Phụ khoa
83	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm chức năng đông cầm máu ở bệnh nhân tiền sản giật và kết quả xử trí / Nguyễn Thị Trà My ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Trương Quang Vinh	Sản Phụ khoa
84	Thạc sỹ	Nghiên cứu hiệu quả khởi phát chuyển dạ bằng proress đặt âm đạo / Bùi Thị Viễn Phương ; người hướng dẫn luận văn: TS. Phạm Chí Kông	Sản Phụ khoa
85	Thạc sỹ	Nghiên cứu tình hình nhiễm virus viêm gan B ở thai phụ vào sinh tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế / Lê Nguyễn Nhật Quỳnh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Lam Hương	Sản Phụ khoa
86	Thạc sỹ	Nghiên cứu rối loạn chuyển hóa ở nam giới và mối liên quan với chất lượng tinh trùng ở các trường hợp vô sinh / Trần Thị Như Quỳnh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Minh Tâm	Sản Phụ khoa
87	Thạc sỹ	Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm human papilloma virus, một số yếu tố liên quan và kết quả sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng phương pháp co-testing tại tỉnh Quảng Trị / Tôn Thanh Tâm ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	Sản Phụ khoa
88	Thạc sỹ	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến suy thai cấp trong chuyển dạ và kết quả kết thúc thai kỳ ở sản phụ mang thai con so / Trần Đình Bảo Thắng ; người hướng dẫn luận văn: GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	Sản Phụ khoa
89	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị u xơ tử cung bằng cắt tử cung toàn phần qua phẫu thuật nội soi / Hoàng Mạnh Tường ; người hướng dẫn luận văn: TS. Trần Đình Vinh	Sản Phụ khoa
90	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả ban đầu phẫu thuật chấn thương mũi xoang / Nguyễn Quốc Cường ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Phan Văn Nam, BS. CKII. Lê Xuân	Tai Mũi Họng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
		Hiện	
91	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả phẫu thuật nạo V.A bằng dụng cụ cắt hút shaver qua nội soi / Nguyễn Văn Đạo ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Thanh Thái	Tai Mũi Họng
92	Thạc sỹ	Đánh giá kết quả điều trị polyp dây thanh bằng nội soi treo vi phẫu thanh quản / Nguyễn Bảo Đạt ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Phan Hữu Ngọc Minh	Tai Mũi Họng
93	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị ban đầu chấn thương tai / Trịnh Xuân Quân ; hướng dẫn luận văn: TS. Phan Hữu Ngọc Minh, BSCKII. Nguyễn Quốc Dũng	Tai Mũi Họng
94	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, kết quả nuôi cấy vi khuẩn và kháng sinh đồ trong viêm mũi xoang mũi ở người lớn / Chu Văn Quyền ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Lê Văn An, BS. CKII. Hồ Mạnh Hùng	Tai Mũi Họng
95	Thạc sỹ	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả phẫu thuật dị hình vách ngăn mũi / Đinh Thị Lan Anh ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Đặng Thanh	Tai Mũi Họng
96	Thạc sỹ	Nghiên cứu hiệu quả điều trị thoái hóa khớp gối bằng điện châm và bài thuốc tam tỷ thang kết hợp xông hơi thuốc y học cổ truyền / Mai Ngọc Được ; người hướng dẫn luận văn: TS. Đoàn Văn Minh	Y học cổ truyền
97	Thạc sỹ	Đánh giá hiệu quả điều trị đau thần kinh tọa do thoái hóa cột sống thắt lưng bằng điện châm, bài thuốc độc hoạt tang ký sinh kết hợp ngâm thuốc y học cổ truyền / Lê Thái Hưng ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Y học cổ truyền
98	Thạc sỹ	Đánh giá tác dụng điện châm huyết Giáp tích thắt lưng và cặp huyết Dương lăng tuyền - Khúc trì kết hợp thuốc thang trong điều trị chứng yếu thống thể thận hư / Lê Thị Yến Nhi ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Y học cổ truyền
99	Thạc sỹ	Nghiên cứu giá trị của phương pháp xem chỉ văn ngón tay trở trong chẩn đoán mức độ suy dinh dưỡng cấp ở trẻ em / Nguyễn Thiện Phước ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Y học cổ truyền
100	Thạc sỹ	Đánh giá hiệu quả của phương pháp điện châm kết hợp bài thuốc độc hoạt tang ký sinh và vận động trị liệu trong điều trị thoái hóa khớp gối / Trần Thủy Phương ; người hướng dẫn luận văn: PGS. TS. Nguyễn Thị Tân	Y học cổ truyền
101	Thạc sỹ	Đánh giá hiệu quả điều trị của điện châm hoặc xoa bóp bấm huyệt trên bệnh nhân tổn thương thần kinh ngoại biên trong quá trình hóa trị liệu tại Bệnh viện ung bướu Nghệ An / Nguyễn Thị Mai Sang ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Thị Tân	Y học cổ truyền
102	Thạc sỹ	Khảo sát tình hình sử dụng thảo dược trên bệnh nhân điều trị ung thư / Từ Công Đức Trung ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Vương Thị Kim Chi	Y học cổ truyền
103	Thạc sỹ	Nghiên cứu áp dụng phương pháp mục chẩn trên bệnh nhân đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ / Nguyễn Đình Tý ; người hướng dẫn luận văn: TS. Đoàn Văn Minh	Y học cổ truyền
104	Thạc sỹ	Nghiên cứu tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch cho trẻ dưới 1 tuổi và một số yếu tố liên quan tại Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam năm 2019 / Trương Công Gia Huy ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Đinh Thanh Huê	Y tế công cộng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

Stt	Trình độ đào tạo	Nhan đề	Chuyên ngành
105	Thạc sỹ	Nghiên cứu trầm cảm, lo âu, stress và một số yếu tố liên quan ở sinh viên y khoa khóa 2018-2024 trường Đại học Y Dược Huế / Phan Thị Mỹ Linh ; người hướng dẫn luận văn: TS. Nguyễn Văn Hùng	Y tế công cộng
106	Thạc sỹ	Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng thấp còi ở học sinh tại các trường tiểu học thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế / Hồ Võ Thị Như Mai ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Phan Thị Bích Ngọc	Y tế công cộng
107	Thạc sỹ	Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế và một số yếu tố liên quan / Nguyễn Thị Thanh Nhân ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc	Y tế công cộng
108	Thạc sỹ	Nghiên cứu kết quả học tập và phản hồi của sinh viên y khoa theo chương trình đào tạo tích hợp và các yếu tố liên quan tại trường Đại học Y Dược Huế năm 2019 / Nguyễn Khoa Quỳnh Thor ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	Y tế công cộng
109	Thạc sỹ	Nghiên cứu về stress nghề nghiệp và các yếu tố liên quan công nhân tại công ty thủy sản Thừa Thiên Huế năm 2019 / Hoàng Thị Minh Thủy ; người hướng dẫn luận văn: TS.BS. Đặng Thị Anh Thư	Y tế công cộng
110	Thạc sỹ	Nghiên cứu nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và một số yếu tố ảnh hưởng tại 7 xã Bãi Ngang huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 / Ngô Xuân Tiến ; người hướng dẫn luận văn: PGS.TS. Võ Văn Thắng	Y tế công cộng
111	Thạc sỹ	Nghiên cứu trầm cảm, lo âu, stress và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại thành phố Huế năm 2019 / Nguyễn Xuân Trường ; người hướng dẫn luận văn: TS. Đoàn Vương Diễm Khánh	Y tế công cộng
112	Thạc sỹ	The effectiveness of an education program on knowledge, illness perception and self-efficacy among patients with type 2 diabetes in Vietnam / Ngô Thị Bích Nương ; người hướng dẫn luận văn: Assistant Prof.Dr. Pattama Surit, Prof.Dr. Tran Huu Dang	Điều dưỡng
113	Thạc sỹ	Factors associated with antiplatelet medication nonadherence among people underwent percutaneous coronary intervention in Vietnam / Trương Hồ Hà Yến ; người hướng dẫn luận văn: Assistant Prof.Dr. Wasana Ruaisungnoen, Associate Prof. Dr. Hoang Anh Tien	Điều dưỡng
114	Thạc sỹ	Factors related to professional autonomy in nursing practice of nurses at a university hospital in Vietnam / Dương Thị Hồng Liên ; người hướng dẫn luận văn: Associate Professor Dr. Marisa Krairiksh, Co-advisor: Dr. Ho Duy Binh	Điều dưỡng
115	Thạc sỹ	Skills and attitude of nurses in intensive care units in a central hospital, Vietnam/ Đặng Quốc Bảo ; hướng dẫn luận văn: Associate professor Dr. Marisa Krairiksh; Dr. Hoang Trong Hanh; Professor Dr. Surasakdi Wongratanacheewin; Assist prof. Dr. Pakvilai Srisaeng	Điều dưỡng

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Tỉnh Khánh Hòa	43	Đại học	Y khoa (LTCQ từ trung cấp)	Đang đào tạo tại trường
2	Tỉnh Đắk Nông	2	Đại học	Y khoa	Đang đào tạo tại trường
3	Tỉnh Quảng Ngãi	2	Đại học	Y khoa	Đang đào tạo tại trường
4	Tỉnh Lâm Đồng	8	Đại học	Y khoa	Đang đào tạo tại trường
		2	Đại học	Dược học	Đang đào tạo tại trường

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học, tập huấn do cơ sở giáo dục tổ chức.

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo khoa học chuyên đề “Cập nhật chẩn đoán và điều trị viêm loét đại tràng”	12/12/2020	TP. Huế	138
2	Hội nghị khoa học cổ đồ “bệnh nội tiết, đái tháo đường và rối loạn chuyển hóa” lần thứ III	19/12/2020	TP. Huế	
3	Hội thảo khoa học TRANSMED-VN lần thứ 5	28-29/12/2020	Trường ĐHYD	250 đại biểu tham dự trực tiếp/trực tuyến
4	Hội Nghị khoa học thường niên lần thứ XIV Hội Tiết niệu - Thận học Việt Nam & Hội nghị khoa học lần XIV Hội Tiết niệu Thận học TT-Huế năm 2020	15-16/01/2021	TP. Huế	500
5	Hội thảo khoa học chuyên đề “Chăm sóc toàn diện bệnh nhân từ tiền đái tháo đường đến đái tháo đường”	13/3/2021	Quảng Bình	68
6	Hội thảo khoa học chuyên đề “Cập nhật chẩn đoán và điều trị các bệnh lý gan mật tụy”	18/4/2021	TP. Huế	103

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
Đề tài Hợp tác theo Nghị định thư						
1	NDT .51.KR/19 Hợp tác nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) trong sàng lọc phát hiện sớm bệnh ung thư cổ tử cung	GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy GS.TS. Cao Ngọc Thành PGS.TS. Trương Quang Vinh PGS.TS. Lê Minh Tâm ThS. Trần Mạnh Linh ThS. Nguyễn Trần Thảo Nguyên ThS. Võ Văn Khoa PGS.TS. Đặng Công Thuận PGS.TS. Hoàng Hữu Hạnh BS. Hoàng Quốc Vũ PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà	Đại học Y khoa Yonsei, Hàn Quốc	9/2019-9/2022	3.760	-Quy trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sàng lọc phát hiện sớm bệnh ung thư cổ tử cung -Bảo cáo độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác và giá trị dự báo dương tính, âm tính của trí tuệ nhân tạo trong sàng lọc phát hiện sớm bệnh ung thư cổ tử cung -Bảo cáo đánh giá hiệu quả của trí tuệ nhân tạo trong sàng lọc phát hiện sớm bệnh ung thư cổ tử cung -Bộ dữ liệu sàng lọc ung thư cổ tử cung. -01 bài báo đăng tạp chí quốc tế -02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước - Đào tạo 01 ThS
Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Bộ						
2	CT.2019.02 Nghiên cứu xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai và đánh giá hiệu quả mô hình kết hợp dạy học, lượng giá ubiquitous, mô phỏng thực tại ảo với các phương pháp giảng dạy hiện đại trong đào tạo và đánh giá năng lực nghề nghiệp y khoa	GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm TS. Nguyễn Thanh Thảo	Microsoft CLAS Healthcare Đại học Duy Tân Công ty NSDEVIL Co, Ltd, Hàn Quốc	4/2019 - 4/2022	4.510	
2.1	CT.2019.02 -01 Khảo sát, đánh giá khả năng ứng dụng và tính hiệu quả của phương pháp UBL/UBT mô phỏng thực tại ảo (VR) trong đào tạo và đánh giá năng lực nghề nghiệp y khoa.	PGS.TS. Lê Văn An TS. Nguyễn Thị Anh Phương ThS. Mai bá Hải ThS. Trần Thị Nguyệt PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy PGs.TS. Lê Minh Tâm PGs.TS. Hoàng Bùi Bảo	Công ty NSDEVIL Co, Ltd, Hàn Quốc	6/2019 – 6/2021	700	Sản phẩm ứng dụng: -Bảo cáo khảo sát và đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ giáo dục UBL trong đào tạo năng lực nghề nghiệp y khoa và điều dưỡng. - Hệ thống UBL tại Trường Đại học Y Dược Huế - Xây dựng được các khóa UBL cho

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS. Hồ Thị Thùy Trang CN. Phan Thanh Luân CN. Hồ Thị Mỹ Yến				chương trình y khoa, điều dưỡng - Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế - 04 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm HDDCDGSNN) -01 sách tham khảo. Sản phẩm đào tạo: -Đào tạo 02 Thạc sỹ (bảo vệ thành công) theo hướng nghiên cứu đề tài. - Góp phần đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo đúng hướng nghiên cứu của đề tài.
2.2	CT.2019.02-02 Xây dựng và triển khai mô hình Blended Learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E – learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống.	GS.TS. Huỳnh văn Minh PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy TS. Nguyễn Lô BS. Hồ Đắc Trường An BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh ThS.Bs. Võ Đức Toàn CN. Nguyễn Văn Tuệ KS. Nguyễn Minh Huy BS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Microsoft CLAS Healthcare Đại học Duy Tân Công ty	6/2019 – 6/2021	1.100	Sản phẩm ứng dụng: -Bộ cơ sở dữ liệu tình huống lâm sàng. - Bộ cơ sở dữ liệu tình huống lâm sàng mô phỏng. - Bộ cơ sở dữ liệu và hệ thống bệnh nhân ảo; vật liệu dạy học, lượng giá dạy học dựa trên tình huống, dạy học bằng mô phỏng thực tại ảo; - Hệ thống phần mềm tổ chức, quản lý, giám sát và đánh giá của mô hình giảng dạy kết hợp - Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI - 01 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm HDDCDGSNN)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						Sản phẩm đào tạo: -Đào tạo 01 Thạc sỹ (bảo vệ thành công) theo hướng nghiên cứu đề tài. - Góp phần đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo đúng hướng nghiên cứu của đề tài. Sản phẩm khác: -Báo cáo chuyên đề về mô hình blended learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống.
2.3	CT.2019.02 – 03 Khảo sát, đánh giá khả năng ứng dụng và tính hiệu quả của mô hình Blended Learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E Learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống.	TS. Lê Văn Chi GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm PGS.TS. Hoàng Hữu hạnh BS. Nguyễn Thị Thanh Huyền BS. Hồ Đắc Trường An BS. Nguyễn Vũ Thành ThS. Hồ Anh Hiến BS. Nguyễn Thị Hòa BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh		6/2019 – 6/2021	700	Sản phẩm ứng dụng: - Báo cáo khảo sát khả năng ứng dụng của mô hình blend learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống. - Báo cáo đánh giá được tính hiệu quả của mô hình blend learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống. -Mô hình kết hợp phương pháp dạy học blend learning kết hợp giảng dạy truyền thống trên lớp và E learning theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống lâm sàng. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus. - 01 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu trong nước. - 03 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm HDDCDGSNN)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						Sản phẩm đào tạo: -Đào tạo 01 Thạc sỹ (bảo vệ thành công) theo hướng nghiên cứu đề tài. - Góp phần đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo đúng hướng nghiên cứu của đề tài.
2.4	CT.2019.02 – 05 Nghiên cứu phát triển hệ thống phần mềm mô phỏng thực tại ảo trong giảng dạy giải phẫu học.	TS. Nguyễn Sanh Tùng PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm TS. Nguyễn Hữu Trí ThS. Lê Văn Chung ThS. Nguyễn Thành Phúc CN. Lê Hoàng Gia Ngọc ThS. Trần Anh Hùng ThS. Nguyễn Hoàng ThS. Nguyễn Bá Lưu ThS. Dương Hiếu	Đại học Duy Tân	6/2019 – 6/2021	960	Sản phẩm ứng dụng: - Mô hình phần mềm mô phỏng thực tại ảo trong giảng dạy giải phẫu học. - 01 cẩm nang hướng dẫn sử dụng phần mềm mô phỏng thực tại ảo trong giảng dạy giải phẫu học. Sản phẩm khoa học: - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI. - 02 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu trong nước. - 03 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm HDDCDGSNN) Sản phẩm đào tạo: -Đào tạo 01 Thạc sỹ (bảo vệ thành công) theo hướng nghiên cứu đề tài. - Góp phần đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề theo đúng hướng nghiên cứu của đề tài. Sản phẩm khác: -Báo cáo chuyên đề về mô hình blended learning kết hợp thuyết trình trên lớp và E learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo theo hướng tiếp cận dựa trên tình huống.
2.5.	CT.2019.02-04 Nghiên cứu phát triển hệ thống phần mềm mô phỏng và đánh giá khả	TS. Nguyễn Thanh Thảo GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy	Đại học Duy Tân	6/2019 – 6/2021	960	Sản phẩm ứng dụng: -Phần mềm mô phỏng và bộ dữ liệu các

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	năng ứng dụng trong giảng dạy chẩn đoán hình ảnh.	PGs.TS. Nguyễn Minh Tâm ThS. Lê Văn Chung CN. Phạm Thanh Bắc CN. Hoàng Ngọc Thành CN. Nguyễn Minh Châu CN. Nguyễn Thảo Vân CN. Nguyễn Thị Mai Anh				tình huống mô phỏng ứng dụng trong giảng dạy các kỹ thuật sử dụng tia X cho đối tượng KTHA. Sản phẩm khoa học: - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus. - 02 bài báo khoa học đăng trên kỷ yếu trong nước. - 03 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm HDDCDGSNN) Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo 01 Thạc sỹ (bảo vệ thành công) theo hướng nghiên cứu đề tài. Sản phẩm khác: - Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng phần mềm mô phỏng trong giảng dạy các kỹ thuật tia X. - Tài liệu hướng dẫn.
2.6	Quản lý và điều hành Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ: Nghiên cứu xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai và đánh giá hiệu quả mô hình kết hợp dạy học, lượng giá ubiquitous, mô phỏng thực tại ảo với các phương pháp giảng dạy hiện đại trong đào tạo và đánh giá năng lực nghề nghiệp y khoa	GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy TS. Nguyễn Thanh Thảo PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm CN. Lê Thị Thu Hằng ThS. Phan Thị Tố Như CN. Nguyễn Thị Mai Anh BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh		4/2019 – 4/2022	150	- Báo cáo nghiên cứu phương pháp luận triển khai Chương trình. - Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, đảm bảo thống nhất các nội dung của Chương trình. - Thuyết minh các nhiệm vụ được phê duyệt. - Báo cáo kết quả các buổi Hội thảo khoa học, tọa đàm - Báo cáo kết quả các hội thảo phục vụ nghiên cứu và các hội nghị tập huấn, chuyên giao kết quả chương trình cho các địa phương. - Báo cáo (định kỳ, hàng năm, đột xuất theo yêu cầu, sơ kết, tổng kết) kết quả

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						thực hiện Chương trình. - Báo cáo kiểm tra tiến độ Chương trình. - Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, đảm bảo thống nhất các nội dung của Chương trình. - Báo cáo kết quả các buổi hội thảo khoa học, tọa đàm
Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Bộ năm 2019						
1	B2019 – DHH – 01 Nghiên cứu, xây dựng phần mềm hệ thống thông tin địa lý quản lý khám chữa bệnh ban đầu cho người dân các cấp xã, huyện và tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm TS. Nguyễn Nam Hùng TS. Hoàng Công Tín PGS.TS. Trần Anh Tuấn BS. Dương Quang Tuấn BS. Nguyễn Thị Hòa BS. Hồ Đắc Trường An ThS. Trần Anh Hùng KS. Nguyễn Minh Huy BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh		5/2019 – 5/2021	650	- Cơ sở dữ liệu GIS về các đơn vị y tế cấp xã, huyện và tỉnh Thừa Thiên Huế - Cơ sở dữ liệu GIS về các đối tượng người dân tham gia dịch vụ khám chữa bệnh ở các cấp xã, huyện và tỉnh Thừa Thiên Huế - Cơ sở dữ liệu GIS về các đối tượng người dân tham gia bảo hiểm y tế và các đối tượng chính sách ở các cấp xã, huyện và tỉnh Thừa Thiên Huế. - Hệ thống thông tin địa lý quản lý việc khám chữa bệnh ban đầu cho người dân sách ở các cấp xã, huyện và tỉnh Thừa Thiên Huế. - Tài liệu phân tích đánh giá khả năng tiếp cận và xu hướng sử dụng dịch vụ KCB ban đầu của người dân tỉnh TT Huế. - Tài liệu phân tích các yếu tố liên quan đến sự tiếp cận và xu hướng sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh ban đầu của người dân tỉnh TT Huế - Bộ tiêu chí đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc ban đầu của người dân cấp xã, huyện, tỉnh Thừa Thiên Huế. - Công cụ hỗ trợ quản lý, lập kế hoạch cho các chương trình can thiệp y tế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						-02 bài báo tạp chí Khoa học quốc tế chuyên ngành trong danh mục Scopus. - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - 01 Thạc sỹ bảo vệ thành công luận văn - 01 cử nhân YTCC/BSYHDP bảo vệ thành công luận văn.
2	B2019- DHH – 10 Nghiên cứu ảnh hưởng của rối loạn chuyển hóa lên chức năng sinh sản của nam giới hiếm muộn.	PGS.TS. Lê Minh Tâm GS.TS. Cao Ngọc Thành GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy TS. Lê Văn Chi ThS. Nguyễn Văn Trung TS. Nguyễn Thanh Tùng TS. Nguyễn Thị Tâm An ThS. Nguyễn Thị Thái Thanh BS. Nguyễn Đức Nguyên ThS. Lê Đình Dương		5/2019 – 5/2021	500	-Báo cáo đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa ở nam giới hiếm muộn, trong đó có mối liên quan nhân quả giữa hội chứng chuyển hóa và chức năng sinh sản của nam giới. - Báo cáo đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa lên các thông số tinh dịch đồ và phân độ mảnh DNA tinh trùng ở nam giới hiếm muộn trên 200 mẫu nhóm bệnh và 50 nhóm chứng. - Bản kiến nghị về việc áp dụng kết quả nghiên cứu để tuyên truyền và giáo dục hành vi, lối sống của cộng đồng trong việc phòng rối loạn chuyển hóa và hiếm muộn. -01 bài báo khoa học trên tạp chí ISI chuyên ngành nội tiết/vô sinh. 02 bài báo đăng trên tạp chí Phụ Sản/ Tạp chí Y Dược học -01 Thạc sỹ bảo vệ thành công luận văn - 01 BS đa khoa bảo vệ thành công luận văn.
Đề tài KHCN cấp Bộ năm 2020						
1	B 2020 – DHH – 12 Nghiên cứu đặc tính và khả năng tái sinh mô sụn của tế bào đơn nhân tủy xương (bone marrow mononuclear cells) và giá thể fibrin giàu tiểu cầu (platelet-rich fibrin scaffold)	TS. Nguyễn Thanh Tùng TS. Nguyễn Thị Thùy Dương PGS.TS. Đặng Công Thuận Tiên TS. Nguyễn Phương Thảo TS. Đặng Lê Hoàng Nam ThS. Hoàng Minh Phương		1/2020 – 12/2021	500	Sản phẩm ứng dụng: - Quy trình tạo ra giá thể fibrin giàu tiểu cầu từ máu ngoại vi và từ tủy xương. - Quy trình tách tế bào đơn nhân từ tủy xương và gắn lên giá thể fibrin giàu tiểu cầu. - Quy trình công nghệ tái tạo mô sụn bằng

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS. Hoàng Thị Ái Phương BS. Đặng Văn Phước ThS. Phan Nguyễn Quỳnh Anh				tế bào đơn nhân từ tủy xương tự thân kết hợp với giá thể fibrin giàu tiểu cầu trên mô hình tổn thương sụn khớp ở thỏ. Sản phẩm khoa học: -01 bài báo quốc tế được chấp nhận đăng trên tạp chí trong danh mục SCIE thuộc nhóm Q3 - 01 bài báo trong nước đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước . Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 ThS Bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài
2	B 2020 – DHH - 11 Chế tạo, khảo sát tính chất quang và nghiên cứu quá trình động lực học hạt tải của các chấm lượng tử không đồng nhất chứa cadimi	ThS. Nguyễn Minh Hoa ThS. Lê Anh Thi TS. Mẫn minh Tân TS. Đỗ Hoàng Tùng TS. Trần Viết Nhân Hào ThS. Dương Đình Phước CN. Đỗ Quang Tâm	Viện vật lý – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2020 - 2021	700	Sản phẩm ứng dụng: -Qui trình chế tạo các chấm lượng tử không đồng nhất chứa cadimi: CdZnTe, CdSe/CdS và CdSe/Zn qui mô phòng thí nghiệm. - 50 gram CdZnTe, CdSe/CdS và CdSe/Zn có khả năng cải thiện, tăng cường cải thiện, tăng cường tính chất quang, hiệu suất lượng tử (QY) của các chấm lượng tử chứa Cd có cấu trúc dị thể cho các ứng dụng QD – LEDs, pin mặt trời. -Qui trình chế tạo QD – LEDs, Pin mặt trời từ các chấm lượng tử không đồng nhất chứa Cd. - 02 QD – LED và 2 pin mặt trời hiệu năng cao. Sản phẩm khoa học: -02 bài báo quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 của danh mục ISI (được chấp nhận đăng). - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- Sản phẩm đào tạo: -01 ThS bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu đề tài
Đề tài KHCN cấp Bộ năm 2021						
1	Nghiên cứu ứng dụng hóa mô miễn dịch để phân loại u lympho dạ dày – ruột	PGS.TS. Đặng Công Thuận Nguyễn Trần Bảo Song Nguyễn Văn Mão Nguyễn Thanh Tùng Phan Trung Nam Nguyễn Duy Thịnh Lê Thị Tâm Trần Thị Nam Phương Ngô Quý Trân Nguyễn Thị Hoàng Liên	Khoa Giải phẫu bệnh, Bệnh viện Trung Ương Huế	1/2021 – 12/2022	490	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 01 bài báo quốc tế Q2 thuộc danh mục ISI Sản phẩm đào tạo: Hỗ trợ đào tạo 01 NCS Sản phẩm ứng dụng: -Kiểu hình miễn dịch các tít u lympho dạ dày – ruột thường gặp tại Bệnh viện trường ĐH Y Dược Huế và BVTW Huế
2	Nghiên cứu một số đa hình đơn Nucleotide và mối liên quan với tiền sản giật ở phụ nữ Việt Nam.	PGS.TS. Hà Thị Minh Thi Lê Phan Tường Quỳnh Nguyễn Vũ Quốc Huy Võ Văn Đức Nguyễn Thị Kim Anh Trần Minh Thắng Nguyễn Thanh Tùng Trương Thị Linh Giang Nguyễn Trần Thảo Nguyên Nguyễn Đắc Duy Nghiêm		1/2021 – 12/2022	425	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 01 bài báo quốc tế thuộc nhóm Q3 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm ứng dụng: -Bộ số liệu về đa hình đơn nucleotide và mối liên quan với tiền sản giật của phụ nữ Việt Nam
Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Đại học Huế 2019						
1.	DHH2019 – 04 – 87 Nghiên cứu giá trị ST chênh lên kèm block nhánh phải trong chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp	PGS.TS. Hoàng Anh Tiến Nguyễn Vũ Phòng Đoàn Khánh Hùng Ngô Viết Lâm Dương Minh Quý Phạm Tuấn Hiệp Huỳnh Thị Ngọc Diệp Đoàn Phạm Phước Long		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước hoặc tạp chí Đại học Huế: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: đặc điểm, tiêu chuẩn chẩn đoán nhồi máu cơ tim ST chênh lên kèm block cành phải mới
2.	DHH2019 – 04 – 88 Đánh giá sự thay đổi mô học tinh hoàn và đứt gãy DNA tinh	TS. Nguyễn Thanh Tùng PGS.TS. Đặng Công Thuận		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	trùng chuột dưới tác động của nhiệt	PGS.TS. Lê Minh Tâm ThS. Nguyễn Văn Trung ThS.BS. Nguyễn Phương Thảo Tiên TS. Nguyễn Thị Thùy Dương ThS. Trần Anh Hùng CN. Phan Nguyễn Quỳnh Anh				Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
3.	DHH2019 – 04 – 89 Đánh giá tái tạo khe hở xương ổ răng bằng màng Fibrin giàu tiểu cầu kết hợp với bột xương nhân tạo.	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương TS. Nguyễn Thanh Tùng TS. Trần Tấn Tài PGS.TS. Đặng Công Thuận ThS. Hoàng Minh Phương		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: - Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ
4.	DHH2019 – 04 – 90 Nghiên cứu hàm lượng và thành phần tinh dầu mới của một số dược liệu ở Thừa Thiên Huế và Quảng Trị	ThS. Đoàn Quốc Tuấn PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài ThS. Hoàng Xuân Huyền Trang CN. Lê Trọng Nhân		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ
5.	DHH2019 – 04 – 91 Đánh giá hiệu quả cải thiện nồng độ glucose và một số thông số lipid máu của tinh bột mì acetat trên chuột nhắt gây béo phì bị rối loạn lipid.	PGS.TS. Trần Hữu Dũng ThS.DS. Nguyễn Hữu Tiến DS. Nguyễn Như Hiền DS. Tôn Thất Hy SV. Trương Bảo Hân NCS ngành Dược Chu Thị Thu Hiền		2019 - 2020	90	Sản phẩm khoa học: - Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ 01 cử nhân
6.	DHH2019 – 04 – 92 Nghiên cứu biến đổi bạch cầu ái toan đàm và nồng độ NO khí thở ra trong theo dõi điều trị hen phế quản ở trẻ trên 5 tuổi.	ThS.BS. Hồ Lý Minh Tiên PGS.TS. Bùi Bình Bảo Sơn GS.TSKH Dương Quý Sỹ KTV.ThS. Lê Quốc Đạt BSNT. Trịnh Thị Trần Nhung KTV. Trương Thị Bích Phương		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
7.	DHH2019 – 04 – 93 Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị phẫu thuật u tuyến nước bọt mang tai	ThS. Hoàng Minh Phương Trần Tấn Tài Nguyễn Hồng Lợi Nguyễn Văn Minh		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: - Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Nguyễn Thị Thùy Dương Hoàng Vũ Minh				
8.	DHH2019 – 04 – 94 Nghiên cứu huyết áp động mạch trung tâm và độ cứng động mạch ở bệnh nhân tăng huyết áp.	BS. Lê Phước Hoàng Huỳnh Văn Minh Hoàng Anh Tiến Nguyễn Thị Phương Thảo Nguyễn Gia Bình		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ
9.	DHH2019 – 04 – 95 Nghiên cứu tình hình đặc điểm dịch tễ học, các yếu tố liên quan và các chỉ số tiên đoán hội chứng chuyển hóa của người dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	ThS. Nguyễn Thị Hường PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc TS. Lê Văn Chi BS. Đoàn Phạm Phước Long CN. Nguyễn Thị Huyền		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân được đào tạo
10.	DHH2019 – 04 – 96 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào của cây cơm rượu (Glycosmis sp.) thuộc họ Cam (Rutaceae) ở Việt Nam.	ThS. Nguyễn Đình Quỳnh Phú Nguyễn Thị Hoài Nguyễn Khánh Thùy Linh Đoàn Thị Ái Nghĩa Võ Quốc Hùng Hồ Việt Đức		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân được đào tạo
11.	DHH2019 – 04 – 97 Nghiên cứu áp dụng thang điểm Essen – ICH trong tiên lượng bệnh nhân xuất huyết não.	PGS.TS. Nguyễn Đình Toàn Nguyễn Thành Luân Nguyễn Duy Duẩn Ksor Nguyễn Kiều My Đương Phúc Thái		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ
12.	DHH2019 – 04 – 98 Nghiên cứu đặc điểm cộng sinh của Trichomonas vaginalis với vi khuẩn Mycoplasma spp. và tính nhạy cảm với Metronidazole.	PGS.TS. Tôn Nữ Phương Anh TS. Ngô Thị Minh Châu BS. Lê Chí Cao CN. Trần Thị Giang ThS. Hà Thị Ngọc Thúy ThS. Nguyễn Phước Vinh PGS.TS. Lê Lam Hương ThS. Nguyễn Khoa Nguyên		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ 01 Cử nhân
13.	DHH2019 – 04 – 99 Nghiên cứu áp dụng một số biện pháp thúc đẩy phục hồi sớm sau mổ cắt đại tràng nội soi trong điều trị ung	TS. Nguyễn Hữu Trí Nguyễn Đoàn Văn Phú Đặng Như Thành		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	thư đại tràng.	Nguyễn Thành Phúc				Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân Sản phẩm khác: - Quy trình áp dụng một số biện pháp thúc đẩy phục hồi sớm sau mổ đối với phẫu thuật cắt đại tràng nội soi điều trị ung thư đại tràng.
14.	DHH2019 – 04 – 100 So sánh hiệu quả điều trị của phương pháp điện châm và bài thuốc “ Độc hoạt tang ký sinh: có hoặc không kết hợp với giác hơi trên bệnh nhân đau thắt lưng do thoái hóa cột sống.	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân BS. Nguyễn Văn Hưng ThS. Trần Đức Sáo BS. Lê Thị Thu Thảo		2019 - 2020	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ
15.	DHH2019 – 04 – 101 Nghiên cứu các hợp chất có tác dụng gây độc tế bào ung thư từ cây tỏi rừng (Aspidistra sp.) ở Việt Nam.	TS. Hồ Việt Đức PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài TS. Đỗ Thị Thảo KTV Bùi Thị Thu Huyền ThS. Nguyễn Đình Quỳnh Phú ThS. Võ Quốc Hùng		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí chuyên ngành trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ và 01 cử nhân Sản phẩm khác: - Bộ dữ liệu thực vật loài Tỏi rừng - Bộ dữ liệu phổ của các chất đã phân lập
16.	DHH2019 – 04 – 102 Tổng hợp các dẫn chất của Baicalein và khảo sát hoạt tính ức chế enzyme Acetylcholinesterase	ThS. Trần Thế Huân Trần Thái Sơn Nguyễn Hữu tiến Nguyễn Thanh Bích Châu Trần Thị Phương Ngọc Trần Thị Văn Thi		2019 - 2020	95	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
17.	DHH2019 – 04 – 103 Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu D của Carvedilol sử dụng trong kiểm nghiệm thuốc.	ThS. Nguyễn Hữu Tiến PGS.TS. Trần Hữu Dũng PGS.TS. Trương Ngọc Tuyền PGS.TS. Trần Thúc Bình ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc ThS. Đào Thị Cẩm Minh ThS. Nguyễn Viết Khẩn ThS. Trần Thế Huân		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
18.	DHH2019 – 04 – 104 Nghiên cứu bào chế	TS. Hồ Hoàng Nhân		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	gel nano Metronidazole điều trị viêm nha chu.	ThS. Lê Thị Thanh Ngọc Ths. Lương Văn Dũng DS. Lê Hoàng Hào				Số bài báo khoa học đăng tạp chí : - Ngoài nước: 01 - Trong nước: 01 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
19.	DHH2019 – 04 – 105 Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng sinh học của cây thầu lĩnh (Alphonsea Tonkinensis DC)	ThS. Nguyễn Viết Khẩn PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Thái Khoa Bảo Châu Hồ Việt Đức Nguyễn Hữu Tiến Võ Quốc Hùng		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí : - Ngoài nước: 01 - Trong nước: 01 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
20.	DHH2019 – 04 – 106 Nghiên cứu hiệu quả ứng dụng mặt nạ thanh quản I – gel và Air – Q trong gây mê để phẫu thuật ở trẻ em.	TS. Trần Xuân Thịnh Nguyễn Văn Minh Lê Văn Long Bùi Thị Thúy Nga		2019 - 2020	90	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: - Qui trình kỹ thuật gây mê với mặt nạ thanh quản trẻ em.
21.	DHH2019 – 04 – 107 Giá trị của CD80 và suPAR nước tiểu trong dự báo đáp ứng điều trị corticoid ở hội chứng thận hư tiên phát trẻ em.	ThS. Lê Thị Phương Anh Hoàng Thị Thủy yên Nguyễn Thị Diễm Chi Nguyễn Thị Hồng Đức		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
22.	DHH2019 – 04 – 108 Đánh giá tình trạng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế.	PGS.TS. Võ Văn Thắng Lương Thanh Bảo Yến Võ Nữ Hồng Đức Trương Quý Quốc Bảo Võ Thị Huệ Mân Trần Đại Tri Hân		2019 - 2020	100	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ và 01 cử nhân
23.	DHH2019 – 04 – 109 Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cộng hưởng từ hội chứng hẹp ống sống cổ.	PGS.TS. Lê Văn Ngọc Cường Lê Trọng Bình Nguyễn Hồng Quân Phạm Thanh Bắc		2019 - 2020	80	Sản phẩm khoa học: Số báo đăng trong nước : 02 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Xây dựng phác đồ chẩn đoán và điều trị hợp lý dựa trên cơ sở lâm sàng và hình ảnh học để có thái độ xử

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						trí phù hợp đối với hội chứng hẹp ống sống cổ.
24.	DHH2019 – 04 – 110 Nghiên cứu ứng dụng đồng vị phóng xạ và chất hiển thị màu trong phát hiện hạch lympho ác tính điều trị ung thư biểu mô tuyến giáp tủy nhú.	ThS. Nguyễn Trần Thúc Huân Nguyễn Đình Tùng Đặng Công Thuận Trần Văn Tri Lê Thanh Huy		2019 - 2020	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân Sản phẩm khác: Hoàn chỉnh kỹ thuật phát hiện hạch lympho ác tính trong điều trị carcinoma tuyến giáp tủy nhú.
II.	Đề tài cấp Đại học Huế 2020					
1	DHH 2020 – 04 – 111 Nghiên cứu tỷ lệ vi khuẩn lao đa kháng thuốc và đặc điểm Gene rpoB và katG của các chủng vi khuẩn lao kháng Rifampicin và Isoniazid ở miền Trung	ThS. Nguyễn Bình Nguyên PGS.TS. Ngô Viết Quỳnh Trâm, Lê Thành Phúc Nguyễn Thị Kiều Diễm Lê Trọng Thạch Trần Hùng Trần Tuyết Ngọc Phan Văn Bảo Thắng Nguyễn Thị Tuyền	- Bệnh viện Phổi Đà Nẵng - Khoa Vi sinh BV Trường ĐH Y Dược Huế	4/2020-4/2022	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Số bài báo khoa học đăng tạp chí ngoài nước: 01 trên tạp chí thuộc danh mục WoS 9SCIE) Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Quy trình chẩn đoán chủng lao kháng thuốc bằng phương pháp cổ điển và phương pháp sinh học phân tử Quy trình ứng dụng test PCR – RT Taqman trong chẩn đoán nhanh lao đa kháng thuốc.
2	DHH 2020 – 04 – 112 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của loài giắc để thanh lịch (Goniiothalamus elegans Ast).	ThS. Trần Thị Thùy Linh TS. Hồ Việt Đức ThS. Lê Thị Bích Hiền ThS. Đoàn Quốc Tuấn Lê Trung Nhân Lê Tuấn Anh	Phòng thử nghiệm hoạt tính sinh học, Viện công nghệ sinh học, Viện hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam Viện Hóa học, Viện hàn lâm	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Số bài báo khoa học đăng tạp chí ngoài nước: 01 bài đăng trên WoS hoặc Scopus Sản phẩm đào tạo: 0

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
			Khoa học và công nghệ Việt Nam			
3	DHH 2020 – 04 – 113 Kiến thức về virus u nhú ở người (HPV) và mức mong ước chỉ trả để tiêm vắc – xin HPV cho con ở các bà mẹ của nam sinh tại một số trường trung học cơ sở tại thành phố Huế.	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Lan ThS. Trần Thị Thanh Nhân Lê Thị Bích Thủy Trần Văn Vui	Viện Nghiên cứu Sức khỏe cộng đồng, Đại học Y Dược, Đại học Huế	4/2020-4/2022	130	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng ở Tạp chí Y Dược 01 bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus hoặc ISI. Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ
4	DHH 2020 – 04 – 114 Nghiên cứu ứng dụng bảng điểm triệu chứng tuyến tiền liệt bằng hình ảnh vào đánh giá triệu chứng của bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.	TS. Nguyễn Nhật Minh PGS.TS. Lê Đình Khánh PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng BS. Nguyễn Xuân Mỹ BS. Võ Minh Nhật	Khoa Ngoại Tiết niệu, Đơn vị Tán sỏi Bệnh viện trường ĐH Y Dược Huế Khoa Ngoại Tiết niệu – BV Trung ương Huế	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ
5	DHH 2020 – 04 – 115 Khảo sát tính khả thi và hiệu quả của chương trình giáo dục, hỗ trợ tự quản lý bệnh tại tuyến y tế cơ sở cho người dân mắc đái tháo đường typ 2 ở tỉnh Thừa Thiên Huế	BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm ThS. Hồ Anh Hiến ThS. Võ Đức Toàn BS. Nguyễn Thị Hòa BS. Nguyễn Thị Thanh Huyền BS. Dương Quang Tuấn BS. Hồ Đắc Trường An BS. Nguyễn Thị Cúc BS. Võ Ngọc Hà My	Sở Y tế tỉnh Thừa thiên Huế	4/2020-4/2022	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ 01 chuyên đề NCS
6	DHH 2020 – 04 – 116 Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất đôi quang vòng ba trên hệ xúc tác phức kim loại chuyển tiếp Ru – PHEOX	TS. Lê Thị Loan Chi Trần Thế Huân Trần Thị Phương Ngọc	Trường Đại học Kỹ thuật Toyohashi	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Số bài báo khoa học đăng tạp chí ngoài nước: 01 bài đăng trên WoS hoặc Scopus Sản phẩm đào tạo: 0

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
7	DHH 2020 – 04 – 117 Nghiên cứu giảm đau đa mô thức sau phẫu thuật lấy thai	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh Trần Thị Sáu Phan Thắng Nguyễn Thị Thoại Lê Văn Long		4/2020- 4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 bài đăng trên tạp chí Y Dược học, Đại học Huế và 01 bài đăng trên danh mục bài báo tính 1 điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Phương pháp giảm đau đa mô thức sau phẫu thuật lấy thai
8	DHH 2020 – 04 – 118 Đánh giá năng lực suy luận thống kê y học của sinh viên khi giải quyết vấn đề thực tế.	ThS. Trần Thúy Hiền Lê Phước Sơn Hoàng Minh Vũ Hoàng Thanh Hải		4/2020- 4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Số bài báo khoa học đăng tạp chí ngoài nước: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ
9	DHH 2020 – 04 – 119 Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhiễm ký sinh trùng hệ thần kinh trung ương.	ThS. Phan Từ Khánh Phương PGS. TS. Trần Xuân Chương; PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm		4/2020- 4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước hoặc tạp chí Đại học Huế: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: - Một buổi truyền thông nâng cao kiến thức về dự phòng, phát hiện sớm cho cộng đồng bằng hình thức phát tờ rơi tại một phòng khám ngoại trú, bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế. - Cập nhật kiến thức chuyên ngành về chẩn đoán, điều trị bệnh nhiễm ký sinh trùng hệ thần kinh trung ương
10	DHH 2020 – 04 – 120 Nghiên cứu mối liên quan giữa tuân thủ sử dụng thuốc theo thang điểm Morisky (MMA – 8) với mục tiêu (glucose, HbA1C) và liệu pháp điều trị ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2.	PGS.TS. Lê Chuyên GS.TS. Nguyễn Hải Thủy; PGS.TS. Lê Văn An ThS. Đỗ Thị Hồng Diệp ThS. Nguyễn Thành Tín ĐS. Trần Thị Thùy Nhi	Phòng khám Nội, Khoa Nội TH – NT, Khoa Nội TM, đơn vị XNTT, Khoa Dược bệnh viện	4/2020- 4/2022	135	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí ISI hoặc Scopus Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS. Ngô Thị Kim Cúc BS. Lê Thị Thanh Tịnh ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi ThS. Dương Thị Ngọc Lan CN. Nguyễn Thị Tơ	Trường ĐH Y Dược Huế			
11	DHH 2020 – 04 – 121 Nghiên cứu dự báo nguy cơ đứt gãy đường typ 2 trong 10 năm tới theo thang điểm FINDRISC ở người dân tỉnh Thừa Thiên Huế và một số yếu tố liên quan.	PGS.TS. Đoàn Phước Thuộc ThS. Nguyễn Thị Hương BS. Nguyễn Thị Thúy Hằng BS. Nguyễn Thị Phương Thảo BS. Lê Đức Huy BS. Nguyễn Thị Hồng Nhi BS. Phan Thị Thùy Linh	Trạm y tế các xã/phường thuộc các huyện, thành phố của tỉnh Thừa Thiên Huế	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS (SCIE) Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công
12	DHH 2020 – 04 – 122 Xây dựng qui trình định danh loài vi khuẩn gây bệnh bằng kỹ thuật giải trình tự đoạn 16s RNA.	TS. Nguyễn Hoàng Bách PGS.TS. Ngô Viết Quỳnh Trâm PGS.TS. Lê Văn An ThS. Nguyễn Thị Đăng Khoa ThS. Ung Thị Thủy BSCKI. Phan Nữ Diệu Hồng ThS. Phan Văn Bảo Thắng	Khoa vi sinh, BV Trường Đại học y Dược Huế	4/2020-4/2022	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus/WoS Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm ứng dụng: -Qui trình định danh vi khuẩn bằng kỹ thuật giải trình tự 16S rRNA
13	DHH 2020 – 04 – 123 Đặc điểm mô bệnh học, các dấu ấn sinh học và phân nhóm phân tử của ung thư biểu mô tuyến vú xâm nhập.	TS. Nguyễn Phương Thảo Tiên TS. Lê Văn Tâm PGS.TS. Đặng Công Thuận ThS. Trần Anh Hùng ThS. Nguyễn Phan Quỳnh Anh BS. Võ Thị Hạnh Thảo ThS. Nguyễn Phạm Phước Toàn.	Khoa GPB – BV Đại học Y Dược Huế Khoa GPB BV Đại học Sassari, Italy	4/2020-4/2022	130	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Bài báo quốc tế; 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ
14	DHH 2020 – 04 – 124 Nghiên cứu các yếu tố độc lực và sự nhạy cảm với thuốc kháng nấm của nấm da dermatophytes phân lập tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế.	TS. Ngô Thị Minh Châu PGS.TS. Tôn Nữ Phương Anh ThS.BS. Lê Chí Cao ThS. Hà Thị Ngọc Thúy	Phòng Khám Da liễu, Khoa Ký sinh trùng BV Trường ĐH	4/2020-4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS. Đỗ Thị Bích Thảo ThS. Trần Thị Diễm Na BS. Vũ Minh Tiếp	Y Dược Huế			danh mục WoS - SCIE Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: - Qui trình định danh nấm da - Qui trình thử nghiệm đánh giá độc lực nấm da (hoạt tính enzyme) của nấm da - Qui trình thử nghiệm đánh giá sự nhạy cảm với thuốc kháng nấm của nấm da.
15	DHH 2020 – 04 – 125 Nghiên cứu khả năng kích thích các tế bào dòng sinh dục bằng hoạt tính sinh học của dịch chiết giàu lycorin từ cây sâm cau (Curculigo orchiooides Gaertn) trên mô hình chuột swiss.	ThS. Bùi Lê Thanh Nhân PGS.TS. Trương Thị Bích Phượng TS. Hoàng Tấn Quảng TS. Nguyễn Thanh Tùng ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc		4/2020-4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm ứng dụng: -Qui trình tách chiết alkaloid giàu lycorin ở sâm cau. - Dịch chiết lycorin thô - Qui trình thử nghiệm hoạt tính sinh học của dịch chiết alkaloid giàu lycorin đến khả năng sinh tinh của chuột đực.
16	DHH 2020 – 04 – 126 Nghiên cứu mối liên quan giữa sắt, transferrin, Ferritin huyết thanh ở bệnh nhân hội chứng thận hư tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.	: PGS.TS. Lê Văn An PGS.TS. Lê Chuyên ThS. Dương Thị Ngọc Lan ThS. Phạm Thị Thúy Vũ ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo SV. Võ Hoàng Lâm	Khoa Nội TH – NT; Khoa Sinh hóa Bệnh viện trường ĐH Y Dược Huế	4/2020-4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công
17	DHH 2020 – 04 – 127 Nghiên cứu giá trị của mô hình Andex trong dự báo nguy cơ ác tính của khối u buồng trứng và khảo sát chất lượng sống của bệnh nhân có khối u buồng trứng.	PGS.TS. Lê Lam Hương PGS.TS. Lê Minh Tâm TS. Võ Văn Đức ThS. Nguyễn Trần Thảo Nguyên ThS. Võ Văn Khoa	Khoa Phụ sản BVTW Huế Khoa Phụ sản, Khoa CĐHA BV Trường Đại học Y Dược	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng:

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Đặng Văn Tâm Trần Minh Thắng Hồ Xuân Dũng Nguyễn Thị Phương Dung Võ Hoàng Lâm Hoàng Thị Ngọc Hà Nguyễn Văn Hưng	Huế			- Bộ cơ sở dữ liệu về bệnh lý khối u buồng trứng
18	DHH 2020 – 04 – 128 Nghiên cứu ứng dụng toán đồ IMAMURA trong dự đoán sạch sỏi sau điều trị sỏi niệu quản bằng nội soi ngược dòng tán sỏi.	PGS.TS. Lê Đình Khánh PGS.TS. Nguyễn Khoa Hùng ThS. Lê Đình Đạm TS. Nguyễn Nhật Minh BS. Võ Minh Nhật	Khoa Ngoại Tiết niệu BVTW Huế Khoa Ngoại Tổng hợp BVTW Huế cơ sở 2	4/2020- 4/2022	130	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm khác: - Bản báo cáo phân tích đầy đủ gồm các nội dung. - Chuyên đề tổng quan 1: Sỏi hệ tiết niệu - Chuyên đề tổng quan 2; Nội soi niệu quản ngược dòng tán sỏi niệu quản và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả phẫu thuật.
19	DHH 2020 – 04 – 129 Đặc điểm phân tử gene alpha globin và beta globin ở bệnh nhân mắc bệnh hemoglobin ở miền Trung Việt Nam	ThS. Lê Phan Tường Quỳnh PGS.TS. Hà Thị Minh Thi TS. BS. Lê Phan Minh Triết; ThS.BS. Tôn Thất Minh Trí; TS. BS. Đồng Sỹ Sảng ThS. Lê Tuấn Linh CN. Trần Thị Như Nga	BM Huyết học, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế Trung tâm Huyết học Truyền máu BV Trung ương Huế Khoa Huyết học lâm sàng BV Trung ương Huế	4/2020- 4/2022	130	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ
20	DHH 2020 – 04 – 130 Nghiên cứu vai trò của siêu âm nội soi chọc hút bằng kim nhỏ trong chẩn đoán ung thư tụy.	ThS. Vĩnh Khánh GS.TS. Trần Văn Huy TS. Phan Trung Nam		4/2020- 4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		ThS. Lê Minh Tâm BS. Nguyễn Thị Huyền Thương ThS. Nguyễn Phan Hồng Ngọc BS. Trương Xuân Long BS. Nguyễn Thị Ngà BS. Nguyễn Trần Bảo Song BS. Hoàng Thị Phương Thảo KTV Phan Thị Hồng Quý.				Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn Thạc sĩ bảo vệ thành công. Sản phẩm ứng dụng: Quy trình siêu âm nội soi chọc hút bằng kim nhỏ chẩn đoán ung thư tụy tại BV Trường Đại học Y Dược Huế.
21	DHH 2020 – 04 – 131 Thực trạng sâu răng và hiệu quả của các biện pháp dự phòng sâu răng cho trẻ từ 3-5 tuổi ở một số trường mầm non tại thành phố Huế.	TS. Trần Tấn Tài BS. Nguyễn Gia Kiều Ngân ThS. Hoàng Minh Phương ThS. Hoàng Đình Tuyên		4/2020- 4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm khác: Bài giảng Nha cộng đồng
22	DHH 2020 – 04 – 132 Nghiên cứu chỉ số nhân trắc xương cẳng chân ở người trưởng thành nhằm xây dựng bản đồ mạch xuyên động mạch chảy máu ứng dụng trong tạo hình khuyết hồng phần mềm cẳng chân.	ThS. Lê Hồng Phúc PGS.TS. Lê Nghi Thành Nhân BS. Trần Nhật Tiến BS. Trần Minh Sang BS. Lê Thanh Ngọc.	Khoa Ngoại CTCH – Bông BVĐk Quảng Trị Khoa Ngoại CTCH – Bông BV Cu Ba – Đồng Hới	4/2020- 4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: - Chỉ số nhân trắc chiều dài xương chày xương mác. - Bản đồ mạch xuyên động mạch chày sau, động mạch mác - Kết quả ứng dụng vật mạch xuyên động mạch chày mác trên lâm sàng, nghiên cứu trên đối tượng bệnh nhân khuyết hồng phần mềm cẳng bàn chân được chỉ định tạo hình bằng vật mạch xuyên nhánh chày mác. - Kết quả chuyển giao kỹ thuật BV tuyến tỉnh/ huyện.

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
23	DHH 2020 – 04 – 133 Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học và kết quả điều trị gãy xương người cao tuổi tại Khoa Ngoại Chấn thương – Lồng ngực Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	TS. Hồ Duy Bính ThS. Nguyễn Minh Phúc ThS. Hồ Thị Thùy Trang ThS. Nguyễn Ninh Giang	Khoa Ngoại Chấn thương – Lồng ngực BV Trường Đại học Y Dược Huế	4/2020-4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm ứng dụng: -Kết quả điều trị giúp cho các bác sĩ trong chương trình đào tạo có được chỉ định, phương pháp bất động, phẫu thuật phù hợp nhất, tránh các biến chứng. - Nâng cao hiệu quả chăm sóc người cao tuổi khi bị gãy xương, nâng cao chất lượng cuộc sống.
24	DHH 2020 – 04 – 134 Nghiên cứu lượng natri trong nước tiểu, thói quen ăn uống và mối liên quan với tăng huyết áp ở người cao tuổi tại thành phố Huế	ThS. Hoàng Thị Bạch Yến PGS.TS. Hoàng Anh Tiến TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân Bùi Thị Phương Anh Trần Thị Táo Võ Văn Minh Quân	Đơn vị xét nghiệm Trung tâm – BV trường ĐHY Dược Huế	4/2020-4/2022	150	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 02 Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công Sản phẩm ứng dụng: -Sổ tay hướng dẫn chế độ ăn cho người tăng huyết áp.
25	DHH 2020 – 04 – 135 Đánh giá kết quả phẫu thuật viêm tai giữa mạn tính có thủng nhĩ.	PGS.TS. Lê Thanh Thái BSCKII. Phan Văn Dũng BSCKII. Nguyễn Lưu Trình BS. Dương Thị Mỹ BS. Võ Đoàn Minh Nhật	Khoa TMH – Mắt – RHM; Khoa Gây mê Hồi sức BV Trường ĐHY Dược Huế	4/2020-4/2022	130	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục Scopus Sản phẩm đào tạo: -01 luận văn ThS bảo vệ thành công
26	DHH 2020 – 04 – 136 Nghiên cứu một số yếu tố liên quan, kết quả điều trị và đánh giá biến chứng phẫu thuật mổ lấy thai theo thang điểm Clavein – Dindo ở sản phụ có vết mổ lấy thai cũ.	TS. Trương Thị Linh Giang GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy PGS.TS. Trương Quang Vinh PGS.TS. Lê Minh Tâm BS. Lê Sỹ Phúc An		4/2020-4/2022	130	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 Bài báo quốc tế: 01 Sản phẩm đào tạo: 01 luận văn Thạc sĩ

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		BS. Trần Ngọc Bích				Sản phẩm ứng dụng: - Một chương trình truyền thông tư vấn cho thai phụ về những nguy cơ biến chứng thai kỳ trên vết mổ lấy thai cũ. - Phổ biến cách đánh giá biến chứng sau mổ lấy thai bằng thang điểm Clavein – Dindo cho các bác sĩ trẻ tuyến trung ương và các bác sĩ ở tuyến huyện có phẫu thuật lấy thai.
27	DHH 2020 – 04 – 137 Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhi viêm màng não mủ tại Trung tâm Nhi – Bệnh viện Trung ương Huế	TS. Nguyễn Hữu Châu Đức BS. Ngô Đức Sỹ BS. Trần Thị Hạnh Chân	Trung tâm nhi khoa, Khoa Vi sinh BV Trung ương Huế Bộ môn Vi sinh Trường ĐHY Dược Huế	4/2020-4/2022	140	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước: 01 01 bài báo quốc tế đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS Sản phẩm đào tạo: -01 chuyên đề NCS đạt yêu cầu.
Đề tài cấp Đại học Huế 2021						
1	DHH 2021 – 04 – 146 Nghiên cứu hiệu quả kỹ thuật nút mạch hóa chất (TACE) trong điều trị ung thư tế bào gan nguyên phát tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	TS. Lê Trọng Bình PGS. TS. Lê Trọng Khoan ThS.BS. Ngô Đắc hồng Ân BS. Huyền Tôn Nữ Hồng Hạnh BS. Nguyễn Thị Thùy Linh CN. Đặng Quang Hùng	Khoa Ung bướu, Khoa Ngoại tiêu hóa, Khoa Nội tổng hợp BV trường ĐHY Dược Huế	5/2021-5/2023	120	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước ; 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 01 bài trên Tạp chí thuộc danh mục WoS/Scopus (Q3, Q4) Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Quy trình chẩn đoán và điều trị ung thư biểu mô tế bào gan tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế
2	DHH 2021 – 04 – 149 Nghiên cứu đột biến các gene đề kháng kháng sinh clarithromycin, levofloxacin của Helicobacter pylori và đa hình gene CYP2C19 ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày – tá tràng	PGS.TS. Hà Thị Minh Thi TS. Lê Phan Tường Quỳnh Nguyễn Thị Huyền Thương Nguyễn Thị Mai Ngân Nguyễn Thị Châu Loan		5/2021-5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước ; 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: Tạp chí thuộc danh mục WoS (SCIE/SSCI/AHCI) hoặc Scopus (Q1,Q2)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng:
3	DHH 2021 – 04 – 144 Nghiên cứu hiệu quả điều trị bệnh lupus ban đỏ hệ thống có tổn thương thận bằng Methylprednisolon truyền tĩnh mạch	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân Đoàn Thị Thiện Hảo Nguyễn Thanh Thư Nguyễn Trần Diệu Anh	Phòng Khám Nội; Khoa Nội Tổng hợp – Nội tiết Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế Khoa Nội Thận – CXK BV Trung ương Huế	5/2021-5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước ; 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng:
4	DHH 2021 – 04 – 145 Nghiên cứu hiệu quả của một số kỹ thuật cầm máu qua nội soi trong chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa trên không do giãn vỡ tĩnh mạch.	ThS. Trương Xuân Long Lê Minh Tân Nguyễn Thị Huyền Thương Vĩnh Khánh Phan Trung Nam Trần Văn Huy Đặng Thị Khánh Thảo	TT Cấp cứu – Đột quy; TT Tiêu hóa – Nội soi; Khoa Nội Tổng hợp – Nội tiết, BV Trường Đại học Y Dược Huế	5/2021-5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước ; 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Quy trình xử trí xuất huyết tiêu hóa trên không do vỡ giãn tĩnh mạch
5	DHH 2021 – 04 – 141 Nghiên cứu ứng dụng thang điểm SOFA và lactate huyết thanh trong tiên lượng nặng và tiên lượng tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết người lớn	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo Trần Xuân Chương Nguyễn Duy Bình Trần Xuân Thịnh Hoàng Trọng Hanh Huỳnh Thị Thùy	Khoa Bệnh nhiệt đới, Khoa HSCC Bệnh viện TƯ Huế Khoa HSCC BV Trường Đại học Y Dược Huế	5/2021-5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ
6	DHH 2021 – 04 – 147 Nghiên cứu hiệu quả liệu pháp trúng đích phân tử trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn	TS. Hồ Xuân Dũng Lê Thị Lan Anh Hoàng Thị Ngọc Hà Hồ Duy Bình Nguyễn Trần Bảo Song	Khoa Ung bướu – BV quốc tế TƯ Huế Khoa Hóa trị - TT ung bướu, BVTW Huế	5/2021-5/2023	120	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 01 bài báo tạp chí thuộc danh mục WoS (ESCI) hoặc Scopus (Q3,Q4)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ
7	DHH 2021 – 04 – 138 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính chống oxy hóa của nấm Trắng sữa (<i>Calocybe indica</i>) ở tỉnh Thừa Thiên Huế	ThS. Nguyễn Quang Mẫn Lê Trung Hiếu Lê Lâm Sơn Lê Thị Kim Dung Nguyễn Vĩnh Phú Lê Thị Mỹ Linh Nguyễn Thị Nguyệt	Khoa Hóa, Trường ĐH Khoa học Huế Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2	5/2021- 5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ
8	DHH 2021 – 04 – 151 Vật liệu composite TiO ₂ /g-C ₃ N ₄ : Tổng hợp và ứng dụng xúc tác quang hóa xử lý các chất hữu cơ khó phân hủy	ThS. Đặng Thị Ngọc Hoa Đinh Quang Khiếu Nguyễn Đức Hồng Bùi Lê Thanh Nhân	Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng, Khoa Hóa, Đại học Đà Nẵng Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Khoa Vật lý, Đại học Đà Nẵng Viện Khoa học vật liệu Hà Nội Viện Khoa học Vật liệu Hà Nội, phòng Hiện vi điện tử Trường Đại học Đồng Tháp, trung tâm phân tích hóa học	5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: Scopus Q1, Q2 Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng: Vật liệu TiO ₂ /g-C ₃ N ₄ dạng bột
9	DHH 2021 – 04 – 152 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của cây Cà mã vôi to (<i>Buxus latistyla</i>)	ThS. Võ Quốc Hùng Nguyễn Thị Hoài Nguyễn Đình Quỳnh Phú Hoàng Thị Như Hạnh Phạm Việt Tỷ Phạm Thị Hiền Thu	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.	5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: Tạp chí thuộc danh mục Scopus (Q1, Q2) hoặc WoS (SCIE)

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Hồ Việt Đức	Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Viện Công nghệ sinh học, Viện hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt nam			Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ Sản phẩm ứng dụng:
10	DHH 2021 – 04 – 140 Đánh giá hiệu quả can thiệp của Dược sĩ trong tư vấn sử dụng dụng cụ phân phối thuốc điều trị hen phế quản trên bệnh nhân điều trị ngoại trú	ThS. Võ Thị Hồng Phượng TS. Lê Văn Chi ThS. Nguyễn Phước Bích Ngọc ThS. Phan Đăng Thục Anh ThS. Nguyễn Thị Ý Nhi ThS. Ngô Thị Kim Cúc	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	5/2021- 5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: Tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus Sản phẩm đào tạo: 0 Sản phẩm ứng dụng: Tài liệu hướng dẫn sử dụng các dụng cụ phân phối thuốc điều trị hen phế quản
11	DHH 2021 – 04 – 153 Nghiên cứu cải thiện tính thấm qua da ex vivo và hiệu quả làm lành vết thương ở da in vivo của curcumin	ThS. Lê Thị Thanh Ngọc TS.DS. Hồ Hoàng Nhân TS.DS. Đào Thị Cẩm Minh TS.BS. Đặng Lê Hoàng Nam TS.BS. Nguyễn Phương Thảo Tiên ThS.Bs. Nguyễn Văn Minh BS. Lê Thị Thu Thảo		5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 01 Loại tạp chí: WoS (SCIE) hoặc Scopus (Q1,Q2) Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
12	DHH 2021 – 04 – 150 Phát hiện Glibenclamid trộn lẫn trong thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe bằng sắc ký lớp mỏng kết hợp tán xạ Raman tăng cường bề mặt (TLC-SERS)	TS. Đào Thị Cẩm Minh Lê Thị Bảo Trâm Hoàng Thị Minh Nguyệt Nguyễn Hải Phong Phạm Thị Thanh Hà		5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 01 Trên tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Nguyễn Thị Kiều Anh Lê Anh Thi				Scopus (Q1,Q2) Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
13	DHH 2021 – 04 - 139 Nghiên cứu hiệu quả điều trị thoái hóa khớp gối bằng điện châm, thuốc thang có hoặc không kết hợp chườm thảo dược cổ truyền.	PGS.TS. Nguyễn Thị Tân Nguyễn Văn Hưng Nguyễn Viết Phương Nguyên Nguyễn Ngọc Lê Nguyễn Thiện Phước Lê Thị Minh Thảo Phan Thị Chiến	Bệnh viện YHCT tỉnh TT Huế Khoa YHCT BVTW Huế	5/2021- 5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
14	DHH 2021 – 04 – 142 Nghiên cứu giá trị phương pháp “Mục chẩn” trong chẩn đoán đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ	TS. Đoàn Văn Minh Nguyễn Thị Hương Lam Nguyễn Văn Hưng Nguyễn Thị Kim Liên Nguyễn Quang Tâm Nguyễn Đình Tý Nguyễn Thị Quỳnh Da	Bệnh viện YHCT tỉnh TT Huế Khoa YHCT BVTW Huế BV Trường ĐH Y Dược Huế	5/2021- 5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 0 Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
15	DHH 2021 – 04 – 148 Đánh giá sự hỗ trợ xã hội, chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân lao đang điều trị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân Hoàng Thị Bạch Yến Bùi Thị Phương Anh Trần Thị Thanh Nhân Phan Nguyễn Văn Triều Võ Văn Minh Quân Phan Triệu Phú Đoàn Vương Diễm Khánh	Bệnh viện Phổi tỉnh Thừa Thiên Huế	5/2021- 5/2023	120	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 1 WoS/ Scopus Q3/Q4 Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
16	DHH 2021 – 04 – 143 Nghiên cứu thực trạng sa sút trí tuệ và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân sa sút trí tuệ tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	TS. Đoàn Vương Diễm Khánh Nguyễn Hoàng Thùy Linh Võ Nữ Hồng Đức Đặng Cao Khoa Nguyễn Thị Đăng Thư Nguyễn Thị Hồng Nhi	Trạm Y tế các xã, thị trấn thuộc huyện Nam Đông, tỉnh TT Huế	5/2021- 5/2023	80	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02 Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
17	DHH 2021 – 04 – 155 Nghiên cứu sức khỏe tâm thần và các yếu tố liên quan ở trẻ vị thành niên có bố mẹ ly thân/ly hôn ở thành	ThS. Nguyễn Minh Tú Nguyễn Minh Tâm Nguyễn Thanh Gia		5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 02

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	phổ Huế	Trần Bình Thắng Võ Nữ Hồng Đức Trần Thị Trà My Đặng Thị Kim Chi				Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 1 Scopus (Q2) Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
18	DHH 2021 – 04 – 154 Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh và giá trị chẩn đoán của kỹ thuật cộng hưởng từ trong hội chứng ống cổ tay.	TS. Nguyễn Thanh Thảo Lê Nghi Thành Nhân Nguyễn Thị Hiếu Dung Nguyễn Duy Duân Võ Như Quỳnh Hoàng Ngọc Thành		5/2021- 5/2023	160	Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng tạp chí trong nước : 01 Số bài báo đăng tạp chí nước ngoài: 1 Thuộc nhóm Q1-Q2 danh mục WoS Sản phẩm đào tạo: 01 ThS Sản phẩm ứng dụng: 0
Đề tài KHCN cấp trường năm 2019						
1	Đánh giá đáp ứng điều trị u gan sau hóa trị nút mạch (TACE) theo tiêu chuẩn mRECIST tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 04/19	TS. Lê Trọng Bình		05/2019- 05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
2	Nghiên cứu phân tạp alkaloid từ cây sâm cau. Mã số: 06/19	ThS. Bùi Lê Thanh Nhân		05/2019- 05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
3	Chế tạo và nghiên cứu ảnh hưởng của sự phân bố thành phần nguyên tố hóa học đến đặc trưng hấp thụ và quang huỳnh quang trong các nano tinh thể hợp kim ba thành phần CDSE _x S _{1-x} . Mã số: 07/19	ThS. Nguyễn Minh Hoa		05/2019- 05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
4	Xây dựng quy trình nuôi cấy đồng trùng hạ thảo tạo nguồn dược liệu. Mã số: 08/19	ThS. Nguyễn Ngọc Huy		05/2019- 05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
5	Nghiên cứu thang điểm ICH 24 giờ trong tiên lượng bệnh nhân xuất huyết não. Mã số: 09/19	BS. Nguyễn Thành Luân		05/2019- 05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
6	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kiểu gen HPV trên bệnh nhân sùi mào gà tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 10/19	ThS. Nguyễn Thị Trà My		05/2019- 05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
7	Nghiên cứu chẩn đoán nhiễm <i>Helicobacter pylori</i> bằng kỹ thuật PCR đặc hiệu gene	PGS. TS. Hà Thị Minh Thi		05/2019- 05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	ureA từ mẫu mô sinh thiết niêm mạc dạ dày ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày-tá tràng. Mã số: 11/19					
8	Nghiên cứu bào chế dịch chiết tỏi đen từ tỏi tươi cô đơn (radix Allium sativum L.). Mã số: 13/19	CN. Trần Thị Việt Hằng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
9	Xây dựng công thức bào chế cốm trị ho từ bài thuốc Kha tử cam cát thang. Mã số: 13/19	ThS. Trần Thị Thùy Linh		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
10	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và hoạt tính ức chế enzyym acetylcholinesterase của cây Gai của <i>Argemone mexicana</i> L. - Papaveraceae. Mã số: 14/19	ThS. Lê Thị Bích Hiền		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
11	Nghiên cứu quy trình tổng hợp (S)-2,4-diphenyl-4,5-dihydrooxazole từ Benzoyl Chloride. Mã số: 15/19	ThS. Lê Thị Loan Chi		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
12	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất (E)-N'-(hydroxybenzyliden) - 2-acetohydrazil mang khung isatin. Mã số: 16/19	ThS. Cao Thị Cẩm Nhung		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
13	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua các sản phẩm bổ sung vitamin, khoáng chất cho trẻ của các bà mẹ tại một số nhà thuốc trên địa bàn thành phố Huế. Mã số: 18/19	ThS. Ngô Thị Thu Hằng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
14	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời piracetam cinnarizin trong chế phẩm thuốc bằng điện di mao quản. Mã số: 19/19	ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
15	Phân tích chi phí điều trị ngoại trú cho bệnh nhân tăng huyết áp tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số 20/19	ThS. Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
16	Xây dựng phương pháp định lượng hợp chất Phenol toàn phần trong cành, lá chùm ngây (<i>Moringa Oleifera</i>) bằng quang phổ UV VIS. Mã số: 21/19	ThS. Nguyễn Khánh Thùy Linh		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
17	Hàm lượng phenolic tổng và hoạt tính chống oxy hóa cây Ngũ trảo (<i>Vitex negundo</i> L., họ Verbenaceae) thu hái tại Thừa Thiên Huế. Mã số: 22/19	ThS. Đoàn Thị Ái Nghĩa		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
18	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 23/19	ThS. Nguyễn Phước Bích Ngọc		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
19	Nghiên cứu cải thiện sinh khả dụng của ibuprofen bằng hệ phân tán rắn. Mã số: 24/19	DS. Lê Hoàng Hào		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
12	Điều chế và đánh giá tạp E của carvedilol định hướng thiết lập chất đối chiếu trong kiểm nghiệm. Mã số: 25/19	ThS. Nguyễn Hữu Tiến		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
21	Phân tích tương tác thuốc trên bệnh án điều trị nội trú tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 26/19	ThS. Võ Thị Hồng Phượng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
22	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời paracetamol và diclofenac trong chế phẩm bằng điện di mao quản. Mã số: 27/19	ThS. Thái Khoa Bảo Châu		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
23	Đánh giá kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành sử dụng bút tiêm insulin trên bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 28/19	DS. Ngô Thị Kim Cúc		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
24	Nghiên cứu sự tuân thủ sử dụng thuốc ở ngoại trú trên bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 29/19	PGS. TS. Lê Chuyển		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
25	Nghiên cứu sự thay đổi nồng độ sắt huyết thanh, transferrin và ferritin ở bệnh nhân hội chứng thận hư tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 30/19	PGS. TS. Lê Văn An		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
26	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng thực hành dựa vào bằng chứng của các sinh	ThS. Phạm Thị Thúy Vũ		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 31/19					
27	Đánh giá hiệu quả sơ đồ nhu cầu sức khỏe của bệnh nhân cao tuổi mắc bệnh mãn tính tại Trạm y tế xã Thủy Châu, Hương Thủy, Việt Nam. Mã số: 32/19	CN. Võ Thị Diễm Bình		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
28	Xây dựng và đánh giá hiệu quả gói học tập bằng phương pháp học tập đảo ngược (Flipped learning) trong đào tạo Điều dưỡng. Mã số: 33/19	TS. Hồ Duy Bình		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
29	Nghiên cứu tác động của nhận thức và niềm tin sức khỏe dựa trên văn hóa phương Đông liên quan đến tình trạng cân nặng và sức khỏe ở trẻ thừa cân béo phì tại thành phố Huế. Mã số: 36/19	TS. Nguyễn Thị Anh Phương		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
30	Tìm hiểu thực trạng năng lực thực hành lâm sàng của Điều dưỡng cấp cứu làm việc tại các khoa Cấp cứu bệnh viện Trung ương Huế. Mã số: 39/19	CN. Trần Thị Nguyệt		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
31	Đánh giá chất lượng công việc cuộc sống của Điều dưỡng viên, Hộ sinh viên tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2019. Mã số: 42/19	ThS. Tôn Nữ Minh Đức		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
32	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính cách của trẻ em lứa tuổi học đường tại thành phố Huế. Mã số: 44/19	ThS. Nguyễn Thị Minh Thành		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
33	Khảo sát tỷ lệ trầm cảm, rối loạn ý thức và rối loạn dinh dưỡng ở bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn 3-5 tại Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 45/19	ThS. Dương Thị Ngọc Lan		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
34	Năng lực của điều dưỡng trong việc hút dịch tiết ở người bệnh có đường thở nhân tạo tại đơn vị Hồi sức cấp cứu. Mã số: 47/19	ThS. Võ Việt Hà		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
35	Nghiên cứu tình hình nhiễm ấu trùng giun	TS. Ngô Thị Minh Châu		05/2019-	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đũa chó mèo (<i>Toxocara</i> spp.) ở bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm 2019. Mã số:48/19			05/2020		trong nước
36	Nghiên cứu tỉ lệ nhiễm đường sinh dục dưới và mức độ nhạy cảm của trùng roi âm đạo với Metronidazole ở những bệnh nhân viêm âm đạo đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số:49/19	BS. Lê Chí Cao		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
37	Nghiên cứu sự liên quan giữa sự biểu hiện gen BCL11A với đặc điểm mô bệnh học trên bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến vú xâm nhập. Mã số: 50/19	ThS. Nguyễn Phan Quỳnh Anh		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
38	Nghiên cứu tỷ lệ dương tính với <i>Anaplasma phagocytophilum</i> ở dê trưởng thành và người chăm sóc dê trong các trang trại nuôi dê tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 51/19	BS. Trần Thanh Loan		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
39	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Schonlein - Henoch ở trẻ em. Mã số: 52/19	PGS. TS. Phan Hùng Việt		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
40	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến tình trạng hạ glucose máu ở trẻ sơ sinh nhẹ cân. Mã số: 53/19	PGS. TS. Hoàng Thị Thủy Yên		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
41	Nghiên cứu nồng độ kẽm huyết thanh máu cuống rốn ở trẻ sơ sinh đủ tháng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 54/19	PGS. TS. Nguyễn Thị Cự		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
42	Vai trò của siêu âm phổi trong chẩn đoán viêm phổi trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi. Mã số: 55/19	PGS. TS. Bùi Bình Bảo Sơn		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
43	Nghiên cứu vai trò siêu âm thóp với sự phát triển tinh thần vận động ở trẻ sinh non. Mã số: 56/19	PGS. TS. Tôn Nữ Vân Anh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
44	Tìm hiểu nguyên nhân gây gan lớn ở bệnh nhi đang điều trị tại Trung tâm Nhi - Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 57/19	TS. Nguyễn Hữu Châu Đức		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
45	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 58/19	ThS. Phạm Võ Phương Thảo		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
46	Nghiên cứu các đặc điểm bệnh lý trẻ thở máy. Mã số: 59/19	ThS. Nguyễn Duy Nam Anh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
47	Đánh giá rối loạn lipid máu theo giai đoạn điều trị ở hội chứng thận hư trẻ em. Mã số: 61/19	ThS. Lê Thị Phương Anh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
48	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và xét nghiệm bệnh thông liên thất ở trẻ em. Mã số: 62/19	ThS. Đỗ Hồ Tĩnh Tâm		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
49	Nghiên cứu giá trị chẩn đoán của phương pháp hình thái học và hóa học tế bào so với phương pháp dấu ấn miễn dịch trong chẩn đoán phân dòng bệnh bạch hầu cấp ở trẻ em tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện trung ương Huế. Mã số: 65/19	BS. Nguyễn Văn Tuy		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
50	Đánh giá chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân mang thông niệu quản "JJ". Mã số: 66/19	ThS. Lê Đình Đạm		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
51	Nghiên cứu thang điểm DECAF trong đánh giá mức độ nặng của đợt cấp Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính. Mã số: 68/19	BS. Văn Thị Minh An		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
52	Nghiên cứu hội chứng bệnh lý ngoài tuyến giáp (Non-thyroidal Illness syndrome) trong tiên lượng bệnh nhân nhồi máu não giai đoạn cấp. Mã số: 69/19	BS. Nguyễn Duy Duẩn		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
53	Nghiên cứu giá trị của Sepsis-3 và SOFA-nhanh trong tiên lượng bệnh nhân xơ gan vào viện vì nhiễm trùng. Mã số: 70/19	ThS. Lê Minh Tân		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
54	Nghiên cứu trầm cảm và sa sút trí tuệ ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 điều trị nội trú. Mã số: 71/19	PGS. TS. Nguyễn Đình Toàn		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
55	Nghiên cứu mật độ xương bằng phương pháp hấp thụ tia X năng lượng kép và các	TS. Nguyễn Hoàng Thanh Vân		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	yếu tố liên quan trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp. Mã số: 71/19					
56	Nghiên cứu nồng độ glucose dịch màng bụng ở bệnh nhân đang điều trị lọc màng bụng liên tục ngoại trú. Mã số: 73/19	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
57	Nghiên cứu hiệu quả tiêm Methylprednisolon acetate nội khớp trong điều trị thoái hóa khớp gối nguyên phát. Mã số: 74/19	BS. Phạm Minh Trãi		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
58	Nghiên cứu rối loạn chức năng tuyến giáp ở bệnh nhân đang điều trị lọc màng bụng liên tục ngoại trú. Mã số: 75/19	BS. Đoàn Thị Thiện Hào		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
59	Nghiên cứu rối loạn chức năng bàng quang trên bệnh nhân nữ đái tháo đường. Mã số: 76/19	BS. Hoàng Thị Bích Ngọc		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
60	Khảo sát tình trạng nha chu ở bệnh nhân mắc bệnh mạch vành tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 77/19	TS. Trần Tấn Tài		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
61	Nghiên cứu <i>invitro</i> hiệu quả làm sạch calcium hydroxide trong ống tủy của các dụng dịch khác nhau có kết hợp siêu âm. Mã số: 78/19	BS. Nguyễn Đức Quỳnh Trang		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
62	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và phân loại mô bệnh học u tuyến nước bọt. Mã số: 79/19	BS. Hoàng Vũ Minh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
63	So sánh chỉ số Copenhagen với chỉ số Roma trong dự báo tiên phẫu ung thư buồng trứng. Mã số: 80/19	BS. Trần Doãn Tú		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
64	Khảo sát một số yếu tố nguy cơ dọa sinh non ở thai phụ tại Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 81/19	PGS. TS. Lê Lam Hương		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
65	Nghiên cứu dẫn truyền thần kinh giữa bệnh nhân có hội chứng ống cổ tay tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 82/19	TS. Nguyễn Thị Hiếu Dung		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
66	Nghiên cứu viêm tai giữa ứ dịch ở trẻ em	ThS. Hoàng Phước Minh		05/2019-	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 83/19			05/2020		trong nước
67	Mê sảng và một số yếu tố liên quan ở các bệnh nhân sau phẫu thuật tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 84/19	ThS. Nguyễn Quang Ngọc Linh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
68	Đặc điểm nhân cách và một số yếu tố liên quan của những bệnh nhân sử dụng các chất ma túy tổng hợp qua thang đánh giá nhân cách đa pha MMPI - 2. Mã số: 85/19	TS. Trần Như Minh Hằng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
69	Nghiên cứu một số yếu tố tiên lượng nặng ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Trung Ương Huế năm 2018-2019. Mã số: 86/19	BS. Phan Kim Châu Mẫn		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
70	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cân lâm sàng và diễn biến bệnh Absces gan do sán lá gan ở người lớn tại Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 87/19	ThS. Phan Từ Khánh Phương		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
71	Hiệu quả và độ dung nạp của Vinorelbine trong điều trị bước đầu ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn ở người già. Mã số: 88/19	BS. Hồ Xuân Dũng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
72	Các yếu tố tiên lượng sống còn ở bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối. Mã số: 89/19	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
73	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của bệnh nhân lao đang điều trị tại Khoa bệnh phổi, Bệnh viện Trung ương Huế năm 2019. Mã số: 91/19	BS. Trương Quý Quốc Bảo		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
74	Đánh giá thực trạng phơi nhiễm tiếng ồn lao động trên tàu đánh bắt xa bờ và mối liên quan đến bệnh tăng huyết áp ở ngư dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Mã số: 92/19	BS. Nguyễn Phúc Thành Nhân		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
75	Khảo sát kiến thức thái độ và nhu cầu của sinh viên Y đa khoa Trường Đại học Y Dược Huế về việc học kỹ năng giao tiếp Y	ThS. Hồ Anh Hiến		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	khoa. Mã số: 93/19					
76	Tình hình tương tác thuốc trong đơn thuốc điều trị ngoại trú tại phòng khám Bác sĩ gia đình. Mã số: 94/19	ThS. Đỗ Thị Diệu Hằng		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
77	Khảo sát quan điểm và trải nghiệm của người dân về chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm tại tuyến chăm sóc ban đầu tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 95/19	CN. Ngô Thị Mộng Tuyền		05/2019-05/2020	12	
78	Đánh giá hiệu quả điều trị đau thần kinh tọa do thoái hóa cột sống bằng điện châm kết hợp xoa bóp bấm huyệt và bài thuốc Độc hoạt tang ký sinh. Mã số: 96/19	PGS. TS. Nguyễn Thị Tân		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
79	Khảo sát đặc điểm thống kinh và nhu cầu điều trị bằng Y học cổ truyền của sinh viên nữ hệ chính quy trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 97/19	TS. Đoàn Văn Minh		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
80	Nghiên cứu bào chế thuốc Lục vị địa hoàng dạng viên nang. Mã số: 98/19	BS. Nguyễn Văn Hưng		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
81	Đánh giá hiệu quả điều trị Đau thần kinh tọa do thoái hóa cột sống bằng bài thuốc Độc hoạt tang ký sinh thang kết hợp Điện châm và Xông hơi thuốc. Mã số: 99/19	BS. Trần Nhật Minh		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
82	Nghiên cứu phân tích thành phần tinh dầu của cây Sa nhân tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 100/19	BS. Nguyễn Ngọc Lê		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
83	Đánh giá hiệu quả điều trị đau vai gáy do thoái cột sống cổ bằng điện châm và bài thuốc Quyển tý thang kết hợp xoa bóp. Mã số: 101/19	BS. Nguyễn Thị Hương Lam		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
84	So sánh yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm ở ba vùng sinh thái thành thị, nông thôn và miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 102/19	TS. Đặng Thị Anh Thư		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
85	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh các trường	ThS. Ngô Thị Diệu Hường		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Trung học phổ thông thành phố Huế năm 2019. Mã số: 103/19					
86	Vấn hóa sức khỏe và hành vi tìm kiếm chăm sóc y tế của người cao tuổi ở thành phố Huế. Mã số: 104/19	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Lan		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
87	Thực trạng bạo hành học đường ở học sinh các trường trung học cơ sở tại thành phố Huế. Mã số: 107/19	BS. Trần Thị Mai Liên		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
88	Tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành về giáo dục tình dục của bố mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên tại một số xã huyện Phú Vang - tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 108/19	ThS. Lương Thanh Bảo Yến		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
89	Nghiên cứu tỷ lệ trầm cảm và đánh giá kiến thức, nhu cầu, yếu tố tâm lý xã hội của bệnh nhân ung thư vú về phẫu thuật tái tạo vú tại một bệnh viện ở thành phố Huế. Mã số: 109/19	BS. Nguyễn Thị Đăng Thu		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
90	Đánh giá thực trạng hỗ trợ xã hội và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 110/19	ThS. Võ Nữ Hồng Đức		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
91	Tình trạng dinh dưỡng và hiểu biết về dinh dưỡng của bệnh nhân điều trị nội trú tại Khoa Ung bướu, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 112/19	ThS. Hoàng Thị Bạch Yến		05/2019-05/2020	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
92	Nghiên cứu tình hình quản lý đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế. Mã số: 113/19	PGS. TS. Nguyễn Trường An		05/2019-05/2020	12	
93	Hợp lý hóa cách bố trí bảng viết và bảng chiếu tại một số giảng đường của Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 114/19	ThS. Đặng Thị Ngọc Hoa		05/2019-05/2020	12	
94	Khảo sát thực trạng chăm sóc liên tục và mối liên quan với tình hình sử dụng dịch vụ y tế của người dân mắc bệnh đái tháo đường và tăng huyết áp tại tuyến y tế cơ sở. Mã số:	BS. Lê Hồ Thị Quỳnh Anh		05/2019-05/2020	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	115/19					
Đề tài KHCN cấp trường của Sinh viên năm 2019						
1	Tìm hiểu về các cây thuốc và vị thuốc ở vườn quốc gia Bạch Mã. Mã số: 01SV/19	SV. Nguyễn Thị Hoa Xét nghiệm y học 1B		05/2019- 05/2020	6	
2	Nghiên cứu nhận thức và thái độ của bác sĩ và dược sĩ về thuốc generic trong giai đoạn hiện nay. Mã số: 02SV/19	SV. Phan Công Danh Đ3A		05/2019- 05/2020	8	
3	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và vi học của loài Tu húng tại <i>Pogostemon auricularius</i> (L.) Hassk. - Lamiaceae. Mã số: 03SV/19	SV. Nguyễn Phong Phú Đ4B		05/2019- 05/2020	8	
4	Chăm sóc dự phòng loét ép ở bệnh nhân tai biến mạch máu não tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 04SV/19	SV. Nguyễn Thị Hoài ĐĐ3		05/2019- 05/2020	6	
5	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành về xử trí ban đầu tai biến mạch máu não của người nhà bệnh nhân đang điều trị tại Khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 05SV/19	SV. Hoàng Nguyên Công Khánh YHDP4A SV. Trần Thị Ngọc Ánh ĐĐ4B		05/2019- 05/2020	6	
6	Thực trạng stress và hành vi ứng phó với stress của sinh viên Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 06SV/19	SV. Nguyễn Thị Huệ ĐĐ3		05/2019- 05/2020	8	
7	Nhận thức của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường học tập trên lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 07SV/19	SV. Phạm Bảo Trang ĐĐ3		05/2019- 05/2020	8	
8	Khảo sát năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Huế và các yếu tố liên quan. Mã số: 08SV/19	SV. Nguyễn Văn Bảo Thanh ĐĐ3		05/2019- 05/2020	9	
9	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên mô hình hoàn: nghiên cứu Meta-analysis. Mã số: 09SV/19	SV. Phan Văn Sang YHDP5C		05/2019- 05/2020	8	
10	Phân tầng mức độ nguy cơ bệnh nhân đau ngực bằng phương pháp áp dụng thang điểm HeartS3 tại Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm	SV. Huỳnh Văn Sỹ Y5I SV. Trần Tú Nguyên Y5A SV. Lê Văn Nam Y4E SV. Đinh Trần Duy Duy Y4D		05/2019- 05/2020	8	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	2019. Mã số: 10SV/19	SV. Phan Văn Sang YHDP5C				
11	Kết quả tầm soát huyết áp ở người trưởng thành tại tỉnh Thừa Thiên Huế theo chương trình MMM của ISH 2018. Mã số: 11SV/19	SV. Trần Tú Nguyên Y5A SV. Huỳnh Văn Sỹ Y5I SV. Lê Văn Nam Y4E SV. Đinh Trần Duy Duy Y4D SV. Phan Văn Sang YHDP5C SV. Nguyễn Khởi Quân Y4F SV. Nguyễn Văn Phước Y6G SV. Đỗ Thanh Quang Y6D		05/2019-05/2020	8	
12	Nghiên cứu diễn tiến giai đoạn I chuyển dạ và một số yếu tố ảnh hưởng ở sản phụ đơn thai đủ tháng. Mã số: 12SV/19	SV. Trần Hà Minh Trung Y5G SV. Lê Vĩ Y5G		05/2019-05/2020	8	
13	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ ở bệnh u nguyên bào nuôi tại Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 13SV/19	SV. Ngô Thị Minh Thảo Y4E		05/2019-05/2020	8	
14	Khảo sát đặc điểm và kết quả thai kỳ ở thai phụ tuổi vị thành niên tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 14SV/19	SV. Nguyễn Thanh Hải Y5F SV. Võ Thị Ngọc Ánh Y5E SV. Trần Thị Mỹ Hạnh Y5B SV. Lê Thị Hồng Hạnh Y5G SV. Trần Thị Thùy Trang Y5G SV. Ngô Thị Thảo Vy Y5C SV. Nguyễn Hồng Trung Y4D		05/2019-05/2020	8	
15	Khảo sát hội chứng tiền kinh nguyệt và rối loạn-loạn khí sắc tiền kinh nguyệt ở sinh viên nữ Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 15SV/19	SV. Ngô Đình Triệu Vỹ Y6B		05/2019-05/2020	8	
16	Trầm cảm trước sinh và các yếu tố liên quan ở thai phụ ba tháng cuối thai kỳ tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 16SV/19	SV. Nguyễn Thiện Phương Y5G SV. Hồ Thị Vi Y5I SV. Nguyễn Thị Thu Thủy Y5I SV. Nguyễn Văn Hoàng Y5M SV. Nguyễn Văn Anh Y5N		05/2019-05/2020	8	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		SV. Nguyễn Thị Nhi Y4C				
17	Trầm cảm, lo âu và mong đợi của bệnh nhân ung thư tại Khoa Ung bướu Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 17SV/19	SV. Nguyễn Thị Hồng Uyên YHDP4A		05/2019-05/2020	6	
18	Nghiên cứu tình hình mắc các triệu chứng rối loạn trầm cảm và yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Mã số: 18SV/19	SV. Trần Thị Hoa YHDP5C		05/2019-05/2020	8	
19	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế năm 2019. Mã số: 19SV/19	SV. Trần Thị Mỹ Huyền YTCC3		05/2019-05/2020	6	
20	Mô tả tình hình hoạt động thể lực ở người tiền đái tháo đường và bệnh nhân đái tháo đường tít 2 tại một số bệnh viện tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Mã số: 20SV/19	SV. Trần Thị Thanh Hồng YHDP5C		05/2019-05/2020	8	
21	Nhận thức, nhu cầu và thực trạng tiêm phòng vaccine trước khi mang thai của phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ tại thành phố Huế. Mã số: 23SV/19	SV. Trần Văn Quốc Cường YHDP4C SV. Phùng Phương Nha YHDP5A SV. Hồ Thị Thanh Thảo YHDP5B SV. Ngô Nghĩa Đức YHDP4C		05/2019-05/2020	8	
22	Nghiên cứu tình hình sử dụng và ảnh hưởng của thiết bị tai nghe đến thính lực của sinh viên đại học Huế năm 2019. Mã số: 25SV/19	SV. Ngô Thị Hồng Uyên YHDP5C		05/2019-05/2020	8	
23	Nghiên cứu tỉ lệ rối loạn lipid máu và một số yếu tố liên quan của người dân tại 2 xã của huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 28SV/19	SV. Trần Thị Thúy Hồng YHDP4A		05/2019-05/2020	8	
24	Nghiên cứu thực trạng nhận biết và hành vi tìm kiếm điều trị, dự phòng một số bệnh lý không lây nhiễm của người dân tại phường	SV. Nguyễn Hoàng Minh YHDP5C		05/2019-05/2020	8	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Tây Lộc và phường Thuận Hòa của thành phố Huế. Mã số: 29SV/19					
25	Nhu cầu giải đáp thắc mắc về dậy thì ở học sinh độ tuổi từ 11-15 tại thành phố Huế. Mã số: 32SV/19	SV. Chế Thị Len Len SV. Hồ Ngọc Hiền Nhơn SV. Lê Quang Quân YHDP4B		05/2019-05/2020	8	
26	Nghiên cứu thực trạng tìm kiếm thông tin sức khỏe và các yếu tố liên quan của người dân thành phố Huế. Mã số: 33SV/19	SV. Nguyễn Đắc Quỳnh Anh YHDP5A SV. Trần Đình Khánh Sỹ SV. Nguyễn Minh Tuấn SV. Nguyễn Kỳ Nhật Minh YHDP4A		05/2019-05/2020	6	
27	Nghiên cứu ý định bỏ thuốc lá và các yếu tố liên quan ở nam giới trưởng thành hút thuốc tại xã Thủy Vân, Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Mã số: 35SV/19	SV. Phan Văn Sang SV. Lê Văn Trung Sơn YHDP5 SV. Trần Xuân An YHDP6 SV. Phạm Hoài Thư YHDP4 SV. Ngô Lý Diệp Đan YHDP2		05/2019-05/2020	6	
28	Đánh giá chất lượng hoạt động các câu lạc bộ học tập sinh viên trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 36SV/19	SV. Nguyễn Song Hiếu SV. Nguyễn Đắc Quỳnh Anh YHDP5A SV. Phan Thanh Long SV. Huỳnh Thị Thu Hiền		05/2019-05/2020	8	
29	Ảnh hưởng của việc tham gia hoạt động ngoại khóa đến trầm cảm, lo âu, stress và sự cô đơn của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 37SV/19	SV. Phùng Phương Nha YHDP5A SV. Trần Thị Thúy Linh YHDP4B SV. Hồ Thị Linh Đan YHDP3B SV. Võ Hoàng Lâm Y4E		05/2019-05/2020	6	
30	Tỷ lệ mắc bệnh giọng nghề nghiệp và các yếu tố liên quan của giáo viên trung học cơ sở thành phố Huế năm 2019. Mã số: 38SV/19	SV. Lê Nguyễn Quỳnh Như SV. Nguyễn Hoàng Phúc SV. Võ Tống Khánh Quân SV. Huỳnh Thị Kim Sương		05/2019-05/2020	8	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		SV. Trần Thị Thùy Trang YHDP4C				
31	Kiến thức, thái độ thực hành giáo dục sức khỏe sinh sản của cha mẹ học sinh một số trường trung học cơ sở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Mã số: 39SV/19	SV. Võ Tổng Khánh Quân SV. Lê Nguyễn Quỳnh Như SV. Nguyễn Hoàng Phúc SV. Huỳnh Thị Kim Sương SV. Trần Thị Thùy Trang YHDP4C		05/2019- 05/2020	6	
32	Khảo sát hiệu quả công tác quản lý lớp của Ban cán sự ở các lớp sinh viên tại trường Đại học Y Dược Huế năm 2019. Mã số: 40SV/19	SV. Trần Thị Thu Thủy SV. Trịnh Thị Việt Hằng SV. Hồ Thị Diệu Linh YHDP3A		05/2019- 05/2020	6	
33	Nghiên cứu tối ưu hóa việc chuẩn bị đại tràng trước nội soi bằng Simethicone phối hợp Poly Etylen Glycol (PEG). Mã số: 41SV/19	SV. Lê Thái Uyên Thi Y3C		05/2019- 05/2020	8	
Đề tài KHCN cấp Trường của Cán bộ năm 2020						
1	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh thiết lõi dưới hướng dẫn siêu âm trong chẩn đoán ung thư gan. Mã số: 01/20	BS. Hoàng Anh Dũng		05/2020- 05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
2	Nghiên cứu hiệu quả của dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da (PTBD) bằng kỹ thuật Seldinger trong xử trí vàng da tắc mật tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 02/20	TS. Lê Trọng Bình		05/2020- 05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của cấu trúc nano dị chất CdSe/CdSexS1-x định hướng ứng dụng trong đánh dấu sinh học. Mã số: 03/20	TS. Nguyễn Minh Hoa		05/2020- 05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
4	Nghiên cứu bào chế pellet natri diclofenac kiểm soát giải phóng tại ruột non. Mã số: 05/20	TS. Hồ Hoàng Nhân		05/2020- 05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
5	Nghiên cứu bào chế và đánh giá khả năng cải thiện tính thấm của gel Aloe vera chứa Acyclovir. Mã số: 06/20	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt		05/2020- 05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
6	Nghiên cứu bào chế vi cầu kiểm soát giải phóng kết dính niêm mạc chứa metronidazole. Mã số: 07/20	ThS. Lê Thị Thanh Ngọc		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
7	Khảo sát tối ưu quy trình định lượng metformin trong huyết tương bằng điện di mao quản. Mã số: 08/20	ThS. Thái Khoa Bảo Châu		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
8	Khảo sát và tối ưu hóa quy trình định lượng amlodipin trong huyết tương bằng điện di mao quản. Mã số: 09/20	ThS. Nguyễn Thị Như Ngọc		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
9	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ được tại các nhà thuốc bệnh viện - Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 10/20	ThS. Ngô Thị Thu Hằng		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
10	Nghiên cứu chi phí điều trị 1 số loại ung thư đường tiêu hóa tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 11/20	ThS. Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
11	Khảo sát tình hình dị ứng thuốc tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 12/20	ThS. Võ Thị Hồng Phượng		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
12	Tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi tại khoa Hồi sức tích cực Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 13/20	ThS. Ngô Thị Kim Cúc		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
13	Phân tích đặc điểm các biến cố bất lợi của thuốc phát hiện được bằng bộ công cụ IHI ADE trigger tool sửa đổi tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 14/20	ThS. Phan Đăng Thục Anh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
14	Nghiên cứu các đặc điểm hình thái và đặc điểm vi học của hai loài thuộc chi Xà căn (<i>Ophiorrhiza</i>)- Họ Cà phê (Rubiaceae) tại miền Trung. Mã số: 15/20	ThS. Võ Quốc Hùng		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
15	Xây dựng quy trình định lượng Berberin và Palmatin trong cao đặc bài thuốc Tam hoàng thang bằng phương pháp HPLC. Mã số: 16/20	ThS. Đoàn Thị Ái Nghĩa		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
16	Tổng hợp các dẫn chất ether của naringenin	ThS. Trần Thế Huân		05/2020-	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	và khảo sát hoạt tính ức chế enzym acetylcholinesterase <i>in vitro</i> . Mã số: 17/20			05/2021		trong nước
17	Tổng hợp và khảo sát hoạt tính sinh học của một số dẫn chất benzimidazole-hydrazone. Mã số: 18/20	ThS. Cao Thị Cẩm Nhung		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
18	Thiết lập và đối chiếu tạp E của carvedilol và định lượng tạp E trong chế phẩm chứa carvedilol. Mã số: 19/20	ThS. Nguyễn Hữu Tiến		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
19	Triển khai áp dụng phương pháp giảng dạy TBL (Team Learning) cho sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 20/20	PGS. TS. Lê Văn An		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
20	Vai trò tiên lượng của các chỉ số tế bào máu lên sự tiến triển bệnh thận mạn. Mã số: 21/20	ThS. Dương Thị Ngọc Lan		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
21	Đánh giá hiệu quả gây mê của propofol phối hợp với fentanyl trong nội soi đại tràng. Mã số: 22/20	ThS. Lê Văn Long		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
22	Định danh loài <i>Taenia</i> spp bằng kỹ thuật sinh học phân tử, nghiên cứu biến đổi di truyền, phát sinh loài và phân bố địa lý của sán dây ở miền Trung Việt Nam. Mã số: 23/20	Trần Thị Giang		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
23	Bước đầu đánh giá kết quả ghép xương đồng loại tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 27/20	ThS. Nguyễn Phạm Phước Toàn		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
24	So sánh phương pháp hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ gắn hai màu đánh giá HER2 trong ung thư vú. Mã số: 28/20	TS. Nguyễn Phương Thảo Tiên		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
25	Nghiên cứu nồng độ C3, C4 trong máu bệnh nhân Lupus ban đỏ hệ thống. Mã số: 29/20	PGS. TS. Phan Thị Minh Phương		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
26	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, nồng độ sắt và ferritin huyết thanh trong bệnh tim bẩm sinh tím ở trẻ em. Mã số: 30/20	PGS. TS. Phan Hùng Việt		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
27	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và chức năng hô hấp trong hen phế quản ở trẻ trên 5 tuổi. Mã số: 31/20	PGS. TS. Bùi Bình Bảo Sơn		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
28	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm loét dạ dày tá tràng do <i>Helicobacter Pylori</i> ở trẻ em. Mã số: 32/20	PGS. TS. Nguyễn Thị Cự		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
29	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các chỉ số siêu âm tử cung buồng trứng trong dậy thì sớm trung ương vô căn ở trẻ gái. Mã số: 33/20	PGS. TS. Hoàng Thị Thủy Yên		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
30	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và biến đổi huyết học trên bệnh nhi mắc bệnh bạch cầu cấp điều trị tại Trung tâm Nhi khoa Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 34/20	ThS. Nguyễn Văn Tuy		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
31	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm và bệnh nguyên của suy tim ở trẻ em. Mã số: 35/20	ThS. Đỗ Hồ Tĩnh Tâm		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
32	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh lý nhiễm trùng thần kinh trung ương ở trẻ em. Mã số: 36/20	ThS. Trần Vĩnh Phú		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
33	Nghiên cứu các đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân co giật ở trẻ nhũ nhi. Mã số: 37/20	ThS. Nguyễn Duy Nam Anh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
34	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue đang điều trị tại Trung tâm Nhi khoa-Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 38/20	TS. Nguyễn Hữu Châu Đức		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
35	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa ở trẻ em. Mã số: 39/20	ThS. Phạm Võ Phương Thảo		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
36	Nghiên cứu tương quan của chiều dài bàn chân với chỉ số nhân trắc và tuổi thai theo Ballard mới ở trẻ sơ sinh. Mã số: 41/20	BS. Lê Bình Phương Nguyên		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
37	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	BS. Lê Thị Mai Anh		05/2020-	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	sàng và kết quả điều trị viêm phổi nặng ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi. Mã số: 42/20			05/2021		trong nước
38	Đánh giá các yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn huyết ở bệnh nhân viêm thận bể thận tắc nghẽn cấp tính do sỏi. Mã số: 43/20	ThS. Lê Đình Đạm		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
39	Đánh giá tắc nghẽn đường ra ở nam giới có triệu chứng đường tiết niệu dưới bằng đo độ dày thành bàng quang trên siêu âm. Mã số: 44/20	ThS. Lê Đình Đạm		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
40	Chất lượng giấc ngủ và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 đến khám tại phòng khám Nội, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020. Mã số: 46/20	Tôn Nữ Nam Trân		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
41	Đánh giá kết quả điều trị u hỗn hợp tuyến nước bọt mang tai. Mã số: 48/20	BS. Võ Khắc Tráng		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
42	Nghiên cứu kết quả điều trị viêm quanh chóp cấp bằng phương pháp nội nha tức thì. Mã số: 49/20	BS. Trần Thị Quỳnh Như		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
43	Nghiên cứu khả năng duy trì trục ống tủy của hai hệ thống trám quay máy WaveOne và Protaper Next trên ống tủy nhựa. Mã số: 50/20	ThS. Đỗ Phan Quỳnh Mai		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
44	Nghiên cứu in vitro tác dụng của gel glycerin và băng Mylar lên khả năng khít sát bề mặt của inlay gắn bằng composite. Mã số: 51/20	BS. Lê Hà Thùy Nhung		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
45	So sánh kết quả điều trị viêm nha chu mạn tính bằng hai phương pháp không phẫu thuật toàn hàm và từng phần. Mã số: 52/20	BS. Trần Thị Tố Uyên		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
46	Đánh giá tái tạo khuyết hổng xương ổ răng bằng màng fibrin giàu tiểu cầu kết hợp với bột xương nhân tạo in vivo. Mã số: 53/20	BS. Lê Mỹ Hương		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
47	Khảo sát vai trò của hô hấp kế trong đánh giá rối loạn thông khí tắc nghẽn ở nam giới	TS. Nguyễn Hải Quý Trâm		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	hút thuốc lá không triệu chứng. Mã số: 54/20					
48	Đánh giá bước đầu hiệu quả và độc tính của liệu pháp nhắm trúng đích EGFR trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn. Mã số: 56/20	TS. Hồ Xuân Dũng		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
49	Đánh giá kết quả hóa trị triệu chứng bước một ung thư dạ dày giai đoạn tiến xa bằng phác đồ có epirubicin, oxaliplatin, capecitabin. Mã số: 57/20	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
50	Đánh giá hiệu quả và độc tính của hóa trị nano-paclitaxel trong ung thư vú giai đoạn di căn. Mã số: 58/20	ThS. Nguyễn Văn Cầu		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
51	Đặc điểm u lymphom không Hodgkin theo phân loại WHO 2008 và đáp ứng điều trị u lymphom không Hodgkin tế bào lớn lan tỏa. Mã số: 59/20	BS. Nguyễn Thị Thủy		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
52	Xác định các chủng <i>Escherichia coli</i> gây bệnh đường ruột phân lập từ nước sông Hương, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 60/20	ThS. Nguyễn Thị Đăng Khoa		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
53	Nghiên cứu thực trạng về kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020. Mã số: 61/20	PGS. TS. Trần Đình Bình		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
54	Nghiên cứu đặc tính serotype của các chủng <i>Streptococcus agalactiae</i> phân lập được từ phụ nữ mang thai tại Thành phố Huế. Mã số: 63/20	ThS. Nguyễn Thị Châu Anh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
55	Khảo sát nhận thức, hành vi của sinh viên Y khoa và Răng Hàm mặt về tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa tại Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020. Mã số: 64/20	ThS. Võ Đức Toàn		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
56	Khảo sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân	ThS. Hồ Anh Hiến		05/2020-	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	tăng huyết áp và các yếu tố liên quan tại một số trạm y tế tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 65/20			05/2021		trong nước
57	Khảo sát tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân đau thắt lưng. Mã số: 66/20	PGS. TS. Nguyễn Thị Tân		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
58	Khảo sát tần suất xuất hiện các triệu chứng lâm sàng theo y học cổ truyền ở bệnh nhân đau vai gáy. Mã số: 67/20	BS. Nguyễn Văn Hưng		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
59	Khảo sát Hội chứng tạng phủ trên bệnh nhân thoái hóa khớp tại Khoa Nội Bệnh viện Trung Ương Huế và Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 68/20	TS. Đoàn Văn Minh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
60	Khảo sát hội chứng tạng phủ trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Khoa Nội Bệnh viện Đại học Y Dược Huế và Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 69/20	BS. Nguyễn Thị Hương Lam		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
61	Nghiên cứu tình hình điều trị thoái hóa khớp gối bằng Y học cổ truyền tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 70/20	BS. Trần Nhật Minh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
62	Nghiên cứu giá trị của phương pháp xem chỉ văn ngón tay trở trong chẩn đoán mức độ suy dinh dưỡng cấp ở trẻ em. Mã số: 71/20	BS. Nguyễn Thiện Phước		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
63	Khảo sát đặc điểm lâm sàng về Khí, huyết, âm, dương theo y học cổ truyền ở người cao tuổi. Mã số: 72/20	Nguyễn Thị Kim Liên		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
64	So sánh hiệu quả điều trị bằng phương pháp điện châm, thuốc thang kết hợp với xoa bóp bấm huyệt hoặc siêu âm điều trị trên bệnh nhân viêm quanh khớp vai thể đơn thuần. Mã số: 73/20	BS. Lê Thị Thu Thảo		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
65	Kiến thức và nhu cầu được đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của người dân tại 2 phường thuộc thành phố Huế. Mã số: 74/20	CN. Trần Văn Vui		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
66	Đánh giá tư thế lao động đứng và một số	ThS. Nguyễn Đình Minh Mẫn		05/2020-	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	yếu tố liên quan đến rối loạn cơ xương khớp ở công nhân lao động trực tiếp tại 02 nhà máy chế biến thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 76/20			05/2021		trong nước
67	Nghiên cứu các bệnh liên quan đến nhiệt (Heat-Related Illnesses) và một số yếu tố liên quan ở nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 77/20	TS. Nguyễn Thanh Gia		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
68	Nghiên cứu niềm tin năng lực bản thân và sự suy kiệt sức khỏe lao động của nhân viên y tế tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 78/20	BS. Lê Thị Bích Thúy		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
69	Đánh giá chất lượng vi sinh vật của nguồn nước sông Hương, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 79/20	CN. Phùng Thị Thu Thủy		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
70	Nghiên cứu hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 81/20	ThS. Trần Thị Mai Liên		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
71	Nghiên cứu nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân sa sút trí tuệ ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 82/20	TS. Đoàn Vương Diễm Khánh		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
72	Thực trạng sử dụng đồ uống có đường và các yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 83/20	TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
73	Nghiên cứu về cảm giác sợ ngã và mối liên quan đến các hoạt động thường ngày của người cao tuổi tại một số phường/xã tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số 84/20	TS. Nguyễn Hoàng Thùy Linh		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
74	Khảo sát kiến thức và nhu cầu đào tạo về kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu của học sinh trung học phổ thông thành phố Huế. Mã số 86/20	ThS.Võ Văn Khoa		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
75	Nghiên cứu kiến thức, thái độ về tiêu chảy, vắc xin ngừa tiêu chảy do Rotavirus và các yếu tố liên quan ở bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại các. xã/phường tỉnh Thừa Thiên Huế	ThS. Hầu Nguyễn Nhật Minh		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	năm 2020. Mã số 87/20					
76	Xây dựng giải pháp số hóa minh chứng phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số 88/20	ThS. Nguyễn Văn Thanh		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
77	Đánh giá chất lượng đề thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm của chương trình đào tạo Bác sĩ đa khoa năm thứ nhất. Mã số 89/20	BS. Nguyễn Vũ Thành		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
78	Đánh giá phổ điểm kết quả thi học kỳ II năm học 2018-2019 của chương trình đào tạo Bác sĩ đa khoa và Bác sĩ Răng Hàm Mặt năm thứ nhất. Mã số 90/20	ThS. Trần Khánh Toàn		05/2020-05/2021	15	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
79	Nghiên cứu thực trạng kiểm soát huyết áp và một số yếu tố liên quan của người dân ở huyện Nam Đông tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số 93/20	BS. Nguyễn Thị Hồng Nhi		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
80	Hành vi nguy cơ bệnh không lây nhiễm và một số yếu tố liên quan ở người dân từ 25 đến 84 tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số 94/20	CN. Nguyễn Thị Thúy Hằng		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
81	Khảo sát đặc trưng (kiểu hình và kiểu gen) về đề kháng kháng sinh và genotype của <i>Helicobacter pylori</i> phân lập ở bệnh nhân viêm dạ dày mạn, loét dạ dày - tá tràng. Mã số 95/20	PGS. TS. Lê Văn An		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
82	Nghiên cứu đặc điểm phân tử gene <i>cagA</i> của vi khuẩn <i>Helicobacter pylori</i> ở bệnh nhân bệnh lý dạ dày- tá tràng. Mã số 96/20	PGS. TS. Hà Thị Minh Thi		05/2020-05/2021	12	01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
Đề tài KHCN cấp trường của Sinh viên năm 2020						
1	Tìm hiểu về các cây thuốc và vị thuốc ở đèo Hải Vân, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 01SV/20	SV. Dương Đông Thư Được 1B		05/2020-05/2021	10	
2	Nhận thức về phản ứng có hại của thuốc của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: D3B	SV. Nguyễn Thị Lưu Đ3B		05/2020-05/2021	10	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	số: 02SV/20					
3	Khảo sát tỷ lệ rối loạn nhận thức và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh thận mạn tại Bệnh viện Trung Ương Huế và Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 03SV/20	SV. Trần Thị Thùy Linh ĐD3		05/2020-05/2021	10	
4	Khảo sát tỷ lệ trầm cảm và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh thận mạn tại Bệnh viện Trung Ương Huế và Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 04SV/20	SV. Nguyễn Thị Lan Phương ĐD3		05/2020-05/2021	10	
5	Đánh giá năng lực tin học của sinh viên Điều dưỡng qua thang đo tự đánh giá Sanics và các yếu tố liên quan. Mã số: 06SV/20	SV. Lê Thị Lệ Quyên ĐD3B		05/2020-05/2021	10	
6	Khảo sát mối liên quan giữa giá trị của tỷ số bạch cầu trung tính/lympho bào với tình trạng bệnh trên bệnh nhân nhiễm HBV mạn tính. Mã số: 07SV/20	SV. Trần Bửu Hạ SV. Nguyễn Phi Hoàng Hiệp SV. Phạm Đình Hiếu Lớp Y4B		05/2020-05/2021	10	
7	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng dựa trên hình ảnh cắt lớp vi tính trong tán sỏi ngoài cơ thể điều trị sỏi thận bằng máy HK-007. Mã số: 08SV/20	SV. Trần Thị Hương Trâm Y5D		05/2020-05/2021	10	
8	Khảo sát một số yếu tố liên quan đến quá trình đào thải mảnh sỏi sau nội soi tán sỏi niệu quản bằng laser. Mã số: 09SV/20	SV. Cao Duy Anh Lớp Y5F		05/2020-05/2021	10	
9	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố liên quan của các cặp vợ chồng vô sinh nguyên phát. Mã số: 10SV/20	SV. Phan Thiên Long Y4B SV. Nguyễn Đắc Hưng Y6K		05/2020-05/2021	10	
10	Tình hình nhiễm âm đạo do vi khuẩn hiếu khí (Aerobic vaginitis) ở phụ nữ mang thai đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 13SV/20	SV. Trần Nữ Tâm Đan Y5H SV. Trần Thị Quỳnh Trang Y5F		05/2020-05/2021	10	
11	Khảo sát mối liên quan giữa điều kiện thời tiết và tình hình nhập viện của một số bệnh thuộc phạm vi chứng tỷ theo y học cổ truyền tại các bệnh viện ở thành phố Huế. Mã số: 14SV/20	SV. Trần Hồ Nguyệt Minh YHCT5B		05/2020-05/2021	10	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
12	Kiến thức, thái độ, thực hành tự khám vú ở phụ nữ tại một số xã phường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 15SV/20	SV. Nguyễn Võ Trà Mi YHDP5		05/2020-05/2021	10	
13	Áp lực học tập và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Huế năm 2020. Mã số: 16SV/20	SV. Võ Thị Thảo YTCC3		05/2020-05/2021	10	
14	Kiến thức, thực hành xử lý chất thải nguy hại tại hộ gia đình ở một số xã phường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 17SV/20	SV. Nguyễn Hoàng Phương Yến YHDP3		05/2020-05/2021	10	
15	Nghiên cứu thực trạng cho trẻ dưới 5 tuổi sử dụng thiết bị công nghệ tại thành phố Huế. Mã số: 18SV/20	SV. Lê Quang Quân SV. Nguyễn Đỗ Minh Quý SV. Trần Thị Thúy Linh SV. Lê Thị Minh Tâm YHDP5B		05/2020-05/2021	10	
16	Thực trạng sử dụng đồ nhựa dùng một lần và nhận thức về môi nguy hại đến sức khỏe của người dân thành phố Huế. Mã số: 19SV/20	SV. Nguyễn Thị Minh Thương YHDP5C		05/2020-05/2021	10	
17	Tìm hiểu thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hội chứng rối loạn lo âu sợ xã hội ở sinh viên năm thứ nhất hệ chính quy tại các Trường Đại học trực thuộc Đại học Huế. Mã số: 22SV/20	SV. Bùi Thị Mỹ Linh YHDP5C		05/2020-05/2021	10	
18	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến anti vaccine ở bà mẹ có con dưới 5 tuổi huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 23SV/20	SV. Nguyễn Thị Hoài Nam SV. Phạm Công Hưng SV. Hoàng Văn Vũ YHDP5B		05/2020-05/2021	10	
19	Thực trạng sử dụng thức ăn đường phố và các yếu tố liên quan của sinh viên ở trọ trên địa bàn thành phố Huế. Mã số: 27SV/20	SV. Hồ Thị Linh Đan SV. Nguyễn Thị Hồng Trâm SV. Lê Nhật Quyên YHDP4B SV. Mai Xuân Dũng YHDP3A		05/2020-05/2021	10	
20	Thực trạng quan hệ tình dục trước hôn nhân và một số yếu tố liên quan của sinh viên Đại	SV. Lưu Thị Kim Nhi SV. Lê Thị Bông		05/2020-05/2021	10	

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	học Huế năm 2020. Mã số: 30SV/20	SV. Nguyễn Thị Quỳnh Châu YHDP5B SV. Nguyễn Thị Thương YHDP4B				
21	Mô tả tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại một số xã phường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020. Mã số: 34SV/20	SV. Hồ Hoàng Nhi YTCC2		05/2020- 05/2021	10	
22	Khảo sát quan điểm của sinh viên Đại học Huế về hiến tạng năm 2020. Mã số: 35SV/20	SV. Đặng Nữ Uyên Trinh YTCC3		05/2020- 05/2021	10	
Đề tài KHCN cấp trường của Cán bộ năm 2021						
1	Thay đổi vi cấu trúc chất trắng ở bệnh nhân đau đầu chưa rõ nguyên nhân: nghiên cứu định lượng cộng hưởng từ khuếch tán DTI. Mã số: 03/21	ThS. Hoàng Ngọc Thành		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
2	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ cột sống cổ và một số yếu tố liên quan. Mã số: 04/21	BS. Hà Thị Hiền		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
3	Nghiên cứu ứng dụng phân loại EU-TIRADS trong chẩn đoán tổn thương dạng nốt tuyến giáp. Mã số: 05/21	BS. Hoàng Trung Hiếu		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
4	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh siêu âm, cộng hưởng từ mật tụy, chụp đường mật qua da trong tắc nghẽn đường mật. Mã số: 07/21	BS. Văn Nữ Thùy Linh		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
5	Nghiên cứu điều chế hạt nano vàng trong dịch chiết nấm linh chi (<i>Ganoderma lucidum</i>). Mã số: 09/21	CN. Nguyễn Vĩnh Phú		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
6	Phát triển thể quang học vi mô trong việc xây dựng số liệu hạt nhân cho vùng hạt nhân không bền. Mã số: 10/21	CN. Đỗ Quang Tâm		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
7	Nghiên cứu một số thành phần hóa học có hoạt tính chống oxy hóa trong cây Xuyên chi (<i>Bidens pilosa</i>) ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 11/21	CN. Lê Thị Mỹ Linh		06/2021- 06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Nghiên cứu sự hấp thụ quang-từ và các hiệu ứng cộng hưởng từ do từ trường trong siêu mạng bán dẫn. Mã số: 12/21	ThS. Võ Thị Tuyết Vi		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
9	Nghiên cứu bào chế gel sát khuẩn tay nhanh bổ sung chất dưỡng ẩm từ cây Lô hội <i>Aloe vera</i> . Mã số: 16/21	ThS. Trần Tiến		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
10	Nghiên cứu bào chế pellet chứa meloxicam tác dụng kéo dài. Mã số: 17/21	ThS. Nguyễn Hồng Trang		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
11	Khảo sát sự thay đổi thành phần tinh dầu trong quá trình chế biến trích rượu đương quy. Mã số: 18/21	ThS. Đoàn Thị Ái Nghĩa		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
12	Xây dựng và thẩm định quy trình xác định độ tinh khiết sắc ký các tạp B và C. Mã số: 19/21	ThS. Nguyễn Hữu Tiến		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
13	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của phần trên mặt đất cây Hẹ (<i>Allium tuberosum</i>). Mã số: 20/21	ThS. Nguyễn Khánh Thùy Linh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
14	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của Enzym lên hiệu suất chiết xuất tinh dầu từ cây Mãng tang <i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers. Mã số: 21/21	ThS. Đoàn Quốc Tuấn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
15	Nghiên cứu tác dụng sinh học in silico và in vitro của một số hợp chất phân lập từ một số loài thuộc chi Bù dẻ (<i>Uvaria L.</i>) - họ Na (<i>Annonaceae</i>). Mã số: 22/21	ThS. Lê Trọng Nhân		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
16	Sàng lọc in silico và đánh giá tác dụng sinh học trên in vitro của một số hợp chất phân lập từ cây Đậu dậu (<i>Pongamia pinnata L.</i>) - họ Đậu (<i>Fabaceae</i>). Mã số: 23/21	ThS. Trần Thị Thùy Linh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
17	Khảo sát mô hình bệnh da liễu nhi khoa tại Phòng khám Da liễu, bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế. Mã số: 26/21	BS. Võ Tường Thảo Vy		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
18	Tình hình đề kháng kháng sinh trên bệnh nhân viêm da cơ địa bội nhiễm tại phòng khám Da liễu Bệnh viện Đại học Y Dược	ThS. Lê Thị Cao Nguyên		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Huế. Mã số: 28/21					
19	Khảo sát kiến thức, thực hành và các yếu tố liên quan đến chăm sóc bàn chân ở bệnh nhân đái tháo đường điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 33/21	ThS. Dương Thị Ngọc Lan		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
20	Đánh giá năng lực nghiên cứu của sinh viên Điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến việc tiếp cận năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Điều dưỡng. Mã số: 34/21	ThS. Phạm Thị Thúy Vũ		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
21	Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ đối với bệnh sa sút trí tuệ của sinh viên Điều dưỡng. Mã số: 35/21	CN. Đặng Thị Thanh Phúc		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
22	Đánh giá kỹ năng tự định hướng học tập của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Huế và các yếu tố liên quan. Mã số: 36/21	CN. Nguyễn Thị Thu Thảo		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
23	Khảo sát các yếu tố liên quan đến trao đổi thông tin trong quá trình bàn giao người bệnh của điều dưỡng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 37/21	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
24	Kiến thức dự phòng và xử trí phản vệ của sinh viên điều dưỡng năm thứ 2 tại Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 38/21	ThS. Nguyễn Thị Minh Thành		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
25	Tìm hiểu nhận thức và sự hài lòng của sinh viên về phương pháp đóng vai trong đào tạo Điều dưỡng. Mã số: 40/21	ThS. Trần Thị Nguyệt		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
26	Xác định năng lực lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng và các yếu tố liên quan tại Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 41/21	CN. Trần Thị Hằng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
27	Thái độ của sinh viên Điều dưỡng đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời và các yếu tố liên quan. Mã số: 42/21	CN. Hồ Thị Mỹ Yến		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
28	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp giảm đau đa mô thức bằng sử dụng paracetamol	BSCKII. Trần Thị Thu Lành		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	tĩnh mạch ngắt quãng kết hợp ketorolac và morphin đường tĩnh mạch do bệnh nhân tự kiểm soát sau các phẫu thuật lớn trong ổ bụng qua nội soi. Mã số: 43/21					
29	Nghiên cứu hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của Norepinephrin trong gây tê tủy sống để phẫu thuật lấy thai. Mã số: 44/21	BSCKI. Bùi Thị Thương		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
30	Nghiên cứu giá trị tiên lượng của thang điểm FUNC trong tiên lượng bệnh nhân xuất huyết nội não. Mã số: 45/21	BS. Dương Phúc Thái		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
31	Giá trị thang điểm Heart trong tiên đoán nguy cơ tim mạch ở bệnh nhân đau ngực vào trung tâm Cấp cứu Đột quỵ - Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 46/21	ThS. Nguyễn Khánh Huy		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
32	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của hai liều Phenylephrin tiêm tĩnh mạch sau gây tê tủy sống để phẫu thuật lấy thai. Mã số: 47/21	TS. Lê Văn Tâm		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
33	Đánh giá kết quả xử lý xương trên xác đã ngâm formalin phục vụ giảng dạy giải phẫu học. Mã số: 49/21	ThS. Nguyễn Hoàng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
34	Nghiên cứu tỉ lệ nhiễm virus viêm gan B mạn tính trên sinh viên năm thứ 2 ngành Y khoa, Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế. Mã số: 51/21	ThS. Phan Thị Hằng Giang		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
35	Nghiên cứu khả năng tái sinh mô sụn khớp gối thỏ của màng fibrin giàu tiểu cầu. Mã số: 52/21	BS. Nguyễn Trần Bảo Song		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
36	Đánh giá độ ẩm và khả năng tái hấp thu nước của xương đông khô sau xử lý đông khô tại đơn vị Bảo quản Tế bào và Mô - Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 53/21	ThS. Nguyễn Phạm Phước Toàn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
37	Nghiên cứu xây dựng quy trình bảo quản mô trên thực nghiệm. Mã số: 54/21	ThS. Võ Thị Hạnh Thảo		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
38	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, nội soi và phân loại mô bệnh học polyp ống tiêu hóa. Mã số: 55/21	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
39	Đánh giá kết quả điều trị mộng thịt bằng phẫu thuật xoay hai vạt kết mạc. Mã số: 56/21	TS. Lê Viết Nhật Hưng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
40	Thể tích tiểu cầu trung bình (MPV) trong viêm phổi trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi. Mã số: 57/21	PGS. TS. Bùi Bình Bảo Sơn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
41	Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ tiêu chảy kéo dài ở trẻ em. Mã số: 58/21	PGS. TS. Nguyễn Thị Cự		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
42	Nghiên cứu tương quan của chỉ số huyết học và nồng độ CRP của máu cuống rốn và máu ngoại vi trong nhiễm khuẩn sơ sinh sớm ở trẻ sơ sinh non tháng. Mã số: 59/21	PGS. TS. Phan Hùng Việt		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
43	Nghiên cứu tình trạng thiếu máu ở trẻ sơ sinh bệnh lý giai đoạn sơ sinh sớm tại đơn vị Sơ sinh Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 61/21	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
44	Nghiên cứu vai trò của MPV, RDW và tỷ lệ bạch cầu neutro/lympho trong đánh giá và phân loại co giật do sốt ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi. Mã số: 66/21	ThS. Trần Vĩnh Phú		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
45	Đánh giá đáp ứng bạch cầu cấp dòng lympho ở trẻ em giai đoạn điều trị cảm ứng qua chỉ số bệnh tồn dư tối thiểu (MRD) bằng phương pháp đếm tế bào dòng chảy (Flow cytometry). Mã số: 67/21	ThS. Nguyễn Văn Tuy		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
46	Bước đầu đánh giá hiệu quả kỹ thuật theo dõi điện não - video liên tục (Continuous Video - EEG monitoring) trên bệnh nhân động kinh. Mã số: 69/21	PGS. TS. Nguyễn Đình Toàn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
47	Bước đầu đánh giá hiệu quả kỹ thuật tiêm Botulinum Toxin A trên bệnh nhân loạn trương lực cơ cục bộ. Mã số: 70/21	ThS. Nguyễn Duy Duẩn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
48	So sánh giá trị NT-pro BNP và tỷ số bạch cầu lymphocyte (NLR) trong tiên lượng ngắn hạn kết quả điều trị ở bệnh nhân suy tim mất bù cấp. Mã số: 71/21	BS. Đoàn Phạm Phước Long		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
49	Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật hẹp ống sống thắt lưng ở bệnh nhân lớn tuổi. Mã số: 73/21	BS. Nguyễn Vĩnh Lạc		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
50	Đánh giá hiệu quả can thiệp Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng tại bệnh viện kết hợp chương trình tập luyện tại nhà cho bệnh nhân đau vai tại Khoa Phục hồi chức năng Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 74/21	ThS. Tôn Thất Minh Đạt		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
51	Đánh giá tỷ lệ, độ trầm trọng và các yếu tố ảnh hưởng của tình trạng đau lưng và đau dai dẳng ở phụ nữ mang thai. Mã số: 75/21	ThS. Nguyễn Thị Vân Kiều		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
52	Đánh giá kết cục thai kỳ ở những thai phụ mang thai con so chuyển dạ sinh ở tuần thai thứ 39 so với nhóm thai phụ chuyển dạ sinh ở tuần thai 38, 40, 41, 42 tuần. Mã số: 77/21	TS. Nguyễn Trần Thảo Nguyên		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
53	Đánh giá mức độ xuất huyết tử tử cung bất thường ở phụ nữ trong độ tuổi sinh sản theo biểu đồ PBAC và các yếu tố liên quan. Mã số: 78/21	BS. Trần Doãn Tú		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
54	Nghiên cứu giá trị tiên lượng của thang điểm Tovbin trong chẩn đoán, xử trí rau cài răng lược. Mã số: 79/21	TS. Nguyễn Thị Kim Anh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
55	Khảo sát tình trạng nha chu ở bệnh nhân nam giới có hút thuốc lá đến khám tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 80/21	ThS. Châu Ngọc Phương Thanh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
56	Nghiên cứu tình trạng sai khớp cắn và nhu cầu điều trị chỉnh hình răng mặt của học sinh tiểu học tại hai trường tiểu học Vĩnh Ninh, Phú Mậu ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Mã số: 81/21	ThS. Nguyễn Ngọc Tâm Đan		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
57	Nghiên cứu nồng độ malondialdehyde và tỷ lệ kynurenine/tryptophan ở bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn 3-4. Mã số: 82/21	ThS. Trần Thị Tiên Xinh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
58	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm sinh hóa bằng công cụ six sigma và tỉ lệ chỉ số mục tiêu chất lượng. Mã số: 84/21	ThS. Phạm Thăng Long		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
59	Nghiên cứu mức độ biểu hiện của PD-L1 trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ. Mã số: 85/21	TS. Hoàng Thị Mai Thanh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
60	Đánh giá kết quả ban đầu phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần bằng mỡ tự thân. Mã số: 86/21	TS. Phan Hữu Ngọc Minh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
61	Đánh giá hiệu quả phương pháp tẩm gạc lạnh hồ mổ sau cắt amidan bằng dao điện đơn cực tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế. Mã số: 87/21	TS. Nguyễn Nguyễn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
62	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, chỉ điểm sinh học của sarcoma xương. Mã số: 91/21	TS. Hồ Xuân Dũng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
63	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bước đầu ung thư biểu mô tuyến vú xâm nhập ở phụ nữ lớn tuổi. Mã số: 92/21	ThS. Nguyễn Trần Thúc Huân		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
64	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố tiên lượng sống còn ở bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan. Mã số: 93/21	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chuyên		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
65	Khảo sát mối liên quan giữa điều kiện thời tiết và tính chất đau dựa theo thang điểm VAS và các tiêu chí Y học cổ truyền ở bệnh nhân thoái hóa khớp. Mã số: 96/21	ThS. Trần Nhật Minh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
66	Nghiên cứu bào chế sản phẩm từ lá cây Ngũ trảo (Vitex negundo L. - Verbenaceae) được sử dụng tại bệnh viện Y học cổ truyền Thừa Thiên Huế. Mã số: 97/21	BS. Lê Thị Minh Thảo		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
67	Khảo sát tần suất xuất hiện các chứng trạng, chứng hậu trên lâm sàng theo Y học cổ truyền ở bệnh nhân Hen phế quản. Mã số: 98/21	BS. Lê Thị Thu Thảo		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
68	Nghiên cứu giá trị và độ tin cậy của Bộ câu hỏi về hội chứng Khí huyết âm dương hư (Qi Blood Yin Yang Deficiency Pattern - QBYYDP) trên người cao tuổi. Mã số: 99/21	BS. Nguyễn Thị Kim Liên		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
69	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến các hội chứng theo Y học cổ truyền của tình trạng sức khỏe dưới mức tối ưu. Mã số: 100/21	ThS. Nguyễn Thị Hương Lam		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
70	Khảo sát hiểu biết, niềm tin và mức sẵn sàng chi trả cho vắc xin phòng Covid - 19 của người dân tại thành phố Huế. Mã số: 102/21	TS. Trần Bình Thắng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
71	Phân tích đặc điểm mô hình tử vong của tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 - 2020: Ứng dụng phần mềm quản lý thông tin DS – KHHGD. Mã số: 106/21	CN. Đặng Thị Thanh Nhã		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
72	Nghiên cứu kết quả thụ tinh trong ống nghiệm ở các trường hợp vô sinh có lạc tuyến trong cơ tử cung. Mã số: 107/21	PGS. TS. Lê Minh Tâm		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
73	Khảo sát kỳ vọng của người dân đối với dịch vụ khám chữa bệnh và các yếu tố liên quan tại Phòng khám Bác sĩ Gia đình, Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 108/21	BS. Nguyễn Thị Hòa		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
74	Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện tại Trung tâm Thông tin Thư viện Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế. Mã số: 109/21	CN. Trương Thị Cúc		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
75	Kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng muối ăn của người dân một số phường tại thành phố Huế. Mã số: 114/21	ThS. Trần Đăng Xuân Hà		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
76	Nghiên cứu phối hợp giá trị của thang điểm Child Turcotte Pugh - Creatinine và số lượng tiểu cầu trong tiên lượng bệnh xơ gan xuất huyết tiêu hóa do vỡ giãn tĩnh mạch. Mã số: 115/21	TS. Phan Trung Nam		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
77	Đánh giá công tác quản lý và giám sát các dự án hợp tác quốc tế của Trường Đại học Y - Dược Huế giai đoạn 2016-2021. Mã số: 116/21	CN. Phạm Thị Hợp Khánh		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
78	Đánh giá nhu cầu du học nước ngoài của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Y - Dược Huế trong thời kỳ dịch bệnh Covid - 19. Mã số: 117/21	CN. Hoàng Thị Thanh Nhạn		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
79	Xây dựng chuyên trang sinh viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Mã số: 118/21	CN. Phan Thanh Luân		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
80	Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Mã số: 120/21	TS. Nguyễn Văn Hùng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
81	Phân lập các loài nấm mốc sinh độc tố ở các loại hạt thực phẩm thu thập tại thành phố Huế năm 2021. Mã số: 121/21	TS. Ngô Thị Minh Châu		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
82	Sự hài lòng của sinh viên ngành Y khoa về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Mã số: 122/21	PGS. TS. Nguyễn Trường An		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
83	Khảo sát thực trạng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Mã số: 123/21	ThS. Phan Văn Phước		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
84	Khảo sát tính hợp lý và hiệu quả của quy trình thanh toán tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Mã số: 124/21	CN. Lê Thị Thu Hằng		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
85	Khảo sát khả năng ứng dụng chatbot đột quy trong phát hiện sớm đột quy. Mã số: 125/21	BS. Hồ Đắc Trường An		06/2021-06/2022		01 Bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước
Đề tài KHCN cấp trường của Sinh viên năm 2021						
1	Xây dựng phương pháp định lượng Flavonoid toàn phần trong lá Vối (<i>Cleistocalyx operculatus</i>) bằng quang phổ UV VIS. Mã số: 01SV/21	SV. Nguyễn Thị Hải Lưu Dược 4A		06/2021-06/2022		
2	Chăm sóc dự phòng loét ép ở bệnh nhân tai biến mạch máu não tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 02SV/21	SV. Trần Thị Mộng Lành ĐDLT2		06/2021-06/2022		
3	Thực trạng stress, lo âu, trầm cảm của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Huế và các yếu tố liên quan. Mã số: 03SV/21	SV. Nguyễn Thanh Thành Long ĐD2B		06/2021-06/2022		
4	Khảo sát chiến lược học tập của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Huế và các yếu tố liên quan. Mã số: 04SV/21	SV. Huỳnh Tô Tiến Dũng ĐD2A		06/2021-06/2022		
5	Nghiên cứu công tác chăm sóc Điều dưỡng trẻ bị đái tháo đường trẻ em tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế và Bệnh viện TW Huế. Mã số: 05SV/21	SV. Nguyễn Thị Thanh Tuyền ĐD3B		06/2021-06/2022		
6	Đánh giá thực trạng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên Điều dưỡng tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Mã số: 06SV/21	SV. Nguyễn Hoàng Long ĐD3B		06/2021-06/2022		
7	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chăm sóc người cao tuổi của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 07SV/21	SV. Đoàn Thị Nhã Phương ĐD3B		06/2021-06/2022		

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Giá trị tiên đoán của thể tích trung bình tiểu cầu trong dự báo nhiễm trùng huyết và tiên đoán bệnh nặng ở trẻ em. Mã số: 08SV/21	SV. Bùi Quang Sự SV. Nguyễn Khởi Quân SV. Võ Lương Tài SV. Trương Thị Diệp Anh SV. Lê Thị Vũ My SV. Trần Văn Lành		06/2021-06/2022		
9	So sánh giá trị dự báo của một số chỉ số hồng cầu trong chẩn đoán thiếu máu thiếu sắt trẻ em. Mã số: 09SV/21	SV. Nguyễn Xuân Hùng Anh SV. Trần Văn Điều SV. Đặng Công Nhuận SV. Đào Khước Minh Nguyên SV. Lê Võ Vĩnh Khải Y4D		06/2021-06/2022		
10	Giá trị của thể tích trung bình tiểu cầu trong phân biệt bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch với giảm tiểu cầu do giảm sản xuất ở trẻ em. Mã số: 10SV/21	SV. Nguyễn Thị Nhung SV. Lê Thị Trang SV. Phạm Thị Phương Thúy SV. Lê Thị Nguyên Thu SV. Trần Nguyễn Minh Thu Y4D		06/2021-06/2022		
11	Nghiên cứu khoảng QT kéo dài và mối liên quan với chức năng thất trái trên bệnh nhân tăng huyết áp. Mã số: 11SV/21	SV. Phạm Hải Dương Y3B SV. Nguyễn Anh Huy Y3B SV. Nguyễn Thị Hoài Y3C		06/2021-06/2022		
12	Nghiên cứu tình hình trầm cảm ở sản phụ trong thời kỳ hậu sản tại Bệnh viện Trung Ương Huế. Mã số: 13SV/21	SV. Ngô Thị Minh Thảo Y5E		06/2021-06/2022		
13	Ứng dụng phương pháp Six Sigma trong kiểm soát chất lượng của xét nghiệm bilan lipid máu và tính tỉ lệ chỉ số mục tiêu chất lượng. Mã số: 14SV/21	SV. Võ Đại Dương Xét nghiệm Y học 3B		06/2021-06/2022		
14	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng trên bệnh nhân ung thư phổi không phải tế bào nhỏ. Mã số: 15SV/21	SV. Phan Minh Trí SV. Đặng Văn Khánh SV. Hà Xuân Thùy Anh Y3G SV. Nguyễn Hải Quý Y3A SV. Nguyễn Ngọc Anh Thu Y3F		06/2021-06/2022		

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		SV. Nguyễn Thị Kim Ngân Y4D				
15	Nhận xét tình hình nghe kém ở trẻ em đến khám tại phòng khám Tai Mũi Họng, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 16SV/21	SV. Trần Nam Thịnh Y6E		06/2021-06/2022		
16	Nghiên cứu sự chậm trễ trong tiếp cận dịch vụ y tế ở bệnh nhân ung thư vú. Mã số: 17SV/21	SV. Phan Minh Trí Y3G SV. Nguyễn Thị Lan Anh RHM3A SV. Phan Thị Hạnh YHDP5A		06/2021-06/2022		
17	Nghiên cứu mong muốn của bệnh nhân ung thư khi thông báo tin xấu. Mã số: 18SV/21	SV. Phạm Tăng Trí Tuệ YHDP3A SV. Nguyễn Thị Thu Hường Y2D		06/2021-06/2022		
18	Tình hình sử dụng "dược thiện" để dự phòng và điều trị một số chứng bệnh ở sản phụ sau sinh tại bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 19SV/21	SV. Tôn Nữ Thị Bảo Uyên SV. Hồ Nguyễn Minh Như YHCT5A		06/2021-06/2022		
19	Khảo sát tình hình tập luyện dưỡng sinh của người dân trên 2 phường An Cựu và Phước Vĩnh thành phố Huế. Mã số: 20SV/21	SV. Nguyễn Thị Tuyết Mai YHCT6B SV. Hà Thị Út YHCT3A SV. Trần Văn Trọng YHCT3B SV. Lê Nguyễn Bảo Thi YHCT3B		06/2021-06/2022		
20	Khảo sát tỷ lệ và đặc điểm lâm sàng một số bệnh lý có thể bệnh phong hàn theo Y học cổ truyền. Mã số: 21SV/21	SV. Lê Thị Khánh Ly YHCT5B SV. Đỗ Nguyễn Hạnh Phước YHCT3A SV. Nguyễn Thị Hồng Hải YHCT3A		06/2021-06/2022		
21	Khảo sát thực trạng đau vai gáy và tần suất xuất hiện các chứng trạng theo Y học cổ truyền của sinh viên Trường Đại học Y Dược Huế. Mã số: 22SV/21	SV. Nguyễn Tuấn Linh YHCT5		06/2021-06/2022		

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
22	Tình hình hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại thành phố Huế. Mã số: 23SV/21	SV. Hồ Ngọc Hiền Nhơn SV. Phạm Công Hưng SV. Hoàng Thị Kim Cừu YTCC3		06/2021-06/2022		
23	Nghiên cứu hành vi sức khỏe, sức khỏe tâm trí và tìm hiểu một số yếu tố liên quan ở trẻ vị thành niên một số xã/phường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021. Mã số: 24SV/21	SV. Trần Thị Quỳnh Tâm YHDP4A		06/2021-06/2022		
24	Đánh giá sự sẵn sàng học tập trực tuyến và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế. Mã số: 25SV/21	SV. Phan Minh Trí Y4G		06/2021-06/2022		
25	Đánh giá kiến thức, thực hành về chế độ dinh dưỡng dành cho bệnh đái tháo đường của bệnh nhân đái tháo đường type 2 đang điều trị tại Bệnh viện Đại học Y - Dược Huế và Bệnh viện Giao thông vận tải Huế năm 2021. Mã số: 27SV/21	SV. Phạm Tăng Trí Tuệ YHDP4A SV. Lê Thị Mỹ Duyên YHDP4B SV. Trương Hồng Thương YHDP4B SV. Lê Thị Hồng Khánh YHDP5B SV. Phan Nguyễn Trà Linh YHDP5A SV. Nguyễn Thị Bích Thảo YHDP6A SV. Võ Ngọc Hồng Phúc YHDP6A		06/2021-06/2022		
26	Kiến thức, thái độ về rau an toàn và các yếu tố liên quan của sinh viên Đại học Huế năm 2021. Mã số: 28SV/21	SV. Phạm Thị Mỹ Duyên YHDP5B		06/2021-06/2022		
27	Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích trong lao động nông nghiệp của người dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021. Mã số: 29SV/21	SV. Trương Huỳnh Anh Khoa YHDP4A SV. Mai Ngân Giang YHDP4B SV. Nguyễn Đình Dũng YHDP4B		06/2021-06/2022		

Biểu mẫu 18. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
28	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành lây nhiễm bệnh Whitmore tại một số xã/phường tỉnh Thừa Thiên Huế	SV. Nguyễn Ngọc Tường VY YTCC3		06/2021- 06/2022		
29	Tình trạng dinh dưỡng và thói quen ăn uống của người cao tuổi tại thành phố Huế năm 2021. Mã số: 30SV/21	SV. Trần Thị Thu Diệu YHDP5B		06/2021- 06/2022		
30	Kiến thức, thực hành xử trí hóc dị vật đường thở của người dân thành phố Huế. Mã số: 31SV/21	SV.Võ Thị Mỹ Dung Y4G		06/2021- 06/2022		
31	Đánh giá kỹ thuật sinh ống mầm trong định danh nấm <i>Candida albicans</i> bằng các môi trường khác nhau. Mã số: 32SV/21	SV. Nguyễn Như Quỳnh CNXN 2A SV. Nguyễn Thị Phương Thảo CNXN2B		06/2021- 06/2022		
32	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán một số vật nuôi (trâu bò, chó) ở Thừa Thiên Huế và hiệu quả của biện pháp hấp khử nhiễm để dự phòng lây nhiễm giun sán trong phòng xét nghiệm. Mã số: 33SV/21	SV. Nguyễn Thị Mộng SV. Trần Thảo Nhi XNYH 2		06/2021- 06/2022		
33	Tỷ lệ viêm âm đạo và các yếu tố liên quan ở những phụ nữ đến khám tại tỉnh Quảng Trị. Mã số: 34SV/21	SV. Huỳnh Đức Vũ SV. Trần Lâm Thảo Ngân SV. Nguyễn Thị Xứng SV. Phan Thị Hạnh Nhân SV. Nguyễn Thu Thảo SV. Phạm Nhật Minh XNYH 3		06/2021- 06/2022		
34	Đánh giá tiêu bản nhuộm gram chẩn đoán một số tác nhân gây nhiễm khuẩn đường sinh dục. Mã số: 36SV/21	SV. Phạm Nhật Minh SV. Bùi Thị Hằng SV. Đinh Thị Mai Linh SV. Đặng Thị Hát XNYH 3		06/2021- 06/2022		
35	Khảo sát chỉ số PAPP-A và Free beta-hCG trong sàng lọc trước sinh Trisomy 21, 18, 13. Mã số: 38SV/21	SV. Phạm Thị Thắm XNHY3A		06/2021- 06/2022		

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục.

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Y Dược Huế, Đại học Huế	03/12/2016 Đến 07/12/2016	Tỷ lệ đạt các tiêu chí là 85,2%	Số 07/NQ-HĐKĐCL ngày 20/02/2017	Đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục	Số 26/QĐ-KĐCL 27/03/2017	27/03/2022
2	Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng (hệ CQ)	29/3/2019 đến 02/4/2019	Tỷ lệ đạt các tiêu chí là 86,0%	Số 07/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt chuẩn chất lượng Chương trình đào tạo	Số 391/QĐ-KĐCL 12/10/2019	12/10/2024
3	Chương trình đào tạo Cử nhân Y tế công cộng (hệ CQ)	29/3/2019 đến 02/4/2019	Tỷ lệ đạt các tiêu chí là 90,0%	Số 08/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt chuẩn chất lượng Chương trình đào tạo	Số 392/QĐ-KĐCL 12/10/2019	12/10/2024
4	Chương trình đào tạo ngành Dược học (hệ CQ)	29/3/2019 đến 02/4/2019	Tỷ lệ đạt các tiêu chí là 86,0%	Số 09/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt chuẩn chất lượng Chương trình đào tạo	Số 393/QĐ-KĐCL 12/10/2019	12/10/2024

Trưởng phòng
KHCN-HTQT

PGS.TS. Đặng Công Thuận

Phó phòng phụ trách
KT-BĐCLGD

ThS. Nguyễn Văn Thanh

Trưởng phòng
Đào tạo Đại học

PGS.TS. Nguyễn Trường An

GD phụ trách
TT TT-TV

ThS. Nguyễn Thị Bích Hằng

Trưởng phòng
Đào tạo Sau Đại học

TS. Phan Trung Nam

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 07 năm 2021

HIỆN TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy